

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Nguyễn Thụy Long (I)

#### Tiểu sử

Bút hiệu đầu tay: Lan Giao. Sinh ngày 9.8.1938 tại Hà Nội.

#### Tác phẩm

Loan mắt nhung - Vác gà Voi – Tay anh chị  
Vết thù - Bước giang hồ



(tranh Vũ Uyên Giang)

### Mục Lục

Tường niệm nhà văn Nguyễn Thụy Long - Nguyễn Mạnh Trinh – 2  
Chim trên ngọn cỏ khô - 5  
Nguyễn Thụy Long, chim trên ngọn khô – Ngô Nguyên Nghiễm – 12  
Thân phận ma trơi – 16  
Nguyễn Thụy Long : Thân phận ma trơi - 22  
Mối tình chung của con đĩ ngựa - 27

#### Phụ đính I:

(Nhà văn & Bằng hữu)

Tôi đi Không Quân – 32

(Dương Hùng Cường)

"Chú Tư Cầu" – 37

(Lê Xuyên)

Vĩnh biệt "ông Khai Trí" – 42

(Nguyễn Hùng Trương)

Ngày 30 tháng tư - 44

(Chu Tử)

#### Phụ đính II:

Người xây lò - Quasimodo – Hồn bút - Quán ốc  
Cái quần - Cái giường - Con chó Lu Bu

(Tìm bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

## Tưởng niệm nhà văn Nguyễn Thụy Long Nguyễn Mạnh Trinh

Có nhà văn đang viết dở cuốn tiểu thuyết về nơi mình đang sống, nhưng không phải là chốn dương thế mà là nơi âm cảnh, của những hồn ma. Ông viết trong cái bối cảnh của vùng đất mà xưa kia là trường bắn của bót Hàng Keo, nơi mà các oan hồn của những tử tù như không bao giờ siêu thoát. Tiểu thuyết ấy là “Vùng Mả Động” và tác giả cũng vừa rời dương thế ra đi là Nguyễn Thụy Long. Ông từ trần khi viết dang dở cuốn tiểu thuyết mà ông cho là đặc ý nhất của mình. Theo tiết lộ của Nguyễn Thụy Long, chỉ viết về chuyện những người sống người chết quanh nhà, cuốn tiểu thuyết đã lên cả mấy ngàn trang.

- Vùng Mả Động viết được bao nhiêu trang rồi?
- Mới viết chừng nửa truyện đã hơn ngàn trang
- Bao giờ hoàn tất?
- Chỉ cuối năm thôi
- Viết có đặc ý không?
- Rất đặc ý vì các nhân vật, vừa người cõi âm, vừa người cõi dương. Nhân vật nào cũng có nét riêng, không lẫn vào đâu được. “Đều” có, tử tế có, lưu manh có, vô học có, trí thức có... các nhân vật cứ quện vào nhau sống, “chửi bỗ” nhau, yêu thương” nhau...”

Nhà văn Nam đã viết đoạn văn trên cùng với những câu thơ khóc bạn như:

“chia tay nhau lũ người lặn đận  
nhìn nhau buồn chẳng nói năng chi  
cùng một kiếp thương vay khóc mượn  
được thua gì rồi cũng phải đi  
cuộc thế trăm năm là vậy đó  
khóc cười ư cũng chuyện thường tình...”

Có người nói Nguyễn Thụy Long là một nhà văn đóng vai trò chứng nhân của một thời thế đặc biệt của lịch sử. Mà số phận của người chứng ấy dường như có nhiều bất hạnh. Trước năm 1975, vì thời cuộc, bị bỏ tù vì làm công việc của một người lính KQ trực phi đạo giúp cho chiếc phi cơ chở những người lãnh đạo cuộc đảo chính ngày 11 tháng 11 năm 1960 đào tẩu, cũng là một số phận bất hạnh. Làm văn, làm báo trong một thời kỳ đầy bão lửa, trải qua bao nhiêu cuộc đổi dời để kết cuộc làm một người hứng chịu tất cả những nghiệt ngã của cuộc sống của một thời kỳ xã hội xuống cấp trầm trọng nhất của lịch sử Việt Nam, lại là một số phận bất hạnh khác. Sau năm 1975, bị đầy ải, giam cầm, rồi viết văn, để trang trải tâm sự, mà không đăng tải được ở nơi chốn mình đang sống mà phải lén đưa ra nước ngoài để phổ biến, hầu như bất chấp hệ thống đê nẹt công an trị, lại cũng là một số phận bất hạnh, của những tâm tình bất đắc chí, của những nỗi niềm dấn vặt của người bị đẩy vào cùng đường tuyệt lộ...

Nguyễn Thụy Long là một trong những nhà văn của hai mươi năm văn học miền Nam bị chế độ mới ghép vào tội biệt kích văn nghệ. Những đám viết văn Cộng sản nằm vùng như Lữ Phương, như Vũ Hạnh, như Nguyễn Trọng Văn,... đã thẳng tay tố giác để lập công hầu thi hành chính sách xóa bỏ nền văn học miền Nam. V , một tay đao phủ thủ khác, viết cuốn “ Văn Hóa Văn nghệ Nam Việt Nam 1954-1975”, là Trần Trọng Đăng Đàn, lại là em vợ của nhà văn Nguyễn Thụy Long. Trong Hồi Ký Viết Trên Gác Bút, ông kể:

“...Một cậu em vợ tôi nằm ăn dầm nằm dề ở nhà tôi.” Tự nhiên “như người Hà Nội”. Nghiên cứu, ghi chép cả một tủ sách vĩ đại trong nhà. Trong đó có cả mấy chục tác phẩm của tôi đã xuất bản và của bạn bè đồng nghiệp viết trong nhiều năm. Cậu ta nói, cậu là người tập tành làm văn hóa cần nghiên cứu làm luận án tiến sĩ văn hóa miền Nam thời tạm chiếm.

Ngày nhà nước phát động phong trào diệt văn hóa đồi trụy, phản động, tử sách nhà tôi bị dọn sạch, lớp lấy đi, lớp bị thiêu hủy. Chiến dịch ấy vẫn chưa chấm dứt.

Sau này một số tác phẩm của tôi và bạn bè thấy trưng bày chung với súng đạn, xe tăng, máy chém ở nhà Trưng Bày Tội Ác Mỹ Ngụy. Cũng thời gian ấy, đại tác phẩm “Vạch mặt những tên biệt kích văn nghệ” luận án dọn thi bằng tiến sĩ của cậu em vợ tôi ra đời. Trong đó có nhiều tác phẩm mang tên tôi và bạn bè làm nghề viết văn ở miền Nam. Tác phẩm bị mổ xẻ, vạch vôi thẩm tra và giống như lời lấy khẩu cung tội phạm. Ngài tiến sĩ được phong vị giáo sư. Đơn giản thể thôi, như một quả đạn pháo kích rơi nổ vào giữa đám máu thịt bầy nhầy...”

Thời tiền chiến, nhà thơ Nguyễn Vỹ đã cảm khái “Nhà văn An Nam khổ như chó !!”. Nhà thơ Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu, nhà văn Vũ Trọng Phụng, ... cũng đã nhiều lần than thở về cái túng cùng, cái kiệt xác của nghề cầm bút. Thời Cộng Sản, những Quang Dũng, Trần Dần, Phùng Quán, Nguyễn Hữu Đang, ... vì cái nhục nhằn của nghiệp văn chương mà cả gia đình suốt đời mịt mù với sự khốn khó. Hình như, chuyện văn chương không hợp với kẻ sang giàu...

Huống chi, với Nguyễn Thụy Long, một người cầm bút bị ghi tên vào sổ đen văn nghệ, thì đời sống lại càng thê thảm hơn. Là một nhà văn nổi tiếng của văn học miền Nam trước 1975 đã in chừng hai mươi tác phẩm, ông là một mục tiêu dòm ngó của chế độ mới. Giáo sư Nguyễn Văn Trung của Đại Học Văn Khoa cũ, trong tập hồi ký “ Nhìn lại những chặng đường đã qua “ đã viết về trường hợp tác giả “ Loạn Mắt Nhung”:

“...Ông Nguyễn Linh, Phó giám đốc nhà xuất bản Sự Thật có kể cho tôi hồi 1975, ông là cán bộ của Tuyên huấn Trung Ương vào miền Nam tiếp thu về văn hóa. Ông rất phục Nguyễn Thụy Long và ca tụng quyển truyện “Loạn Mắt Nhung” của tác giả. Ông hỏi tôi đã đọc chưa, tôi nói chưa vì thực ra ở miền Nam trước đây không thể đọc, biết hết những sáng tác vì rất đa dạng, riêng Nguyễn Thụy Long tôi có nghe tiếng nhưng chưa đọc. Ông khuyên tôi nên đọc. Ông trở ra Hà Nội, gặp ông Tố Hữu, đưa cho ông đọc và xin ý kiến. Gặp lại ông Tố Hữu, ông Tố Hữu có nói với ông :”miền Bắc đã không thể có người viết văn như thế này...” Đánh giá trong nội bộ thi như vậy, nhưng một cách công khai, chính thức vẫn kết án, vùi dập. Hầu như toàn bộ nền văn học miền Nam kể như không có. Và những người như Nguyễn Thụy Long trở thành những kẻ sống bên lề xã hội, thò xe chờ củi từ Long Thành về Sài Gòn bán kiếm sống. Tại sao? Bất lực vì sức ỳ, vô ngã của thể chế guồng máy hay vì say mê quyền lực? Xin để những người có trách nhiệm như Tố Hữu, Nguyễn Linh... trả lời.”

Nguyễn Thụy Long đã viết những tác phẩm như Giữa Đêm Trường, như Thuở mơ làm văn sĩ, như Hồi ký viết trên gác bút, như Thân phận ma trời, ... là những tác phẩm hiện thực một đời sống thực của một nhà văn bị cuốn lôi trong cơn lốc nghiệt ngã của lịch sử.

Đó là những thiên hồi ký của một người cầm bút rất yêu nghề nghiệp của mình nhưng phải đành gác bút. Đó có phải là chứng từ của một thời đại Việt Nam đặc biệt đầy biến cố.

Tác giả đã viết bằng cái tâm sự chất chứa từ những ngày tháng thẳm sau ngày tháng tư năm 1975. Tại ương đồ ập xuống cả một dân tộc, tiêu hủy tất cả những gì đã gầy dựng được để quốc gia, dân tộc bị phá sản đến tột cùng. Tác phẩm của ông là dòng chữ của niềm u uất khôn nguôi. Con người đành xuôi tay cam chịu, và cuộc sống với cái đói, cái nghèo vây bọc đã có bộ mặt của một nơi địa ngục.

“Viết hồi ký, viết hoài về chuyện chết chóc, sự khốn khổ của kiếp người, chính người viết cũng thấy nản. Nhưng làm sao được, vì chính những người nằm xuống đó là chỗ thân tình của tác giả, anh em, bạn bè, hoặc là người mà tác giả ngưỡng mộ, một nhà văn, một nhà báo, một thi sĩ nào đó. Tôi nghĩ cũng là chuyện thường thôi, không oán trời trách đất gì hết, hay đổ lỗi cho ai. Con người ta chẳng qua có một số mạng, trời cho sướng thì được sướng, trời bắt khổ thì phải khổ mà thôi. Như một lần nhà văn Lê Xuyên đã nói với tôi...”

Tác giả luôn luôn nghĩ tới bạn bè, những người cùng phải chia sẻ và gánh chịu với nhau những làm than cơ cực của kiếp nhân sinh., của những người sinh làm thế kỷ. Còn gì đau đớn cho bằng phải giả ngu giả dại để cho qua ngày tháng Có tai có mất mà như người điếc người mù .

Tâm sự thì ngút ngàn mà bút mực thì đã thành đồ quốc cấm. Tù tội , đầy ải cũng vì nghiệp văn chương. Trang giấy trắng mở ra, hàng hàng tâm tư, nhưng bàn tay cầm bút như bị cùm giữ lại. Đời sống này, phải học chữ nhẩn nhục, nhưng như thế sống để làm gì. Ai đã trải qua những cảnh hỗn mang. ? Ai đã chua xót đi qua con đường gai nhọn ? Có phải là Tú Kếu Trần Đức Uyển, là Trần Lê Nguyễn, là Ly Phậ Sơn, là Dương Hùng Cường, là Hoàng Vĩnh Lộc, là Minh Đăng Khánh, là Uyên Thao, là Lê Xuyên,...??? Thời đại này, là thời quỹ dữ ngự trị, là những chuyện vô lý nhất cũng có thể diễn ra. Những cuộc đời ở tận cùng của đêm tối. Cổ mạch hàn phong cộng nhất nhân. tất cả gió bão đều quật vào một người để thâm kịch cứ dài ra đến khi nhắm mắt.

Chúng ta hãy nghe Nguyễn Thụy Long và chuyện kể về Trần Lê Nguyễn:

*“...mấy năm sau tôi nghe Trần Lê Nguyễn bị bệnh. Bệnh tai biến mạch máu não như tôi đã từng bị. Anh đau khổ hơn vì bị bán thân bất toại, nói năng ngọng nghịu Vợ anh Nguyễn phải làm thông ngôn mỗi khi đi đâu hay có người tới thăm.. Có hôm tôi với Tú Kếu đang ngồi ở quán báo của Nguyễn Kinh Châu ở đường Bà Huyện Thanh Quan thì Trần Lê Nguyễn đi xích lô đến. Anh nói chuyện với chúng tôi mà chúng tôi chẳng nghe được câu nào. Anh bị ngọng quá sức rồi. Một lần khác anh đi xích lô đến nhà Tú Kếu, bà vợ đi cùng, hôm ấy tôi cũng có mặt. Chị Nguyễn phải thông ngôn chúng tôi mới hiểu được. Nội dung anh hỏi nhà Tú Kếu còn tranh không, nếu bán thì anh mua. Trời đất, anh cần còn nghĩ đến chuyện ấy ,chuyện nghệ thuật mà anh đam mê từ mấy chục năm trước, thưở lêu bêu chợ trời. Buôn bán mà không bao giờ có lời, bán một tác phẩm mình mua được tiếc đứt ruột. Con người Trần Lê Nguyễn thế đó.”*

Cám cảnh bạn nhìn lại thân phận mình, Nguyễn Thụy Long kể chuyện Chú Tư Cầu Lê Xuyên, buồn rầu, cảm khái và chia sẻ:

*“Nhìn cái quây thuốc lá cũ rích, long đinh, tróc sơn thắp lè tè của Lê Xuyên, tôi lại lo lắng cho anh trong trận mưa chiều ngày 9 tháng 11 vừa qua nhiều con đường ngập lụt, hàng hóa chợ Bình Tây bị nước úng hư hỏng thiệt hại bạc tỉ. Lê Xuyên cũng chỉ cười. Anh cố ép tôi hút một điếu thuốc Con Mèo. Trong câu chuyện của anh, tôi rút ra được có một câu:” Tớ suy sụp toàn diện rồi “. Tôi cũng được biết hoàn cảnh gia đình anh, bà vợ bị mắc bệnh hiểm nghèo từ mấy năm nay, một đứa con gái của anh đã chết vì ung thư bỏ lại hai đứa con và cái quây thuốc lá này cho anh, anh là ông ngoại của chúng. Tôi hỏi về sự học của hai đứa cháu mồ côi, anh có vẻ ngạc nhiên. Qua câu nói của anh, tôi biết anh không đủ sức nuôi hai cháu ăn học Một quây bán thuốc lá lẻ như vậy ở đầu đường kiếm chác được bao nhiêu ,nuôi bao nhiêu miệng ăn, đã thế lại phải lo thuốc thang cho người bệnh. Tôi cũng đang một nhọc vì còn ba đứa con đi học nên rất đồng cảm với anh...”*

Và chuyện nhà thơ Bùi Giáng, một người điên nhưng lại tự nhận mình tỉnh nhất thế gian. Ông cọt dừa với bạo lực, đã tạo ra biết bao nhiêu giai thoại về một thời đại quá nhiều bi thảm:

*“Ông thi sĩ Bùi Giáng lại đâm đầu vào chuyện oan nghiệt ấy., không hề sợ hãi, phom phom nhận mình là sĩ quan quân đội chế độ cũ, sĩ quan cao cấp kia, từng có “ nợ máu với nhân dân”, bây giờ “ ngã ngựa” rồi xin được đi học tập cải tạo để được trở thành người tốt đủ tư cách xây dựng đất nước đẹp bằng mười ngày xưa.*

*Ông lang thang khắp các chợ trời, trên người đeo linh kinh đủ các thứ đồ.*

*Có hôm ông đeo cả mấy chục cái lon đồ hộp trên người. Ông nói ông là người có nhiều “lon” nhất trên đời vậy mà ông vẫn yên ổn.*

*Có hôm ông vào chợ cá Trần Quốc Toàn, khi ấy trở thành chợ xe đạp. Ông “thó” một cái ghi đông xe cũ rích, rồi bỏ đi, người ta la lên ông ăn cắp.*

*Ông trả lại liền, cầu nhàu :*

*Mẹ tui bay, bị mất tất cả mà phải cầm, tau chỉ ăn cắp cái ghi đông mà la rầm trời, có kẻ đang ăn cắp đấy.. làm gì nó nào ?*

*Ai mà chấp một người điên, khi biết người đó là thi sĩ Bùi Giáng. Hình ảnh Bùi Giáng trở thành quá quen thuộc với thị dân kể cả những người mới giữ gìn trật tự trong thành phố này...”*

Tác giả còn kể về nhiều người văn nghệ sĩ khác. Như Lý Hoàng Phong, như Nguyễn Đình Toàn, như Uyên Thao, như Duy Trác, như vợ chồng Hồ Thành Đức Bé Ký,... Mỗi người mỗi vẻ nhưng hình như tất cả chung nhau nỗi niềm mà thi sĩ Vũ hoàng Chương đã viết “ lũ chúng ta đầu thai làm thế kỷ...”

Đọc xong những trang sách, rồi giờ những tấm bìa sau của một loạt những tác phẩm trước mặt tôi đọc những dòng chữ, một cảm giác nghe như ê chề, nghe như xót xa chột có. Chẳng lẽ, cuộc đời chỉ toàn một màu đen tối thẫm như thế sao? Văn chương có phải chỉ là những bi quan than thở? Không, nhà văn vẫn “vịn vào thơ và đứng dậy “ như Nguyễn Thụy Long đã viết : “ Tôi phải sống, tôi từng tự chúc cho tôi năm Mậu Dần được sống lâu trăm tuổi để làm nốt những gì còn dở dang hay chưa làm được. Khi tôi chết tôi được nhắm mắt, không trừng mắt nhìn cõi hư vô như người bệnh mới qua đời nằm bên cạnh giường bệnh tôi. Tôi sẽ ra khỏi đây để về căn gác bút, ngồi vào bàn viết làm việc thâu đêm suốt sáng như thuở nào. Bạn hãy nắm lấy bàn tay tôi đi, những ngón tay này còn cầm nổi cây bút mà. Đề tài cho nhà văn khai thác thì mệnh mông vô tận. Quanh tôi có bạn bè bằng hữu kia mà...Xin cho tôi cảm ơn đời...”

Có phải như câu thơ Phùng Quán “ Bút mực tôi ai cướp giật đi. Tôi sẽ khắc thơ tôi vào đá...” Có người viết báo phê bình về những nhận xét có phần phần uất của tác giả Loạn Mắt Nhung, Kinh Nước Đen,.. về những bất toàn của xã hội miền Nam như những tệ nạn tham nhũng, hoặc nhắc đến chế độ Ngô Đình Diệm với những chề bai nặng nề như một chế độ độc tài gia đình trị. Nhưng theo tôi, những câu văn đầy chủ quan như thế chỉ là một phần rất ít trong tổng số tác phẩm của ông. Có thể, ông bị tù oan khi làm lính KQ thi hành nhiệm vụ của mình nên có ác cảm với chế độ ấy?

Tôi đọc Nguyễn Thụy Long, những Loạn Mắt Nhung, Kinh Nước Đen, Ven Đô,.. thời trước 1975 hay những tác phẩm sau này được in ở hải ngoại vẫn hình dung ra được một nhà văn đã mang nghiệp cầm bút nặng nề cho đến cuối đời.

Hay, đọc trần Trọng Đăng Đàn, với một cuốn sách đầy chất độc ác, để thấy những bản cáo trạng của chế độ mới gài lên những tên tuổi của hai mươi năm văn học lừng lẫy. Tên văn nô đóng vai đao phủ của chế độ mới đã phê phán với cung cách một chiều hãnh tiến về những Tuổi Nước Độc của Dương Nghiễm Mậu, Hồ Thùy Dương của Doãn Quốc Sỹ, Vách Đá Cheo Leo và Giác Ngủ Chập Chờn của Nhật Tiến, Ngựa Chứng Trong Sân Trường của Duyên Anh, Ven Đô, của Nguyễn Thụy Long,... với mưu định là xóa sạch, xóa hết di sản văn học ấy. Nhưng xem ra, tới bây giờ, mưu định ấy rõ ràng đã thất bại...

Với tôi, Nguyễn Thụy Long (1938-2009) là một nhà văn mà có lẽ trong văn chương bất hạnh tràn đầy và hạnh phúc nhỏ nhoi. Văn chương của ông không có chất làm dáng , không triết lý vụn với đời sống, mà ở một phản ánh nào đó của cuộc sống không phải chỉ riêng ông. Ông viết cho những người cùng chung thời đại .Viết và mô tả hiện thực, để trong con chữ có sự sống , có nhịp đập của trái tim và tiếng thở của bờ ngực, để cảm xúc và suy tư của tim và óc hòa nhịp cùng nhau. Ông viết về cuộc đời của một chứng nhân, của chính cá nhân mình, có phải là để trong cố gắng nhìn từ góc cạnh mình một toàn cảnh thời thế, của những người Việt Nam mà tia rọi nhấp nhen của hoàng hôn nhiều hơn là ánh nắng tươi hồng của bình minh?

## Chim trên ngọn cỏ khô

Nắng tắt sớm vì những đụn mây đen kéo về phủ kín bầu trời. Gió lạnh không khí bỗng trở nên oi bức lạ thường. Một trận mưa có thể thành linh ập xuống.

Trên những cành cây sao trụ lá, hàng chục con chim kèn kèn đứng củ rũ nhìn xuống khu nhà xác, cây khô héo vì đã chết lâu ngày. Bao nhiêu năm nay dân ở quanh khu nhà xác không thấy cây mọc lá. Có người nói hồi bốn lăm, khu này bị bom, cây cháy và chết khô luôn từ đó. Cây quá cao, nặng, đất lại mềm, người ta khám phá ra nhiều đường nứt phát xuất từ gốc cây. Một đạo dân quanh nhà xác la hoảng vì sợ cây đổ đè xập nhà. Người có trách nhiệm viết bài nhờ đăng báo kêu gọi bộ Công Chánh tới triệt hạ cây. Nhưng bài báo đó không gây nổi tiếng vang, mắt nhắm như viên sỏi ném xuống ao. Riết roi không ai để ý đến việc đó nữa. Cây chết vẫn đứng trơ, cành khô vươn ra bốn phía như những cánh tay xương. Và những con chim kèn kèn, có lẽ là chim cùng loại, không biết từ đâu bay tới đậu đầy trên những nhánh cao. Mỗi con đứng riêng rẽ một cành, chúng bất động, chỉ khi nào cửa nhà xác mở, xác chết mang vào hoặc khiêng ra mới làm chúng kêu lên quang quác, cánh vỗ phạch phạch, tung mình bay lượn vòng tròn trên khu nhà xác. Chúng xà thấp, lướt trên xác chết. Đôi cánh chúng quạt mạnh làm mát mặt người. Gã lao công coi nhà xác lại ngẩng lên chửi:

- Đ. M. tụi bay, bộ thêm lăm sao, tao mà có quyền tao cho tụi bay tuốt luốt, đỡ chặt đất chôn.

Chiều hôm nay những con chim đậu bất động, chỉ riêng cái cổ ngó ngoáy nhìn bốn phía. Mùi hôi khăm khăm từ khu nhà xác xông ra, tỏa khắp một vùng. Chiều hôm qua hai chuyến xe nhà binh vừa đổ xuống ngót sáu chục xác chết đã thối, những xác chết đó được bao kín trong bọc ni lông, vậy mà mùi hôi vẫn xì ra.

Ban đêm xóm nhà xác vang động tiếng búa, tiếng đục, tiếng cưa. Họ phải hoàn thành gấp hàng áo quan. Công nhân đào huyệt làm việc luôn tay, rảnh tay kéo nhau ra quán cóc ngồi nhậu để lai rai. Nửa đêm lão già coi nhà xác cầm xì rượu ngất ngưỡng đi ra. Lão say mềm, lão hát líu lo, lão nhẩy nhót băng qua những nắm mồ mới nhấp nhô, như bóng quỷ. Những con chim to xác đậu trên cành cây cao thấy động vỗ cánh phành phạch và kêu quang quác. Tiếng kêu lạnh lẽo khô khan. Chúng tung mình bay lượn trên nền trời tối đen, xà thấp, có lúc như muốn bổ nhào xuống đầu lão già. Lão vung tit chiếc chai không, chửi bới om xòm: Mẹ cha tụi bay, còn lâu các con mới được đớp, xéo đi nơi khác kiếm ăn, ở đây có mà hít hơi thối thối các con ạ. Để xác chết cho tụi bay thanh toán thì dân vùng này chết đói ráo trời sao?

Những cánh chim dang rộng, đen, lao bổ xuống đầu lão già, chúng không mổ vào đầu lão, không tấn công mà chỉ làm lão mát mặt. Lão già cười sằng sặc:

- A ha, mát quá! Mát quá! Quạt nữa đi các con để bố già ngủ.

Lão lăn ỉnh ra sàn gạch bông hàng hiên nhà xác, tu để ừng ực. Một lát sau lão ngáy pho pho. Đàn chim vẫn bay lượn, chúng đậu trên nóc nhà xác hít hơi, vỗ cánh phành phạch.

Nửa đêm lão già bỗng kêu rú lên, ôm lấy mặt.

Đôi cánh đen trùm nửa người lão, chiếc mỏ khoằm của con chim vừa xả vào mặt lão, trúng ngay con mắt. Lão hét lên, chống trả kịch liệt. Con chim bay lên. Lão ôm mặt, lao mình vào bóng tối, chạy xuyên qua nghĩa địa vào xóm. Lão kêu la rầm rĩ làm cả xóm thức giấc. Họ bật đèn sáng, mở toang cửa nhìn ra. Lão già điên cuồng:

- Chết tôi rồi, bà con ơi!

Một người đàn ông tung cửa chạy ra, ôm lấy lão rồi rít:

- Gì đó, bác Sáu?

Gã giằng tay bịt mắt lão ra:

- Trời ơi, máu? Sao vậy?

Lão già giẫy đành đạch:

- Chết tao rồi, chim, những con chim mổ lòi tròng tao. Khốn nạn, bất nhơn, tụi nó tưởng tao là xác chết.

Thêm ba người đàn ông từ xưởng hòm chạy ra ôm lấy lão. Khi đó máu ở mặt lão chảy chan hòa. Lỗ mắt mắt tròng sâu hoắm.

Họ dìu lão vào nhà, đặt nằm trên đi văng:

- Phải cấp cứu ngay!

- Mẹ, mắt trợn tròn mắt, mày mới bị một bên. Một người đàn bà cầm khăn vừa lau máu cho lão vừa đắp lên mắt. Lão rên rĩ. Sáu cánh tay trần, cứng như thép dần lão xuống mới giữ nổi. Lão quần quai, giấy đập kêu la, đập chân thỉnh thoảng trên đi văng, làm náo động cả xóm.

Y tá Chín trong xóm xách thùng thuốc cấp cứu chạy đến, rẽ đám đông bu cửa, vào nhà:

- Các người dang ra để tôi coi.

Gã mở thùng thuốc lấy bông gòn tẩm an côn, lau rửa, đắp lên mắt. Lão già xót, giấy lên đành đập. Y tá Chín hét ra lệnh:

- Nằm yên để người ta băng cho, phải sát trùng chớ. Anh em giữ chặt cho tôi, còn phải chích thuốc cầm máu, thuốc giảm đau.

Lão thầy cúng kiêm thầy pháp trong xóm cũng có mặt. Lão ngó qua cửa, lắc đầu:

- Thánh thần ơi! Bọn chim này lộng quá rồi, mới hôm qua chúng nó xơi tái con chó nhà Hai Thọ. Riết rồi chúng làm luôn cả người sống, nhà nào có con nít phải coi chừng...

Y tá Chín băng mắt và chùi máu cho nạn nhân xong, nói với bà con lối xóm đang bu quanh:

- Phải mang bác Sáu đi nhà thương gấp.

Một người cãi:

- Mang sao được giờ này, khoan chờ một giờ nữa, hết giới nghiêm.

- Ủi thôi cũng được, vô nhà thương họ cũng chỉ làm như tôi vậy thôi. Để chả nằm nghỉ ít phút không hại gì.

Thầy giáo Lươn nhìn ra ngoài cửa, hướng lên phía ngọn cây sao chìm trong bóng tối chặc lưỡi:

- Chà, phải tìm cách diệt bọn này, chúng lộng quá rồi.

Y tá Chín ngồi xuống đi văng an ủi nạn nhân. Nạn nhân vẫn quần quai rên rĩ, chửi lảm nhảm.

Anh Bầy Xê ra cửa nạt đám người hiếu kỳ:

- Các người về chớ, đứng xem gì đây, liệu mà giữ lấy thân.

Đám đông từ từ rút lui, họ sát vào nhau, nhìn lên cây cao bàn tán về những con chim quái ác và tai nạn vừa xảy ra cho bác Sáu coi nhà xác.

Đêm vẫn còn tối đen.

\*\*\*

Buổi tối, các đạo tì, âm công, thợ đóng áo quan rảnh rang kéo nhau ra quán nhậu lai rai ba sơi. Quán ở đầu hẻm, chuyên bán đế và rượu rum Vĩnh Sanh Hòa. Món bia ở đây coi như đồ bỏ, vì không ai thèm uống. Dân nhậu toàn là những tay có thể tu nguyên xỉ để một hơi mà vẫn ngồi tỉnh. Qua hết nguyên lít người say mặt tím ngắt lại rồi từ từ đổ xuống, không một tiếng la lối hay phá phách. Đồ nhậu phổ thông nhất vẫn là món canh chua lươn, trộn rau chuối và phi hành thơm ngậy, món canh có thể ăn với bún no bụng.

Anh Bầy Lươn Um chủ quán là một người đàn ông đứng tuổi, tóc hoa râm, tối ngày ở trần, cái quần đùi đen rộng thùng thình ngấn ngang đầu gối, khăn rằn ri vắt vai, mặt và người đỏ như mặt gà chọi. Miệng luôn luôn phì phà cái ống dót tiện bằng xương beo lên nước vàng. Tay anh cầm cái ly cối đầy rượu Vĩnh Sanh Hòa đi từ bàn này sang bàn khác. Bọn khách nhậu là người trong xóm, như có bản phận, mỗi tối đều đến, mỗi lúc một đông. Họ bận quần áo đen, có sọc trắng, những chiếc kết đội đầu cũng màu đen, huy hiệu kim tuyến thêu hoa lá cành. Họ lột mũ ra liệng chúng ở một cái bàn trống. Hai Thọ, một gã trong bọn lên tiếng:

- Anh Bầy à, sửa soạn đồ nhậu cho nhiều nghen. Hôm nay anh trúng mồi đa.

Bầy Lươn Um khật khưỡng đi ra:

- Nhấp nháy mà các cha, có chuyện gì đó?

- À, vụ cha Sáu nhà xác và mấy con chim.

- Ủa, mấy con chim, mấy con ác điểu.

Nói xong Bầy Lươn Um ngửa cổ nốc một hơi cạn gần nửa ly cối Vĩnh Sanh Hòa. Đám âm công, đạo tì nhao nhao mời:

- Anh Bầy ngồi luôn đây nhậu với bọn này cho vui.

Bầy Lươn Um khà một cái:

- Ấy cái đó hông được, tôi mà không để mắt vào mấy món nhậu ở nhà bếp là hư hết ráo.

Từ bao nhiêu năm nay, chưa có một khách hàng nào mời được Bầy Lươn Um ngồi chung bàn. Anh luôn luôn tìm cách này hay cách khác từ chối. Khách hàng thì không nghĩ thế, họ cho rằng anh coi thường lượng nhậu của họ. Bầy Lươn Um cầm ly cối, luôn luôn châm đầy, trong khi khách hàng ngã như chuối thì anh vẫn tỉnh khô, vẫn cười khà khà ngồi ở một góc bàn trống, lâu lâu góp một lời vô hại. Anh chưa từng chê bai tửu lượng khách nhậu. Anh im lặng, nhũn nhặn, chính điều đó làm các bọm nhậu trong xóm tức ói mật. Có người ngầm so tài với anh bằng cách ngầm uống đua cùng lúc Bầy Lươn Um cầm ly cối đầu tiên trong ngày. Họ ngồi từ sáng đến tối, khi Bầy Lươn Um buông ly vào dọn dẹp, khách ra về vừa bước chân ra cửa là khụy xuống hôn mê bất tỉnh. Bầy Lươn Um mỉm cười ra đờ địch thủ điều về nhà. Trong cơn say, địch thủ bèn phun ra hết ý nghĩ của mình và tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Bầy Lươn Um nghe nói vậy vẫn chẳng có một lời nào, anh chỉ mỉm cười. Nụ cười đó như ngầm bảo với địch thủ: "Còn khuya con mới theo kịp bố già, bận sau đừng có đại đột thế nghe con".

Mười mấy năm qua vẫn chưa có kẻ nào đánh gục được Bầy Lươn Um bằng rượu. Bầy Lươn Um có cái đực của kẻ uống rượu. Không còn một ai dám thách thức nữa. Bầy Lươn Um vẫn ngồi riêng rẽ một ghé. Khách hàng muốn giữ tiếng của mình là tay chơi, tửu lượng cao, chỉ còn một cách tán nhảm, tào lao cho hết giờ. Không nói bậy và khi say chịu hết nổi chỉ ngã âm thầm. Họ ngán nụ cười kiêu ngạo của Bầy Lươn Um.

Ánh sáng từ chiếc đèn măng sông treo giữa quán bỗng tối lại. Bầy Lươn Um đặt ly rượu xuống bàn, anh bê chiếc ghế đầu ra giữa nhà rồi leo lên, một tay giữ đèn, một tay bươm. Tiếng ga bị ép xít ra tim đèn kêu khè khè quán sáng trưng trở lại. Vừa lúc đó có thêm mấy người nữa vào quán. Lão thầy pháp, mặt xù như đá ong cao lỏng không. Y tá Chín miệng lúc nào cũng cười toe toét. Đi sau rốt là thầy giáo Lươn, giáo viên độc nhất kiêm hiệu trưởng trường học tư của thầy trong xóm. Hầu hết con nít trong xóm đều là học trò của thầy. Thầy giáo Lươn người như cái que, nhưng lúc nào trông cũng có vẻ chải chuốt, tóc phết "bi ăng tin" bóng lưỡng, cầm mặt nhăn nhui, mắt mang kính trắng gọng vàng. Thầy giáo là người được quý trọng nhất trong xóm rồi mới tới thầy chích, rốt là thầy pháp Ba Gà Mồ. Thầy pháp Ba Gà Mồ không lấy làm hài lòng về địa vị của mình, nhất là cái tên chó đẻ do Hai Thợ, chủ nhân xưởng đóng hòm ôn dịch đặt cho, bởi tại cái mặt lão lố chỗ như bị gà mổ. Tên đó dân trong xóm tránh kêu trước mặt thầy. Còn y tá Chín lúc nào cũng toe toét với tất cả mọi người, lúc nào cũng nồng nhiệt với nghề nghiệp "cấp cứu" của mình. Hấn cười nhiều quá nên trở thành vô duyên. Trong ba người, chỉ riêng thầy giáo Lươn trẻ nhất và còn độc thân. Do độc thân và dáng trí thức diêm dúa đó mà thầy giáo Lươn hưởng được nhiều điều tốt lành ở bà con lối xóm. Nhà nào có con gái lớn, tuổi cập kê cũng chỉ mong được thầy giáo để mắt tới. Nhưng dân trong xóm nhận xét hình như thầy chưa để mắt đến đám nào. Họ kính phục thầy hơn vì thầy là người đứng đắn đàng hoàng.

Tất cả mọi người trong bàn đều đứng dậy mời ba vị vào bàn. Hai Thợ dành chỗ cho thầy giáo ngồi cạnh mình. Anh ta lấy cớ phải bàn với thầy giáo nhiều điều quan trọng, vả lại anh ta là liên gia trưởng. Bốn tô canh lươn và những đĩa bún từ dưới bếp mang lên bày ra bàn. Rượu Vĩnh Sanh Hòa pha soda đá lạnh đã được mang ra. Liên gia trưởng Hai Thợ nói:

- Hôm nay thầy giáo lai rai với tui tui chớ?

Thầy giáo Lươn gật đầu:

- Nhậu thì nhậu tui đâu ngán, hôm nay tui thả dàn...



Mọi người trong bữa nhậu cười phụ họa. Những chiếc ly cối nâng lên cụng nhau lạnh canh. Sau đợt rượu đầu, Hai Thợ đặt ly xuống bàn, lên tiếng:

- Sở dĩ hôm nay có bữa nhậu này do tui muốn bày tỏ với anh em một vấn đề quan trọng về an ninh cho bà con trong xóm.

Hai Thợ nhìn đảo một vòng:

- Nhiều anh em ở đây đã biết lý do, nhưng tôi muốn nói rõ hơn. Tôi muốn nói đến những con chim, giống ác điểu, không hẳn là quạ, không hẳn là kền kền, chính những con chim đậu trên ngọn cây sao kia, loài chuyên ngửi hơi thối và ăn xác chết.

Hai Thợ ngoái cổ chỉ ra ngoài trời, nhiều người như máy nhìn theo. Hai Thợ tiếp, giọng gay gắt:

- Chúng đang phá chúng ta, như trường hợp tai nạn xảy ra cho bác Sáu nhà xác.

Một người trong đám nâng ly uống:

- Biết rồi, vòng vo hoài, muốn gì thì nói phứt cho rồi.

Đang ngon trớn bị kê ngược, Hai Thợ đổ quạu:

- Đ. M. dân gì đâu không hà, bộ mày muốn chửi cha tao sao đó, hả Cộc? Trình bày chuyện gì cũng phải có đầu có đuôi chứ, đây là chuyện quan trọng đến đời sống bà con, mày biết rồi kệ xác mày, nhiều người không biết thì sao? Mày muốn chơi cha tao. Kê tử đứng vào họng tao...

Vẻ mặt Cộc lạnh như tiền, như khi đào huyết cho người ta. Hắn uống thêm một hớp rượu nữa, nói: ở đây không ai chơi cha ai hết, tôi khoái cái gì cũng vắn tắt nên lên tiếng đó.

Đôi mắt Hai Thợ nẩy lửa. Bàn nhậu xôn xao, mỗi người can một câu. Hai Thợ bắt buộc phải nhin, nhưng vẫn thấy ám ách trong lòng. Hắn tiếp tục trình bày:

- Chúng ta phải tìm cách triệt hạ những con chim kia.

Cộc vừa uống rượu vừa cười khinh khỉnh:

- Rồi, gọn bàn vậy có tốt hơn không.

Như lúc khác thì Hai Thợ không ngần ngại cho thẳng chũa một búa, nhưng lúc này, Hai Thợ thấy mình quan trọng hẳn lên, chẳng gì thì gã cũng là liên gia trưởng, một người chức sắc trong xóm. Anh ta đành làm lơ để bàn đại sự:

- Đó, bà con nghĩ sao?

- Đồng ý.

Cả bàn tiệc đồng ý, kể cả Cộc, thằng cha đào huyết lý lác nhất xóm. Hai Thợ nhìn khắp lượt:

- Ai có ý kiến gì nên trình bày ra để thảo luận.

Thầy giáo Lượn ngồi trầm ngâm trước ly Vĩnh Sanh Hòa đã vơi được một phần tư ly. Thầy y tá mồm mỉm cười, những người khác thì ngồi gật gù ra điều suy nghĩ lung lăm. Thầy pháp Ba Gà Mỏ sau khi nhần hết một khúc lượn, bỏ xương ra bàn, lên tiếng:

- Há... bà con, tui có ý kiến!

Những con mắt đổ dồn nhìn thầy pháp:

- Sao thầy Ba Gà... có ý kiến gì?

Thầy pháp Ba Gà Mỏ nhìn gã vừa buột miệng ra câu Ba Gà. Nhưng thầy bỏ qua, thầy sắp sửa bàn đại sự. Giọng thầy trầm xuống:

- Chim kền kền ở đây là một giống quái điểu, không thể sống chung lộn với người được.

Một người nóng ruột hỏi:

- Hẳn thầy đã có phương pháp trừ khử.

Thầy pháp Ba Gà Mỏ hơi ngưng lại, đoạn tiếp:

- Ngày xưa, khi tôi còn theo thầy học đạo trên núi Tà Lơn, thầy tôi có luyện được một đạo bùa...

Có tiếng cười xì ra, thầy pháp Ba Gà Mỏ làm lơ, kể tiếp:

- Một ngày kia hai thầy trò xuống núi, tới một vùng kia có một cây đa vĩ đại, nghe đồn cây đa đó có ma nên thầy tôi liền ra tay. Sư phụ tôi ếm một đạo bùa vào gốc cây, niệm chú. Sáng hôm sau dân làng ra xem, thấy một con chim mỏ khoằm có mào đỏ nằm chết dang cánh dưới gốc cây, từ đó cây hết còn ma.

- Hay quá há, nhưng xin thầy Ba vấn tắt cho vì ở đây, chúng ta đang bàn chuyện trừ khử mấy con chim quái ác chứ không bàn chuyện ma quỷ thánh thần.

Thầy pháp Ba Gà Mỏ cau có:

- Các người đừng có nóng, từ chuyện nọ mới sang chuyện kia được, tui có học được đạo bùa đó.

- Bộ thầy tính ếm vào gốc cây?

- Ủa tôi ếm, nếu chúng không chết thì cũng bay đi hết ráo.

Giọng thầy trầm xuống:

- Chỉ cần một cái lễ nhỏ cho thánh thần, một con gà đĩa xôi và nải chuối.

Đám nhậu phát cười ồ:

- Bỏ đi thầy Ba, thời đại xe tăng máy bay mà bàn chuyện bùa ngải nghe lỗi thời làm sao.

Thằng Cộc, vô địch đào huyết, nhai luôn cả xương lươn rau ráu nuốt chửng bằng một hớp rượu :

- Đ. M. xôi gà no thầy, no vợ bé của thầy, chứ thánh thần ma quỷ ăn cái giải gì.

Thầy Ba Gà Mỏ tức ói máu, gậy gõ lại:

- Này Cộc, mày moi móc tao đó há, cứ ra lời rồi coi, tao thờ thiên linh cái, không ngán thằng nào đâu.

Thằng Cộc không vừa:

- Thằng này từng đào huyết chôn cả chục thằng như anh, ngon mà, quân buôn thần bán thánh thì thằng này chửi liền vào mặt chứ chẳng thèm nói moi nói móc. Về mà dạy con vợ bé của anh, anh là cái đồ mù...

Thầy pháp Ba Gà Mỏ xắn xắn như con gà chọi sắp lâm trận đấu. Thầy cầm cái ly cối lên toan xáng vào mặt thằng Cộc. Hai Thợ nắm được cổ tay thầy can:

- Thôi chớ các người, nếu ai có ý kiến cứ trình bày, đâu có phải ý kiến nào cũng được chấp thuận. Còn các người muốn đánh lộn, tui mời các người ra ngoài.

Thầy pháp Ba Gà Mỏ còn cổ vớ vát:

- Cộc mày có ngon thì ra ý kiến đi, ngồi đó mà chọc quê người ta thì chó làm cũng được.

Cộc chỉ cười nhạt:

- Chẳng ngu gì, nghề tôi là nghề chôn xác chết mà.

Không khí lặng dần, thầy y tá Chín chậm rãi lên tiếng:

- Theo tôi thì mình thuốc chết hết mấy con chim.

- Thuốc bằng cách nào?

- Chích một mũi thuốc độc vào một con chó chết liệng dưới gốc cây. Mấy con chim ăn phải lẫn ra chết ráo.

Thấy ý kiến có vẻ hợp lý, vài tiếng vỗ tay lấp lóp trong bàn nhậu. Cửa tọa im lặng, nhiều người gật gù:

- Ý kiến hay đó, nhưng xin anh Chín cho biết công việc đó ai làm?

- Tui làm, cấp thuốc cho tui, tui làm liền.

Thằng Cộc nóng nảy:

- Đẹp, đẹp! Các người bàn toàn chuyện tào lao không đâu hà.

Hai Thợ cố vấn hỏi trật tự:

- Thôi, giờ ai có ý kiến trình bày hết đi, đêm khuya rồi đó.

Chờ cho mọi người chịu trận hết, Cộc mới ra lời:

- Phương pháp của tôi giản dị lắm, chúng ta cần có súng bắn rầm rầm là chim chết cả chùm. Bắn chừng năm ngày liền là chúng hết còn dám đến nữa.

Thầy pháp Ba Gà Mỏ được dịp trả thù:

- Súng ở đâu nhiều quá vậy hả Cộc?

Cộc vênh váo trả lời:

- Súng trên đồn dân vệ.

- Bộ lên đó cướp giật sao?

Cộc phanh nút áo cho đỡ nóng, ngựa cổ uống ực hết nửa ly Vĩnh Sanh Hòa, gắp một khúc lươn cho vào miệng, nhét theo một nắm rau chuối. Hấn khề khà, nhai nhồm nhoàm:

- Có hạng người chuyên lừa gạt mới tính đến chuyện ăn cướp, cướp giật thôi. Thằng này ngon lành, từng đi lính, hào khí ngất trời có đâu làm chuyện đó được. Thằng này không có loại thầy, loại sư phụ nào dạy nghề lừa gạt ăn cướp hết.

Mặt thầy pháp đã đỏ sần bây giờ thành tím ngấn ngắt. Hai mắt đỏ ké trông càng thêm dữ dằn. Cộc vẫn thủng thẳng nói:

- Tôi muốn khuyên bà con lối xóm làm cái đơn đệ lên ông đồn trưởng mượn ba người lính mang súng xuống, thứ súng bắn đạn chì đó. Mình cũng trình bày lý do chính đáng thì ông có tiếc gì vài ba viên đạn. Nè, cô bác nên nhớ rằng đạn chì chỉ cần nổ một phát là chết cả chục mạng như chơi, nó văng miệng tùm lum. Đàng này những ba khẩu kê bắn một lượt lặn. Rằm, rằm...

Thằng Cộc đứng thẳng dậy, cung tay như người bắn súng, miệng phát ra những tiếng rầm rầm tưởng tượng. Dân xin vỗ tay lớp lớp:

- Ý kiến nghe được đó.

Cộc cao hứng càng ba hoa dữ. Nói huyền thuyên về thời hấn còn ở lính, ngày hấn xử dụng khẩu súng đạn chì, chống lại súng ngựa trời của Vixi và chống lại những đợt tấn công biển người.

Sau câu nói, Cộc nhịp nhịp bàn tay như đang hình dung ra phía trước mặt xác người ngổn ngang. Hai Thợ bèn giơ tay vin Cộc ấn ngồi xuống ghế.

- Thôi xin cha nội, bộ mới uống nhiều đó đã lên vậy sao?

Tóc tai Cộc dựng đứng, hấn líu ríu nói:

- Các người có công nhận súng đạn chì ăn trùn không?

Hai Thợ xuống nước:

- Ăn trùn là cái chắc, rồi mình phải bàn đến chuyện làm đơn chớ.

Cộc phát vỗ tay bạch bạch:

- Ý kiến của tôi được bà con chấp nhận chớ, nào chúng ta cùng ly.

Tất cả mọi người đều nâng ly cùng vào nhau lạnh canh. Họ ngựa cổ uống ực ực, nhiều người đã cởi áo vắt vai, rượu tràn ra khỏi miệng chảy dài theo cần cổ xuống ngực. Những đôi mắt đỏ ngầu mắt hết vẻ tinh anh, họ cười vu vơ, nói năng lộn xộn. Chiếc đèn măng-sông bị gió từ ngoài thổi vào lao chao làm ánh sáng trong quán trở nên nhấp nháy. Cuối cùng cuộc bàn cãi về việc trừ khử chim cũng xong. Thầy giáo Lượn được chỉ định việc làm đơn đệ lên đồn trưởng xin lính bắn súng. Thầy giáo Lượn không mấy quan tâm về việc đó. Thầy thấy người mèn mẹt nên cứ nhấp nhồm muốn về. Khuya cơn hen xuyên của thầy thường nổi lên bất tử.

Thầy giáo Lượn đưa mắt nhìn thầy pháp Ba Gà Mỏ, thằng cha coi bộ đã đời. Câu chuyện nói trong bàn nhậu trở nên bát nháo không còn ra đầu ra đuôi gì nữa.

Bầy Lượn Um thấy trời khuya nên nhắc khéo:

- Khuya rồi đó cô bác, liệu về sớm mai còn đi làm.

Cuộc ăn nhậu tàn, mọi người tản mát ra về. Cộc vừa đi vừa nhìn lên trời. Những cành cây sao khô vươn lêu nghêu lên bầu trời như những cánh tay xương. Những con chim vẫn đậu củ rữ trên đó. Có lẽ chúng đói lắm, thỉnh thoảng có một con vỗ cánh phạch phạch kêu lạc lõng. Trời nóng nực đến ngột ngạt. Có thể đêm nay sẽ đổ xuống một trận mưa. Cộc chỉ tay lên trời hăm:

- Tụi bay sẽ chết mẹ hết nghe, đồ ăn cướp, đồ phá hoại. Hãy kêu đến cho thiệt nhiều rồi chết một lượt cho vui.

\*\*\*

Căn nhà của thầy giáo Lượn ở tuốt tận cuối xóm. Cách gốc cây sao chừng hai chục thước. Một cành khô to vươn ngang nóc nhà, căn nhà làm bằng cây, lợp lá gồi, tầng dưới dùng làm lớp học, căn trên có cầu thang gỗ bắc từ ngoài lên bao lơn làm lối đi riêng. Hàng đêm, một vài con

chim cao hứng tung cánh bay vù vù, xà thấp. Đôi khi chúng đánh nhau chí choé. Giáo Lượn về tới nhà vào khoảng mười hai giờ đêm. Hấn bật quẹt châm vào ngọn đèn Hoa Kỳ trên bàn làm việc. Hấn mở cửa sổ đứng nhìn mung lung ra ngoài trời. Phía xa là nghĩa địa, căn nhà xác ở phía trái, một con đường nhỏ lượn vòng đủ lọt chiếc xe nhà binh từ ngoài lộ dẫn vào nhà xác.

Giáo Lượn nhìn lên cao, những cành cây khô trụi, những con chim đậu trên cành thành những chấm đen bất động. Một cơn gió bỗng dấy lên làm ngọn đèn trong phòng lao chao như muốn tắt. Giáo Lượn nhìn bầu trời không một vì sao. Có lẽ trời mưa mát, hấn nghĩ thầm. Hấn khép hai cánh cửa sổ, gài then cẩn thận, trở vào cời quần áo. Gió bên ngoài mỗi lúc mỗi thổi mạnh hơn. Mái lá mỏng manh chuyển động, các cột kèo kêu rảng rác, bức tường ghép bằng cạc tông cũng rung rinh. Giáo Lượn lay lay chiếc cột gỗ như thử lại sức chịu đựng của căn nhà với gió mưa. Hấn chẳng quan tâm đến điều đó. Hấn trở vào lấy bình thuốc xịt có chiếc bơm cao su dài lòng thòng kê vào miệng bơm xịt xịt. Hấn ngáp ngáp mấy cái. Để chịu. Giáo Lượn tắt đèn lớn, thắp lên chiếc đèn dầu hột vịt, ánh sáng mờ mờ, hấn vào giường nằm. Tiếng gió vẫn rít lên không ngừng, hình như mỗi lúc một mạnh hơn làm căn nhà chuyển mình rắc rắc dễ sợ. Những con chim đậu trên cành cây nháo nhác. Giáo Lượn thấy kệ, nằm xái tay lơ mơ ngủ. Mùi rượu nồng nặc vẫn chưa hả, giáo Lượn cảm thấy mệt mỏi một cách lạ lùng...

Đang chập chờn, bỗng tiếng gõ cửa nổi lên dồn dập, giáo Lượn ngồi nhồm dậy nghe ngóng. Khi nhận rõ tiếng gõ cửa có ám hiệu quen thuộc, giáo Lượn vén mùng chui ra. Ánh sáng đèn lung linh chiếu hắt bóng giáo Lượn lên vách. Tiếng gõ cửa đều đều, mỗi lúc một mạnh hơn.

Giáo Lượn gắt:

- Biết rồi, làm chó gì mà rộn lên vậy?

Giáo Lượn cầm đèn đi ra cửa. Hấn nâng then.

Tiếng đàn bà vọng vào:

- Em đây mà cứng, bộ mệt sao mà gắt dữ vậy?

Cánh cửa hé mở đủ để một người vào lọt, giáo Lượn đưa đèn vào phía trong cho khuất gió.

Một khuôn mặt đàn bà ló vào, vợ bé của thầy pháp Ba Gà Mỏ. Giáo Lượn hỏi nhỏ:

- Hấn đi đâu rồi?

Chị đàn bà lọt hấn người vào phòng, tự động đóng cửa cài then:

- Say mềm còn biết trời đất gì nữa đâu!

Giáo Lượn trở lại giường chui vào mùng, hấn nói vọng ra:

- Coi chừng có lần mất mạng cả đôi, thằng thầy pháp Ba Gà Mỏ không vừa đâu nhá.

Chị đàn bà chui theo vào mùng:

- Nhảm nhỏ gì, thằng chả ngu như bò.

Giáo Lượn nằm ngửa, thờ. Chị đàn bà cúi xuống trên mặt hấn. Giáo Lượn cắn nhần:

- Thôi để nguyên cho người ta ngủ.

Chị đàn bà có vẻ bất mãn, mụ nhìn sững vào mặt người anh, gằn giọng:

- Nè, nói thiệt cho mà nghe, đừng có tính đến chuyện phụ rầy con này.

Tiếng nói của giáo Lượn trở nên yếu ớt:

- Không phải vậy, nhưng hôm nay anh mệt quá, hoi tói nhậu hơi nhiều, không quen...

Chị không còn gay gắt nữa sau câu nói của giáo Lượn. Chị hỏi:

- Có phải các anh bàn về vụ mấy con chim không?

- Ừa!

- Rồi sao?

- Giết chúng, anh được chỉ định làm đơn gửi lên đồn mượn súng và lính về bắn.

**Nguyễn Thụy Long, chim trên ngọn khô  
Ngô Nguyên Nghiễm**

Nhà Văn Nguyễn Thụy Long sinh ngày 09/08/ 1938 tại Hà Nội.  
Mất ngày 03/09/2009, lúc 14 giờ tại Bệnh viện Nhân Dân Gia Định.  
Năm 1952, Ông và gia đình vào Nam sinh sống tại Sài Gòn.  
Cựu học sinh trường trung học Hồ Ngọc Cẩn.  
Sinh viên Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định.  
Cộng tác báo Ngàn Khơi với nhà văn Nhã Ca , nhật báo Sống của nhà văn Chu Tử.  
Trước 1975, Ông xuất bản hơn 30 tác phẩm, tiểu thuyết đầu tay có tên Vác Ngà Voi (1965) ,  
với bút hiệu Lan Giao. Các tác phẩm sau, đều lấy tên thật Nguyễn Thụy Long.  
Ngoài hơn 30 tác phẩm xuất bản, Nguyễn Thụy Long còn cả trăm truyện ngắn và những tác  
phẩm sáng tác sau này.  
Tiểu thuyết Loạn Mắt Nhung gây xáo động từ tác phẩm, đến Tập phim Loạn Mắt Nhung do đạo  
diễn Lê Dân dàn dựng năm 1970.  
Năm 2005, Ông được phát giải Văn Chương Toàn Sự Nghiệp do Nguyệt san Khởi Hành (Mỹ)  
trao tặng, nhưng vì sức yếu không tham dự được.

### **Tác phẩm tiêu biểu**

- 1/Vác Ngà Voi ( 1965, với bút hiệu Lan Giao )
- 2/Sầu Đồi ( Âu Cơ, 1967 )
- 3/Bước Giang Hồ ( 1967 )
- 4/Vòng Tay Đàn Ông ( 1967 )
- 5/Chim Trên Ngọn Khô ( 1967 )
- 6/Loạn Mắt Nhung ( 1967 )
- 7/Tay Anh Chị (1968 )
- 8/Bà Chúa Tám Cửa Ngục ( 1968 )
- 9/Vết Thù ( 1968 )
- 10/ Đêm Đen ( 1968 )
- 11/Gái Thời Loạn ( 1968 )
- 12/Bóng Tối ( 1968 )
- 13/Kinh Nước Đen ( 1969 )
- 14/ Nữ Chúa ( 1969 )
- 15/Xóm Cô Hồn ( 1969 )
- 16/ Kiếp Hoang ( 1969 )
- 17/Nợ Máu ( 1969 )
- 18/ Nhà Chứa ( 1970 )
- 19/Ven Đô ( 1970 )
- 20/ Bão Rớt ( 1970 )
- 21/Cầu Cá ( 1970 )
- 22/Dấu Chân Gió Chạy ( 1970 )
- 23/ Biển Đen ( 1971 )
- 24/Biệt Thự Phù Du ( 1971 )
- 25/Đàn Ông Đàn Bà ( 1971 )
- 26/Hạt Giống Của Trời ( 1971 )
- 27/Những Cánh Tay Thường Luồng ( 1971 )
- 28/Tốt Đen ( 1971 )
- 29/Vang Tiếng Ruồi Xanh ( 1971 )30/ Dưới Chân Non Nước ( 1972 )
- 30/Gió Hú ( 1972 )
- 31/Tử Tội Hoan Hỉ ( 1972 )
- 32/Mặt Biển Đen ( 1973 )
- 33/Nửa Đồi Bóng Tối ( 1991 )
- 34/Viết Trên Gác Bút ( 1999 )

35/Giữa Đêm Trường ( 2000 )

36/Người Xây Lò ( 2001 )

37/Thìn Ma ( 2007 )

.....

Ngoài ra, Nguyễn Thụy Long còn 3 tác phẩm mới viết:

\*Hồi Ưc 40 Năm Cầm Bút

\*Hồi Ký Thuở Mơ Làm Văn Sĩ

\* Vùng Mả Động ( 2009 )

\*\*\*

Du nhập vào những đường hướng mới trong văn học nghệ thuật thập niên 60, quả nhiên có nhiều ngã rẽ, lập dựng cho mỗi văn nghệ sĩ thời đó một nét nhìn sáng hóa đặc biệt, giúp tác phẩm được bùng vỡ mãnh liệt. Mỗi người văn nghệ đột phát cho mình một phương hướng sáng tạo riêng biệt, không lẫn lộn vào ai, tạo cho văn chương miền Nam nhiều hướng đi mới rạng rỡ, đối chiếu không thua sút văn chương nước ngoài. Từ thơ văn nhạc kịch biên khảo hội họa kinh kịch sân khấu kiến trúc điêu khắc, nhìn lại thật hạnh diện cho bước đường sáng hóa của nghệ thuật giai đoạn sơ khai này. Từ những bóng dáng khai hoang văn nghệ của lớp đi trước ở phía Nam như Nguyễn Chánh Sắt, Hồ Biểu Chánh, Phú Đức, Phi Long... dần đến Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Bá Thế, Truy Phong, Sơn Nam, Kiên Giang, Nguyễn Minh Tâm... Đến lớp sĩ phu Bắc hà như Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Vũ Khắc Khoan và lớp văn nghệ sĩ gần gũi thế hệ văn chương phía Nam trong thập niên 60 như Mai Thảo, Viên Linh, Duyên Anh, Lý Hoàng Phong, Hoàng Trúc Ly nối tay cùng bóng dáng của Trần Tuấn Kiệt, Phạm Công Thiện, Dương Hà, Ngọc Linh, Dương Trữ La, Hoài Điệp Tử, Phan Bá Thụy Dương, Võ Hồng, Nguyễn Thi Thụy Vũ, Nhã Ca... Còn nhiều tên tuổi nữa gắn bó tạo một sinh khí đa dạng, tân lập cho phong hóa văn chương thời bấy giờ, chuyển biến cùng cực và kỳ diệu.

Nguyễn Thụy Long là một nhà văn cũng bùng vỡ tài hoa trong giai đoạn thập niên 60 này, tác phẩm của Ông chọt bước vào một lối rẽ sáng tạo mới. Ông đi thẳng vào đề tài tuổi trẻ khơi dậy trong nỗi quanh hiu bất công cuộc đời, đưa nhân vật hùng cứ một phương cách sống trong một xã hội đen biệt lập. Trước 1965, vài tác phẩm của Nguyễn Thụy Long ra đời cũng đã biểu hiện phong cách tự do theo nghĩa ngoài lề xã hội. Từ Vác Ngà Voi vẫn còn mang một bút hiệu khác Mặc Lan Giao, là hình như tác giả còn ẩn nấp trong tư thế chờ đợi. Đến những tác phẩm kế tiếp, tên tuổi Nguyễn Thụy Long bùng sáng trong giới giang hồ văn chương, nhất là những tác phẩm nổi đình nổi đám như Loan Mất Nhung (1967) rồi Kinh Nước Đen (1969)... Khi Loan Mất Nhung được chuyển hóa phim ảnh do đạo diễn Lê Dân thực hiện với Huỳnh Thanh Trà, Thanh Nga, Tâm Phan, Ngọc Phú, Kim Xuân, Nguyễn Hạnh... phim truyện Việt Nam bắt đầu tiếp nối tranh bá quyền với phim Hồng Kong, Ấn Độ.

Sức sáng tạo những năm trước 1975 của Nguyễn Thụy Long thật mãnh liệt, tác phẩm như dòng suối tuôn trào không thời gian ngừng nghỉ. Tôi bước vào lối đi của Ông, bằng sự tò mò như tò mò với Hồ Thắm Tư Tường của Phạm Công Thiện, tò mò với những bộ tiểu thuyết Yêu – Điền - Loạn... của Chu Tử. Nhưng sự bất gặp kinh khiếp với những hình ảnh phơi bày cực kỳ ghê rợn trong tác phẩm Chim Trên Ngọn Khô, ám ảnh tang thương trong đời sống hạ tầng bị đất quá, bị đất trước thiên nhiên, trước nhân tình và cuộc đời, khiến tôi thường xuyên tìm kiếm tác phẩm Ông. Hình như, Chim Trên Ngọn Khô xuất hiện trước Loan Mất Nhung, nhưng chính vì phong cách tài tình trong dựng truyện, khiến Nguyễn Thụy Long được đặt trên ngôi vị độc đáo trường phái riêng.

Thật sự, trước những tác phẩm quyết định hướng đi cho sự hòa nhập vào xã hội đen, bằng một lối rẽ phải có trong tận cùng đời sống đầy cá tính phản kháng với đời thường. Mỗi mặt trái mặt phải đều nặng nề một cương lĩnh đạo lý khác biệt. Nghĩa khí và cách trao đổi cuộc sống thấm đẫm tư duy sinh học chên nhau như những vòng xoắn hình ống trong một không gian hình học ba chiều. Nên cách cư xử như thể thường của lý triết hủ nho không đầy được bản chất phá cách, liều lĩnh, tư duy của một xã hội tận cùng nếp sống. Nguyễn Thụy Long hoàn toàn bình tĩnh bước vào môi trường đột biến như vậy, hóa thân trong tâm thức và hành động của những con người phá cách đó. Ông thành công mãnh liệt trong hai bộ tiểu thuyết *Loan Mất Nhung* và *Kinh Nước Đen*. Theo hồi ký viết Trên Gác Bút (NXB Văn Nghệ, California 1999), Nguyễn Thụy Long bước vào làm ký giả báo *Sống* của nhà văn Chu Tử, được sự khuyến khích hợp với cách viết theo trào lưu của một xã hội có thực những anh hùng của một xã hội có lối rẽ riêng. Tác phẩm *Loan Mất Nhung* ra đời năm 1967, bằng hình ảnh một cậu học trò lương thiện sống tại đô thành Sài Gòn trong thập niên 60, trước những áp bức cuồng rối phủ dập tạo nên hoàn cảnh xã hội đẩy đưa trở thành du đảng nổi tiếng. Sống cuồng loạn trong một xã hội đen như một thủ lĩnh anh chị làng dao búa. Nhưng trong những phút giây bất chợt, vẫn cảm thấy cô đơn trong cuộc đời, hối hận đánh mất một thời tuổi trẻ, muốn hoàn lương bằng cách cuối cùng diệt kẻ ác rồi nộp mình cho cảnh sát. Cách viết bạch hóa sự gai góc trong cuộc đời của lớp người sống trong hoàn cảnh của xã hội đen tối.

Thật ra, trong giai đoạn đầy rẫy hỗn loạn của thời kỳ thập niên 60, với nhiều sự du nhập những khuynh hướng ngoại lai, và những hiện trạng bất an trong xã hội đương thời, khiến cuộc sống phân cách theo xu hướng nhận định tự kỷ. Chính vậy, sự tách biệt nhiều thành phần trong xã hội cũng là một logic, Nguyễn Thụy Long thành công như hoàn chỉnh một luận án sâu sắc của thế giới tận cùng. Tác phẩm thành công như bước đi mới trong đoạn đường phá cách lối sáng tác với điển tích sáo mòn.

Hàng chục tác phẩm liên tiếp ra đời, nối tiếp những hình ảnh sinh động trong thế giới như thế, đương nhiên Nguyễn Thụy Long trở thành một nhà văn "*du đảng*", bằng phong cách viết như thế... Thật ra, người nghệ sĩ đều muốn mình có một thế giới văn phong riêng, tạo dựng cho chính sáng tác một sự sáng hóa biệt lập. Sự tự do đó giúp nhà văn xây dựng được hình ảnh đặc thù độc đáo trong văn học.

\*\*\*

Sau 1975, những buổi trưa ngồi với Nguyễn Thụy Long trong hẻm nhỏ 6C đường Tú Xương Quận 3, tôi lặng lẽ nhìn hình ảnh một "đại ca" văn nghệ oanh liệt một thời. Cung cách sống vẫn còn hào nhoáng khí phách, vẫn bụi đời trên trang phục thô ráp, vẫn lịch thiệp cùng những bạn bè văn nghệ nhỏ tuổi quay quần bên Ông. Thời chưa mở cửa, mỗi ngày gặp gỡ là những lần chung đụng những tàn phai của quá khứ, tâm sự cho qua ngày tháng bên những chai bia lên men con cọp, cười đùa thăm viếng trong mọi vấn đề cần hỏi, rồi theo gót buổi chiều sắp băng lãng hoàng hôn, chia tay đóng góp trả quán ra về, không quên hẹn lại ngày mai... Nguyễn Thụy Long vẫn cung cách trang trọng lịch lãm, nhưng anh em đều hiểu rõ sự cơ cực phủ đầy trên nếp áo. Ngoài căn bệnh huyết áp cao, Nguyễn Thụy Long còn tiểu đường nặng với nhiều di chứng. Hình như, cũng vài lần Nguyễn Thụy Long đương đầu với triệu chứng tai biến mạch máu não. Nhưng mỗi lần thủ tục, anh em khuyên uống ít thôi, thì Ông cười nói tôi có thầy thuốc lo gì? Tâm trạng hình như Ông thích gặp gỡ bằng hữu để giải tỏa những bức bách trong lòng, mọi bệnh trạng khắc nghiệt như thế nhưng Nguyễn Thụy Long vẫn trầm tĩnh như không còn thời giờ ngóng tới.

Khoảng hơn 15 năm gác bút, mười năm kế tiếp (1991-2001) Nguyễn Thụy Long viết được thêm 4 tác phẩm: *Nửa Đời Đối Bóng* (1991), *Viết Trên Gác Bút* (1999), *Giữa Đêm Trường* (2000), *Người Xây Lò* (2001). Bước qua thiên niên kỷ mới, Nguyễn Thụy Long viết lại hồi ký và tác

phẩm Thìn Ma (2007), Ông tâm đắc trong quyển Hồi ức 40 Năm Cầm Bút và Hồi Ký Thuở Mơ Làm Văn Sĩ. Trong cuộc sống khắc nghiệt cơ cực, nên trong Hồi ức 40 Năm Cầm Bút, Nguyễn Thụy Long trần tình mình không bao giờ giấu diếm những thói hư tật xấu, nên viết thật như đã sống thật với cuộc đời, với vinh nhục xấp lóp trong cuộc sống, nhưng vẫn thản nhiên phớt mặc những vui dập trôi nổi chung quanh. Chính vậy, nhân vật của nhà văn Nguyễn Thụy Long thường nhẩn nhục, chịu đựng những nghịch cảnh, nhân ái và độ lượng. Năm 2009, Ông dồn hết tâm huyết cho bộ bản thảo Mã Động, dự trữ khoảng 4000 trang, nhưng đến khi nhắm mắt lìa đời, Mã Động mới viết được hơn 1000 trang.

Nguyễn Thụy Long để lại, ngoài dang dở của bộ tác phẩm Mã Động còn hơn trăm truyện ngắn, (nằm u buồn vất vưởng giữa thế gian !!!....)

*Viết tại Thư trang Quang Hạnh  
Cuối đông/2012*

## Thân phận ma trôi

Trời trở mặt như trở bàn tay. Mới nắng đó rồi mưa đó. Trận mưa dai dẳng suốt từ ba giờ chiều đến tối mịt không ngớt.

Tôi không thể không về, không thể đứng mãi ở hàng hiên này với thùng đồ nghề sửa xe đạp lỉnh kỉnh. Ngoài kim búa ra còn bơm, bàn vá ép và một cái giỏ đựng đồ ăn cho ngày hôm sau. Số đồ nghề nghèo nàn đó tôi không thể gửi ai được, bởi tôi chẳng còn tin ai, từ khi bị thằng khách hàng nhóc lừa lấy mất chiếc xe đạp

Cái thân tôi cùng khổ, tôi chán đời, không tin đời. Một mảnh đất lắm người mà cũng nhiều ma. Tôi lụi hụi ngồi sửa xe đạp một mình, từ sáu giờ sáng đến chập tối mới ra về, kiếm tiền mua kí gạo, chút mắm muối về nuôi vợ và đứa con sơ sinh ở túp lều cạnh ao cá. Số tiền ít ỏi kiếm được của một tay thợ tồi, tay nghề thấp như tôi chẳng đáng bao nhiêu, mà chiều đến còn phải đóng góp tiền lời cho một tay cho vay nợ lãi chính là vợ một anh bạn thân của tôi, giúp đỡ bạn bè gặp cảnh nghèo khó.

Sau một thời gian dài tôi trả nợ mỗi ngày, tiền vốn vẫn còn nguyên, tôi chỉ trả nổi tiền lời. Tôi vẫn là một con nợ, con nợ kinh niên. Chiều đến, tôi ngồi nán kiếm thêm tí tiền cơm về nuôi vợ con. Tôi chán đời nên uống rượu, tối về không bao giờ quên một xỉ để cho mình.

Ngồi trong túp lều cạnh ao cá, uống rượu nhậu với mấy con tép kho muối, nghe tiếng ễnh ương kêu ngoài ao, nổi sầu khổ dâng kín đầu óc, không giải bày nổi. Nó thấm vào máu tôi qua từng hớp rượu độc ảm. Tôi sống không bạn bè, không đồng đội, không cả người thân. Ngoại trừ vợ và đứa con gái sơ sinh, nó nằm trong cái rổ, treo lên xà nhà thay cho võng, quần tã bằng mớ giẻ rách.

Vợ tôi còn quá yếu sau ngày sinh nở thiếu thốn, nhưng cũng phải lết ra ruộng hái rau dại và mót tép sót ở những xe đầu tép dùng làm lương thực cho cá. Tranh cướp con tép với đám trẻ nghèo quanh xóm. Tôi uất hờn, hận đời, vừa đưa võng cho con vừa uống rượu. Nhìn vào mặt con mà khóc. Sự cay đắng không thể nuốt xuống, tôi thốt ra thành lời với vợ:

- Anh không thể không đóng tiền lời cho mụ ấy, nếu không nó xiết kim xiết búa, lấy đồ nghề đầu mà kiếm ăn. Đã vậy còn bị công an dẹp lòng lè đường lấy mất bơm, bàn vá ép, phải lên tận



phường chuộc, đóng phạt. Có được gạo ăn là do ngồi nán về muộn, nhưng lại gặp chợ vắng, mua gạo tiệm người ta đóng cửa không bán vì tưởng là thằng ăn cướp thừa cơ làm bậy.

Nhục ơi là nhục, tôi không buồn chán sao được.

- Nhưng anh uống ít thôi, anh nghĩ đến con của chúng ta chứ?

Tôi lại nhìn con, khóc tím tấc. Rồi đây tương lai con sẽ ra sao? Bố đã ngã ngựa rồi, bố kiệt sức, bố còn gượng dậy được không. Bố mòn mỏi, chán chường, tiêu sấu qua chén rượu.

Khi đó tôi thường nghe tiếng đàn Tây Ban Cầm và tiếng hát nữ của đôi vợ chồng bán vé số sống ngoài nghĩa địa gần ao cá vọng tới.

Đôi vợ chồng hàng xóm, chưa một lần tiếp xúc, anh chồng tật nguyên gảy đàn, chị vợ hát. Những bài ca về lính Cộng Hoà rề tiền mà hồi xưa tôi không thể chịu nổi, ghét luôn cả ca sĩ hát loại nhạc đó. Nhưng sao nay tôi lại thấy ngậm ngùi. Thương nhớ một cái gì đó không định hình. Một thuở nào tôi còn hành nghề viết văn làm báo, dự những đêm nhạc hội, khi thì ở tiền đồn heo hút nghe những bài ca của lính trong buổi phát thanh đêm, lời tâm anh êm dịu của Dạ Lan qua làn sóng điện.

Nay tôi là một anh già coi ao cá không lương. Được phép ở túp lều hai mùa mưa nắng quanh hiu. Tôi hết thời, xa lìa nghề nghiệp sau nhiều năm tháng tù tội Đầu óc tôi mách bảo rằng tôi phải làm nghề sửa xe đạp kiếm ăn, nếu không chỉ có cạp đất. Đói khổ và trách nhiệm khiến đầu gối phải bò. Tôi đắp đổi qua ngày, dù với nghề sửa xe tôi chỉ là tay ngang.

Những đắng cay cuộc đời ngày nào đó sẽ thành sẹo trong đầu tôi. Như thương tật của người chiến binh lên da non, chai lỳ là sự đương nhiên của đời sống. Số phận xoay vần, định mệnh đã an bài. Tôi suy nghĩ như thế qua trời mưa mù ngoài đường. Dù trời còn mưa, tôi cũng phải về. Mớ đồ nghề của tôi đã xếp gọn vào trong bao cát. Tôi địu nó lên lưng, đi bộ một quãng đường dài về lều ao cá.

Sắt thép có nặng trên vai, tôi nghĩ, cũng chưa nặng bằng thập tự giá Chúa vác lên đồi Golgotha. Tôi nặng nề đi dưới trời mưa, mưa gạo, ít thức ăn và không quên xỉ rượu. Tôi nghĩ đến vợ và con, nàng cũng ngồi dưới mưa, trên đầu chùm miếng in lông ôm con vì lều bị dột. Ngọn đèn dầu leo lét, nàng giống như một con ma ngồi ru con, rử rượu hốc hác. Vú nàng còn sữa cho con bú không? Sao nàng theo tôi để khổ thân như thế. Cái duyên chồng vợ này đi đến đâu, về đến đâu. Đưa con, hài nhi đang hòa nhập đời sống. Một tương lai mịt mù như mưa giăng bụi trên đường kia. Tôi rời con đường sáng đèn điện mưa giăng mờ, vào một con hẻm lầy lội, ngoằn ngoèo vang tiếng máy dẹt. Xóm dẹt gia công người Quảng Nam. Rồi đi xa dần mờ âm thanh đều đặn và nhức nhối đó. Tôi đến khu nghĩa địa hoang.

Khu nghĩa địa đang bị giải tỏa, nhưng vẫn còn sót lại nhiều ngôi mộ xây kiên cố. Khu chôn người chết ấy lan đến tận bờ ao, nơi túp lều tôi đang cư ngụ. Từ phía sâu trong nghĩa địa, gạch vữa bị đập phá, xà bần ngổn ngang, cả những nắp ván thiên. Tôi nhìn thấy một ánh đèn vàng ệch, leo lét như bóng ma trôi, chỉ khác là đốm sáng đó không di động. Tiếng đàn Tây Ban Cầm và tiếng ca nữ từ đó văng vẳng vọng tới. Đôi vợ chồng tật nguyên dẹt bài bản mỗi đêm để ngày mai đi bán vé số, dùng tiếng đàn lời ca mua vui cho đời. Thế nhân vui sầu muộn mua giùm tấm vé số.

Tôi thấy đôi vợ chồng ấy nhiều lần đi lang thang qua chợ, tiệm cà phê, tiệm ăn uống. Chị vợ đi trước, giắt theo anh chồng cụt giò, mù, đi bằng một chân gỗ giả, nay đã mất bàn chân chỉ còn

cái cọc chống xuống đất. Cái áo cải tạo rách tơi tả. Trên đầu đội cái be rê xảm màu máu mà tôi không phân biệt được là loại be rê của Biệt Động Quân hay Nhảy Dù xưa kia. Có lẽ anh là chiến binh rồi thương phế binh của chế độ cũ. Nhưng tôi thắc mắc, sao anh lại mặc áo cải tạo? Tiếng đàn lờ ca như ma tru quỷ hờn giữa vùng nghĩa địa điêu tàn đó hấp dẫn tôi. Tôi đi tới như bị ma ám, ánh đèn dầu, lờ ca, tiếng đàn từ một nhà mồ song lập hát ra. Trong mưa gió đêm hôm tôi vẫn nhận ra đó là một nhà mồ khá đẹp, xây gạch, tường granito, có chạy những đường hoa văn ghi số năm xây dựng, nhưng tôi không nhìn rõ.

Tiếng đàn lờ ca bỗng im bật. Chỉ còn ánh đèn vàng hiu hắt bóng hai người in lên tấm mộ bia lung linh như bóng quỷ.

- Em có nghe tiếng chân ai đó đi tới đây?

- Không đâu, có lẽ tiếng chân chó hoang.

Rõ ràng, người mù nghe không lầm mà em, anh có thể nghe được tiếng thở của một người, khác với tiếng thở chó hoang.

- Đêm mưa gió không thể có người nào tới nghĩa địa hoang này, ngoài vợ chồng mình. Tiếng người chồng cười hì hì, gáy lên một tiếng đàn:

- Ai đó ở ngoài cửa nhà mồ, xin mời vào nhà trú mưa.

Tôi tăng háng, ho một tiếng bước lên bậc gạch. Tôi bước hẳn vào nhà mồ, hai vợ chồng thăm hại, họ như loài quỷ, người hủi bị cách ly đời sống:

- Tôi đây, không phải chó hoang, già ao cá tới thăm hàng xóm, được chứ ạ!

- Hân hạnh, xin mời ngồi, tìm viên gạch nào đó làm ghế. "Nhà tôi" không có khách viếng thăm bao giờ.

Tôi tháo đồ nghề Linh kinh đeo trên người bỏ xuống, đang muốn tìm vài viên gạch kê làm ghế thì người thiếu phụ đã mau mắn làm xong cho tôi mấy cục gạch cao vừa tầm với chồng.

Anh ta ngồi ở đầu mồ người đàn ông già mà tôi nhìn thấy hình trên tấm mộ bia. Quần áo tôi ướt lướt thướt, tôi ngồi xuống "ghế", dù sao cũng mới chỉ sơ giao, tôi cần tự giới thiệu:

- Tôi là người bảo vệ ao cá, tối nay đi làm về qua thấy "nhà" đèn sáng, nghe tiếng đàn tiếng ca tiện thể vào thăm anh chị. Mình là hàng xóm với nhau, lần đầu tiên tôi ghé thăm. Có gì phiền anh chị không? Người chồng mù đặt chiếc đàn lên trên mả, chiếc mũ be rê vẫn đội trên đầu. Tôi nhìn chiếc mũ có lỗ thủng ngay trước trán như lỗ đạn xuyên, bên cạnh là huy hiệu lính nhảy dù. Anh mù mau mắn:

- Ồ không, hân hạnh cho chúng tôi, lâu rồi không có bạn, nhà không có trà mời khách. Nhưng tôi có rượu, ông bạn dùng được chứ?

- Được mà, tôi cũng có một xị, miếng đậu hủ chiên chấm muối ớt đưa cay, mình ngồi với nhau được chứ?

- Vâng, vâng, hân hạnh, em đi thắp đèn lên để anh tiếp khách.

Người vợ đang ngồi bên lò than, nướng con khô. Chị nói:

- Thì đó, đèn vẫn sáng, có anh mù chứ có ai mù đâu

Anh mù chặc lưỡi cười:

- Tôi còn một mắt, nhưng cũng kể như mù hẳn rồi, tôi nhìn gì cũng chỉ thấy mờ mờ nên nhắm tịt lại luôn. Cứ coi mình là thằng mù lại khoẻ.

Chị vợ đã nướng xong con khô bốc mùi thơm lừng. Chị dọn đồ nhậu lên chiếc bàn gỗ bằng mảnh ván ọp ẹp. Tôi nhìn cái bàn thô sơ mà nghi ngờ quá. Tôi gõ gõ ngón tay lên gỗ, gõ tốt. Anh mù nghe thấy:

- Một mảnh gỗ ván thiên đó, người ta đào mả lên lấy xương cốt, quăng lại gỗ, tôi dùng làm bàn. Này em, sao không giải miếng ni lông nên cho đỡ gớm.

- Anh tha lỗi, anh làm khách ngại. Anh không biết giữ mồm giữ miệng gì hết.

Tôi đỡ lời chống chếch anh chồng:

- Không sao, tôi quen cảnh này mà, nhà tôi, cạnh ao cá dưới cây bạch đàn cũng có chiếc bàn đá bằng tấm mộ bia. Tôi thường ngồi đó uống rượu đêm trăng.

Mình sống chung với ma quỷ mà dễ chịu. Tuyệt diệu, nào chúng ta bắt đầu, nhưng trước hết...

Anh mù cầm ly rượu nhỏ đã được rót đầy đổ xuống đất, nói:

- Trước hết mời thổ thần và những hồn ma quanh đây về uống rượu với anh em ta đã..

Tôi cũng làm như anh. Ngoài trời vẫn mưa gió, tiếng sét nổ điện nhoang nhoáng trên bầu trời đen. ánh chớp làm tôi nhìn rõ mờ mả ngổn ngang và cây cối ngã nghiêng, túp lều của tôi cạnh ao cá. Tôi nghĩ đến vợ và đứa con sơ sinh của tôi, bé có giật mình khóc khi sét nổ không? Tôi ân hận:

- Ngồi chơi với anh chị một lát, còn vợ tôi và cháu nhỏ ở nhà..

- Anh ngồi chơi với tôi đã, cần thì vợ tôi sang bên đó với chị và cháu. Mình mới ngồi với nhau mà, đã có dịp nói chuyện gì đâu..

Tôi phải từ chối đề nghị đó, vợ tôi sẽ đứng tim nếu thấy người đàn bà hốc hác, gầy ốm tóc tai rũ rượi này hiện ra giữa căn lều hoang. Tôi nghĩ thế thôi, đâu dám nói ra sợ xúc phạm. Có thể trước kia người đàn bà này cũng có nhan sắc, nhưng nay thì giống ma quỷ. Cũng như tôi vậy, một con ma vất vưởng trên thế gian. Một đêm mưa bão những hồn ma hiện hình ngồi trong nhà mồ tụ tập uống rượu nói chuyện đời. Tôi nói:

- Thôi được chẳng dám phiền chị, tôi sẽ ngồi đây một lát.

Hai chúng tôi cụng ly, người vợ anh mù cũng tham dự tí chút. Chị nhắc nhở chồng:

- Kia anh, lột cái mũ trên đầu ra chứ, đội hoài à...

Anh ta lột cái mũ rúm ró bắn thiu ra, cầm ở tay trái. Tự nhiên tôi lại nghĩ anh ta cầm dĩ vãng, kỷ niệm trong tay. Anh đã mất đi một chân, đôi mắt ở chiến trường nào đó trong đời binh nghiệp lữ. Chỉ còn lại đây cái mũ có dấu đạn xuyên thủng. Anh phải đội mãi, dù đã tả tơi như chính cuộc đời anh bây giờ. Còn cái áo học tập cải tạo kia, tôi lại thắc mắc về nó. Cũng là dấu chấm đánh dấu những ngày tù tội của người chiến binh bại trận. Tôi không hỏi điều đó. Sự thắc mắc để nguyên trong đầu.

Tiếng mưa gió ngoài trời gợi cảm ma quái không thể để chúng tôi ngồi lặng thinh, uống rượu mà không nói gì với nhau. Tiếng anh mù âm âm:

- Tôi không thể quên được những đêm mưa gió trong chiến trận, chúng tôi vừa đánh nhau vừa truyền tay nhau bi đông rượu để để nung chí anh hùng, ấm lòng chiến sĩ. Có thằng cha chưa kịp nuốt hớp rượu đã gục xuống bên súng. Máu rượu hòa chung cùng mùi thuốc súng làm thành mùi khó tả thế nào ấy, tôi không tả nổi.

Anh bạn mù xác nhận anh từng là chiến binh, coi chiến trận như trò đùa. Tôi hỏi:

- Anh từng là quân nhân chế độ cũ?

- Đúng vậy, một chiến binh cho tới trước ngày tàn cuộc chiến.

- Anh là thương binh sau đó?

Anh mù lắc đầu:

- Không, tôi bị bắt làm tù binh rồi sau đó đi học tập cải tạo khi ta hoàn toàn bại trận. Tôi bị cụt giò mù mắt trong lao động. Tôi cuốc trúng mìn, không chết nhưng tật nguyên như anh thấy đó. Vết thương lành, tôi ở lại trại chăn bò và coi đồi nghĩa địa một thời gian, tôi vẫn còn một mắt để tìm vợ. Được coi là học tập tốt tôi được trở về vợ tôi vẫn chờ đợi. Tôi không còn nhà trong khu gia binh nữa. Chúng tôi sống lang thang bằng tiếng đàn của tôi và lời ca của vợ. Mãi sau cùng tôi tìm ở nhờ được "nhà" này. Hai ông bà cụ chủ nhà cũng nằm đây. Thay vì trả tiền nhà thì chúng tôi nhang khói cho các cụ, ngày rằm đốt vàng bạc tiền âm phủ xuống cho các cụ tiêu xài. Vì nhà đẹp kiên cố nên người ta chưa giải tỏa đến, nhưng cũng đến thôi. Vợ chồng tôi chưa biết đi đâu. Nhưng được ngày nào hay ngày nấy, như đời sống mình vậy. Chúng tôi kiếm ăn từng ngày, từng bữa, chẳng xin xỏ ai hết. Đời sống bấp bênh nhưng thú vị. Thú vị nhất là tôi mù, không phải nhìn thấy đời. Bây giờ thì mù tịt rồi. Sống trong nghĩa địa này không nhìn thấy ma nên không sợ ma. Nhưng tôi nghe thấy ma nói chuyện, hồn ma đồng đội tôi nói chuyện với tôi. Nhắc nhở lại những kỷ niệm và tình nghĩa, tôi chẳng đến nỗi quá cô đơn.

Anh mù vầy vò cái mũ be rê trong tay. Điều thắc mắc về một thương phế binh phải đi học tập trong tôi đã được giải tỏa. Có lẽ lâu quá rồi anh không được dịp nói chuyện với ai, ngoài vợ. Anh tâm sự tiếp:

- Như chủ nhân chiếc mũ này, trung sĩ Ninh, bạn tôi, anh chuyên đội mũ be rê khi ra trận, anh không đội mũ sắt, mặc áo giáp. Người anh nhẹ nhõm nhanh như một con sóc, quân trang anh mang trên người đơn giản tối đa, ngoài vũ khí cần thiết, bi đông rượu để, cái be rê đồ không bao giờ quên trên đầu. Anh nhìn thấy lỗ thủng cháy xém không? Một viên đạn trúng đầu khi anh xung phong. óc và máu anh ứa đầy cái mũ. Tôi giữ lại cái mũ làm kỷ niệm. Tôi đội nó và thường xuyên nghe hồn bạn tôi về nói chuyện lúc buồn phiền. Ngày tôi trúng mìn tưởng chết. Trong cơn mê loạn, tôi gặp lại bạn, anh nói tôi phải sống, sẽ trở về vì vợ tôi đang chờ đợi. Quả nhiên đúng như vậy.

Men rượu làm tôi hứng khởi:

- Tuyệt vời, hiện giờ thì anh đang nói chuyện với một con ma trước mặt anh, đang uống rượu với nó đấy. Anh có "nhìn" thấy không?

Anh mù tọt một hớp rượu, hổ mắt sâu hoắm hướng vào tôi:

Có chứ, anh giống như một con ma thật. Quần áo rách rưới, lam lũ đầu bạc. Người ta gọi anh là lão già coi ao cá. Nhưng anh chưa già, vì giọng anh còn rất trẻ. Có hôm nghe anh ngâm thơ bên ao cá, có câu thơ như thế này: Chí chẳng thành, danh chẳng toại. Trai trẻ bao lâu mà đầu bạc. Trăm năm thân thương tà dương... Anh có đúng như tôi tả không nào?

Anh nói xong điem nụ cười. Tôi nói:

- Đúng, anh tả tôi như một con ma rất đúng, chịu thầy.

Anh mù hứng chí nói tiếp:

- Đời sống anh bây giờ rất khổ, như vợ chồng tôi vậy. Tôi nghĩ trước đây anh không đến nỗi như thế. Tôi im lặng uống rượu. Anh ta đã tâm sự về cuộc đời anh. Tôi hiểu anh muốn tôi cũng nói về tôi. Tôi không thể không tâm sự khi đối diện với một con người thành thật, một con người hình thể đang biến dần thành con ma. Nhưng còn kết tinh được những tốt lành của con người.

- Tôi hiện đang giống một con ma như anh, sống vất vưởng trên dương gian, nửa là người nửa là ma. Đời sống này đã vùi dập tôi xuống tận cùng. Ngày nay thì thân tàn ma dại, có vợ và một đứa con sơ sinh. Tôi làm nghề coi ao cá, danh từ gọi là "nhân viên bảo vệ ao cá". Tôi làm việc đó để lấy một chỗ ở, túp lều tòi tệ bên ao. Một ngày phải đẩy hai xe phân heo và đầu tép ở xưởng tôm đông lạnh dùng làm lương thực nuôi cá. Đầu tiên thì tôi hợp đồng làm việc có lương, chẳng đáng bao nhiêu, nhưng sau người ta không trả lương nữa vì biết tôi đang cần một chỗ ở có bảo đảm phần nào do tôi là kẻ không hộ khẩu. Vì đói, tôi nhảy ngang ra nghề sửa xe đạp lề đường. Tôi thuộc loại thợ tòi nên kiếm ăn cũng chẳng khá, nuôi được vợ con bữa đói bữa no là may. Nghề chính trước kia của tôi là cầm bút, nhưng nay thì không dùng được nữa vì tôi hết thời rồi.

Người bạn mù ngắt lời tôi bằng ly rượu mời:

- Tôi mù, tôi không nhìn thấy người nữa mà tôi chỉ nhìn thấy ma qua tâm anh. Những con ma đầy màu sắc. Anh là một con ma có mùi phân heo. Chúng ta là đồng đội, hai thằng đồng đội tạt nguyên tìm đến nhau. Mưa gió và đêm đen xúi bẩy anh tìm tôi. Hai chúng tôi xiết chặt tay nhau rồi anh đưa tay quờ quạng tìm chiếc đàn. Chị vợ biết ý đưa đàn cho chồng. Tiện tay, anh choàng lên cổ vợ. Chị vợ ngồi dưới, nép vào cái chân cụt của anh. Giọng anh trầm trầm:

- Ngày đó ở một nơi chiến trường heo hút, có đoàn nữ sinh đi ủy lạo chiến sĩ, trong đó có một nữ sinh lên hát tặng chiến sĩ, tôi đệm đàn ghi ta. Chúng tôi cảm tình với nhau rồi thư từ qua lại. Khi về hậu tuyến, tôi cưới nàng. Nàng ở lại trại gia binh, tôi tiếp tục đi chiến đấu. Không dè đến hôm nay cũng lại tôi đàn nàng hát, dắt tôi đi khắp các ngã đường bán vé số, mang hy vọng cho người đời. Đúng là một nghiệp dĩ.

Anh mù bỗng thở dài, buông vợ, gẩy lên vài tiếng đàn lạc lõng, vô nghĩa:

- Anh nên về với chị và cháu, anh cứ đi, tôi đàn hát tặng theo anh một bản nhạc. Bản nhạc anh đã từng nghe và chắc anh thích.

Tôi từ giã hai vợ chồng, lội qua những vũng nước và mò mả giải tỏa ngổn ngang gạch vữa cùng gai góc cô dại. Tiếng hát người mù đuổi theo tôi. Bài Chiều Mưa Biên Giới của Nguyễn Văn Đông. Chiều mưa biên giới anh đi về đâu? Sao còn đứng ngóng nơi giang đầu Lòng trần còn tơ vương khanh tướng... Thì đường đời mưa bay gió cuốn... còn buồn anh ơi...

Những bước chân bì bõm lội làm nhịp cho lời ca.

Tôi về đến túp lều thăm hại. Mưa gió dai dẳng, không biết bắt đầu cho một cơn bão hay bão rớt? Tiếng đàn lời ca theo mãi tôi vào giấc ngủ mệt nhoài. Lần đầu tiên và lần cuối cùng tôi gặp đôi vợ chồng mù.

Một lần tôi đi về khuya, không còn nghe tiếng đàn và lời ca nữa. Cả đến ánh đèn ma trôi trong nhà mồ cũng tắt ngúm. Khu nghĩa địa đã bị giải tỏa san bằng. Tôi lầm bầm nói. Mình không hẹn tái ngộ mà, có đúng không? Từ đó tôi không còn gặp anh mù đội be rê đỏ, thùng lỗ đạn cùng vợ đàn ca trên những nẻo đường nữa. Hai vợ chồng đó biến mất như ma. Một thời gian sau, vợ chồng con cái tôi cũng bị đuổi khỏi ao cá.

Câu chuyện đêm mưa chỉ đơn giản thế thôi. Hãy coi như chuyện ma quỷ hiện hình. Những con ma trôi nhờn nhơ trong đêm tối. Tôi kể lại trong cơn điên dại.

Người ta cho tôi nói xàm về thân phận ma trôi.

## Nguyễn Thụy Long : Thân phận ma trôi Uyên Thao

Năm 1987, sau khi ra khỏi tù và hết hạn quản chế, tôi bắt đầu gặp lại một số bạn cũ, phần đông do tình cờ, trừ vài người chủ động tìm tới, trong đó có Nguyễn Thụy Long.

Long tới nhà tôi vào dịp cuối năm để cho tôi một chiếc bánh chưng vì biết loại thực phẩm này nằm ngoài tầm tay tôi. Long cũng là người đã tìm gặp vợ con tôi khi anh ra khỏi tù và đã viết vào trong tù cho tôi mấy chữ: "Cứ yên tâm về vợ con mày. Tao đã tới nhà và rất mến phục bà xã mày". Long viết mấy chữ đó trên bao thuốc Đà Lạt gửi cho tôi qua một người quen đi thăm nuôi chồng.

Sau khi tới cho tôi chiếc bánh chưng, Long biến mất.

Thỉnh thoảng nghe vài người nhắc tới cảnh lặn đạn của Long, tôi cũng chẳng lưu tâm, vì bản thân tôi đã dư loại chuyện này. Một thằng cháu phát biểu khi gặp lại tôi: "*Những người như chú không thể bắt kịp xã hội hiện nay. Lúc này đừng nói chuyện lương tâm mà phải tìm ra cách cắn xé người khác, nếu còn muốn mở mắt với đời.*" Tháng 4, 1975, thằng bé tròn mười bốn tuổi và khi nói với tôi câu đó, nó đã là một kẻ từng trải có mười hai năm đối mặt với cuộc sống của quê hương.

Rồi tôi lại gặp Long.

Sau nhiều năm trôi nổi mưu sinh, tôi trụ lại với một việc tương đối gàn gỏi sinh hoạt chữ nghĩa. Cái vốn ngoại ngữ lôm côm chữ còn chữ mất của tôi vẫn có người muốn dùng nên tôi được mượn dịch những bài báo ngoại quốc về cách trang điểm phấn son của nữ giới, cách xào nấu

các món ăn, cách giao tế sao cho vừa lòng thiên hạ. Công xá không nhiều nhưng đủ giúp gia đình tôi tránh khỏi cảnh cơm ăn cách nhật như mấy năm đầu tôi ra khỏi tù. Việc làm này giúp tôi tiến thêm một bước là ngồi gõ máy thuê, tạo dịp cho bạn bè lui tới. Hai người thường gặp tôi là Thế Phong và Thanh Thương Hoàng, dù tôi đổi chỗ ở như cóc nhảy. Thanh Thương Hoàng tỏ ra ngán ngẩm cho cái thân phận “làm đầy tớ thiên hạ” của tôi như anh vẫn nói nên thỉnh thoảng ghé qua dắt tôi đi chích một mũi thuốc bổ, hoặc mua cho vợ tôi một con gà, một miếng thịt để “cũng có chất bồi dưỡng”. Thế Phong có lẽ ngậm ngùi trước cảnh mỗi buổi sáng tôi chỉ có một chén cháo trắng hoặc một chén cơm nguội nên lâu lâu lại bắt ngờ xuất hiện thật sớm dắt tôi đi ăn phở.

Rồi một bữa, Long xuất hiện cùng Thế Phong. Anh đưa ra một xấp giấy, nói :

- Đánh giúp tao. Công xá bao nhiêu, tao thanh toán đủ.

Mấy ngày sau, Long trở lại một mình, lầm lì trao cho tôi một tập bản thảo. Anh ngồi xuống ghé nhắc cặp kính ra lau bằng mấy ngón tay. Trong khoảnh khắc đó, tôi nhớ lại hơn mười năm trước, khi chúng tôi ở chung trại tù. Những ngày nghỉ lao động, tôi thường ngồi bên bàn cờ từ sáng sớm và gần như lần nào cũng vậy, tôi chưa chơi xong một ván, Long đã lù lù hiện ra hất hàm, nói cụt ngắn:

- Đi, mày !

Thuở đó Long có cái tên “Long mù” và được đám trẻ gọi là chú, là bố. Tới giờ này, tôi chưa tìm ra lý do khiến đám trẻ xưng hô với Long như vậy trong khi tất cả đều gọi tôi bằng anh, dù tôi hơn Long 5 tuổi. Long may mắn không rơi vào cùng đội với tôi và may mắn hơn là thỉnh thoảng vẫn được thăm nuôi nên ngày nghỉ có thể kéo tôi qua chỗ anh nhâm nhi vài hớp cà phê. Những dịp đó, Long thường rì rả với cách nói nhát gừng kể về những hoạt cảnh luôn hiện lên trong trí anh, lúc cửa phòng giam khóa lại vào buổi chiều. “Hơn sáu chục thằng tù lẩn kènh trên những tấm ván sần sùi vỗ bụng lạch bạch đua nhau đánh rầm tùm lum.” Anh nhăn mặt nhắc tới con vẹt ở trạm xá “chỉ biết nói độc hai tiếng khắc phục” và chấm dứt câu chuyện bằng một lời chửi thề. Tôi thường ngồi im, nghĩ đến cảm giác Long có. Long nói chậm, đôi lúc tựa hồ run giọng, nhưng cặp mắt lơ lơ của anh loé sáng từng chập.

Lúc trao xấp bản thảo cho tôi, mắt anh cũng chợt loé sáng như vậy. Rồi vẫn bằng cái giọng nhát gừng, anh nói:

- Bây giờ tao thấy chỉ có mình mày thôi, chỉ mình mày là hiểu về tao hơn hết, nên tao muốn mày viết cho tao một bài giới thiệu tập truyện này. Muốn viết thế nào thì viết.

Đề tài của chúng tôi tức khắc rời khỏi chữ nghĩa và như lệ thường, tôi ngồi nghe Long nói.

Anh kể những điều từng trải khi sống trong gian chuồng heo ở khu Tân Phú, rồi nhắc việc gặp một người bạn từ ngoại quốc về thấy cảnh sống của anh đã ngỏ lời muốn chăm sóc giúp đỡ con nhỏ. Anh tả nỗi vui khi tưởng tượng đứa con trai được ăn no mặc ấm, được cấp sách tới trường, dù anh rất khổ sở vì phải xa nó. Thế rồi bất chợt anh chửi thề, mặt đổi sắc hầm hầm.

Anh đưa cả hai cánh tay ra trước ngực như sắp lâm trận đấm đá, giọng trở nên khó nghe:

- Nếu là mày, tao chắc mày đã đấm vào mặt nó. Tao phải cố dằn, chỉ nhắc nó đừng bao giờ trở lại tìm tao nữa.

Thì ra sau phần mở đề bằng tình cũ nghĩa xưa, mấy hôm sau người bạn trở lại, đưa ra một tờ giấy viết sẵn bảo anh ký tên xác nhận tự nguyện cho con. Anh hậm hực kết luận:

- Nó chó má đến mức để trống tên người nhận nuôi đứa nhỏ. Nó đang làm cái trò buôn trẻ nít.

Tôi nghĩ Long còn may hơn tôi vì vẫn phát bản được. Từ lâu, bạn bè thường chê tôi không biết xã giao, lúc nào cũng lầm lì lì, lời lẽ nói ra như đấm vào mặt người nghe. Nhưng lúc đó, tôi chỉ thấy mệt mỏi. Tôi không nổi cục được nữa. Mức độ chua xót và nhòm tòm đã biến tôi thành một kẻ đứng đưng.

Dù thế, trước mắt tôi vẫn bưng dầy hàng trăm mảnh đời, hàng trăm khuôn mặt mà tôi từng gặp. Tôi nhớ lại ngày 01/05/1975, tôi phải ráng sức nhấc bổng chiếc Honda để tránh lăn bánh qua xác một người lính Biệt Động Quân nằm úp ngang mặt đường trên cầu Thị Nghè trong lúc cả thành phố đổ rục rờ! Một tuần sau đó, tôi bắt gặp một hình ảnh mới của thành phố Sài Gòn vừa đổi tên là những phụ nữ chòm khăn kín đầu, chân trần, quần xắn ngang đầu gối, rạp mình trên những chiếc xe ba gác chất đủ mọi thứ chồi cùn chiếu rách. Tại sao những phụ nữ kia lại gắn mình trên những chiếc yên ba gác? Họ đạp đi đâu, làm gì? Tôi không biết, nhưng người nào cũng ướt đẫm mồ hôi.

Tôi chỉ trở lại Sài Gòn hơn mười năm sau nữa và hình ảnh đầu tiên của buổi tái hội là một người đàn ông cụt cả hai cánh tay loay hoay len lỏi giữa bến xe mới lập gần cầu xa lộ. Tôi đang ngỡ ngác nhìn quanh thì ông ta chìa phần cánh tay còn lại cho người đứng kế bên tôi. Ông ta bán vé số bằng cách buộc những tấm vé lên đầu cánh tay bị mất ngang cùi chỏ. Tôi thắc mắc không hiểu ông ta thực hiện việc mua bán những tấm vé số cài trên mấy sợi thun quấn quanh khúc tay còn lại ra sao, vì cánh tay kia của ông ta cụt sát vai. Đang chờ để được thấy thì tôi bắt gặp ánh mắt lạnh như băng của người được mời mua đáp lại cái nhìn khẩn nài của ông ta. Phản ứng duy nhất của tôi là lật đật quay đi để tránh gây thất vọng cho ông ta, vì chắc chắn tôi sẽ là khách mời kế tiếp. Bộ quần áo phát cho những tên tù được thả chỉ đủ đổi lấy tấm vé xe đưa tôi về đây và tôi còn chưa tính xong khoảng đường cuộc bộ vào thành phố. Trong bóng tối chập choạng lúc ngày tàn, tôi bước đi với ý nghĩ hỗn loạn về cảnh sống của con người và về cái cách con người nhìn nhau.

Sau hơn mười năm cách biệt, tôi đã gặp lại Sài Gòn, nhưng là một Sài Gòn xa lạ, thăm nã, lạnh lùng. Tôi thấy mình lạc lõng, bơ vơ và nổi da gà khi nghĩ tới ngày mai.

Cảm giác này bưng sống lại khi tôi đọc truyện Nguyễn Thụy Long. Bóng tối chụp xuống và tôi cứ lòng vòng giữa một vùng nhầy nhụa, hôi thối với tâm trạng căng thẳng. Không một tia sáng nhỏ loé lên, không một điểm tựa cho tôi bám víu. Trong tối tăm ngột ngạt, tôi chỉ thấy ở khắp nơi những con người khô đét như cây khô, nổi bật hai hố mắt với cái nhìn đờ đẫn vô hồn. Những con người này khi thì bám lấy nhau, khi lại nhào vào nhau như một bầy chó đói giành mồi trên lớp bùn đen quánh của con kinh len lách dưới những cây cầu thành phố, trên những đồng rác ruồi nặng bay như ong vỡ tổ ở các góc đường Trương Minh Giảng, Nguyễn Thiện Thuật... và giữa những nghĩa địa đang bị đào xới lổn nhổn gạch vụn, nong nạc xú ối.

Tôi không xua nổi hình ảnh từng đám đông bu quanh những tấm ni lông đựng các lóng xương nhám nhúa nặng mùi mới vét lên từ lòng mộ, dưới cái nắng như đổ lửa, vừa quơ múa tay chân đe dọa lũ chó đói lờn vờn xung quanh vừa ồn ào ngã giá một tấm bia, một chiếc túi nhựa bọc xác, một sợi dây lưng chưa mục của người chết... Đó cũng là thế giới văn chương của Nguyễn Thụy Long, thế giới văn chương không có gió mát, áo màu, không có những nụ cười e ấp. Ngay cả lời ca cất lên ở đây cũng chỉ là âm vang ai oán khơi nguồn cho những dòng nước mắt, những cảm giác nhức nhối.

Chính Nguyễn Thụy Long đã tâm sự là vẫn mong có những tác phẩm đem lại cảm giác nhẹ nhàng, thanh thoát cho người đọc, nhưng biết làm sao, khi văn chương không thể tách rời cuộc sống? Hơn một lần tôi nghe Long nói về điều này, rồi anh nhấc cặp kính ra, đưa mấy ngón tay lên mắt. Có thể anh chỉ làm cử chỉ day cho con mắt đỡ ngứa, nhưng tôi luôn nghĩ anh đang cố chặn một dòng nước mắt. Cuộc sống hàng ngày của Long, của tôi, của những người đang có mặt ở đây đã bó tay người cầm bút khi muốn vẽ một cảnh ấm áp, hiền hòa. Đối diện với sự thảm khốc vì bị đọa đầy chỉ là sự tàn nhẫn vì háo hức “mở mặt với đời”. Từ những ổ phế liệu sặc sụa hôi thối trong vùng Tân Phú, Bình Hưng Hòa tới những tòa nhà cao ngất giữa trung



tâm thành phố luôn sáng loá ánh đèn xanh đỏ tím vàng, khó tìm thấy thứ gì khác, ngoài những trái tim quắt queo vì roi đòn của thực tế hoặc vì những mê loạn của bản thân.

Tôi lại nhớ về mặt hải hùng của một người tù K.3 vào dịp cả nước chào mừng một ngày kỷ niệm lớn. Người tù là một nhà sư được gọi bằng cái tên thật Nguyễn Tiến Khánh đã đưa cả hai tay lên che mặt không nhìn phần đồ ăn đặc biệt nhân dịp này, do trại giam tặng cho tù, là ba miếng thịt heo kho lớn cỡ ngón tay cái. Vừa bung mặt quay đi, Nguyễn Tiến Khánh vừa la thất thanh: “Không, không ăn được! Máu đó, máu đó!”.

Tiếng kêu hốt hoảng của Nguyễn Tiến Khánh luôn vang lên trong đầu tôi hai chục năm nay khi tôi nghĩ đến thực tế xung quanh. Tôi không dập nổi ý nghĩ bên cạnh những con người đang cạn máu vì mọi lý do, là những kẻ say sưa uống máu đồng loại. Bằng mọi cách, trò uống máu diễn ra dưới trăm ngàn hình thức với nhịp độ tiếp nối không ngừng và quê hương chúng ta dường như càng lúc càng vắng bóng người. Trước mắt tôi hiện ra hình ảnh một thiếu phụ sang trọng đi bên chồng với nụ cười thỏa mãn và ánh mắt kiêu kỳ ngó xéo trên đầu một kẻ mặt rệp ngồi lọt giữa đồng xương bò heo trâu chó... nhớp nhúa chất cao như đụn rạ trên mặt nền xi măng nóng hầm hập ở một góc nhà kho bên chợ Cây Thị. Kẻ mặt rệp đó là tôi đang chùi rửa những lóng xương cho một cơ sở chế biến thức ăn gia súc để có bữa cơm trưa.

Dán mắt vào những lóng xương nhầy nhựa hôi thối, tôi nhớ tới nét mặt kinh hoàng của vợ tôi khi kể lại cách vượt lên của một thiếu phụ. Chị ta đã dắt đưa con gái gần năm tuổi ra mé sông vắng dim cho chết, thả xác trôi theo dòng để trở thành người phụ nữ “cô đơn” như lời chị ta mô tả với người đàn ông đang theo đuổi mình. Tôi thấy câu nói của thằng cháu chưa diễn tả được bao nhiêu, khi nghĩ tới những người biết rõ chuyện đó, kể cả những người nhìn tận mắt nhưng không có hành vi nào khác một thoáng hoảng hồn rồi lật đật bỏ chạy, miệng ngậm chặt như bị xiên lình. Người ta đã quen với nếp sống hôn ai nấy giữ, xác ai nấy lo.

Tôi đang sống ở đâu và giữa bầy lũ nào đây?

Một hình ảnh khác bỗng hiện lên. Đó là hình ảnh con chó xác xơ với khung sườn nổi u như nắm que củi, chạy xiêu vẹo quanh mấy ngọn đồi ngoài vòng rào trại tù, ráng sức chồm tấp mấy con cào cào. Đám tù trong đội tôi đều biết con chó. Nhiều tay đã mơ có thể bỏ nó vào nôi.

Riêng một tay tù trẻ sau nhiều ngày quan sát chợt lên tiếng chửi đồng:

- Mẹ kiếp, tới cái mức cứt cho chó ăn cũng không còn!

Đúng là con chó đói lắm, nhưng đã hơn một lần tôi bắt gặp nó nằm dài dưới gốc xoài bên đường, dạng háng cho hai con chó con rúc nhay những cái vú teo nhách như giẻ rách. Nó không kiếm nổi “cứt để ăn” và nó chỉ là chó, nhưng nó không cắn xé con và vẫn cố nuôi con bằng cái thân xác héo tàn.

Tôi đang nghĩ gì đây?

Dường như tôi chẳng nghĩ gì mà chỉ tự nhiên gọi lại những hình ảnh nằm trong ký ức. Nguyễn Thụy Long đã vẽ lại thế giới đó của chúng tôi với nguyên màu sắc cho thấy không ít kẻ đã bằng lòng xóa tiêu cái mức nhân tính còn sót lại, vì sự tồn tại của nó ở nơi đây chỉ có tác động cào xé tan nát thêm con tim đã tan nát trăm bề. Để gì sống với tim óc con người giữa bầy thú đói!

Nhưng, Long không chỉ vẽ lại mà vật vã vô vọng giữa thế giới đó. Qua từng dòng, từng chữ của Long, tôi luôn bắt gặp nét giễu cợt, lời lẽ bông lông bất cần mọi sự, nhưng chập chờn ẩn hiện ở phía sau là nỗi đau xé ruột và tiếng than nghẹn uất.

Thằng lưu manh cố lột cái quần của con điếm đứng đường ế khách, thằng đàn ông què giò uốn bẻ chân tay đưa con sơ sinh cho thành dị dạng để tạo một “cục vàng” trong nghề ăn mày, tay cán bộ cách mạng nhiệt tình không chịu nổi một bà già còm cõi thờ tẩm hình đưa con trai vốn là

lính Ngụy đã chết từ lâu... trở thành con vật vĩa vớ thực tế và chữ nghĩa của Long, làm dấy lên những day dứt khó tả nổi về cuộc sống, về con người, nỗi day dứt do tuyệt vọng pha lẫn hờn oán, xót thương.

Tại sao Long phải vật vĩa đau đớn để dấy lên nỗi day dứt như vậy?

Từ lâu, tôi thường nghĩ mỗi người có mặt trên đời đều gắn chặt vào một nghiệp dĩ. Long cũng thế thôi. Anh ra đời với điều kiện bẩm sinh không thể xa rời nghiệp dĩ văn chương. Cái không may của anh là phải sống trong thời kỳ con người bị bóp nghẹt, bị ngược đãi, bị biến dạng thành hoang thú. Ai còn ý thức mình đang là người mà thoát khỏi bị dẫn vật khi đối mặt với những mưu tính, những hành vi, những xu hướng tước đoạt mọi điều kiện tối thiểu để tồn tại của con người?

Có phải tôi đang biện bạch cho thái độ sáng tác của Long trước thói quen chẻ xác văn chương theo những ý nghĩ chủ quan?

Người ta sẽ soi mọi màu kính lên tác phẩm của Long để thấy là vàng, là đỏ, là trắng, là đen. Người ta sẽ ban cho nó những cái tên hiện thực, tượng trưng hoặc gì gì đó để chứng tỏ trí tuệ của mình. Người ta sẽ xưng tụng nó là tiếng nói chính nghĩa, là văn chương phản kháng hoặc kết án nó là đòi trụ, phản động, đi ngược khuôn vàng thước ngọc của văn nghệ cách mạng để biểu dương "ý chí đấu tranh hừng hực lửa"...?

Tôi thấy những trò đó chẳng đáng gì trước thực tế mà cây bút trong tay Nguyễn Thụy Long ghi lại. Những trò đó cùng những con người đó cũng như tất cả những kẻ đang thét mưa gọi gió, những kẻ đang lảng xảng đồng hóa với chính nghĩa đều chẳng đáng gì trước cơn dẫy dụa hiện nay của con người. Khi xã hội như cỗ xe đang lao xuống vực thẳm thì chẳng loại người nào, chẳng vấn đề nào trên xe lớn hơn một hạt bụi.

Chắc chắn Long chẳng cần biện bạch và cũng chẳng cần ai biện bạch giùm. Anh bị cột vào nghiệp văn chương và chỉ cố làm phần nào công việc của mình trong ý thức và trong cả nỗi đau về cái thân phận nạn nhân đang bị xô xuống đáy vực. Đúng như Long vẫn nói, dù tha thiết mong muốn, anh không thể viết khác. Vì, văn chương không thể tách rời thực tế và thực tế bao giờ cũng là thực tế không thể đổi trắng thay đen bằng bất kể cách nào, bởi bất kể lý do nào.

Thêm nữa, chắc chắn anh cũng không nghĩ ngợi mảy may về màu sắc văn chương và không có một giây so đo về mức độ Việt Nam tính, thế giới tính hay giai cấp tính, cách mạng tính trong tác phẩm của mình. Điều đó chỉ cần thiết cho trò chơi chữ nghĩa vì những lý do nằm ngoài đòi hỏi của văn chương chứ chẳng ăn nhập gì tới việc sáng tác văn chương. Long đã viết bằng cảm xúc của một nạn nhân bị đập vùi, viết về những thân phận bị đập vùi và viết bằng ý tình chân thật của một con người chưa biến dạng. Có lẽ Long cũng chẳng mưu cầu điều gì ở tác phẩm của mình ngoài hy vọng khơi gợi một nỗi đồng cảm nơi tất cả những người còn là người đang có mặt trong cuộc sống, bất kể là ai và bất kể ở nơi đâu.

Riêng tôi, để chấm dứt những ý nghĩ lan man dấy lên khi đọc truyện của Long, tôi mong không bao giờ còn phải gặp những thân phận ma trôi, những bà mẹ sượng sa, không bao giờ còn phải nghe Diêm Vương phán "mọi hình phạt lột thịt lột da, chặt đầu cắt cổ, đun nấu trong vạc dầu nơi địa ngục đều không sánh nổi với việc trả bị cáo về làm người trên trần thế."

*Sài Gòn tháng 6, 1999*

## Mối tình chung của con đĩ ngựa

Khói nhang bay tản mát trong không khí. Những chốm tàn nhang đỏ nhiều như sao sa cắm ở nghĩa địa bị gió đêm làm rung rinh trong bóng tối. Hồi chiều những thân nhân đi thăm mộ muộn đã thuê người làm cỏ sạch trơn. Mọi khi, vào cuối mùa mưa, nghĩa trang đầy đặc cỏ, um tùm như một vùng cỏ hoang. Nhiều ngôi mộ bị cỏ che khuất, lối đi vào không còn phân biệt nổi từ đâu đến đâu. Những đêm mùa mưa nước ngập ềnh ương kêu y uông vang cả một vùng. Thế mà mới từ hai mươi lăm tết đến giờ, đám cỏ hoang lần lần bị thanh toán. Mùa nắng bắt đầu, đất khô tiện cho việc thân nhân thuê người làm cỏ. Cho đến hôm nay, ngày 30 tết, cọng cỏ cuối cùng đã bị nhặt sạch.

Chiếc lều của "con đĩ ngựa" nằm ngay ven nghĩa địa, tức là ngay cạnh con đường dẫn vào xóm, Không ai biết "con đĩ ngựa" đến tá túc ở đây từ hồi nào. Chiếc lều xinh xinh chỉ kê vừa đủ một cái giường nhỏ, còn lại một khoảng trống dùng làm bếp nấu ăn, đồng thời cũng dùng để nồi niêu chén đĩa. Suốt ngày "con đĩ ngựa" ngồi ở trước cửa, nhặt một rổ lông gà do một người đàn bà đem lại. Sau khi mù nhặt riêng rẽ chọn lấy những chiếc lông tốt cắm vào nhựa đường quét trên một thanh tre vót tròn dài chừng nửa thước. Tới chiều tối thì mù có thể hoàn thành được chừng mười cái chổi phát trần. Ngày hôm sau cũng mù đàn bà ấy tới lấy mang đi bán.

Đó là kẻ sinh nhai độc nhất của "con đĩ ngựa" từ bao nhiêu năm nay. Mụ sống có vẻ sung túc, đôi khi mù lại còn là chủ nợ của một vài gia đình phụ xích lô trong xóm. Không ai quyết nổi nợ của mù, suốt ngày khi nào ngừng tay là mù lại xoe xoe chửi. Mụ chửi trời chửi đất, chửi con nít, chửi tất cả những ai đã có ý khinh khi mù. Tên tuổi mù không ai được rõ, người ta gọi mù là "con đĩ ngựa" nhưng chỉ gọi lén. Nếu mù nghe thấy, mù sẵn sàng chửi ra rả từ ngày nọ sang ngày kia. Mười một giờ đêm, khi xóm giềng bắt đầu tắt đèn đi ngủ, mù lên tiếng chửi lần chót. Bài chửi kỳ này văn vẻ hơn, nghĩa lý hơn, người ở quanh vùng đoán lần rả, biết bài chửi đó mù dành cho một gã đàn ông nào đó đã một lần đi qua đời mù. Mối tình không mấy đẹp đẽ, một vụ hiếp dâm thì đúng hơn, Vì bài chửi đó mà mọi người đặt cho mù cái tên là "con đĩ ngựa".

Không ai có thể tưởng tượng nổi là mù lại có được một mối tình. Người mù nhỏ thó, da nhăn nhúm, mồm thếch, tóc trên đầu tróc gần hết, để lộ ra từng mảng da có những mụn ghẻ ngứa nhỏ, lúc nào cũng như sẵn sàng bong vảy, sẵn sàng chảy nước vàng. Hai bàn chân luôn luôn quần băng trắng, chất mủ loang trên màu băng hấp dẫn những con nhặng xanh. Chiếc quạt luôn luôn ở bên cạnh chỗ mù ngồi. Mới đầu, dân trong xóm tưởng mù bị bệnh cùi. Nhưng cuối cùng họ biết mù bị ghẻ kinh niên. Hình như không thuốc nào trị dứt nổi bệnh đó cho mù, Sau bài chửi buổi tối, mù ngồi tháo băng ra, rửa sạch chân, rắc một chút thuốc bột lên trên những mụn ghẻ lở loét.

Mụ quần băng, tắt ngọn đèn hột vịt độc nhất rồi yên chí nằm ngủ.

Đêm cuối năm trời không có một vì sao, đàn ông, đàn bà, trẻ con trong xóm nườm nượp dắt nhau đi lễ lăng Ông. Nhiều nhà đã bày sẵn mâm trái cây ra sân hay trước cửa nhà. Những chốm nhang đỏ lừ ở bên nghĩa địa tàn lụn dần. Mầu đất mới đắp trên mộ trắng nhờ nhờ trong bóng đêm.

"Con đĩ ngựa" đứng chống nạnh ở ngay bên cạnh lều, mù nhìn ra nghĩa địa, nhìn mọi người vui vẻ qua lại. Thốt nhiên mù nhảy chồm chồm xía xói vào khoảng trống. Nhiều người thấy vậy nhưng vẫn bình thản đi qua, họ nghĩ không đại gì lại dính vào "con đĩ ngựa" rước xui vào người. Trước mặt mù hình như có một kẻ chịu trận, một kẻ vô hình nào đó hứng chịu tất cả mọi lời mọi tiếng gớm ghiếc của mù :

- Đò chó đê, quân khốn nạn, quân bạc nghĩa. Chính mày đã phá hoại đời bà, mày trốn đâu hả quân phụ tình phụ nghĩa kia ? Ông trời có mắt mày ơi ! Bà mà túm được mày lúc này thì bà xé mày ra trăm ngàn mảnh cho coi...

Mụ gào lên, giọng chanh chua như pha dấm :

- Bà là người đảng hoàng, bà đâu phải là "con đĩ ngựa" để mày muốn xiên xỏ sao cũng được. Mày phá hoại đời bà thì trời tru đất diệt mày. Trời ơi là trời, sao trời không có mắt, sao trời không sai thiên lôi đánh tan xác quân phụ tình bỏ ngãi ấy đi. Bà sẽ chửi hoài chửi hủy, bà chửi trời thấu trời xanh mây trắng để tru diệt cả giòng họ nội ngoại nhà mày. Bà có chết xuống âm ti địa ngục bà sẽ lộn kiếp đầu thai vào nhà mày, phá tan hoang cả giòng giống quân bạc tình phụ ngãi.

Càng chửi bới dữ dần "con đĩ ngựa" càng thấy hình ảnh nghênh ngang của kẻ bạc tình hiện ra càng rõ. Lời chửi của mụ càng trở nên ray rứt, rên rỉ rồi trở thành than thân trách phận. Trước mắt, mụ lúc này như hiện ra tất cả hình ảnh một đêm xưa. Cũng con hẻm này đây, đêm đó tối trời, nồng nực. Trời nóng quá không chịu nổi, đang nằm trên giường quạt phành phạch, mụ ngồi bật dậy, vén mùng chui ra, kêu to ngọn đèn. Mụ ra cửa đứng hứng gió. Đêm yên lặng, không có một ngọn gió nào. Cây cối đứng yên phăng phắc. Trên bầu trời đen lác đác vài vì sao. Mụ quạt luôn tay vậy mà mồ hôi vẫn chảy ròng ròng trong áo. Mụ cố lần từng chiếc nút áo, quạt lùa vào trong thân thể. Hết ngưng tay quạt mồ hôi lại rin rịn chảy ra. Xung quanh mụ tiếng muỗi đói reo vo vo. Mụ phát bực mình, mụ cắn nhả chửi :

- Đ. má cái con mụ nội thẳng trời, giờ này mà mày còn làm nóng người bà. Gió lên mày, không gió lên bà chửi chết cha cả mày luôn. Bà chửi hoài chửi hủy cho tới sáng, tới ngày hôm sau. Bà chửi khi nào mày nổi gió mát thì thôi.

Mụ vừa cắn nhả vừa quạt phành phạch không ngơi tay. Chợt mụ để ý đến một nhà lầu trong xóm, bỗng nhiên mụ thấy căm tức. Trời nóng như vậy mà chúng nó đóng cửa im ỉm. Hẳn nhiên lúc này trong căn phòng ngủ đó có một đôi vợ chồng đang thỏa thích trước hơi mát của quạt máy. Mụ tưởng tượng ra tiếng quạt kêu vo vo trong phòng, và đôi vợ chồng ôm nhau ngủ thiêm thiếp. Họ sung sướng quá. Vậy mà giờ phút này thì mụ lại cực khổ hết sức, mụ suy đi tính lại một hồi lòng ghen ghét càng tăng, cuối cùng bật ra khỏi cổ họng :

- Cha cái con đĩ mẹ vợ chồng ở cái nhà lầu kia kia (mụ chỉ tay ra phía nhà lầu). Mày thức dậy đi, mày mặc quần áo vào đi rồi giắt díu nhau ra cửa sổ nghe bà chửi đây này. A, chúng mày sung sướng, chúng mày ở nhà lầu, đi xe hơi, ngủ có giường nệm quạt máy. Chúng mày ăn sung mặc sướng có lúc nào chúng mày nghĩ đến dân nghèo mọt rệp như tao không. Chúng mày khi người như rác, chúng mày sợ dân nghèo ăn trộm nên cửa đóng then cài phải không ? !... Ôi đừng có phách lối, con này chửi cho thối mồ thối mả chúng mày ra. Con này sẽ chửi cho ông cố nội nhà mày đội mồ chui lên nghe kia. Chúng mày khinh khi tao, chúng mày đóng cửa im ỉm không thèm ra nghe tao chửi sao... hả, vợ chồng thẳng nhà lầu xe hơi kia ?

Mụ bắt kể đêm hôm khuya khoắt, mụ nhảy loi nhoi, xỉa xối, tiếng chửi của mụ the thé vang trong đêm khuya. Hàng xóm láng giềng thức giấc. Họ chỉ càu nhàu lấy lệ, không ai muốn dính dáng gì đến mụ. Nếu trong lúc này có một người quá bực mình lên tiếng, mụ sẽ có đối thủ. Mũi dùi của mụ sẽ hướng về kẻ đó và mụ rất có thể có gan chửi cho tới sáng. Người ta có cảm tưởng mụ dám chửi cho đến rã họng, lăn quay ra chết như con ve sầu cuối mùa hạ. Mụ dữ dần như một con chó con mới biết sủa bị cột cổ vào chân giường, con chó con thì ong óng sủa khi thấy bóng người, mụ cũng vậy, Mụ chửi vì những lý do không đâu. Chửi cho có chuyện, cho đỡ ghiền. Mụ chửi tàn sát, độc ác, mỗi ngày thêm được một vài danh từ mới tục tằn rất mực. Hình như những lúc ngồi bới lông gà là những lúc mụ nghĩ thêm câu chửi, khi xong việc mụ mang ra xài liền.

Lũ nhãi ranh trong xóm coi mẹ như một đồ giải trí, chúng dắt nhau đi chơi chán, khi về qua túp lều của mẹ chúng dừng lại, nhìn vào trong hổi thúc :

- Ê, mẹ cùi chửi đi chó !

Nói xong chúng dắt nhau ù té chạy, Thế là mẹ nhào ra cửa ong óng chửi cả tiếng đồng hồ, những đứa trẻ trong xóm đã bỏ đi chơi đâu mất tiêu. Khi mẹ ngừng tiếng chửi, lũ trẻ lại đến chọc phá. Nhiều lần mẹ đã bị bệnh vì chửi quá nhiều.

Trời vẫn nóng nực như đổ lửa. Mẹ quạt phành phạch luôn tay. Mẹ lững thững đi dạo. Mẹ đã ngừng chửi cái nhà lâu. Bây giờ mẹ lại van vái Trời Phật cho xin ít gió. Mẹ chợt nghĩ đến lu nước, hay là mình tắm một cái cho khoan khoái. Phải đó, mẹ lững thững đi ra khạp nước để ngay bên cạnh nhà, mẹ mở nắp khoảng tay vào đó. Nước còn lửng khạp. Mẹ cởi quần áo máng lên hàng rào ngăn cách nhà mẹ với nghĩa địa. Mẹ ngồi thụp xuống cầm chiếc ca nhôm nhỏ múc từng ca xối lên người. Mát mẻ, mẹ đưa tay vuốt từng giọt nước cho ướt đều khắp châu thân. Đêm trở lại yên tĩnh sau khi mẹ ngưng chửi bới. Chỉ còn tiếng nước dội ào ào và tiếng bàn tay vỗ bì bạch trên thân thể mẹ.

Bỗng nhiên mẹ ngưng dội nước, hình như có tiếng chân người đi từ xa lại. Lẫn trong tiếng chân bước còn tiếng lè nhè hát hồng không ra đầu ra đuôi :

- Hỡi ơi sương mờ lác đác, nhìn ánh trăng mà lạnh lẽo cái cỗi... a... a lòng...

Sau câu vọng cổ có tiếng cười khà khà nổi lên. Tiếng cười và tiếng hát ấy của một người đàn ông say túy lúy. Mẹ đoán chừng vậy. Tiếng hát lại một lần nữa nổi lên :

- Đám cưới của em mời bà... con lối xóm, chỉ có riêng anh là... đíu có ai mời... Em biểu chồng em đẹp, chồng em sang... chồng em đứng... đấn đàng.. goàng... Còn anh thì... đíu có đàng... goàng... Đíu đàng goàng, sức mảy mà... đàng goàng... Anh là thằng điếm... á... á... là thằng đàng... từng... từng, tức, từng tức, cái bụng... á... á... tức à... á... cái mình.

Sau lời ca của gã đàn ông là tiếng ngã lụi đụi. Hình như hấn đi đến gần hơn, gần hơn nữa. "Mẹ cùi" (khi đó con đĩ ngựa còn cái tên mẹ cùi) vội vàng vơ quần áo ôm vào người. Gã đàn ông lại té đến rầm vào cửa nhà mẹ, Mẹ la lên:

- Thằng nào đó ?

Gã đàn ông im lặng một lát, có lẽ gã nghe ngóng, rồi chắc hấn nhận ra tiếng đàn bà, gã cười khinh khích :

- Anh đây cưng, em ở đâu vậy cưng ?

Mẹ cùi vẫn ôm quần đứng ở cạnh nhà, mẹ hét lên :

- Cút đi, đồ bọm nhậu, bà đang tắm.

Gã đàn ông á à một tiếng rồi nhẩy chồm ra sau. Gã tới trước mặt mẹ, gã khật khưỡng ; nhe răng ra cười:

- Ối chu choa ! Nàng tiên của anh tắm đấy sao ?

Hấn dụi mắt, mẹ cùi lùi dần, lùi dần tới sát hàng rào thép gai :

- Cút đi, lộn xộn tao la...

Người gã đàn ông sắc mùi rượu, áo mặc trên người gã phanh ngực, gã lì lợm tiến lại, miệng cười toe toét :

- Khỏi có ngán đi, thằng này chịu chơi mà, duyên kỳ ngộ.

- Kỳ hôn, đi đi, người ta đàn bà con gái mà.
- Há, đàn bà con gái sao ? tốt, tốt, đàn bà con gái thì tính theo đàn bà con gái.

Gã vươn hai cánh tay dài như cánh tay vươn ra, mụ cùi không còn lối thoát mụ há miệng la :  
"Bớ người ta !" Nhưng miệng mụ ta bị bàn tay của gã đàn ông bịt chặt.. Mụ rầy rụa, cào cấu, nhưng vô hiệu trước thân hình rắn chắc khỏe như vâm của gã đàn ông. Tiếng gã đàn ông thều thào :

- Ôi sao em đẹp vậy, người em mát như đá.
- Gã bồng thốc mụ lên đi vào nhà, ném lên giường. Gã co chân đạp cái cửa xập lại. Trong bóng tối tiếng mụ cùi yếu dần :
- Tao la à !
- La đi !
- Ái ! bớ...

Tiếng gã đàn ông trở nên bay bướm :

- Em ơi ! duyên nợ nào đưa anh tới đây... Ôi nàng tiên bé nhỏ của anh. Nàng tiên có tiếng nói trong như pha lê, tiếng cười như hột soàn và đôi mắt mơ huyền vương áng mây chiều !
- Trong nhà có tiếng động mạnh, tiếng gã đàn ông thở dài:
- Người em sao thơm vậy ?
- Tiếng trả lời của mụ cùi, lần này dịu lại :
- Người ta tắm bằng sà bông Cô Ba ?
- Cô Ba hả, đâu ?
- Đồ điếm, sà bông Cô Ba chứ không có cô ba nào ở đây hết trơn á ! Coi kia cái mặt dày...
- Tiếng gã đàn ông cười hì hì :
- Ở ở ! sà bông Cô Ba.

Ngọn đèn dầu lụi dần, chỉ còn một đốm sáng xanh nhỏ bằng hạt đậu. Bên ngoài trời bắt đầu nổi gió, cơn gió mạnh rung chuyển lá cây, thì ra cơn nóng hồi tối chỉ để sửa soạn cho một trận mưa lớn. Gần sáng mụ cùi tỉnh dậy. Mưa vẫn còn rì rả bên ngoài. Gã đàn ông nằm bên cạnh đã ngủ say. Mụ trở dậy khêu to ngọn đèn. Mụ muốn nhìn cho rõ mặt gã đàn ông, Ánh sáng yếu ớt chiếu qua mùng, gã đàn ông nằm ngửa tênh hênh, thân hình hần to lớn chiếm già nửa cái giường. Khuôn mặt hần khá dễ thương, lỗ mũi cao, da xám xạm.

Thốt nhiên mụ cùi thấy lòng mình náo nức, mụ hoang mang sau cuộc giao hoan. Mặt mụ thoảng vui, mụ mỉm cười trong bóng tối nhẹ nhẹ, Mụ kéo mền phủ lên người đàn ông xa lạ. Mụ vuốt ve sống mũi cao của gã, mụ dí ngón tay vào trán gã :

- Bê bối, thiệt là bê bối vậy đó.
- Gã đàn ông cựa mình, ú ớ, người gã vẫn còn nồng nặc mùi rượu. Mụ cùi lay tay gã :
- Đây, dậy người ta nói chuyện này cho mà nghe.
- Gã đàn ông chép miệng, giọng mê ngủ :
- Yên, người ta ngủ.
- Mụ cùi vẫn nhẫn nại lay cánh tay gã :
- Anh đã phá đời tôi anh tính sao đây ?
- Tính gì ?
- Mụ cùi đay nghiến :
- Còn tính gì nữa hả, anh có chịu lấy tôi không ?
- Há ! lấy à, ừ thì lấy. Nhưng để người ta ngủ.

Mụ cùi như không nghe thấy câu nói chót của gã, Mụ hỏi tới :

- Thiệt há ! lấy thiệt há, thằng nào nói láo thì sao ?
- Ừ... ừ !

- Ừ cái con mụ nội anh ấy à ! Thề đi, thằng nào mà phản bội thì nó chết đằm chết chém, thì Tây bắn, Chí Hòa kêu.

- Ừa!

Gã đàn ông trả lời ú ớ vài câu rồi xoay lưng ngủ ngáy khò khò. Mụ cùi nằm bên cạnh mở mắt nhìn lên mái lá. Mưa vẫn rơi ào ào bên ngoài, ngọn đèn dầu chấp chới như muốn tắt đến nơi. Nếu điều mong muốn đó là sự thật. Mụ nghĩ thầm, mụ nhìn sang gã đàn ông nằm bên cạnh, mụ vuốt ve tấm lưng to lớn của gã với dáng điệu triu mến. Nếu hắn chịu ở lại đây, chịu làm chồng mụ. Lần đầu tiên trong đời mụ vừa thấy tâm hồn thoải mái vừa lo lắng. Mụ lim dim mắt. Hắn đã thề rồi, liệu hắn có chịu giữ lời hứa không ? Lời hứa của một gã đàn ông trong cơn say rượu. A hồi nãy hắn nhắc đến một con đĩ nào, con đĩ chó đẻ nào đã làm gã nhớ thương, làm gã trở nên say sưa rồi bậy bạ. Mụ cau mày trong bóng tối, mụ nghiêng chặt hàm răng.

Mụ lại nhìn sang gã đàn ông nằm ngủ còng queo bên cạnh. Tổ sự mày yêu thương bà hồi nào đâu. Thốt nhiên mụ thấy mình đau đớn khôn cùng. Mụ thấy ức uất trong lòng, mụ chồm dậy, lay người gã :

- Hồi nãy mày nhắc con nào, con nào hả thằng ma cao kia ?

Gã đàn ông choàng tỉnh dậy, ngơ ngác:

- Cái gì đó ?

- Hồi nãy mày say rượu mày nhắc đến con đĩ chó nào ?

Gã đàn ông hừ một tiếng, đưa bàn tay hộ pháp đè mụ nằm xuống :

- Lộn xộn hoài, ngủ đi mai nói chuyện.

Mụ yên phận nằm yên nhưng mụ thấy khổ sở xốn xang trong lòng. Gã đàn ông lại ngủ tiếp, tiếng ngáy lúc này nghe nặng nề hơn và mụ chảy nước mắt, mụ có cảm tưởng mình sẽ không thể sống cô đơn như trước được nữa. Gã đàn ông đã đến, đã làm xáo trộn đời sống bình thường của mụ. Gã đến với cơn say của men rượu, với đam mê với sự tàn bạo, phũ phàng như cơn lốc. Anh không thể ra đi, tao không thể mất mày hồi thằng khôn kiếp kia ơi ! Tao sẽ giết mày nếu mày bỏ tao. Tao không là con đĩ, tao là người đàn ông hoàng. Tao sẽ chiều chuộng săn sóc mày.

Mụ cùi lén chùi nước mắt trong bóng tối nhờ nhờ. Mụ tạm búa lấy hy vọng hảo huyền do lời thề của gã đàn ông. Ôi khuôn mặt dễ thương đó đâu có phải hạng người đều giả. Tự an ủi, mụ thấy tâm hồn mình bình thản trở lại, mụ tưởng tượng đến một tương lai sáng sủa bắt đầu từ ngày mai. Nếu anh không chịu làm việc em sẽ nuôi anh, nuôi anh mãi mãi. Em sẽ dạy anh nghề làm chổi lông gà. Anh sẽ ở bên em mãi mãi cho đến chết, đến đầu bạc răng long. Em không còn chịu đựng nỗi sự cô đơn nữa.

Thế rồi mụ ngủ thiếp đi trên đôi môi khô héo của mụ thoáng nở một nụ cười trong giấc mơ.

Gần sáng mưa ngớt gã đàn ông tỉnh dậy, gã thấy hai đùi bị đè nặng, thì ra hai chân của người đàn bà hồi hôm gát qua. Gã nhẹ nhàng bỏ chân xuống. Lúc này gã chợt ngửi, thấy một mùi tanh tươi, bàn tay gã dính nhờn nhờn khi đụng tới cẳng chân của mụ. Hắn ngồi dậy dụi mắt, vén mùng thò tay ra khêu ngọn đèn. Ánh sáng bùng lên, lọt qua vải mùng vá chằng vá đụp. Người đàn bà vẫn say ngủ. Hắn nhìn rõ dần thân thể mụ gầy còm, ốm yếu, mái tóc xõ tung những vết tróc trên đầu, những mụn nhọt trên người và hai bàn chân lở lói. Hắn nhích người ngồi xa ra, đôi mắt hắn quắc lên đầy nét kinh dị, Ghê vậy sao? Suốt đêm qua mình đã ăn nằm với mụ đàn bà này sao ? Bậy thật, mình đã ôm ấp một con mụ cùi hủi.

Hắn lùi dần, lùi dần, bỏ thõng chân xuống giường, hắn chui ra khỏi mùng, hắn đón đèn ra cửa, hắn đẩy nhẹ cánh cửa bước ra ngoài. Khi thoát ra khỏi ngưỡng cửa, hắn ù té chạy, mặc những vũng nước, vũng bùn dơ dáy vung đầy người đầy mặt. Hắn vừa chạy vừa làm bầm:

- Bậy thật ! bậy thật.

Hắn thấy đầu óc mình trống rỗng. Lúc đó vẫn còn tối trời.

Trong căn lều nhỏ mù cùi cũng vừa tỉnh dậy, mù xoay mình choàng ôm vào khoảng trống.

Giờ giao thừa đã đến, những người đi lễ lãng Ông đã trở về xông đất. Già trẻ lớn bé trên tay mỗi người cầm một nhánh lộc. Lời chúc tụng vang khắp xóm.

Mùi nhang thơm tỏa rộng một vùng. Những bàn thờ lộ thiên bày ngoài sân đốt đèn sáng, nhang được thắp lên. Ở trước mỗi bàn thờ có một người đàn bà chấp tay khấn khứa.

Con đĩ ngựa đã thôi chửi, mù ngồi ở bậc thềm nhìn thiên hạ quần là áo lượt qua lại nườm nượp. Tiếng pháo khắp nơi reo lên đón mừng xuân tới. Con hẻm dài hun hút vậy mà nhà nào cũng có một bàn thờ. Những chám nhang đỏ lung linh trong gió đêm. Con đĩ ngựa vẫn ngồi ở bậc cửa, mù chong mắt nhìn vào bóng đen, nhìn những người lác đác ra về, trên tay ai nấy đều cầm một cành lộc. Bỗng nhiên mù xòe bàn tay lở lói của mình ra nhìn vào đó. Mù nấc lên, mù thấy mình hoàn toàn cô đơn, tất cả mọi người đã bỏ quên mù, ghê gớm mù. Đã qua bao nhiêu mùa xuân rồi nhỉ. Bao nhiêu mùa xuân trong tay mù không cầm được một cành lộc non. Cành lộc đã vượt khỏi bàn tay lở lói của mù để chạy trốn. Như gã đàn ông say sưa đêm nào. Nghĩ đến gã đàn ông, mù nấc lên khóc, mù úp khuôn mặt nhăn nhu vào hai bàn tay lở lói. Tại sao không có một cành lộc trong tay. Tại sao vậy hả trời. Mù thấy nghẹn ở cổ họng, nước mắt loang đầy mặt, mù đứng dậy ngóng về đầu xóm. Chính nơi đó đêm nào gã đàn ông đã đến. Trong số người đi qua đêm nay không có bóng dáng gã. Ta chửi bới mãi có ích lợi gì đâu. Hắn đã phản bội rồi.

Hai đứa bé gái quần áo tươm tất đi qua, mỗi đứa đều cầm một cành lộc trên tay. Chúng nó cười vui vẻ, chúng thúc hối nhau về nhà cho sớm để lấy tiền lì xì. Khi tới chỗ mù đứng, chúng ngược lên nhìn. Mù cúi xuống mỉm cười trong khi mặt còn nhòe nhoẹt nước mắt :

- Tụi bay cho tao cành lộc đi.

Chúng nó trợn mắt lên, nghiêng đầu nhìn mù :

- Cho bà đâu có được, tụi này phải tới tận lãng Ông mới hái được chớ bộ.

Bỗng nhiên mù nổi nóng:

- Tụi bây có cho tao không ?

- Không !

Hai đứa bé lùi dần, mù gay gắt :

- Không hả ?

Hai đứa bé vùng chạy, mù đuổi theo, đứa chạy sau kêu thét lên :

- Bớ người ta !

Mù chồm lên và ngã chúi. Những chiếc mụn lở loét ở dưới chân lại nhức nhối. Hai đứa bé đã chạy xa, chúng vẫn thay phiên kêu gào. Chúng chỉ còn là hai điểm trắng loảng dảng trong bóng tối. Con đĩ ngựa lồm cồm bò dậy, nhưng mù lại ngã chúi xuống. Hơi đất lạnh xông lên khắp người mù, mù áp má xuống mặt đất, bàn tay quờ quạng sờ mò. Nước mắt mù ứa ra nhòe nhoẹt, cảnh vật ban đêm đã mờ càng mờ thêm. Mù nằm bất động trên mặt đất...

*Gia-Định 2 - 1965*

*Trích từ tập truyện ngắn Ba miền mười không do Kim Anh xuất bản 1966.*



\*\*\*

## Phụ đính I: Nhà văn & Bằng hữu



### Tôi đi Không Quân

Khi tôi không chờ đợi nữa thì chuyện lại xảy ra. Tôi nộp đơn gia nhập Không Quân từ ba tháng trước, nay Không Quân gọi nhập ngũ. Tôi tưởng rằng đơn tôi đã bị bác, như ngành Không Quân từng bác cả ngàn đơn khác. Con số được chọn có trăm mạng. Theo người ta nói lính Không Quân phải có học lực khá. Có thể hôm nay anh chỉ là lính trơn, ngày mai anh trở thành sĩ quan trong mọi ngành nghề. Thời Pháp, một hạ sĩ thời cũng có thể là phi công. không thuần chỉ sĩ quan. nhưng nay quân đội VNCH nâng lên cho bánh. Điều đó được tuyên truyền rộng rãi trong giới sinh viên học sinh. Không Quân thu hút người gia nhập rất đông đảo.

\*\*\*

Tôi ra quán cà phê Con Nhạn ngồi một mình. Trời đất sau bão rớt trời thật đẹp, nắng chỉ ửng vàng trên ruộng hoa lài bát ngát. con bé của bà chủ chơi thơ thẩn dưới ruộng hoa, nó sâu những đoá hoa thành vòng tròn, đội lên đầu con búp bê. Cái đầu con búp bê bây giờ bằng trái cam. Ai đó khoét giùm mắt mũi miệng cho cái đầu, cái miệng vênh lên hình vòng cung thành nụ cười. Tôi lan man nghĩ tới tương lai của mình, những ngày sắp tới trong quân đội. Mình sẽ ra sao nhỉ. Điều này không thể biết được, dù tôi đã có ngày sống đời sống quân ngũ hồi học thiếu sinh quân. Nhưng đó chỉ là nghiệp binh lỡ.

Tôi trình diện nhập ngũ tại cổng Phi Long của phi trường TSNhất. Tôi ngạc nhiên vì gặp nhiều bạn bè từng là bạn học với tôi. Buổi trưa ăn cơm lính đầu tiên rồi đi lãnh quân trang quân dụng.

Những bộ quần áo từ thời Tây để lại rộng thùng thình. Chúng tôi nhận số quân và số chỉ tạm, chưa có thẳng nào có chỉ số chính thức. nhưng chúng tôi vẫn bàn tán đến nghề nghiệp mà mình sẽ theo đuổi, hầu hết thẳng nào cũng mơ ước mình lái phi cơ. Mất tôi kém, tôi hy vọng sẽ được sang chiến tranh tâm lý để làm báo Lý tưởng. nhưng điều đó tôi không nói ra với ai. Tôi vẫn mơ làm văn sĩ. Không Quân hỏi đó có mấy nhà văn nhà thơ nổi tiếng, thứ nhất là toàn Phong, Cung Trầm Tưởng, và Dương Hùng Cường. Dương Hùng Cường mới chỉ là trung sĩ. Sau khi đi học ở bên Tây về....

Tôi thẳng lính mới tò te....chưa là cái gì cả.

Một tuần lễ sau chúng tôi được đưa lên quân trường học quân sự. Chúng tôi học chung với bộ binh ở trung tâm 3. Tại đây tôi gặp nhạc sĩ Lam Phương, anh đi quân dịch. Bài hát anh sáng tác hồi đó được hát vang trại tôi nhớ những câu lôm bôm Xuyên lá cành trăng soi lều vải.... Gặp anh, anh nói với tôi:

- Hy vọng tớ sẽ được chiến tranh tâm lý.

Đời lính quân trường gian khổ, với thể hình trâu nước như tôi nhiều khi tưởng không chịu đựng nổi, kỷ luật kinh khủng. Tôi nhớ những câu khẩu hiệu sơn trên tường: Thi hành trước, khiếu nại sau. Quân trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đổ máu...v.v...

\*\*\*

Những buổi chiều tan sở, tôi lấy xe đạp ra khỏi trại, hoặc đi học thêm, hoặc gặp bạn bè. Những người bạn văn nghệ thuở nào, có người đã vào hẳn nghề, có người còn đi học. Hoài Nam từ Huế trở về SG. Có lẽ chuyến xe lửa cuối cùng trước khi đường xe lửa Huế - SG bị cắt đứt. Tiếng súng từ rất xa vọng về SG. và ngày tháng thì buồn hơn. Hoài Nam đổi bút hiệu là Trần Dạ Từ, Thu Vân có bút hiệu mới là Trần Thy Nhã Ca. bài vở, thơ đăng nhiều trên các báo, tôi vẫn còn nao nức về nghiệp viết. Tôi yêu thích những bài thơ của Cung Trầm Tưởng, cuốn phóng sự 'buồn vui phi trường' của Dương Hùng Cường và vẫn hy vọng được tiếp xúc với anh, góp phần vào tờ báo Lý Tưởng của đơn vị.

Trong phi đoàn trực thăng có nhiều anh mơ mộng lắm, hy vọng thơ văn mình sẽ được đóng góp vào tập san Lý Tưởng. Anh hạ sĩ làm việc dưới sân bay Lưu Văn Giới, làm thơ ca tụng nghiệp bay 'nghiêng đôi cánh sắt' đăng trên báo Lý Tưởng, anh trang trọng cất bài thơ dán vào tập vở, trình bày hoa lá cảnh thật đẹp, dĩ nhiên có cả hình chiếc máy bay. Anh hy vọng sẽ thu góp thành một tập thơ rồi ấn hành.

\*\*\*

Buổi sáng trời nắng hanh, tôi lái chiếc xe tractuer ra khỏi cổng phi đoàn an toàn, chiếc xe tôi đi một khúc đường dài gheo trái sang bộ tư lệnh cải hối thất nhốt lính phạm kỷ luật ngay trên lối đi. Trước khi đến bộ tư lệnh. Hàng toán lính kỷ luật đang phải làm 'cỏ vè' bên rìa đường. Anh hạ sĩ 'cai ngục' la hét om sòm, tay cầm cái cây sẵn sàng quát bắt cứ anh nào ra về chày lưỡi. Một anh, coi có vẻ lớn tuổi hơn cả bọn tù quân quảng cái xềng xuống đường hét lên :  
- Này cái thằng cai ngục kia, mày dám đánh trung sĩ không thì đến đây. Tao trung sĩ Dương Hùng Cường, ba gai số một đây, giỏi thì đụng ông.

Anh cai ngục không vừa, xách cây hầm hầm đi đến:

- Ở tù rồi thì thằng nào cũng như thằng nào, bất kể quan quyền. Ở đây tao là người có quyền, cấp bậc trung sĩ của mày không phải là to đầu, anh đánh hết.....

Trung sĩ Dương Hùng Cường đứng chống nạnh:

- Giỏi thì cứ việc

Đám tù đứng xống người lên, một tay coi có vẻ ngang bướng:

- Mày đụng vào trung sĩ Cường hay bất cứ thằng nào ở đây nữa, chúng tao làm thịt mày liền.

Trung sĩ Ngự từ trong văn phòng cải hối thất đi ra, ô hay sao bây giờ ông ta lại ở đây, ông ta là xếp xồng ở cổng Phi Long kia mà, hắc búa số một, chuyên bắt ne bắt nét những thằng lính khi ra cổng trại, tôi từng bị ông ta phạt kỷ luật vài lần vì quân phục không nghiêm chỉnh. những bộ quân phục nhà kho phát ra thế nào thì tôi mặc thế, không sửa chữa cho vừa vặn. Đôi giày 'săng đá' của Tây để lại tôi không thể đánh bóng soi gương được, hay con kiến bò lên phải trượt ngã. Khoá thất lưng rỉ sét tôi cũng không đánh bóng nổi. cái mũ tiêu đội trên đầu rúm ró, không đội 'kêpi' mũ không quân. Tôi luôn luôn là hiện của chú lính ghê.

Trung sĩ Ngự hôm nay tù đến cải hối thất. Ông ta can thiệp liền:

- Thằng hạ sĩ còi kia, dù sao anh Cường cũng là hạ sĩ quan, mày không nên quá đáng. Thôi được, làm việc đi, anh Cường, tôi với anh là bạn, anh cứ cho nó thi hành nhiệm vụ, riêng với anh hưởng quy chế đặt biệt.

- Mày cói chừng, ông tướng kia tao cìn không sợ, 'mó dái ngựa' đều đều nên mới vô đây, chúng mày chưa là giống gì.....

- Thôi mà đừng nóng !

Trung sĩ Ngự nói bằng nụ cười. Chiếc xe tôi cũng vừa tới, đám tù quân nhao nhao xin thuốc lá tôi. Tôi quăng cho chúng cả bao thuốc lá Boston đang hút dở:

- Chia nhau mà hút, lát trở về tôi mua một bao nữa cho các anh.

Trung sĩ Ngự thốt nhiên quay nhìn chiếc xe tôi đang lái, ông ra oai liền:

- Ê, thằng lính ghê kia, mày lái xe chờ hàng đi đâu ?

Tôi vẫn ngồi trên xe, đưa tay chào:

- Báo cáo trung sĩ, tôi sang phía bộ tư lệnh

- Báo cáo chính xác mày chờ đến đơn vị nào bên bộ tư lệnh. Xuống khỏi xe.

Tôi nhảy xuống xe, đứng nghiêm trước mặt trung sĩ Ngự:

- Báo cáo, tôi chờ những thứ này theo lệnh của trung úy Hiền, trưởng phòng tiếp liệu.

- Đi đâu ?

- Dạ về nhà ông, cũng ở trong phi trường thôi.

- Giấy tờ xuất kho.

- Dạ chỉ khẩu lệnh.

Trung sĩ Ngự hừ một tiếng:

- Lái xe vào bên đường rồi vào văn phòng khai cho thật.

Bỏ mẹ tôi rồi, an ninh bộ tư lệnh mớ đến tôi. nhưng tôi vẫn phải theo chân trung sĩ Ngự vào văn phòng. Một ông thiếu ngồi làm lì sau cái bàn rộng nghe trung sĩ Ngự báo cáo. Ông nắm bắt vấn đề rất nhanh, nhìn thẳng vào mặt tôi:

- Xuất kho mà không có giấy tờ hả ?

- Dạ khẩu lệnh cấp trên.

Ông thiếu úy ra lệnh cho trung sĩ Ngự:

- Nhốt thằng này vào cái hốt thất, để tôi điều tra sau, tôi sẽ gọi điện thoại hỏi trung sĩ Hiền.

Tôi ăn liền một cái bạt tai của trung sĩ Ngự, tống cổ vào cái hốt thất, cửa khoá tách. Tôi nghe tiếng nói chuyện qua điện thoại của ông thiếu úy ở phòng ngoài, những câu nói ngắt quãng nên tôi không rõ nội dung, tiếng nói của ông thiếu úy mỗi lúc một nhỏ. Một lát sau, một gã binh nhất tới cửa cái hốt thất ra lệnh cho tôi:

- Đưa chìa khoá xe.

Tôi trao lại chìa khoá xe. rồi tôi nghe tiếng tractuer đi về phía bộ tư lệnh.

Tiếng động cơ xe máy chạy ngoài đường, tôi biết giờ tan sở đã đến. Bọn tù quân phạm đã vào cái hốt thất, mỗi thằng có một ga men cơm với miếng cá mỗi nầu nát rưới trên cơm. Trung sĩ Dương Hùng Cường cũng vậy, anh nói với tôi:

- Mày tù mới nên chưa có cơm, mày ăn chung với tao.

Tôi uể oải ăn từng miếng cơm. Trung sĩ Cường nói:

- Mày to gan thật, dám ăn cắp cả một xe đồ, tội nặng đấy, có thể ra toà án binh, rồi tống vào khám Chí Hoà, ở đó có mấy phòng dành cho quân phạm, tao nghe nói vẫn còn rộng.

Tôi la lên:

- Tôi có ăn cắp bao giờ, tôi làm theo lệnh cấp trên.

- Không tin được, đã xuất kho ít ra phải có giấy tờ gì, nếu không thì mày sẽ kẹt như hôm nay, mày sẽ là thằng ăn cắp, tao nghe ông thiếu úy nói chuyện với xếp mày. Xếp mày không biết chuyện này, cho là thật đi mày vẫn là con chót thí. Mày chẳng ra gì cả trong quân đội, một hạt

bụi, không được bằng hạt cát, thân phận tối đen, tao đã trải qua rồi, tao nổi khùng, tao nói tao chữ toáng lên, sức mạnh của tao là ngòi bút, tao là văn sĩ mà biết không ? Tao chống bắt công ở bất cứ đâu.

- Tôi có đọc ' buồn vui phi trường ' của trung sĩ, đọc cả những sách của ông Toàn Phong.
- Trái ngược hẳn nhau đấy mà ạ ! Giữa sách tao với sách ông toàn Phong ! Nhưng tại sao mà lại đọc.
- Tôi yêu vẽ nghệ, trước đây tôi cũng có vài ba bài được đăng báo

Trung sĩ Dương Hùng Cường cười, đưa tay bắt tôi:

- Thì ra mà là thằng ' mơ làm văn sĩ ', không biết giấc mơ của mà có bền không. riêng tao có lẽ suốt đời.

Tôi nắm chặt bàn tay Dương Hùng Cường:

- Tôi cũng muốn như vậy trung sĩ ạ !

Dương Hùng Cường lắc tay tôi:

- Cứ gọi tôi là Dương Hùng Cường hay Dê Húc càn cũng được, đừng gọi tao là trung sĩ, khi nào ' ra khỏi tù ' tao với mà sẽ gặp nhau, liên lạc với nhau qua báo Lý Tưởng. Mà cũng không biết được, có thể người ta sẽ tống tao đi nơi khác, ngồi như khi ở đài kiểm soát, như hồi nào tao ở Pleiku. Mà phải tìm cách thoát khỏi cái tội ăn cắp này đi, có bằng chuang gì không, rằng mà không ăn cắp.

Tôi chợt nhớ ra có một mảnh giấy viết tay của trung úy trưởng phòng. Rất may là tôi không vô viên vất đi, nó vẫn còn ở trong túi áo tôi. Tôi lấy ra đưa cho Cường coi:

- Thôi cũng được, đáng lẽ là cái phiếu xuất kho. nhưng đồ ăn cắp mà, đúng chữ của xếp mà chứ !
- Cam đoan !
- Tao sẽ làm chứng cho mà rằng mà đã đưa trình tài liệu này cho ban an ninh phi trường. Minh phải làm ngay.

Trung sĩ Dương Hùng Cường đứng dậy đập cửa tù, một thằng lính an ninh thò cổ trước song sắt hỏi:

- Chuyện gì đó ?
- Tao cần gặp thiếu úy trưởng phòng.
- Ông đi nghỉ rồi, ông nằm võng ngoài hành lang.
- Kêu ông dậy, nói có Dê Húc Càn cần nói chuyện.

Tôi không biết cái uy của trung sĩ Dương Hùng Cường to đến đâu. Ông thiếu úy đi vào, ông nhận mảnh giấy của Dương Hùng Cường đưa, quay sang nói với tôi:

- Sao không đưa ngay mảnh giấy này, thôi được, không cần điều tra nữa, mai anh sẽ ra về nhớ trình diện xếp của anh. Xếp anh còn nói giam anh vài ba ngày, nhưng nể tình anh Cường, mai tôi thả. Nhưng dù sao tôi vẫn phải ghi tội anh vào quân bạ, đó là nguyên tắc.....

Trung sĩ Dương Hùng Cường hăng hái:

- Tôi làm chứng cho binh nhì Long, rằng đã đưa mảnh giấy này cho thiếu úy.

Ông thiếu úy cười:

- Tôi không thủ tiêu đâu, nếu có thủ tiêu thì Dê Húc càn có đưa lên báo đơn vị không ?
- Có chứ sao không, còn những bao bên ngoài đơn vị nữa kìa, tôi chống đối tất cả mọi chuyện hiếp đáp con người. Thiếu úy thấy tôi đã sợ ai chưa ?
- Bởi vậy anh mới vô đây.

Tuy nói vậy, nhưng ông thiếu úy vẫn đưa ra điều thuốc mời DHCường. nhưng Cường túm lấy cả gói:

- Cám ơn thiếu úy, thiếu úy có thể đi mua gói thuốc khác, bọn này ở đây vả thuốc lảm.

Ông thiếu úy lắc đầu đi ra. Tôi nghe tiếng ông thiếu úy loáng thoáng nói chuyện trong điện thoại, sao lại sơ xuất thế....mai tớ phải thả nó ra thôi. không khép tội được...cậu thông cảm cho tớ...tớ đã lo cho cậu cả rồi. Được rồi, tớ không bắt nó đi làm cỏ vè đâu, để nó không lộ mặt.....

DHCường kéo tôi về chỗ nằm, anh chia đều những điều thuốc cho tất cả các bạn. Trong khói thuốc mù mịt ở cái hồi thất, DHCường nói với tôi:

Chúng nó âm mưu với nhau ăn cắp đấy, chuyện này chưa bị lộ nên chúng nuốt trôi cả rồi. Mà lại lính mấy năm rồ, có chỉ số chưa ?

- Chưa gì cả, chưa lên nổi cái binh nhất, vẫn lính ghê !

Vậy thì đường binh nghiệp của mày coi như tắc nghẽn, đen như miệng cống vì mày đã phạm kỷ luật, mày ở tù, dù là chỉ một ngày tù oan uổng. Sẽ không đi học ở bất cứ đâu, nói chi đi Mỹ. Tao gia nhập không quân từ thời Tây, ở ngoài Bắc, rồi đi học Marakech. sang chính phủ quốc gia tao lên được trung sĩ rồi đứng nguyên ở đó đến bây giờ. Bạn bè tao lên quan cả rồi. Tao ngành không lưu khí tượng, nhưng tao lại làm nghề viết văn làm báo, thỉnh thoảng tao nóng máu làm thịt bậy một ông xếp của tao, tao được vào cái hồi thất nằm nghỉ ngơi.

Trong quân bạ của tao ghi đầy tội danh, nhưng cần quái gì, binh nghiệp của tao, coi như plafond rồi....Chúng nó vẫn ngán tao vì tao có sách có báo in ngoài quân đội. Kỷ luật quân đội không bịt được miệng tao. Mọi chuyện bắt công ở bất cứ đâu là đề tài cho mình viết dài dài, không sợ cạn nguồn.

Tôi cũng kể cho DHCường nghe về những người bạn làm văn nghệ của mình còn ở ngoài quân đội, họ đến tuổi nhập ngũ cả rồi nhưng không ai chịu đi quân dịch, có lẽ họ trốn lính.

DHCường phang luôn một câu:

- Chính nghĩa quốc gia hay giải phóng miền Nam chỉ là chuyện bố láo. Chiến tranh dân mình khổ thôi.

Tôi không ngờ lần gặp DHCường ấy, sau đó chúng tôi trở nên thân tình trong tình đồng nghiệp kéo dài mấy chục năm trời, đến khi nghe tin anh chết trong trại tù, lúc tôi đang là anh thợ sửa xe đạp ngồi ngoài lề đường. Tôi nhớ mãi hình ảnh nghênh ngang của anh, chẳng biết sợ chi ai. Cái sĩ khí của anh ở đó trong giấc mơ làm văn sĩ lữ làng và ngán ngủ. Ly rượu ' nước mắt quê hương ' tràn đầy cụng nhau ở quán 12 bên nước đường Trương Minh Giảng khi chúng tôi là kẻ ngã ngựa.

\*\*\*

Trong đơn vị tôi, xung quanh tôi biết bao nhiêu chuyện bòn cười. Tôi không hiểu vì sao DHCường viết được ' buồn vui phi trường ' bối cảnh là phi trường Biên Hoà và xóm chơi bời dốc Sỏi ở đó. những tiếng cười dậy lên trong nỗi buồn. Tôi đọc nhiều hồi ký, phóng sự, truyện ngắn, truyện dài của những người không quân viết mà tôi thấy không bằng bút pháp của DHCường, cái được, cái thực ở đó.

"Chú Tư Cầu"

Viết hồi ký, viết hoài về chuyện chết chóc, sự khốn khổ của kiếp người, chính người viết cũng thấy nản. Nhưng làm sao được, vì chính những người nằm xuống đó là chỗ thân tình của tác giả, anh em, bạn bè, hoặc là người mà tác giả ngưỡng mộ, một nhà văn, một nhà báo, một thi sĩ nào đó. Tôi nghĩ cũng là chuyện thường thôi, không oán trời oán đất gì hết, hay đổ lỗi cho ai. Con người ta chẳng qua có một số mạng, trời cho sống thì được sống, trời bắt khổ thì phải khổ mà thôi. Như một lần nhà văn Lê Xuyên nói với tôi.

Đời sống tiêu cực chẳng? Tôi không biết nữa. Nói chung đời sống chúng ta như bị cây sinh tử phù, dở sống dở chết. Thôi cũng được. Người ta già mà chết, tai nạn mà chết, hoặc khổ quá mà chết thì cũng là chết vậy. Tôi không muốn nói đến chuyện chết chóc nữa. Bây giờ già rồi, có thì giờ thì dạo chơi, đi thăm bạn bè mà không tốt sao, chúc cho nhau câu sống lâu trăm tuổi. Còn khối người bạn vẫn sống đó, hoặc thành công, hoặc thất bại, hoặc ngất ngư, bị dính 'sinh phù tử'.

Những người bạn thành công trên đường đời, hãy khoan, tôi chưa đi thăm vội, tôi tìm thăm những người bạn ngất ngư trước đã. Hình như tôi cũng có nhiều thì giờ, tôi thuộc về loại đàn ông bây giờ vô tích sự, ăn bám vợ con, tự nhiên thích rong chơi, thăm anh bạn này, anh bạn kia đau ốm, hoặc có chuyện khốn khổ chi đó.

Sau cơn bão, áp thấp nhiệt đới số 4 và số 5, trời lại đẹp. Buổi sáng ở thành phố Sài Gòn, không khí trở nên trong lành, se se lạnh như trời thu Hà Nội. Tôi, nhà báo hết thời, làm báo từ khi còn in báo từ máy typewriter bỗng thấy ngửa nghề, nhớ nhung vẫn vợ và thích chạy rong. Tôi có thể ngồi nhà, trên căn gác bút mà gặm nhấm kỷ niệm, dĩ vãng coi như lùi vào quên lãng cho đỡ buồn. Mà sao căng tôi như cuồng lên, nhớ nhung gì đâu không. Muốn ngồi quán cà phê lúc trời tăng sáng, muốn ngửi mùi giấy thơm mực in của những tờ báo mới được nhả ra từ máy in, cái không khí âm âm của tòa soạn, tiếng máy đánh chữ lách tách. Hoặc được phóng chạy như một phóng viên đi nhật tin giờ chót, làm phóng sự: 'Vẫn còn một cột tin giờ chót để cho anh đấy trước khi báo lên máy'. Lời anh tổng thư ký tòa soạn như còn văng bên tai tôi.

Đã gần ba chục năm nay mà sao tôi thấy gần gũi như mới nghe sáng nay. Ôi nhớ nhung vô vàn. Tôi yêu nghề, nâng niu nghề nghiệp của mình đến trọn đời. Vậy sao nay tôi lại gác bút đến hai mươi mấy năm trời, như một số anh em khác. Do lý do tế nhị khó nói ra nên ai hiểu sao cũng được. Nhưng những dự định viết cái gì đó trong đầu người cầm bút vẫn còn đó, mãi mãi như một nỗi bất hạnh dai dẳng... Tôi đã thấy điều đó từ nhiều năm qua.

Sau cơn áp thấp nhiệt đới trời đẹp, tôi lại ngửa nghề, muốn lên đường để nhìn ngó lung tung, muốn đi trở lại những con đường mà trước đây tôi từng in dấu chân thuở viết văn làm báo, thăm lại một số bạn bè xưa.

Thế là tôi rời căn gác bút, ra đường trên chiếc xe đạp cũ rích, cà là tàng đi trên các nẻo đường, từng quen thuộc mà nay hơi xa lạ đấy. Thành phố thanh bình như khi tôi còn hành nghề phóng viên, bên ngoài thành phố khi đó vẫn ì ầm tiếng súng, chiến tranh khắp mọi nơi, thành phố khi ấy chỉ là phần vinh giả tạo.

Hôm nay thành phố vẫn đẹp, vẫn vẫn minh mà dân quê vẫn hứng chịu mọi bất công, thói nát, đói nghèo. Nạn nhân chính của thiên tai lũ lụt trên đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung đất cày lên sỏi đá. Thành phố chỉ có một bộ mặt thanh bình, vẫn minh, nhưng mặt trái của nó thì khác. Xe hơi, xe gắn máy đời mới chạy nườm nượp trên đường. Tôi chóng mặt, nhảy xuống khỏi xe đạp dẫn bộ, nhưng mà sao cứ vẫn chệnh choạng. Tiếng xe hơi thảng kít sau lưng tôi, tôi nhìn, một thanh niên trẻ lái ô tô con thò cổ ra cửa, ngoác mồm chửi:

“Địt mẹ thằng già, chán sống rồi hả?”

Tôi nghệt mặt ra, anh ta chỉ đáng tuổi con tôi mà phát ngôn được một câu độc chiêu như vậy. Tôi ngỡ ngàng đến không kịp phản ứng, chiếc xe hơi bóng loáng phóng vút đi bỏ lại một nạm khói xộc thẳng vào mũi tôi, chạy xuyên qua suốt lên óc. Có lẽ cậu bé thuộc loại con ông cháu cha, hoặc giả là ông bé mà làm lớn, loại này ở đây thì nhiều lắm. Tôi, dân đen, thấp cổ bé miệng chịu đựng xử sự của những người thuộc loại đó nhiều năm và quen rồi.

Tôi nở nụ cười ngu ngơ đứng xem một đoàn du khách nước ngoài "tham quan' Sài Gòn 300 năm, thành phố Hồ Chí Minh. Ở những con đường chính, tôi đã 'tham quan' coi như hết rồi. Tôi đã đi qua nhiều, xưa kia là tòa báo tôi đã làm việc. Bây giờ thì tôi đi thăm ai đây?

Tôi dừng lại ở đầu đường Gia Long (nay là Lý Tự Trọng) và đường Nguyễn Trung Trực. Tại nơi này nhìn qua Thư viện Quốc gia, Đại học Văn khoa hồi xưa, có một kiosque bán cà phê, nhìn sang bên kia đường là tòa báo Đại Dân Tộc, phía góc đường Thủ Khoa Huân, Gia Long là báo Sống. Nói tóm lại có rất nhiều tòa báo trên quãng đường ấy. Ký giả, phóng viên, nhà văn sáng sáng ngồi đầy các quán cà phê lề đường, tất cả đều quen nhau, thân thiết đến độ xộc thẳng vào đời tư của nhau, nên tình nghĩa bạn bè cũng rộng rãi. Sau năm 1975, ngày 'đứt phim', báo chí thuộc chế độ cũ dẹp tiệm, ký giả nhà văn có người đi mất, người còn sót lại lêu bêu. Tôi ở trong số đó. Buồn quá đi thôi, bỗng dưng tôi phải buông bút (mới chỉ buông chứ chưa gác), vẫn còn nghĩ mình dùng được ngòi bút để phục vụ độc giả. Sau vài lần 'vỡ mặt' mới sáng mắt ra.

Nơi tôi đứng là một lề đường rộng, cái kiosque sơn màu xám xỉn cũ kỹ nay đã biến mất. Nơi đó tôi từng ngồi, thân thiết chủ quán đến độ có thể ghi sổ nợ từng ly cà phê, điều thuốc thơm trợ hứng cho lúc viết bài hay trang feuilleton đăng trên nhật báo. Chẳng phải riêng mình tôi mà nhiều anh em đồng nghiệp cũng thế. Sau ngày đứt phim tôi còn thấy lai rai vài người. Họ vớt vát cái gì, hay chờ đợi như ngày anh em tụ lại với nhau khi báo được lệnh đóng cửa.

Hình ảnh nhà văn Lê Xuyên, anh em quen đùa gọi là chú Tư Cầu, tên tác phẩm nổi tiếng của anh viết về đồng quê Nam Bộ, dĩ nhiên là có những mối tình quê mùa mà không kém đam mê, tiêu biểu là nhân vật chú Tư Cầu trước ngày miền Nam bại trận, Lê Xuyên là tổng thư ký báo Sài Gòn Mai rồi Đại Dân Tộc, anh có cái nhạy cảm của người làm báo cùng với sự sâu sắc của người viết văn. Anh đã có cả lô tiểu thuyết án hành, tôi không nhớ hết. Nhà văn Lê Xuyên hay nhà báo Lê Xuyên cũng được. Nhưng anh em gọi anh là chú Tư Cầu cho thêm phần thân mật. Nhưng hình ảnh của nhà văn Lê Xuyên gây ấn tượng nhất cho tôi là sau ngày chế độ Sài Gòn bại trận, tôi vẫn còn thấy anh ngồi ở quán cà phê đó vào những buổi sáng kể tiếp. Mắt nhìn lên tòa soạn xưa buồn rười rượi, y nguyên như ngồi uống cà phê chờ anh chef typo xuống báo cáo đã đủ khuôn, xin lệnh chạy máy, hay cần lấp một lỗ hỏng. Bây giờ không còn gì nữa, không vắng lặng mà có cái xôn xao của cờ quạt, biểu ngữ khẩu hiệu và các trẻ thơ nổi vòng tay lớn nhảy múa như cuồng ở góc đường, góc công viên.

Lê Xuyên vẫn cái áo sơ mi bỏ ngoài quần tây, cái mũ phớt giản dị, đôi dép. Tôi chưa bao giờ thấy ở anh một sự 'se sua' thời trang nào. Con người anh rất giản dị, cái giản dị của người miệt quê Nam bộ, nên gọi anh là chú Tư Cầu cũng rất đúng, không từ nào chính xác bằng. Tôi đã ngồi đó nói chuyện với Lê Xuyên, tôi không nhớ mình nói gì. Sau đó các văn nghệ sĩ, nhà văn nhà báo chúng tôi hầu hết bị vồ đi học tập cải tạo, Lê Xuyên đương nhiên có mặt trong đám 'học viên' đó. Anh về sớm, tôi lại gặp anh trên những nẻo đường đi bán bánh tiêu bánh bò, rồi anh mở quán bán thuốc lá lẻ ở đường Ngô Quyền, Chợ Lớn gần nhà anh. Tôi ngồi sửa xe đạp ở góc đường Nguyễn Kim gần đó, nên thỉnh thoảng gặp qua gặp nhau.

Đã lâu rồi, đến hai ba năm tôi không có ghé qua anh. Sáng nay tại sao tôi không ghé, lần sau cùng gặp anh coi bộ anh yếu lắm. Khi đó anh nói với tôi anh tròn 70 tuổi. Đường về Chợ Lớn đối với tôi bây giờ xa vời vợi, nhưng phải đi chứ. Thăm một người bạn sau nhiều năm giam mình ở ấp Đông Ba cũng là một điều hay.

Kia kia, chú Tư Cầu còn đó, sau cái quầy bán thuốc lá cũ rích, con người anh cũng cũ rích, gầy guộc và đầy chất Nam bộ chân chất. Cái mũ bánh tiêu rúm ró chụp trên đầu, cái sơ mi mỏng lét, mòn cả vai, cái quần tây màu nâu ống cao ống thấp, đôi dép không rõ bằng vật liệu gì nữa. Mặt anh gầy rộc, xanh mét. Tôi gọi anh:

“Chú Tư Cầu!”

Anh nhìn tôi một giây xong mới hỏi:

“Có phải Trâu Nước không?”

“Chính tở, mà sao ông gầy thế, có khỏe không?”

“Ông cũng chẳng hơn gì tôi, tôi suy yếu toàn diện rồi, 72 tuổi, hai mươi năm ngồi bán thuốc lá lẽ ở lề đường, trên góc đường này còn gì. Cám ơn, ông mò đến tôi mới nhớ mình là Lê Xuyên, chú Tư Cầu...”

Niềm hãnh diện còn lại của một người cầm bút. Niềm xót xa của một nhà văn đã từng có một thời vang bóng. Nay anh ngồi đây trong sự lãng quên, hai mươi năm ngồi ở một góc đường. Trước mặt, bên kia đường có cái đình tên Vĩnh Viễn, bên cạnh đình có một căn nhà có bản đề 'BCH phường đội 8'.

Tôi nói với anh, tôi mới đi thăm thành phố Sài Gòn về, tức là thuộc khu vực Quận 1, Quận 3. Anh nói:

“Tở 15 năm nay không lên đến thành phố Sài Gòn, chẳng biết bây giờ nó ra sao nữa?”

“To cao lắm, đúng là chốn phồn hoa đô hội, cũng đã lâu lắm tở không tới đó, giống như gã nhà quê ra tỉnh...”

“Chúng ta giống nhau.”

Nhìn cái quầy thuốc lá cũ rích, long đĩnh, tróc sơn thấp lẽ tè của Lê Xuyên, tôi lại lo lắng cho anh trong trận mưa chiều ngày 9 tháng 11 vừa qua nhiều con đường ngập lụt, hàng hóa chợ Bình Tây bị nước úng hư hỏng thiệt hại bạc tỉ. Lê Xuyên cũng chỉ cười.

Anh cố ép tôi hút một điếu thuốc Con Mèo. Trong câu chuyện của anh, tôi rút ra được có một câu: 'Tở suy sụp toàn diện rồi'. Tôi cũng được biết hoàn cảnh gia đình anh, bà vợ bị mắc bệnh hiểm nghèo từ mấy năm nay, một đứa con gái của anh đã chết vì ung thư bỏ lại hai đứa con và cái quầy thuốc lá này cho anh, anh là ông ngoại của chúng. Tôi hỏi về sự học hành của hai đứa cháu mồ côi, anh có vẻ ngạc nhiên. Qua câu nói của anh, tôi biết anh không đủ sức nuôi hai cháu ăn học. Một quầy bán thuốc lá lẽ như vậy ở đường kiếm chác được bao nhiêu, nuôi bao nhiêu miệng ăn, đã thế lại phải lo thuốc thang cho người bệnh. Tôi cũng đang mệt nhọc vì còn ba đứa con đi học nên rất đồng cảm với anh.

Xoay sang chuyện văn học nghệ thuật, Lê Xuyên than phiền với tôi rằng anh mới đọc một bài báo nói về các tác giả làm văn học Việt Nam từ năm chục năm trở lại đây, những nhà văn nhà thơ ở miền Nam đã từng cầm bút và có danh không được nhắc đến một ai, nghĩa là bị gạt ra ngoài lề. Tôi nói tôi có biết quyển từ điển văn học ấy.

Báo Kiến thức Ngày nay số 297 trang 186, mục 'Ai sao?' có một độc giả tên Lê Minh (Khánh Hòa) hỏi: Vì sao các nhà văn Võ Hồng, Sơn Nam, Nguyễn Văn Xuân, Kiên Giang, Bình Nguyên Lộc không có tên trong Từ điển văn học do nhà xuất bản Khoa học Xã hội in năm 1983-84? Người tòa soạn có tên là Phan Hoàng trả lời: Chúng tôi thiết nghĩ ông nên gửi thẳng câu hỏi



này về Ban biên tập Từ điển văn học và NXB KHXH. Tin rằng ông sẽ nhận được hồi âm cho thắc mắc mà dường như tất cả những người yêu thích văn chương đều quan tâm. Chúng tôi chỉ xin lưu ý, bên cạnh những nhà văn trên đây, còn rất nhiều tên tuổi văn học đáng kính khác cũng không hề được nhắc đến, dù chỉ cái tên, trong bộ từ điển tầm cỡ quốc gia này. Chẳng hạn như các bậc tiền bối thời tiền chiến: Hoàng Đạo, Đinh Hùng, Nguyễn Vỹ, Phạm Hài, Đoàn Phú Tứ, Bằng Bá Lân... cho đến những nhà văn nhà thơ góp phần đáng kể vào diện mạo văn học Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến vừa qua: Lý Văn Sâm, Dương Tử Giang, Vũ Anh Khanh, Trần Dân, Lê Đạt, Phùng Quán, Văn Cao, Hoàng Cầm, Hữu Loan, Quang Dũng...

Những nhà văn nhà thơ, nhạc sĩ tầm cỡ như thế còn chưa được ngồi sau porte bagage đèo xe đạp vào văn học sử nữa là... Đừng nói là người ta thiếu sót trong việc biên soạn, vì ban biên tập toàn là người có đầu óc, có văn hóa được đào luyện. Sỏi đá xôn xao. Chúng tôi cười xòa, cũng xong cả thôi. Quan tâm làm đếch gì đến chuyện đó.

Bạn bè lâu ngày gặp nhau không cà kê dê ngỗng, thì cũng dây cà ra dây muôn. Tôi hỏi anh về việc cư trú, anh nói anh chưa có hộ khẩu, đương nhiên không thể có chứng minh nhân dân, chẳng có giấy tờ mẹ gì cho biết anh là một con người sống trong chế độ.

'Ông có xin nhập hộ khẩu sau khi đi học tập cải tạo về không?'

'Có chứ sao không, xin nhiều lần rồi mà người ta không cho, đôi khi còn bị mắng mỏ khi xin giấy tờ, nên đành ì ra, bị phạt thì chịu thôi, chán rồi người ta cũng nản.'

Đến lúc ấy tôi mới thấy Lê Xuyên xì ra chuyện sống chết.

'Tớ cũng nghĩ về những trường hợp của những người chết chui.'

Tôi ở dưới chế độ này lâu lắm nên hiểu rất rõ từ 'chui' là gì, từ này được nhập cảng vào miền Nam sau năm 1975. Chui có nghĩa là lậu, buôn chui, bán chui, phở chui. Những thứ không được công nhận. Chết chui thì thăm lấm, thăm còn hơn phở chui lèo tèo mấy miếng, nước lèo thì nhạt thếch nhạt thác đựng trong bình thủy, bát phở không hành ngò. Nói theo kiểu thời thượng là 'phở không người lái'.

Thi sĩ Bùi Giáng chết, cũng ở dạng chết chui, nhưng vì ăn ở có đức nên được chôn cất đàng hoàng, lại được người đời vớt cho một câu: 'Chúng tôi đã bỏ quên anh.' Dù rằng với cách sống của ông thì ông cóc cần. Khoác thêm cho cái xác lạnh tanh ấy một sơ mi gố hay đội lên đầu thêm vòng nguyệt quế nữa thì nhằm nhò gì.

Thuở còn ăn mắm mút dồi, gạo châu củi quế, người dân khoái xài đồ chui hơn là đồ quốc doanh. Vì, muốn ăn một bát phở quốc doanh phải xếp hàng cả buổi, nhân viên phụ trách khâu bung phở mặt vác lên như ba cái thớt chồng lên nhau, dần tô phở trước người mua phiếu như ra ơn ban phát, bố thí. Phở đồng loạt là phở chín, khách hàng không nên đòi chín nạm gầu hoặc xin thêm nước béo hành trần lồi thối, chẳng ngon lành gì hơn phở chui.

Người ta thèm nụ cười cầu tài của anh bán phở chui, lấy chuyện đó làm hài lòng nên cũng ám cái bụng. Chứ không treo bảng 'khách hàng là thượng đế' như bây giờ.

Nhìn sang bên kia đường tôi thấy một sạp báo. Báo chí đủ các thể loại phục vụ độc giả, sắc màu rực rỡ, hấp dẫn, in ấn đẹp bằng mực ngày xưa, hơn thuở tôi còn xách bút chạy rong nhiều. Sự tiến bộ trong ngành báo chí trông thấy ngay trước mắt. Tôi nói với Lê Xuyên:

'Có một dạo tôi tính mở một sạp báo bán cho đỡ buồn, nhưng rồi lại thôi, dù có mượn được vốn.'

'Tại sao vậy?'

Tôi lắc đầu:

“Sau những ngày thực tập nghề bán báo, tôi bỗng cảm thấy buồn, vì ngày nào cũng đưng đến báo chí tự nhiên mình thấy nhớ nhưng gì đâu không, cái dĩ vãng làm báo tội nghiệp của tôi ám ảnh tôi quá nhiều.”

Lê Xuyên vốn là tổng thư ký của nhiều nhật báo gặt gặt đầu:

“Ờ ông nói có lý đấy, chúng ta không thể hành nghề bán báo được, sẽ buồn lắm, không như nghề bán thuốc lá lẻ của tôi.”

Có người khách ghé mua một gói thuốc lào. Bây giờ tôi mới biết anh còn bán cả thuốc lào đượm khói dân tộc nữa, nhật hạnh từng các một, quả là con người lương thiện từ đầu đến chân. Chia tay chú Tư Cầu vì trời đã muộn. Gặp anh tôi không thể không nhớ đến nhan đề một truyện dài của anh là Gió đưa trăng. Sau này tôi biết anh lấy từ câu hò trữ tình trên sông nước Cửu Long. Câu hò như thế này: Gió đưa trăng, trăng đưa gió, [con] trăng lặn rồi gió biết đưa ai?... Tôi như nghe thấy tiếng ca trữ tình vút lên thình không, man mác trên sông nước Cửu Long, đồng bằng lúa gạo Nam bộ. Tính chất Nam bộ trải dài trong tác phẩm của anh và ở ngay chính con người anh. Trăng lặn rồi gió biết đưa ai? Có phải một câu than thở không? Tôi lần thẩn mãi với câu hỏi ấy trong đầu. Tôi nghĩ đến hát ru Nam bộ mà Lê Xuyên đặt tên cho tác phẩm của mình, có một câu bỏ lửng.

Tôi về đến nhà ở Ấp Đông Ba xưa vào buổi trưa, mở truyền hình lên coi. Tôi nhận được tin cơn bão số 6 đang trên đường đổ vào bờ biển Việt Nam. Sao mà khổ thế nhỉ, bao nhiêu là tai ương. Người ta kêu gọi nhân dân chống bão lụt. Tôi nghĩ hoài về nhà văn Lê Xuyên. Mưa ập xuống ngập đường như sông. Trên con đường Lê Xuyên ngồi bán thuốc lá lẻ nước ngập đến bụng, liệu Lê Xuyên có khiêng nổi xe thuốc đội lên vai lên đầu để tránh ướt không, bảo vệ cái vốn liếng nhỏ bé, duy nhất của gia đình anh trên đôi vai còm cõi.

Tôi lo lắng, thương xót bạn, thăm cầu xin sự an lành đến với anh. Năm hết Tết đến rồi. Anh từng nói từ lâu rồi anh không có mùa xuân.

## Vĩnh biệt “ông Khai Trí”

Ông Khai Trí, đã ra đi vĩnh viễn, đành bỏ lại bao nhiêu công việc dang dở mà ông dự định. Ông đã cống hiến cuộc đời mình cho sự nghiệp văn hoá Việt Nam, người ta biết cái tên Khai Trí trước khi Việt Nam chia đôi đất nước.

Ông Khai Trí, Nguyễn Hùng Trương, sinh năm 1926 tại Thủ Đức Gia Định, mất hồi 5 giờ 15 ngày 11 tháng 3 năm 2005, tức ngày mùng 2 tháng 2 năm Ất Dậu, thọ 80 tuổi. Sau hai tuần nằm bệnh viện. Ông mất đi do sức già lực kiệt, nhiều năm ông cố gắng tranh đấu để xin lại hiệu sách vĩ đại của ông sau khi bị nhà nước Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa tịch thu, sau đợt cải tạo văn hoá 1976 tại Sài Gòn. Tiệm sách của ông tại đường Lê Lợi mang tên Khai Trí bị nhà nước quản lý, nay mang tên Phahasa của nhà nước. Thuở đó, sau khi các sĩ quan chế độ Việt Nam Cộng Hoà bị đi cải tạo trước, đến lượt những văn nghệ sĩ bị bắt, tác phẩm thiêu đốt và họ đều bị coi là kẻ có tội, đương nhiên bị bôi nhọ, kết tội họ là Biệt Kích Văn Nghệ.

Ông Khai Trí cũng bị coi là tội phạm, liệt vào hàng văn nghệ sĩ và bị bỏ tù, vì người chiến thắng cho ông là người kinh doanh và phát triển cái văn hóa đồi trụy. Những người đã từng sống ở miền Nam trước giải phóng, ai cũng biết đến ông. Gọi là ông Khai Trí mà quên cái tên cúng

cơm của ông là Nguyễn Hùng Trương, ông làm được nhiều công việc lợi ích cho văn hoá Việt Nam, cả đời ông đam mê công việc ấy. Và ông quen biết rất nhiều văn nghệ sĩ ở miền Nam, kể cả những văn nghệ sĩ Bắc di cư 1954. Nhiều vị học giả, nhiều nhà văn nhà thơ, tất cả đều quý mến ông. Có vị nói với tôi “ông Khai Trí không khen được thì thôi, chớ có gì đâu để mà nói xấu, để chê bai”. Đúng vậy, ông Khai Trí là người làm sách, làm văn hoá, kinh doanh mặt hàng ấy, nhưng không thể coi ông là hàng “đầu nậu” xuất bản sách, trái lại rất trân trọng, vì tư cách của ông, con người vừa khiêm nhường vừa tốt lành của ông.

Tôi thuộc hàng hậu sinh, khi biết thành phố Sài Gòn thì tôi cũng biết đến nhà sách Khai Trí rồi, những năm đầu trung học tôi đã đến hiệu sách của ông ở đường Bonard (Lê Lợi) để mua sách, sau này tôi còn mua bao nhiêu sách ở đó, loại sách học làm người của nhiều tác giả do ông xuất bản. Khi đó ở Sài Gòn có vài hiệu sách nữa, cũng nổi tiếng, như Portail (Xuân Thu) ở passage Eden, đường Bonard-Catinat (Lê Lợi-Tự Do) nhưng không nổi tiếng bằng Khai Trí. Hiệu sách Khai Trí thuở đó còn là căn nhà trệt, sách bày trên giá suốt từ ngoài vào trong, tha hồ mà chọn. Ngày còn đi học, tôi thường xuyên đến hiệu sách Khai Trí, có tiền thì mua, chưa có tiền thì đến hiệu sách của ông ngắm quyển sách mà mình ham thích, lật ít tờ ra đọc, xem rồi để nó vào chỗ cũ, và mơ ước làm sao mình có được nó.

Hiệu sách Khai Trí sau này lên lầu, dựng đến mấy tầng lầu, có những cô bán hàng sách mặc áo xanh lam phục vụ khác hàng. Những cuốn sách mua rồi ra quây tính tiền, phong bên ngoài tờ giấy màu vàng in tên hiệu nhà sách Khai Trí, như tờ thuở nào đến giờ. Có lần chính phủ Ý có mời ông sang Ý triển lãm sách, và ông được đánh giá cao.

Ngoài việc xuất bản sách, ông Khai Trí còn chủ trương in một tuần báo Thiếu Nhi, giao cho nhà văn Nhật Tiến trông coi, tờ tuần báo thiếu nhi nội dung rất lành mạnh, rồi tập san Sử Địa do Nguyễn Nhã trông coi, toàn là những sách báo bổ ích thời ấy. Ông Khai Trí lại ra tay giúp đỡ nhiều anh em văn nghệ sĩ gặp hoàn cảnh khó khăn, mua tác phẩm của họ, tuy chưa in còn để đầy nhưng ông vẫn trả tiền đầy đủ không thiếu một xu. Ngoài ra ông tài trợ cho nhiều tờ báo hồi đó ở Sài Gòn. Tôi không biết nhiều, nhưng tôi biết về tờ báo Sống của Chu Tử, cũng có sự góp sức về mặt tiền bạc.

Cách nay chừng mười năm, ngày 30 tháng 4 tôi gặp ông Khai Trí đến thấp nhang và dự bữa giỗ ông Chu Tử ở nhà Chu vị Thủy và Đăng Giao, như hằng năm chúng tôi gặp nhau vào ngày ấy. Tôi hỏi lại ông Khai Trí về việc đó, ông khẳng định:

-Đúng đó, anh Chu Tử muốn làm một tờ nhật báo, anh bán bản quyền quyền tiểu thuyết Yêu rất nổi tiếng của anh để lấy tiền làm báo, cho lớp anh em ký giả trẻ có nơi làm việc. Một số tiền lớn, tôi hứa với anh Chu Tử lo thêm khi báo cần đến tiền bạc, và tôi đã làm được việc đó.

Tôi là nhà báo làm việc với tờ báo Sống của ông Chu Tử, qua bao nhiêu thăng trầm từ ngày đầu đến ngày cuối, tôi biết chuyện đó, nhưng cũng hỏi lại ông Khai Trí, để ông khẳng định. Tôi tin ông và lúc nào cũng tin ông vững chắc hơn cho điều hiểu biết về chuyện gì đó còn lơ mơ trong tôi. Khoảng ba năm nay tôi không gặp mặt ông Khai Trí tại những bữa giỗ nhà ông Chu Tử, những anh em bạn già vắng bóng dần trong bữa giỗ ấy, vì bệnh hoạn, sức khoẻ suy yếu hoặc “dạo chơi miền tiên cảnh”. Ông Khai Trí thì tôi biết ông sức khoẻ suy yếu rồi.

Sau khi ông ở Mỹ về Việt Nam và chấp nhận hồi tịch để được lấy lại nhà sách Khai Trí của ông. Số sách báo quý giá Việt Nam ông mang từ Mỹ về bị nhà nước làm khó dễ, đòi lấy, đòi đốt khiến ông phải làm không biết bao nhiêu đơn từ, có thể có chạy chọt nữa, nhưng số sách được trả lại là những sách không mấy có giá trị, thí dụ như cuốn sách dạy người ta nghề chụp ảnh, còn báo Loa xuất bản ở Hà Nội, từ số đầu đến số cuối rất có giá trị về mặt văn chương cũng như lịch sử thì bị tịch thu, nếu không nói là bị lên án phản động, doạ sẽ bị đốt, bị tiêu huỷ đi. Bao nhiêu lần tôi đi qua đường Lê Lợi, tôi nhìn thấy ông Khai Trí buồn bã đứng ở góc đường đó, nhìn sang hiệu sách cũ của mình. Mang tên mới là Phahasa. Một lần khác, cũng trong bữa giỗ ông Chu Tử, tôi hỏi ông Khai Trí về việc xin lại nhà sách Khai Trí đến đâu rồi?

Ông cười chua chát :

-Phải đến năm 3000 thì may ra....

Ngày ông bị bắt, bị bỏ tù bao nhiêu bài báo nói xấu ông, kết tội ông còn dấu bao nhiêu kho sách Ngụy, không thành thật khai báo. Chuyện thể thái nhân tình lúc ông gặp hoạn nạn, những kẻ trước đây từng chịu ơn ông, tố cáo ông bao nhiêu là tội kể cả những điều không có để lập công.

Buổi lễ tang ông Khai Trí, tại nhà ông đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (Phan thanh Giản cũ) tôi gặp nhiều bạn bè của ông, những người thuộc chế độ Sài Gòn cũ đến thấp cho ông những nén nhang và chia xẻ sự thương tiếc với gia đình ông. Cái hình ông cười toe toét đặt trên áo quan, như tôi đã từng thấy ông thuở sinh tiền. Tôi gặp cụ nhà văn Toan Ánh, tác giả của hơn một trăm đầu sách viết về phong tục Việt Nam do ông Khai Trí in xuất bản cũng có mặt. Cụ Toan Ánh năm nay đã 91 tuổi cũng chống gậy đến thấp nhang tiễn biệt ông.

Trên tờ cáo phó ghi chữ động quan hồi 6 giờ sáng ngày 14 tháng 3 năm 2005, tức (ngày mùng 5 tháng Hai năm Ất Dậu ). Xác thân ông sẽ hoá thiêu ở Bình Dương, xương cốt mang vào chùa nào đó nghe kinh siêu thoát. Tin cuối cùng mà tôi mới nhận được không hoá táng ông nữa, di quan về đất nhà quận 9 mai táng, có lẽ con cháu muốn ông có một nấm mồ.

Tôi nhớ mãi dáng ông Khai Trí đứng nhìn lên hiệu sách cũ của mình và câu nói chán nản của ông, năm 3000 thì người ta trả lại cho ông nhà sách Khai Trí. Sao mà chua chát thế cho ông Khai Trí Nguyễn Hùng Trương, cả một đời chỉ có một đam mê là làm văn hóa, giữ gìn cái hay, cái đẹp cho thế hệ mai sau.

Xin chia buồn cùng gia đình ông.

## Ngày 30 tháng Tư



Tôi không có gì ca tụng về ngày 30 tháng Tư ấy, nhiều đau thương hơn thì có, gia đình tôi ly tán cũng vào ngày ấy. Đàn anh của tôi nhà văn Chu Tử, chủ nhiệm nhật báo SÔNG bị giết chết vì đạn pháo kích lúc 10 giờ sáng ngày 30 tháng Tư năm 1975, trên chiếc tàu di tản mới chạy thoát ra được đến cửa biển Cần Giờ.

Hàng năm tôi chúng tôi làm giỗ anh Chu Tử vào ngày đó, sau này không biết vì lý do gì, đổi sang ngày âm lịch là ngày 19 tháng ba (trùng với ngày 30-4-1975). Có phải vì người ta đang ồn ào làm lễ kỷ niệm chiến thắng mà mình lại làm giỗ, than khóc và tưởng nhớ đến người đã chết là chượng quá không, vì vậy gia đình ông Chu Tử mới đổi ngày giỗ cho yên. Tôi cũng không bỏ một buổi giỗ nào của ông Chu Tử, dù có đổi ngày, nhưng dù làm vào ngày nào anh em chúng tôi ngồi với nhau, nhắc lại và nói về những kỷ niệm là ngày 30 tháng Tư năm 1975, gia chủ tổ chức giỗ ông Chu Tử cũng không có ý kiến gì, buổi giỗ ấy anh em chúng tôi tự do hoàn toàn. Những buổi giỗ ông Chu Tử sau này vắng bóng dần những người anh em thân thiết của ông,

người thì ốm đau bệnh hoạn đi không nổi, người thì đã “dạo chơi tiên cảnh” khỏi “cõi tạm” đầy đau thương này. Như Tú Kếu, như nhà văn Mặc Thu, như ông Khai Trí Nguyễn Hùng Trương, vì ông mới qua đời. Nhà báo Phan Nghị ở buổi giỗ nào còn oang oang kể lại kỷ niệm với chủ nhiệm Chu Tử, nay cũng đã vắng bóng anh. Một đàn em thân thiết như Đông con tuổi còn rất trẻ cũng không còn nữa. Nhưng buổi giỗ vẫn đông đảo, tôi thấy có những anh em từ nước ngoài trở về, những Việt kiều đó ra đi do vượt biên hay diện HO, những điện thư từ khắp nơi trên thế giới gửi về cho gia đình con cái ông Chu Tử để tưởng nhớ ông. Tôi đã qua 29 lần kỷ niệm về ngày 30 tháng Tư trên đất nước “Xã Hội Chủ Nghĩa VN,” kể ra thêm một nhưng không thể không kể.

Tôi kiêu hãnh nói rằng tôi là một trong những nhân chứng lịch sử, tôi vừa là nhà văn nhà báo, nói có nhận xét, dù rằng cái nhận xét của riêng mình, nhưng đúng về mặt người cầm bút thì phải công bằng và chính xác, tôi phục vụ cho nghề nghiệp và lý tưởng của nhà văn nhà báo chân chính, không phục vụ hoặc làm bồi bút cho tổ chức hay đảng phái nào đó. Đối với tôi thì ngày 30 tháng Tư nào tôi cũng buồn, một người Việt Nam đang sống trên quê hương mình, tôi tự hỏi, được chứng kiến những giây phút lịch sử trọng đại, đất nước Việt Nam thống nhất quang vinh như thế mà buồn sao?

Sau đợt lửa những sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng Hoà bại trận đi học tập cải tạo, đến lượt văn nghệ sĩ chế độ cũ, và các vị chức sắc tôn giáo vào những trại tập trung dài dài từ Bắc chí Nam. Các ông cai ngục, cai tù được gọi là quản giáo, cán bộ dạy bảo, giáo dục cho các phạm nhân làm đường lạc lối hiểu biết đường lối của đảng, của cách mạng, và không ai có án rõ ràng, khi được tha về phạm nhân được phát cho cái giấy ra trại. Đọc qua giấy này họ mới té ngửa ra, lúc ấy mới biết tội danh của mình và thời gian học tập cải tạo là bao nhiêu năm, bao nhiêu tháng có khi còn bị ăn gian. Còn người ở lại được nhà trại nói lấp lửng chừng nào “học tập tốt” thì về. Có người phải ở trong tù vài chục năm vì bị nhà nước cho rằng họ chưa được tốt. Tôi không hiểu người ta dựa vào tiêu chuẩn nào gọi là tốt và xấu để giam giữ người vài chục năm như vậy, với lời kết án thật mơ hồ.

Tôi bị bắt nóng ngoài đường, không bị liệt vào hàng ngũ văn nghệ sĩ phải học tập cải tạo, mà với một tội danh khác, tổ chức phản động, một tội rất dễ chết. Khốn nạn cho cái thân tôi, thời chế độ cũ đi lính binh nhì không xong, mà nay lại là người tổ chức chỉ huy một trung đoàn, có tên trung đoàn Quyết Thắng trong hồ sơ phản động của tôi. Tôi bị tra tấn, bị đánh và những người tra tấn tôi ngày nào cũng bắt tôi phải khai ra cái trung đoàn Quyết Thắng này ở đâu! Vì bỗng nhiên mình lại mang một tội danh “oai” như thế, một trung đoàn trưởng, nên tôi cũng phải phì cười ra nước mắt sau những trận đòn tra tấn thừa chết thiếu sống.

Tôi cũng không biết người ta phong cho tôi, chức gì, cấp bậc nào, tướng hay tá trong trung đoàn mà tôi bị đứng vào hàng “chủ tịch.” Một trung đoàn không có quân số, không doanh trại, không có cả chiến khu kháng chiến. Bản lách cung của tôi bị bỏ dở dang, không có tôi ký tên nhận tội. May quá thế là tôi thoát chết, tôi đã thấy nhiều người bị chết, bị mang ra xử bắn vì những tội danh bá vớ ấy. Tôi nói với bạn bè đồng tù:

- Dù tao có là thằng nhà văn nhà báo ngu dốt cũng không bao giờ đặt cái tên trung đoàn Quyết Thắng cho tổ chức quân sự của tao, vừa quê vừa thối. Ai cũng biết các khẩu hiệu quyết thắng, quyết chiến, quyết tử, quyết sinh là sản phẩm của các anh Việt Minh, các anh đã xài mòn teo ra rồi, từ thời kháng chiến đánh đuổi thực dân Pháp kia, rồi đến thời chống Mỹ cứu nước xài lại, nay không biết dùng làm gì nữa thì gán đại cho tao. Tao biết ngay các anh độc lắm, lại một trò chụp mũ buộc tội cho người khác để mang ra xử theo luật rừng.

Tôi lênh đênh qua nhiều nhà giam ở thành phố, rồi mới bị đưa lên trại học tập trên rừng, an tâm học tập cải tạo ở nơi đó, bao giờ học tập tốt thì được về sum họp với gia đình. Nhà nước, nhà cầm quyền nói như thế. Chúng tôi ngắc ngoải sống trong lao động khổ sai, nhiều anh em kiệt lực gục xuống bỏ xác trong các trại tù. Thân phận chúng tôi như những nô lệ trong phim Tần

Thủy Hoàng xây Vạn Lý Trường Thành hay những nô lệ xây Kim Tự Tháp Ai Cập. Nhiều lần lao động cuốc đất trúng mìn ngoài bãi lao động, mìn nổ thương vong vô khối người, nhưng được giải thích là mìn đó là của Mỹ Ngụy gài lại để giết nhân dân. Bây giờ chúng tôi có chết có thương vong thì cũng chỉ là “gây ông đập lưng ông” thôi. Chúng tôi nhiều lần đề nghị với ban quản giáo xin được tự gỡ mìn để khỏi gây hại cho phạm nhân, nhưng được lãnh đạo trại “nhân đạo” từ chối, vì sợ mất thì giờ lao động sản xuất kiếm ra của cải cho đất nước chúng ta còn nghèo. Đồi nghĩa địa tù chật kín những mồ hoang của anh em chúng tôi. Sáng đi lao động, chiều về nhìn mặt trời gác bóng trên sườn núi Chúa Chan mới biết mình còn sống, mong sớm có ngày ra xum họp với gia đình.

Tôi không nhớ rõ là mình ăn đến mấy cái ngày kỷ niệm 30 tháng Tư trong trại cải tạo, vì từng bị bắt lên bắt xuống, như bắt cóc bỏ đĩa, tha rồi lại bị bắt lại. Ngoài cái tội phản động, tôi còn tội phản quốc bỏ quê hương mà trốn đi, tức là tội vượt biên mà không thoát. Phải chi ngày đó tôi trốn thoát, thì bây giờ được nhà nước ưu ái gọi là Việt kiều khúc ruột ngàn dặm được phép trở về thăm quê hương, được nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa. Mấy anh Việt cộng từng đánh đấm bỏ tù, từng kết tội tôi là Việt gian sẽ ngọt ngào khuyên tôi nên hòa hợp hòa giải, quên đi chuyện cũ, đóng góp tất cả những gì tôi đang có để giúp cho đất nước quê hương Việt Nam mà các anh đang cai trị. Tôi đã thấy những cuộc tiếp đón long trọng, những Việt kiều trở về thăm quê hương được diện kiến những lãnh đạo trong nước và họ được huy chương, và được ca tụng vì những đóng góp của họ đã được truyền thanh truyền hình đi khắp mọi nơi. Họ thành người yêu nước, có ẩn chứa ý yêu và ủng hộ đảng CS cầm quyền.

Trong trại học tập, ngày 30 tháng Tư mỗi năm được tổ chức xôm tụ lắm, mà anh em chúng tôi gọi là ngày “đứt phim.” Từ ba giờ sáng một số trại viên có tay nghề trong việc nấu nướng đã được điều lên nhà bếp để thọc tiết heo mỡ bò làm đồ ăn, thổi cả cơm nữa, hương cơm phảng phất khắp trại làm các trại viên chúng tôi tỉnh cả ngủ, dù là hương gạo mốc, không phải gạo Nàng Hương chợ Đào. Những hương vị âm thanh hấp dẫn đó làm chúng tôi trở nên háo hức, vì chúng tôi là những kẻ thường xuyên ăn đói mặc rách, cả năm chỉ ăn khoai ăn sắn có biết cơm thịt là gì đâu, sức lao động bị vắt kiệt từng ngày, nay có cơm thì mừng quá. Bao nhiêu năm qua chúng tôi sống trong một miền Nam trù phú lúa thóc không bao giờ thiếu, người nông dân chỉ trồng một mùa cũng ăn được cả năm. Mà nay phải thèm và nhớ cơm, tưởng tượng cũng không ra được bát cơm nó thế nào? Tôi nói có quá không? Nhưng sự thật là vậy.

Ngày hôm ấy chúng tôi được nghỉ lao động và sang ngày hôm sau là ngày quốc tế lao động 1-5, vị chi là hai ngày được ăn được chơi trong vòng rào giầy thép gai. Chúng tôi được nghe chính trị viên của ban quản giáo giảng giải cho nghe ngày chiến thắng 30 tháng Tư. Nhưng chỉ là chuyện nước đổ đầu vịt, chúng tôi chỉ nghĩ đến kỷ niệm cũ của chúng tôi vào ngày ấy.

Buổi trưa cả ngàn người tù chúng tôi - mỗi người được ăn một chén cơm, một miếng thịt heo hay thịt bò chỉ đó bằng ngón tay, chan tí nước xốt cho mặn miệng. Lòng lợn - tiết canh - thịt ngon miếng nạc mang lên nhà khung cho ban giám hiệu và thủ trưởng đơn vị xơi, uống rượu hút thuốc. Lòng nhân đạo của đảng vô biên, không thể nói hết được.

Về phía các cải tạo viên chúng tôi thì sao, cũng chia ra mấy phe trong cuộc ăn uống ấy, không phải tranh nhau ăn, mà cách ăn uống cũng khác lạ. Có phe còn nặng lòng với chế độ cũ mà anh đã phục vụ, nay trở thành bại tướng trong ngày 30 tháng Tư, nhất định không ăn đồ ăn của “kẻ thù” ban phát mà ăn gì đó với muối. Phe thứ hai lấy đồ thăm nuôi của mình ra mời anh em ăn sạch. Phe thứ ba ăn ráo những gì được ban phát với lý luận: “Ta ăn thứ này là của ta làm ra, chẳng ăn chực thằng nào hết, gạo này chính ta làm ta cấy cấy, thịt này cũng chính chúng ta chăn nuôi, không ăn là dại. Ăn bằm, ăn trên xương máu chúng ta là những thằng cai tù chứ không phải chúng ta. Lý luận nào cũng đúng cả, không ai đụng chạm tới ai.

Anh chán đời ngồi quay mặt vào tường “diện bích” hết ngày 30 tháng Tư là chuyện của anh. Tự do của mỗi cá nhân được tôn trọng tuyệt đối, nên cuộc ăn uống ấy cũng diễn ra êm thấm, không phải tinh thần xô thịt mổ cãi nhau như mổ bò ở các đình làng nhà quê. Dù sao tôi cũng

nề phục các anh cải tạo chịu ăn cơm muối lấm, các anh còn có liêm sỉ và sĩ khí của một chiến sĩ, tôi không thể đánh giá thái độ ấy là sai hay đúng.

Tôi lại nghĩ đến những anh hùng trong sử sách, đến một Hoàng Diệu, tuấn tiết theo thành Thăng Long khi quân Pháp đánh Bắc kỳ lần thứ nhất. Một Nguyễn Tri Phương không chịu cho kẻ thù buộc vết thương khi Pháp đánh Bắc kỳ lần thứ hai. Một Võ Tánh chất củi tự thiêu khi bại trận. Một Trần Bình Trọng thà làm quỷ nước Nam hơn làm vương đất Bắc.

Trong đời làm báo của mình, trong trận chiến cuối cùng ngày 30 tháng Tư, tôi đã thấy những người lính Nhảy Dù trại Hoàng Hoa Thám ở ngã tư Bảy Hiền ôm nhau cho nổ lựu đạn để cùng chết bên nhau, sau khi có lệnh đầu hàng vô điều kiện của tướng Dương Văn Minh. Và sau đó nhiều tướng tá của chế độ Cộng Hoà ở miền Nam tự sát khi nghe lệnh đầu hàng của “tổng thống” tạm quyền.

Tôi chắc chắn rằng sử sách có ghi lại, dù rằng chế độ ấy thua trận và bị bôi nhọ suốt bao nhiêu năm trời, bị vu cáo là có bao nhiêu tội lỗi với “nhân dân.” Chính sử không thuần ở trong tay kẻ chiến thắng, mà ở trong lòng mọi người trên đất nước này, không thể bóp méo, không thể như cục đất sét muốn nặn hình gì theo ý họ. Còn những thương binh của chế độ Cộng Hoà sau khi bại trận ngày 30 tháng Tư năm 1975 thì sao? Tôi đã thấy họ bị đuổi ra khỏi quân y viện Cộng Hoà chiều ngày 30 tháng Tư lịch sử ấy. Anh mù công anh què. Anh đổ ruột vịn vai anh cụt tay. Họ đi hàng hàng lớp lớp suốt một quãng đường dài, đau thương lấm, tiếc rằng không một phóng viên nhiếp ảnh nước ngoài nào chụp được một tấm hình. Cái máy hình của tôi chụp được mấy tấm thì bị đập bể tan nát, suýt nữa thì tôi nguy hiểm đến tính mạng vì những kẻ trở cò theo đóm ăn tàn, hoặc những tên lưu manh mà xã hội nào cũng có, mà hồi ấy chúng tôi gọi cái đám ấy là cách mạng 30, nghĩa là mới gia nhập cách mạng vào ngày 30 tháng Tư năm 1975. Họ đang lập công để tìm cho mình một chỗ đứng, hoặc được một tí ân huệ bố thí.

Tôi đã trải qua hai mươi chín cái ngày 30 tháng Tư, chỉ còn ít ngày nữa thì tròn 30 cái ngày kỷ niệm. Sao trong đầu tôi lần quần hoài về những kỷ niệm đau thương ấy. Những người thương binh của chế độ Cộng Hoà sau khi bị đuổi ra khỏi quân y viện Cộng Hoà. Họ đi về đâu? Mắt tôi nhìn thấy có những người thương binh kiệt lực, kiệt sức ngã ngay trên đường đi, trên lối cổng ra vào quân y viện và tôi đã nhìn thấy những giọt nước mắt uất hờn còn đọng trên đôi mắt của những người thương binh này. Trong ngàn vạn con người ấy trên đất nước VNCH thế nào không có kẻ sống sót, tôi cũng đã thấy anh mù dắt anh què hát rong ngoài đường, xin đồng tiền bố thí của đồng bào. Họ bị quên lãng đã ba chục năm nay, nên có sự công bằng cho người chết thì cũng nên lo cho người còn sống, họ cũng đã hy sinh một phần thân thể trong cuộc chiến nòi da xáo thịt này. Người ta đang nói tới chuyện phục hồi Nghĩa Trang Quân Đội ở trên Biên Hòa. Không biết chuyện này rồi sẽ đi đến đâu.

Tôi là người sống ở Sài Gòn đã gần 30 năm, nghe tin ấy tôi đã mong muốn được thăm nghĩa trang quân đội xưa vì có người thân đã chôn xác ở đó. Nhưng theo tôi biết đâu phải ai cũng được tự do ra vào để tưởng niệm người đã chết, ý nguyện của tôi không được chấp nhận. Người ta nói phục hồi nghĩa trang quân đội chế độ cũ, phục hồi thế nào tôi không biết, tôi thắc mắc trong việc làm ấy họ có phục hồi pho tượng Tiếc Thương bị giạt đổ trước cổng nghĩa trang quân đội từ ba chục năm trước không. Sau 30-4-1975 hàng loạt tượng đài bị giạt xập, và nay nghĩa trang sẽ để tên gì cho phải đạo làm người, mồ mà còn không. Tôi nghe mất mát cũng nhiều lắm, nếu còn thì là những nắm mồ hoang, kẻ nằm dưới đất kia là kẻ có tội, không ai được quynh thăm viếng vì thăm viếng là bị “văng miếng.” Tôi chỉ mong muốn được đến đây, thấp lên một nén nhang tưởng niệm, dù mồ mà của những người chiến sĩ Việt Nam Cộng Hoà có còn hay đã mất. Tôi cho chuyện làm ấy hay lời hứa hẹn ấy là phiêu, chẳng có gì xất cả.

Tại tiệm phở Hòa, một tiệm phở nổi tiếng cuối đường Pasteur trong thành phố Sài Gòn, tôi thường gặp một anh bán báo, cụt cả hai tay, hai tay cụt đó được ráp hai tay sắt inox có kẹp, thao tác rất gọn ghẽ, anh kẹp những tờ báo đưa cho khách hàng hoặc nhận tiền, thối lại tiền

bán báo. Không biết anh bán báo ở đó đã bao nhiêu năm.

Một hôm anh mời tôi mua báo. Tôi lấy tiền ra biếu anh, vì sáng nay tôi đã mua báo ở sạp báo gần nhà. Anh ta nhìn tôi khế lắc đầu:

- Không, cảm ơn ông tôi không thể nhận được.

- Vậy tôi mua báo. Tôi hỏi anh.

- Vâng ông chọn tờ nào?

Tôi chọn đại một tờ trong xấp báo mà anh ta ôm trên người, tôi đưa tiền cho anh ta, nói:

- Thôi anh khỏi phải thối lại.

- Vâng cảm ơn ông.

Tôi nhìn kỹ anh ta hơn, tôi hỏi thăm về hai tay anh. Anh ta nói:

- Tôi không bị tai nạn mà là thương binh chế độ Cộng Hoà

- Anh thuộc binh chủng nào hồi trước? Tôi hỏi tiếp.

Anh ta không trả lời về binh chủng của anh chỉ nói:

- Hồi đó tôi bị thương cụt cả hai tay ở mặt trận Bình Long, chính quyền cũ làm cho tôi hai cánh tay này và tập cho tôi cách xử dụng. Gần ba chục năm nay tôi đi bán báo để sinh sống.

Vì lý do gì đó anh không nhắc tên binh chủng của mình. Nhưng khi tôi nói tên của vị tướng chỉ huy mặt trận, mắt anh ngời sáng. Tôi không ngờ đã mấy chục năm qua anh không quên và dành cho cấp chỉ huy mình sự tôn kính chân thành. Tôi ngưỡng mộ anh là người dũng cảm, liêm sỉ từ tư cách đến việc phải kiếm sống, làm một con người. Đó là điều hiếm có, ít có ai sống trong đất nước Xã Hội Chủ Nghĩa dám biểu lộ cái tinh thần quật cường ấy. Có ngài Việt kiều ngày xưa từng giữ những chức vụ quan trọng, từng là “cựu” này “cựu” kia, ngày “đứt phim” chạy có cờ, bỏ đồng đội bỏ của chạy lấy người, nay về thăm quê hương phát biểu linh tinh chả ra cái giống ôn gì, so ra tư cách của ngài với anh chàng thương binh này, cách xa một trời một vực, thật là quá chán. Tôi nói với anh:

- Anh rất can đảm, tôi ngưỡng mộ anh.

- Có gì đâu, tôi còn thua ông tướng chỉ huy chúng tôi. Anh cười nhũn nhặn.

Tôi nghĩ đến tướng Lê Văn Hưng, tướng tử thủ ở Bình Long Anh Dũng, người không trốn chạy mà tự sát như một số tướng lãnh khác của chế độ Cộng Hoà ngày 30 tháng Tư, sau khi “tổng thống” Dương Văn Minh đầu hàng vô điều kiện.

Báo đài ngày nào cũng có bài ca tụng về ngày lịch sử 30 tháng Tư, ngày chiến thắng vĩ đại của dân tộc, ngày chấm dứt chiến tranh, thống nhất đất nước. Đoàn quân chiến thắng kéo quân vào thành phố được sự đón tiếp nồng nhiệt của nhân dân thành phố, cùng nổi dậy với cách mạng, bao nhiêu người ra phát cờ chào đón đoàn quân. Một hoạt cảnh mà tôi, một phóng viên chiến trường đã hết thời, ghi nhận được đúng ngày hôm đó:

Cuộc bại trận nhanh quá, nhanh đến độ dân Sài Gòn phải ngỡ ngàng. Kẻ nào không chạy thoát theo những chuyến di tản thì đổ ra đường xem đoàn quân chiến thắng đi dép, đội mũ cối hay mũ tai bèo vào thành phố. Có những xác người dân hoặc lính chế độ cũ chưa được thu nhặt còn sót ở những góc đường, trên những quần trang quân dụng ném đầy trên đường đi, cả vũ khí nữa chưa kịp thu nhặt.

Những con người đang đứng ngờ ngác ngỡ ngàng ở đó, bị nhét vào tay những lá cờ giấy, và anh “cách mạng” đeo súng mang băng tay đỏ mặt gườm gườm những kẻ không nhiệt tình vẫy cờ chào đón các anh bộ đội cụ hồ tiến vào thành phố. Tôi thấy một người đàn ông cũng bị nhét vào tay một lá cờ, một anh mang băng đỏ đeo súng ra huých vào sườn người đàn ông đó một cái. Ông ta có lẽ hiểu ý liền nhảy chồm lên phát cờ lia lịa, mồm la hoan hô liên tục. Thế cũng là quá đủ, tôi lủi vào đám đông kiếm đường chạy về nhà. Ngoài kia những dòng người dày đặc dần trên đường, có người đang tìm kiếm người thân, người tung hô những khẩu hiệu chiến thắng, người ngờ ngác ngẩn ngơ đứng nhìn.

Họ không chịu tin vào sự thực là Sài Gòn bị thất thủ.



## Kỷ niệm 30 năm ngày giỗ nhà văn Chu Tử

Buổi sáng ngày 29-4-2005 tôi ngồi trong nhà uống trà một mình, anh tổ phó an ninh khu phố tới trước cửa nhà tôi nhắc nhở treo cờ, kỷ niệm chiến thắng 30-4. Tôi biết chứ, ngày 30-4-1975 là ngày nhà văn nhà báo Chu Tử bị tử nạn trên đường di tản, năm nào gia đình ông cũng làm giỗ kỷ niệm ông vào ngày đó, nhưng để tránh lôi thôi phải đổi thành vào ngày âm lịch (19-3 âm lịch). Anh em bạn bè của ông Chu Tử nhớ ngày đó mà đến, tôi cũng đến cách đây một ngày. Để cảm nhang cho ông cho vẹn tình vẹn nghĩa. Có tiếng người nào trong xóm:

- Cha nội, hôm nay mới là 29 à!

Anh tổ phó an ninh trả lời câu kính, tỏ quyền uy:

- Lệnh của phường có thi hành không thì bảo.

Tôi thì lẩm bẩm:

- Biết rồi khổ lắm nói mãi.

Nhà văn Chu Tử, tác giả tiểu thuyết YÊU nổi tiếng một thời, đã thành một hiện tượng trong giới trẻ Việt Nam trong những năm 1960, kéo dài đến năm 1970 và ảnh hưởng còn mãi mãi, nay đã gần nửa thế kỷ người ta vẫn còn nhắc đến, dù tác phẩm của ông đã bị nhà nước cầm quyền mới loại trừ nằm cùng trong danh sách tác phẩm bị kết án là đồi trụy, biệt kích văn nghệ sau ngày 30-4-1975, cần phải tiêu diệt, cùng thời với những sách báo xuất bản ở miền Nam Việt Nam, bị thiêu đốt và bị tiêu diệt. Những văn nghệ sĩ miền Nam bị bắt bỏ tù, không mang một tội danh nào rõ ràng. Phần đông những nhà báo, nhà văn miền Nam phải gác bút ngẩn áy năm trời, vì bị kỳ thị ra mặt... Nhưng tinh thần người cầm bút miền Nam vẫn còn đó, nếu có dịp. Năm nay sau 30 năm chiến thắng đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào, người chiến thắng tỏ chức thật xôm tụ, họ nói có khác hơn mọi năm, có ca tụng chiến thắng, nhưng nay thì mong có sự hòa hợp dân tộc do lòng khoan dung của người chiến thắng. Họ lôi cổ vài anh tướng Ngụy gần đất xa trời lên nói chuyện về lòng nhân đạo của cách mạng trong ngày 30-4-1975, quên đi quá khứ kêu gọi nhân dân Việt Nam, kể cả ở nước ngoài hãy quên đi quá khứ để xây dựng lại đất nước. Quên đi quá khứ sao? Người Do Thái có quên được Hitler tàn sát dân Do Thái không? Trung Quốc Đại Hàn có quên đi được quân đội Nhật hoàng gây bao nhiêu đau thương trên đất nước họ không, gần đây nhất là nước Cambuchia có quên được bọn diệt chủng Khơ Me Đỏ không? Hình như lời kêu gọi ấy đến nay đã muộn màng quá rồi.

Mọi năm tới ngày này anh em chúng tôi gặp nhau, thắp cho ông Chu Tử nén nhang tưởng niệm. Chúng tôi ôn lại những năm tháng đã trôi qua, những năm tháng chúng tôi cùng hành nghề làm báo viết văn với nhau. Những kỷ niệm buồn vui lẫn lộn trong những ngày tháng hành nghề, cùng với nhà báo Chu Tử, chủ nhiệm nhật báo Sống. Đối với tôi, một người làm báo cộng tác với nhiều tờ báo, nhưng báo Sống vẫn là tờ báo chính, tình nghĩa với ông Chu Tử từ ngày đầu đến ngày cuối, tôi thành nghề, thành danh nhà văn nhà báo cũng từ tờ báo ấy. Từ một thanh niên yêu nghề, còn lơ ngơ trong nghề nghiệp, rồi trưởng thành đi đến thành công, đều khắp các anh em, chứ chẳng riêng gì tôi. Tôi quý mến người đàn anh dẫn đầu, mãi mãi không thể nào quên. Với đám nhà báo cứng đầu cứng cổ chúng tôi, thường giữa chủ nhiệm và ký giả ít khi có sự hòa hợp, vì không phục tài năng của nhau cũng như sự đối xử có phần tệ hại với ký giả ở vài ba tờ báo khác, nhưng với báo Sống và ông Chu Tử thì không có chuyện đó. Mười năm chúng tôi làm việc với nhau, kết với nhau thành một khối, trong tình trong nghĩa, mỗi ngày có thêm anh em, đời sống chúng tôi như ruột thịt... cho đến khi bầy đoàn bị tan rã vì báo bị đóng cửa bị khủng bố vì tội ăn ngay nói thật, cho đến lúc chế độ Việt Nam Cộng Hòa bại trận (30 Tháng Tư 1975). Tôi nói ông Chu Tử là một chủ nhiệm tuyệt vời, những người anh em còn lại trên thế gian này vẫn nghĩ đến ông, cả những người anh em thân hữu của báo Sống, đã 30 năm qua tình cảm vẫn nguyên vẹn, người nào trong anh em “dạo chơi miền tiên cảnh” thì cứ đi,

người còn lại đến với ông, thấp cho ông nén nhang tưởng nhớ. 30 năm qua bao nhiêu người anh em đã ra đi, đến hôm nay dự đám giỗ ông Chu Tử tôi thấy vắng bóng nhiều anh em xưa:

Nhà thơ trào phúng Tú Kếu, nhà văn Mặc Thu, ông Khai Trí Nguyễn Hùng Trương, một thân hữu của báo Sống từ ngày đầu, cũng mới qua đời, chỗ ngồi kia mới năm ngoái còn có nhà báo Phan Nghị, anh đã nằm xuống trong năm qua, lần cuối cùng anh dự buổi giỗ của ông Chu Tử khi sức khỏe anh đã suy yếu lắm rồi, vào tuổi 80. Còn nhiều những anh em khác đi nước ngoài. Tôi vẫn cảm thấy xôn xao như khi còn đông đủ anh em ngày nào... Tôi cũng già yếu như các anh em có mặt ở đây và mang nhiều thứ bệnh, không biết mình sẽ gục ngã lúc nào, sang năm tôi còn ngồi với anh em nữa không, tôi cho là mình nghĩ đại dột, nhưng tôi bình tĩnh khi nghĩ đến điều đó. Một cuộc đời đầy bất trắc đâu có nói trước được điều gì. Chú Đông con (Nguyễn Đình Đông) làm việc trong ban trị sự báo Sống, liên tiếp bao nhiêu năm đều có mặt trong bữa giỗ ông Chu Tử, chú ấy còn trẻ tuổi hơn chúng tôi, khỏe mạnh, vậy mà cũng đã qua đời vì một tai nạn đáng tiếc.

Điểm mặt người quen của báo Sống thì buổi giỗ này thiếu nhiều lắm. Nghĩ lại anh em chúng tôi càng buồn, buồn vào ngày 30 tháng Tư. Năm nay vẫn làm giỗ vào ngày 19 tháng Ba âm lịch, chỉ cách ngày 30-4 dương lịch có ba ngày, nhưng sự bồi hồi trong lòng mọi người vẫn nguyên vẹn. Nhà báo, nhà thơ, nhà văn Hồ Nam, ký bút hiệu thơ là Vương Tân, ngậm ngùi đọc:

#### Gửi Chu Tử

Anh đi ba mươi năm  
Trên biển cả mệnh mông  
Tôi ở ba mươi năm  
Trong ngục tù ngạo nghễ  
Chúng nào giết được anh  
Chu Tử luôn bất tử  
Sống, Yêu và sống mãi  
Một đời những thiên thu  
Anh gieo rắc tình yêu  
Chúng gieo rắc thù hận  
Anh vinh danh sự thật  
Chúng nói dối lừa gạt  
Lịch sử đã sang trang  
Kịch nào cũng hạ màn  
Tôi vẫn là tôi nói  
Nói thật và nói thẳng  
Tôi vẫn là tôi làm  
Làm thơ và uống rượu  
Ngất ngưỡng giữa cuộc đời  
Để vinh danh con người  
Những con người dám sống  
Dám yêu và dám chết  
Những con người tử tế  
Những con người bất diệt  
Dám xoay chuyển đất trời  
Dám vượt lên tất cả  
Để cứu rỗi chính mình  
Trong bão táp thời đại.

Bài thơ anh ký tên là Vương Tân, bút hiệu làm thơ của anh trong nhiều năm. Bài thơ anh làm khá bạo, mà tôi biết phát xuất tự trong tâm trạng của anh, những người Việt Nam ở phía bại trận còn ở lại Việt Nam suốt 30 năm qua, hiểu tất cả, thấm thía cuộc đời, Hồ Nam tức Vương Tân, tức Hồ Lô, tên Hồ Lô do anh em thân mật đặt cho anh, vì anh như chiếc hồ lô chứa rất nhiều, mà không có nắp đậy, có dịp là xả, một con người ăn ngay nói thẳng, vì vậy suốt ba mươi năm qua anh bị ở tù hơi nhiều lần. Mà chứng nào vẫn tật ấy, không chữa được. Không có tiếng vỗ tay tán thưởng, chúng tôi lặng người để tưởng niệm ông Chu Tử, Hồ Nam tự rót cho mình một ly rượu và uống cạn... Con người anh như thế, tuổi gần tám mươi rồi nhưng vẫn lắm điều. Đối thủ của anh là Phan Nghị, nay không còn nữa, anh không nói nhiều như năm ngoái năm kia, trong những buổi giỗ ông Chu Tử tranh nhau nói, gần như cả bàn chỉ nghe tiếng hai anh, anh nào cũng đầy kỷ niệm với Chu Tử từ thuở nào thuở nào, nhưng năm nay anh có bài thơ...

Trong bữa giỗ vợ chồng Chu vị Thủy, Đặng Giao cũng cho chúng tôi biết, Chu Sơn (con trai lớn của của ông Chu Tử, và là anh của Chu vị Thủy) ở bên Mỹ, trong năm nay sẽ tái bản tiểu thuyết Yêu của Chu Tử trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại, phát hành tại Houston, Texas. Ông Chu Tử cùng với gia đình con trai là Chu Sơn đi cùng chuyến tàu, khi vừa tới biển Cần Giờ hồi 10 giờ sáng ngày 30 tháng Tư năm 1975, chiếc tàu Việt Nam Thương Tín bị đạn pháo, ông Chu Tử bị tử nạn, hai đứa cháu nội của ông bị thương rất nặng. Tôi đã được nghe chuyện này mấy ngày sau, khi Sài Gòn bại trận và ông Dương Văn Minh đầu hàng vô điều kiện. Tôi biết rõ chi tiết hơn, khi vào trong trại học tập cải tạo, giam chung với những người đi trên chiếc tàu ấy, đại đột nghe lời tuyên truyền mà quay trở về Việt Nam. Anh Hải, người tù cùng trại, biết tôi là người từng làm báo Sống nên đã kể cho tôi nghe từng chi tiết khi ông Chu Tử táng mạng bởi cú đạn B40 từ bờ biển Cần Giờ bắn ra trúng tàu, xác Chu Tử được thủy táng ngay khi ra tới cửa biển Vũng Tàu trên biển Đông.



Vĩnh biệt Chu Tử, ba mươi năm đã trôi qua rồi, một giấc mơ hay một cơn ác mộng? Có nghĩa lý gì đâu, ngày 30 tháng Tư là ngày vui của người chiến thắng và cũng là ngày buồn của nhiều người Việt Nam. Xuất bản lại tiểu thuyết của nhà văn Chu Tử trong cộng đồng người Việt ở một nơi có tự do tư tưởng, có tự do báo chí là một điều an ủi, mát lòng cho linh hồn của ông ở ngoài biển đông cùng với bao trăm ngàn linh hồn người miền Nam bỏ nước ra đi tìm Tự Do không được may mắn đến bến bờ hạnh phúc Tôi được nghe những đài phát thanh nước ngoài tường thuật lại buổi lễ cầu siêu lẫn với tiếng sóng biển ầm ầm, rồi tiếng khóc sục sùi của một vài người khi nói đến người thân yêu phải nằm lại trên mảnh đất xa lạ, và những giọng nói thuật lại

vẫn mang những âm hưởng kinh hoàng dù những chuyện xảy ra trên biển cách đây 30 năm. Những thuyền nhân vượt biển may mắn thoát chết, ngày nay cuộc sống của họ đã yên ổn và họ được định cư ở nhiều nước trên thế giới, nay ba mươi năm sau quay trở lại những trại tạm cư bên bờ biển đông để cầu siêu cho linh hồn những thuyền nhân đã tử nạn. Mà nhà văn Chu Tử là nạn nhân đầu tiên trong ngày tháng Tư đau buồn ấy.

Ngày này mỗi năm chúng tôi lại tìm đến nhau, uống với nhau ly rượu trong bữa giỗ ông Chu Tử, nhắc lại những kỷ niệm xưa, những ngày tháng tự do, hạnh phúc cùng làm báo với ông Chu Tử dưới thời Việt Nam Cộng hòa. Buổi lễ nào rồi cũng phải tàn, tiệc nào cuối cùng rồi cũng phải chia tay. Khói nhang trên bàn thờ đốt lên để tưởng niệm ông Chu Tử cũng đã tàn, anh em tôi lần lượt ra về, trời đêm trên xứ Gia Định xưa thật buồn, năm nay mùa mưa đến rất muộn...

*Gia Định, Phú Nhuận 30-4-2005*

\*\*\*

## **Phụ đính II:**

### **Người xây lò**

Tôi không nhớ ai là người giới thiệu cho tôi vào làm việc ở công ty thủy tinh. Hiện tôi là một công nhân viên thuộc công ty. Một công nhân viên không biên chế, nghĩa là một anh cu li, nếu nói theo thời thực dân tôi là một thằng cu li hạng bét. Có được việc làm thời mới giải phóng miền Nam là may mắn rồi, bao nhiêu người thất nghiệp, hoặc bị ngưng việc ngang, công việc làm không thích hợp hoặc chưa thể thích hợp được, vì chưa được học tập đường lối chính trị của nhà nước. Nhưng lao động là vinh quang, lang thang là chết đói, hay nói thì ở tù. Khẩu hiệu khuôn vàng thước ngọc đã đề ra như vậy, đừng có lười thôi. Anh làm bất cứ nghề gì, miễn là có việc làm, lại được cơ quan nhà nước chứng nhận là công nhân viên, lương hưởng dù không đáng bao nhiêu, nhưng cũng đáng kể đấy. Người không chê việc mà việc không chê người.

Đừng có ý ôi lựa chọn, kiểu việc này thích hợp, kiểu việc kia không thích hợp. Mọi con người bình đẳng. Hình như hiến chương Liên Hiệp Quốc đã ghi, bác Hồ đã nói trong tuyên ngôn độc lập như vậy. Người ta sẽ tìm ra ngọc trong đá thô. Anh có thể trả lời với nhà cầm quyền ở phường anh là người lao động có cơ sở chứng minh, không ăn bám ai cả, công an và mấy vị chức sắc ở phường để anh yên thân, anh không bị đòi lên Công An phường làm kiểm điểm vì tội chây lười lao động, hoặc anh bị tống đi làm thủy lợi đào kinh vét mương, tự anh lo lấy miếng ăn cho anh, đuổi khỏi nhà anh cho đi xây dựng vùng Kinh Tế Mới, một công việc được coi là ăn cơm nhà vác ngà voi. Không chấp hành thì anh phải trốn chui trốn nhủi ra chợ trời buôn gian bán lận. Tất cả đều là quốc doanh. Ăn tô phở phải mua phiếu, phải đứng xếp hàng chờ cả tiếng đồng hồ, đồng một loạt phở bò lèo tèo mấy tiếng thịt chín, nước lèo lạt thếch, đục ngầu ngầu, lại phải tự hầu lấy mình, bụng tô lấy dưa. Ôi còn đâu thườn ăn phở tái chín nạm gầu, nước béo hành trần, tương ớt rau giá ăn thả cửa. Thườn đó cách nay không lâu, nhưng cũng coi như lâu lắm rồi. Một kỷ niệm khi nghĩ đến khiến chảy nước mắt, nhưng chỉ nên khóc thầm thôi, anh khóc thật thì bị mang tội phản động đấy, liệu cái thần hồn. Tự tưởng anh lếch lếch anh có thể được đi học tập cải tạo mùa Lê Thủy, khi nào anh học tập tốt nhà nước khoan hồng cho anh về sum họp với gia đình. Anh chọn cách sống nào thì chọn, tôi chọn làm thình.

Lao động suốt tám tiếng đồng hồ một ngày, tôi đẩy hàng mấy chục xe thủy tinh vỡ bể vào nhà kho cho mấy chục nữ công nhân lựa chọn, màu thứ nào ra thứ nấy. Tiếng bánh xe sắt ở chiếc xe cút kít tôi đẩy nghiêng trên đường cát kết như một điệp khúc buồn nản. Cán bộ chăm công đứng dọc đường đi miêng quang quác hối thúc, động viên:

"Khẩn trương, khẩn trương nên, không được nề nề, vượt chỉ tiêu nào..."

Anh ta chính là cai cu li, trên tay chỉ thiếu cái roi quất cu li túi bụi, nhưng đủ khiếp ròi, lời anh hót còn sót sa còn hơn roi vọt. Chớ ngu dại mà gọi anh là cai cu ly, mang họa đấy. Phải gọi anh là trưởng ban thi công cho ra vẻ cách mạng. Cũng đừng gọi anh ta là "đại ca" xách mé giang hồ kiểu Đồn Hùng Tín của người miền Nam. Tốt hơn hết là làm tỉnh, mặt mũi ngu độn một chút cho hợp thời. Ngu độn thôi chứ đừng làm mặt khổ. Không ai chấp nhận cái mặt khổ của anh, có cuốn sổ chấm công, giá một xu một xe đẩy đầy có ngon. Cũng chẳng thiếu gì người vượt chỉ tiêu, được phong anh hùng lao động. Thèm một đĩa cơm bình dân đầu đường ghê, mà tôi không mua nổi. Cơm cũng phải bán "chui" ngoài cửa xí nghiệp. Ly cà phê bắp rang cháy cũng vậy. Cũng bán chui. Tôi không dám ăn uống thứ lương thực xa xỉ ấy. Bữa cơm trưa của tôi là mấy củ khoai lang sùng đắng nghen nghét và bình nước lạnh mang theo. Khoai mẹ tôi phải đứng xếp hàng mua ở tổ Hợp Tác Xã phường. Không có tên trong sổ lương thực, anh phải có tên trong hộ khẩu. Cái tên đó có thể bị gạch xóa đi bất cứ lúc nào, nếu anh bị ghét bỏ, phường không chịu quản lý con người anh nữa thì bỏ mẹ. Không khí hãi sợ trùm lên tất cả mọi người. Tôi ở tuổi 40 rồi, sức lao động cũng kém đi, chưa bao giờ tôi đạt chỉ tiêu qua những chuyến xe đẩy thủy tinh vỡ. Tôi là nhà văn tự gác bút, mấy anh bạn đồng hành đẩy xe với tôi, người là luật sư, dược sĩ, người là nhà giáo "mất dạy", thay phiên nhau đứng hạng bét, dù cố gắng thế nào cũng không đạt chỉ tiêu trên đề ra, chứ chẳng mong gì đạt chỉ tiêu hoặc vượt chỉ tiêu. Anh hùng lao động chỉ là điều mơ ước, khó còn hơn làm luận án thi tiến sĩ.

Con đường chúng tôi đi từ cổng vào đến nhà kho, lẩn thẩn mà tính ra cũng phải đẩy xe cả trăm cây số mỗi ngày. Thuở mới đổi tiền, từ tiền Ngụy sang tiền Cách Mạng, tỉ lệ một ăn mười. Đồng tiền không vàng bảo chúng cũng quý giá vô cùng. Tìm ra nó khó ngàn lần vào rừng ngậm ngải tìm trầm.

Giờ nghỉ giải lao buổi trưa chỉ có một tiếng đồng hồ vừa ăn vừa nghỉ. Bình nước ni lông tôi mang theo uống từ sáng đến giờ đã hết, tôi ra bể nước vục bình xuống múc. Cái bình chứa hơn phân nửa nước vẫn nổi lênh bênh trong bể. Tôi nghịch ngợm nhấn chìm xuống, thả tay ra, cái bình vẫn nổi lên như cái phao. Nghĩa là bình còn một phần không khí chứa bên trong thì cái bình vẫn nổi. Có một người đang đứng nhìn tôi nghịch ngợm, anh kỹ sư xây lò của công ty. Nghe đâu anh ta là người chế độ cũ, làm việc ở công ty này lâu năm, nay được cách mạng lưu dùng (lưu dùng chứ không phải lưu dụng). Hành động đùa nghịch của tôi giờ nghỉ nên sẽ không bị khiển trách hay phê bình. Anh đứng xem tôi nghịch ngợm, rồi nở nụ cười, buột miệng nói: "Cám ơn nhà văn, anh đã cho tôi ý tưởng hay."

Tôi ngừng chơi, tròn xoe mắt nhìn anh, không nói được mà chỉ há hốc miệng. Một lát sau tôi mới lắp bắp chối:

"Không anh nhầm rồi tôi là..là cu li không công nhân viên."

Anh kỹ sư vẫn cười:

"Thôi đừng chối nữa, tôi biết mà, tên anh có trong kia, tôi không lạ gì anh, tôi từng là độc giả của anh. Tôi không phải công an, đừng lo. Anh ăn cơm chưa?"

Tôi hoàn hồn, lắc đầu:

"Không ăn được, mấy củ khoai sùng đắng nghét."

"Vậy tôi mời anh ra cổng ăn đĩa cơm bình dân chui với tôi, uống ly cà phê bắp rang."

Tôi toan từ chối, nhưng anh đã thân mật vỗ vai tôi:

"Đừng từ chối, tôi người Nam, thật tình đó."

Thế là tôi với anh cùng nhau ra cổng. Đĩa cơm chui rưới nước mắm ớt, đậu que xào loãng thoáng mỡ, "chạy qua" hàng thịt mà ngon lành làm sao. Xong bữa cơm anh lại mời tôi qua đường uống cà phê đen, đường tán cạo ra xúc được nửa thìa vừa đắng vừa thiếu ngọt, hút điếu thuốc rê vẫn sẵn.

Anh kỹ sư chẳng thèm hỏi đến thân phận cùn mần của tôi bây giờ ra sao, có lẽ anh cũng thừa biết rồi. Anh hỏi tôi:

"Mấy ngày hôm nay anh có thấy những phái đoàn đến thăm cơ sở của ta không?"

"Có, đi xe ô tô con, có vệ sĩ đi hộ vệ nữa."

Anh hớp một miếng cà phê đắng nghét, nhăn mặt:

"Cho thêm tí đường đi, đắng quá."

Cô hàng cà phê xúc cho thêm tí đường tán cạo, anh kỹ sư có vẻ hài lòng, không còn xin thêm chất ngọt nữa.

"Còn hơn là uống cà phê quốc doanh, đắng xin thêm tí đường mà sợ bỏ mẹ. Thành bảo vệ nhìn mình chằm chằm như muốn ăn tươi nuốt sống. Đừng coi thường chúng nó, chúng có thể có quyền đấy, có ô dù che chắn."

Tôi đồng ý với anh, vì tôi từng thấy cảnh này. Anh kỹ sư như chợt nghĩ lại chuyện các phái đoàn đến công ty. Anh nói:

"Toàn những cấp lớn, phái đoàn bự."

"Họ tới chi vậy?"

"Tớ vì việc xây lò nấu thủy tinh, xem bản vẽ thiết kế xây lò của tôi."

"Vậy hả, chính anh là người thiết kế xây lò?"

"Ờ chính tôi, tôi đã làm việc này nhiều năm, có tay nghề."

"Mừng cho anh."

Anh kỹ sư gất lên:

"Mừng cái mẹ gì, tôi đang lo này."

"Lo gì?"

"Chuyện lắm thầy thối ma.như thế nào tôi không biết sao. Đúng là lắm thầy thối ma,nhiều cha con khó lấy chồng. Ông nào cũng to cũng có quyền hết. Tôi giải thích, thậm chí lấy chuyên môn ra lý luận cũng không xong. Tôi mang tiếng là cãi lệnh cấp trên, chống đối lại ý kiến xây dựng của lãnh đạo. Tôi đành phải chiều theo ý kiến xây dựng của họ. Nhưng tôi yêu cầu họ ký tên vào sự sửa đổi ấy ngay dưới bản vẽ, vị nào cũng xin hoàn toàn chịu trách nhiệm. Tôi không thể làm ngăn ấy cái cửa lò trong một cái lò. Tôi sẽ lấy ý kiến cuối cùng, ý kiến ấy mới có ở phái đoàn sáng nay. Tôi biết sẽ thất bại, sẽ không ổn nhưng cũng đành phải nghe theo thôi. Lò sẽ nổ tung hay sụp đổ vào ngày khánh thành, đốt lò. Khi đó chẳng ai chịu trách nhiệm hết ngoài thằng kỹ sư xây dựng lò là tôi. Vứt đi hàng bao nhiêu ngàn viên gạch chịu nóng, loại gạch đặc biệt phải mua của nước ngoài giá đến mười đồng mới đổi một viên chứ có ít đâu, chưa kể phải kê giá lên cao theo lệnh cấp trên."

Tôi há hốc miệng nghe anh kỹ sư tả oán. Tôi không có ý kiến gì, vì tôi dốt đặc cán mai về nghề xây lò. Tôi dụt dề hỏi anh kỹ sư:

"Anh đã có cách nào thoát khỏi "kiếp nạn" này chưa?"

Anh mỉm cười gật đầu:

"Có rồi, mới trưa nay thôi, khi nhìn anh đổ nước vào bình."

Trời đất ơi, tôi có liên quan gì đến chuyện này, tôi thảm kêu lên như vậy. Nhưng anh không giải thích cho tôi, anh quay sang một chuyện khác:

"Tôi có một người bạn làm thợ máy không quân. Sau giải phóng anh chạy không kịp nên được lưu dùng, làm việc tại phi đoàn trực thăng, vẫn công việc sửa máy bay của anh ta xưa kia. Ai cũng nói anh được may mắn, có công việc làm, không phải đi học tập cải tạo. Một ngày kia, anh nhận thấy loạt bu gi của máy bay đã hết hạn xài, vì thứ đó cần được thay thế vì đã xài đến hàng ngàn giờ bay rồi, phải liệt đi thôi, thay thế cái mới. Kho tiếp liệu lại hết đồ, anh đành lên báo cáo với tân chỉ huy trưởng phi đoàn. Chỉ huy trưởng không giải quyết chuyện này mà chỉ ra lệnh vắn tắt: "Khắc phục! Anh cạo bu gi, mài lại vít lửa, báo cáo với tôi làm gì, rồi chờ Liên Xô viện trợ thì thay thế. Anh cứ thi hành lệnh của tôi, tôi chịu trách nhiệm. Anh không làm thì có người của chúng tôi làm, anh có thể xin nghỉ việc, không phải chỉ anh mới là người giỏi, tôi không thể bao che cho anh mãi được, cách mạng từng chế ra tên lửa bắn rơi được B52 của Mỹ, nữa là cái chuyện vật này có gì quan trọng đâu."

Hú hồn, anh ta làm đơn xin nghỉ việc liền, mới đây tôi gặp anh ta ngồi lẻ đường sửa xe gắn máy, xe đạp. Anh tha hồ cạo bu gi, phục hồi bu gi và mài vít lửa. Anh hiểu chứ, chiếc Honda đang chạy trên đường bỗng nhiên chết máy còn giắt bộ mang đi sửa được. Chứ cái máy bay đang bay bỗng nhiên bị tịt ngòi bu gi giữa trời khắc phục cái nỗi gì."

Dứt câu chuyện, anh kỹ sư cười hi hi:

"Tôi thì không có may mắn bằng người lính thợ bạn tôi, vì tôi không được phép làm đơn xin nghỉ việc. Mỗi ngày hôm nay tôi mới tìm ra cách thoát thân, một sống một chết mà. Cùng tắc biển, biển tắc thông phải không anh. Sắp đến giờ lao động rồi, chúng ta vào thôi. Mai Chủ nhật rảnh mời anh sang nhà tôi chơi. Tôi ở Nhà Bè, tôi chỉ đường cho dễ tìm lắm. Thứ Hai này khởi công xây lò rồi. Tôi bận mất mấy ngày."

Tôi tìm nhà anh kỹ sư xây lò nấu thủy tinh ở Nhà Bè không khó, anh đã chỉ dẫn đường đi nước bước cho tôi cận kề, cận kề từng chi tiết, và lại bấy giờ chưa đổi tên đường. Tôi cọt kẹt đạp chiếc xe đạp cũ rích sang nhà anh chơi. Anh đón tôi ngoài cửa nhà cười toe toét. Căn nhà của anh là một chiếc bè, thả nổi trên sông, neo ngay cạnh bờ, lối lên xuống là chiếc cầu gỗ vững chãi, nhưng cũng tiện lợi, có thể điều khiển được, rút cầu lên, chiếc cầu ở trên bè, bởi vì anh ta là một người khoa học, hình như chiếc bè ấy còn di chuyển được. Tôi nhìn thấy một cánh buồm cuốn lại, không biết còn máy móc gì khác không. Trước mắt tôi là một căn nhà gỗ đơn sơ nhưng khá vững chắc. Đời sống của con người này, một vợ và một con nhỏ có vẻ bụi đời.

Nhưng thực ra chẳng bụi đời tí nào, khi vào hẳn căn nhà của anh tôi mới rõ. Một căn nhà đầy đủ tiện nghi, có máy phát điện riêng, cầu tiêu buồng tắm, bếp núc, kho chứa lương thực nước ngọt. Tôi dạo chơi thăm căn nhà anh một vòng, tôi rất hài lòng và ao ước có một căn nhà như thế, cây kiềng xung quanh nhà được trồng trong chậu sành, bè là những thân gỗ lớn, ghép lại bằng bù loong và dây xích sắt. Tôi hỏi anh:

"Sao anh lại có căn nhà này, mới đây hay từ lâu rồi?"

"Mới đây thôi, từ khi tôi bán căn nhà ở đường Trịnh Minh Thế."

"Tại sao anh phải bán căn nhà đó?"

"Nhà tôi rộng nên Cách Mạng xin vào ở chung, làm nhà tập thể, tôi không muốn sự chung chạ nào, cũng không thích tập thể, phiền lắm."

"Làm cách nào mà anh bán được căn nhà anh đang ở?"

"Một người cách mạng lớn cần một căn nhà cho phù hợp với địa vị của ông ta, tôi bán với giá bèo ấy mà, tiền bạc ấy tôi xây dựng cái bè này, làm nhà cây lên trên, vậy là cả gia đình tôi ở được. Tôi muốn di chuyển đi đâu cũng dễ, về quê chẳng hạn, cả gia đình tôi cho chạy về quê, chỉ cần nhỏ neo giông buồm lên, cần thì máy đuôi tôm hỗ trợ. Miền nam mình thiếu gì sông ngòi. Cả gia đình tôi như con ốc, đi đâu mang theo cái nhà của mình, chắc ăn."

"Tại sao anh có sáng kiến ấy, nhà anh có hộ khẩu không?"

"Có chứ, hộ khẩu thành phố đang hoang. Sáng kiến làm căn nhà biết bơi này tôi cũng mượn ý qua một chuyện ngắn "Căn nhà biết đi" đăng trên báo, cũng do chuyện đó tôi xin hộ khẩu tại căn nhà này, như nhân vật nào đó trong truyện ngắn xin hộ khẩu trên toa xe lửa bỏ hoang, vô tình toa xe lửa ấy của hỏa xa, bị kéo đi ra Nha Trang sửa chữa, thế là chủ hộ khẩu mất nhà. Trường hợp tôi thì không, tài sản này của tôi không thể mất được, vì chính tôi làm chủ hộ khẩu và chủ căn nhà. Thời buổi này gạo châu củi quế phải không, tôi vẫn sống đầy đủ đó anh, cần gạo thì tôi về nhà quê rồi lên, không lẽ người ta khám xét nhà tịch thu gạo, tịch thu đồ kho dự trữ."

Tôi khen:

"Ý kiến anh rất hay, sống ngay trong thành phố mà anh tự do, không theo luật lệ nào hết, nhiều người ao ước như vậy mà không được đấy. Anh coi chừng bị kết tội là phản động."

"Ấy không, tôi vẫn đi họp tổ dân phố đều đặn, có điều lương thực tôi được phép mua nhường lại cho người khác thôi. Tôi là một công dân hợp pháp."

Anh kỹ sư cười với tôi:

"Hôm nay anh ở lại đây ăn với tôi một bữa cơm thịt cá, cơm trắng gạo Long An, cá tươi tôi mới lưới đêm qua, nhậu rượu đế Gò Đen, tráng miệng bằng xoài, thơm Bến Lức, để anh biết Nhà Bè là như thế nào. Miền Nam ta là xứ chim trời cá nước, đừng ép nhau quá. Tôi nguyên là gốc nông dân từ mấy đời nay, tôi không sợ đói, không cần lệ thuộc vào một thế lực nào hết. Cần lúa gạo thì trời cũng cho. Hẳn anh có nghe tại miền Nam này có loại lúa mọc tự nhiên, không phải do người gieo trồng mà trời cho. Hoàn cảnh khó khăn này tôi sẽ sống như thế đấy..Hoàn cảnh của tôi còn may mắn hơn Robinson Crusoe lạc trên đảo hoang. Tôi phải tồn tại." Tôi tưởng chừng như đã lâu lắm mới được ăn một bữa cơm ngon như vậy. Đúng là tôi đã gặp một quái nhân, sống khắc phục trong mọi hoàn cảnh. Anh không hề than phiền về đời sống hiện tại.

Rượu vào lời ra, ly rượu đế nếp Gò Đen thơm ngon nhậu với gỏi soài xanh khô cá lóc bắt đáo để. Chẳng mấy chốc chúng tôi trở nên thân thiết, bóc ruột bóc gan ra với nhau, tinh thần tôi vốn dĩ nhiễm tinh thần người Nam Kỳ. Tôi nói với anh:

"Anh buồn gì nào, đời sống anh đầy đủ như thế này khối người thèm đấy, buồn thì anh về quê. Còn như tôi có quê đâu mà về, nay thống nhất rồi, quê tôi ở miền Bắc xa xôi, nay khác lắm rồi." "Quê tôi ở miền Nam, nhưng bây giờ cũng vậy cả thôi, rập khuôn một mẫu mã, nhiều con người họ hàng bà con cũng đã thay đổi, không giống thời gian tôi sống và lớn lên. Họ phải sống theo thời như thế mới tồn tại được. Tôi buồn là vậy đó, tôi muốn đi khỏi đất nước này từ mấy tháng trước. Yêu quê hương thì có yêu chứ, nhưng cũng đành thôi. Tôi cứ nán ná mãi cho đến lúc nhận lệnh xây cái lò, tưởng rằng mọi chuyện xuôi xẻ, không ngờ?"

"Chính vậy, tôi có xây cái lò theo ý tôi được đâu, tức là theo kinh nghiệm chuyên môn mà tôi đã làm từ hai chục năm qua. Làm cái đéch gì cũng bị biên tập thì làm sao nổi, nó sẽ ra cái quái thai nào. Họ ngoan cố mà có giáp trụ phòng thân, tôi thì có gì, như anh vậy, anh có gì? Lần này thì tôi đi xa, mang cả vợ con đi. Tôi ở đây không toi mạng thì cũng tù một gông. Cũng vì công việc xây lò, tôi biết chắc chắn rằng cái lò của tôi thiết kế thế nào cũng tiêu vào ngày khánh thành. Vậy thì "tẩu vi thượng sách". Dù có bao nhiêu chữ ký đi nữa, nhưng rồi khi có "sự cố" xảy ra thì tôi người xây lò vẫn phải chịu sự "truy cứu trách nhiệm hình sự". Biết vậy nên tôi phải tìm cách trốn đi bằng chính chiếc bè nhà tôi. Chuyện vượt biển không phải chuyện dễ, nhưng tôi phải liều thôi, tìm cái sống trong cái chết. Nói theo người miền Nam thì "nhất chín nhì bù". Tôi đã lo liệu mọi thứ cho sự an toàn "chỉ mệnh treo chuông" này, nhưng còn một thứ tôi ưu tư là lượng nước ngọt mang theo những ngày còn lênh đênh trên biển, sợ không đủ dùng. Ngày hôm qua, nhìn anh cho nước vào bình, anh nghịch ngợm, nhấn chìm mãi cái bình nước mà cái bình không đầy nước cứ nổi lên lênh bênh, tôi nẩy ra sáng kiến, chừa nước vào những thùng phuy, đổ vào mỗi thùng phuy chỉ 2/3 phuy thôi, gắn xuống đáy bè, khi nào dùng đến nước uống thì cứ việc bơm lên thôi, tôi an tâm ở chuyến ra đi này, dù rằng phiêu lưu đó, giao cả sinh mạng của mình và sinh mạng vợ con cho biển cả. Khi cần thì tôi chạy bằng máy, khi chạy bằng buồm, tôi hy vọng rằng tôi chỉ ra khỏi hải phận là thoát."

Anh kỹ sư có vẻ tin tưởng, anh nói với tôi rằng anh sẽ không có mặt vào ngày khai trương lò, dặn tôi tránh xa lò khi người ta đốt lò. Anh mơ mộng không, hay hoang tưởng trong một vụ thoát thân? Như gần đây có tin đồn có người đã thoát thân được bằng khinh khí cầu tự chế. Chuyện ấy có thật hay không, nhưng lời đồn đại thì um xùm trong thành phố, chốn chợ trời, có người tin và người không tin, nhưng lời đồn thì có đó.

\*\*\*

Tôi không được chứng kiến và tham dự ngày khánh thành lò nấu thủy tinh, nên không được biết kết quả lành dữ ra sao, dù tôi rất muốn chứng kiến ngày trọng đại ấy. Tôi không có cái hân hạnh, vì chỉ một tuần lễ sau, tôi bị vồ ở chợ trời, do giao du với những phần tử phản động. Tôi lên trại học tập cải tạo, những năm tháng chán nản tôi cũng muốn quên đi, điều duy nhất tôi còn quan tâm là số phận anh kỹ sư và gia đình anh có thoát được không? Dù chuyện ấy rất phiêu như người thoát thân bằng khinh khí cầu, treo người trên cái giỏ cần xé, mặc cho gió đưa đi rồi



hạ cánh xuống đâu cũng được, miễn là xa đời được quê hương yêu dấu. Như những người vượt biên bằng chiếc thuyền chỉ dài mười hai thước, mỏng manh như chiếc lá giữa đại dương, có thể bị sóng to gió lớn vùi lấp bất cứ lúc nào, không kể bọn côn đồ trên biển, bọn hải tặc Thái Lan mất nhân tính, đe dọa tính mạng, trinh tiết của phụ nữ. Người ta vẫn cứ ra đi, tâm niệm tất cả những người ấy đều giống nhau qua câu "tự do hay là chết". Đồng bào tôi đau khổ quá, như tôi vậy, bỗng nhiên mang thân tù tội, không biết ngày nào ra, dù rằng từ cái lồng nhỏ ra cái lồng lớn hơn.

Một ngày kia, trại học tập tôi đang ở tiếp nhận một đám tù mới từ trại nào đó chuyển tới. Tôi nhận ra một người quen, anh ba luật sư làm cu ly với tôi ở công ty sành sứ thủy tinh hồi nào. Việc đầu tiên tôi hỏi anh về số phận cái lò nấu thủy tinh, anh cho biết cái lò ấy vì xây không đúng qui cách nên nóng quá đã sụp rồi. Tác giả cái lò bị qui trách nhiệm là phá hoại và bị truy nã, vì anh ta đã trốn mất tiêu với gia đình, không biết anh ta đi đâu.

Riêng tôi biết anh ta đã trốn ra biển, việc thoát được hay không, tôi không biết, vì nhiều năm sau không nghe một trường hợp thoát thân như thế.

Hai mươi lăm năm đã trôi qua, một phần tư cuộc đời.

*Áp Đông Ba cuối năm 2001*

## Quasimodo

Ba chuyến xe heo từ khám đường Chí Hòa đổ xuống trại Đồng Phú hơn một trăm tù. Buổi chiều hôm nay trời không nắng mà mưa phùn lã tã. Bầu trời xám màu chì, sân trại rộng sáng lên ánh sáng thoi thóp của buổi chiều sắp tắt. Những thân xác xanh xao, ốm đói và rách rưới ngồi tụ với nhau nhìn quản giáo và những trật tự, cũng là tù cũ bằng đôi mắt sợ sệt. Quần áo chúng không phải không có mà rách rưới quá chừng. Có thằng thì khoác lên người cái mùng rách, thằng mảnh áo mưa ni lông che thân. Đồ đạc mang theo không có gì giá trị. Hầu hết chúng là tù hình sự, đủ các thứ tội.

Bọn chúng hầu hết là những phần tử lưu manh, trộm cắp chuyên nghiệp, nên "làm mặt khổ" rất tài tình. Nhưng che đây với ai kia, chứ che đây với quản giáo, những đại bàng làm nhiệm vụ trật tự ở đây thì khó đó, những đại bàng cũng xuất thân từ lò chúng ra mà thôi, bây giờ cần lấy điểm, không vì ân sâu nghĩa nặng thì đừng hòng chúng che chở cho. Những hình, những chữ xăm trên mình chúng, dù dữ dằn kinh khiếp đến đâu cũng chẳng lừa gạt nổi ai.

Bọn đại bàng cầm cây gậy đi rào quanh, thấy bộ mặt nào đáng ghét sẵn sàng phang cho vài cây. A "con đĩ chó" kia đừng hòng qua mặt bố mày. Rõ ràng mày là thằng đực mà sao lại sơn móng chân móng tay, uốn tóc "mô đen". Bố mày thì rút mẹ nó cả móng chân móng tay mày cho mà biết thân.. .Mà thôi mày cũng giống con ghẹ lắm, mày "pê đê" phải không, cứ thành thật khai báo. Được rồi có lần tụi tao sai đến mày. Thằng điểm đực kia, mày có bí quyết gì với mấy con ghẹ nà dòng. Không khai hả, tao biết cả rồi, mày có lặn bi chứ gì, vào y tế tụi tao kiểm tra. Con quái vật dơ bẩn kia, quần áo mày đâu, tên gì, ở đâu, khai ra, sao mày tởm quá vậy? Bộ mấy chục năm rồi mày không tắm rửa sao, ở đây tao quăng mày xuống suối cho cá rửa xác mày. Tôi nhìn thằng người ghê tởm đó, đúng là một thằng người dơ bẩn hết ý. Cái quần đùi hần mặc rách teng beng, hở hang không chịu nổi. Hần chỉ còn chút xíu để người ta phân biệt được nó là con người. Cái đầu y tóc tai nham nhở, dò dằng trước, dò dằng sau, khuôn mặt bẹt gầy, răng chìa ra như bò cào, đôi mắt như hai cái lỗ đáo, mũi chẳng ra mũi, môi tụt đi đâu mất,

chỉ còn một mẩu thịt thối ra. Cái ót phía sau đầu sao lại bằng như cái mặt đĩa. Chân tay thì không khoèo như rễ cây, cái lưng một phần xương sống nhô lên khá cao rồi vẹo sang một bên thành cái bướu. Thân xác xấu xí như vậy mà là một con người đấy. Nếu gọi y là ngợm thì chính xác nhất. Thực tình tôi nghe danh từ "người-ngợm" đã lâu, nhưng con người thì thấy, con ngợm tôi chưa thấy bao giờ, có lẽ thằng đó là con ngợm. Khắp người hần xông lên mùi xú uế nồng nặc khiến chẳng ai dám đến gần, hần ngồi thu lu như một đồng củi khô, mấy người tù giải đi cùng chuyển xe với hần cũng phải cố tình ngồi tránh xa.

Cây gậy trong tay gã trật tự ở xa chọc vào người hần:

"Ê mày tên gì?"

Hần ngơ ngác rồi lắc đầu. Một gã lão mép khác trả lời thay:

"Nó không có tên, cán bộ đặt tên cho nó là Nguyễn Văn Tèo. Bị bắt ở quận 1 nên địa chỉ của nó ở quận một thành phố Hồ Chí Minh."

"Tội gì, ăn trộm hay trấn lột?"

"Chiến dịch!"

Tôi hiểu tội chiến dịch là gì, nghĩa là chẳng có tội gì hết, nếu coi là tội thì là tội lang thang, không nhà không cửa. Người ta mở chiến dịch thu gom tất cả những kẻ vô gia cư vô nghề nghiệp. Một cách làm sạch đẹp thành phố thôi, như nhân viên vệ sinh thu gom rác rưởi. Mớ rác rưởi này không thu gom để đốt đi, chúng được tổng lên các trại học tập cải tạo, gọi là trường công nông nghiệp cải tạo, để làm ra của cải vật chất, xây dựng đất nước, thực chất của nó là những trại tù khổ sai. Khi nào học tập tốt thì về...

Tôi cũng là một tên tù tập trung cải tạo lao động, tội vượt biên. Dĩ nhiên tôi phải lấy một tên giả, một lý lịch giả và cả địa chỉ giả như nhiều người vượt biên khác. Điều này thì chủ tàu dạy cho tôi. Tôi cùng hai trăm người đồng bọn từ Chí Hoà lên đây, dù bị bạc đãi nhưng không bị bạc đãi bằng các tù hình sự. Dù sao chúng tôi cũng có cái mẽ bề ngoài. Ra về có có tiền có bạc, được thăm nuôi. Bỏ ra ba bốn cây vàng để thoát thân, bỏ quê hương mà đi, chứ chẳng lừa đảo ai cả, cũng không phải phờng trộm cắp. Dù sao cũng nhiều tính tốt hơn tính xấu. Tôi không có xu mẹ nào mà cũng vượt biên, đó là do chỗ thương tình của chủ tàu với tôi, có lòng giúp đỡ tôi thôi. Nhưng vào nơi tù tội này tôi được thơm lây tội danh tù vượt biên. Lên trại học tập này mới đầu tôi làm thầy giáo để dạy học cho tù hình sự mù chữ. Sau này leo lên chức đội trưởng đội 10, mang danh là đội tự quản không bị canh chừng, đội 10 là trái tim của toàn trường, đội trưởng đại diện cho tất cả các đội trưởng khác. Tôi trở thành kẻ có đức cao vọng trọng. Sĩ quan cao cấp, các đội trưởng ở các đội khác cũng được coi là sĩ quan nhưng dĩ nhiên không cao cấp bằng tôi, cho đến bây giờ tôi cũng không biết tại sao người ta lại gọi lũ chúng tôi là sĩ quan nữa, tôi thì như con gà chết, chẳng có uy chút nào. Các đại bàng các quỉ sứ cũng được coi là sĩ quan. Còn tất cả bọn tù là lính là lâu la.

Cuộc sống của tôi trở nên nhàn nhã, một buổi dạy học, rồi giắt đội mười tên "bể càn gậy gọng" đi trồng điều quanh trại rồi về. Lên căng tin do tù nữ bán uống cà phê, không tiền sẵn sàng có người trả. Buổi tối ở trong lán trại chán nghe quay phim thì xách đèn ra ngoài trại, đến nhà út Chung, nguyên là trại trưởng mất chức, uống rượu giải sầu. Ông ta còn được ân huệ coi như về hưu non, làm nhà bên suối sống chung với một người đẹp, nguyên là gái làng chơi, trước ở trong trường công nông nghiệp cải tạo này. Ông út Chung, giám hiệu bị tiếng sét ái tình đánh trúng, vì tình yêu, ông đành rút khỏi chức vụ mà ông đã phải bỏ ra ba mươi năm vun trồng

rồi về nhà bên suối vẽ lông mày cho người đẹp, tình yêu lãng mạn như tình sử Trác Văn Quân với Tư mã Tương Như. Mặc tiếng đòi dị nghị, mặc luôn cả sự nghiệp ông đã vun trồng, kể cả chức đảng viên của ông.

Bà út Chung đã là người hoàn lương, chán nơi giang hồ gió tanh mưa máu, về ở bên người chồng luống tuổi, nửa đời người theo cách mạng, từng tập kết ra miền Bắc rồi lại chẻ dọc Trường Sơn trở về giải phóng miền Nam đến lúc thành công. Hai ông bà bây giờ có một tiệm tạp hoá, bán đồ cho tù có tiền và dân quanh vùng. Ông út vác cần câu đi kiếm thêm lương thực, kiếm vài ba con cá làm đậm đà thêm bữa nhậu, đặc sệt mùi Nam bộ, đêm xách súng vào rừng cũng có khi săn được con nai con nhím, xẻ thịt bán cho tù có tiền. Có những đêm trời tối, ông ngồi khề khà với xị rượu, nói chuyện đời chơi cho đỡ buồn. Ông mến tôi, bởi tại tôi thường nói chuyện Hà Nội với ông, một vùng đất ông đã sống một thời gian dài trước ông đi tập kết.

Tôi ra khỏi trại, xách cái đèn bão đến nhà ông Út, cái đèn cũng của ông cho mượn. Ông Út nói:

"Mày tắt đèn đi tiết kiệm dầu, khi nào về hãy châm lên. Coi nào, còn dầu không, khi nào hết tao đổ thêm cho. Về khuya tắt đèn vào trại thì khốn đó, không phải thằng nào cũng như tao đâu, mày gặp thằng Tư AK là bỏ mẹ. Nào ngồi xuống đây làm một chung, rượu ngâm với rễ cây huyết rồng ra màu đẹp đáo để, tao lại ngâm thêm cái bao tử nhím, cả chục con tắc kè còn nguyên đuôi."

Toàn là những chuyện tào lao giải sầu:

"Ngày hôm nay tao vào trại, nhà các cán bộ ở, tao nghe thằng Nội đang tập hát bài :Tôi xa Hà Nội năm lên mười tám khi vừa biết yêu..Đôi tay ngọc ngà dương gian tình ái bay theo mây trời..Hà Nội ơi biết ngày nào gặp nhau, biết tìm về nơi đâu..ân ái trao nàng mây câu...Thăng Long ơi..năm tháng đã xa thật rồi..Không biết một thằng tù vượt biên nào đó dạy cho nó. Nhưng nó hát dở quá. Tiên sư cái thằng đó nó cứ tưởng nó là "giai" Hà Nội, thật ra nó là người dân tộc mạn ngược tao còn lạ gì. Có phải bài hát đó làm từ năm năm tư, bọn Bả? kỳ chúng mày di cư vào miền Nam không?"

"Đúng vậy anh Út à!"

Út Chung vỗ đùi đến đét một cái:

"Tao biết ngay mà, khung cảnh Hà Nội trong bài hát đó, tao thấy không giống như Hà Nội thời tao tập kết ra ngoài đó. Nhưng hay và tình tứ quá đi. Chừng nào mày ra Hà Nội nhớ đi ăn bánh tôm Hồ Tây nhé. Hôm nay nhậu mà có mấy viên lạc rang húng liu thì tuyệt cú mèo. Hồi đó tụi tao nhớ miền Nam nhậu rượu quốc lủi với mấy viên lạc rang húng liu mà thấy ngon quá xá quạ xa."

"Lạc rang húng liu của lão? Tàu bán bên bờ hồ Gươm mới thật là ngon."

"Lão chết rồi, tao ra Hà Nội mấy năm thì lão chết. Sau này cũng có lạc rang húng liu, nhưng không bùi thơm ngon như của lão Tàu, nghề rang lạc của lão bị thất truyền, người Tàu thâm lắm."

"Tôi nghiệm ăn lạc rang của lão Tàu từ bé, buổi tối trời lạnh có một gói lạc rang của lão gói giấy quán bò đà không có gì thú vị bằng."

Câu chuyện chỉ tào lao như vậy đến lúc tôi ra về. Út Chung tỏ ra quan tâm đến tôi:

"Mày để tao đưa mày về, cứ thấp đèn lên cho bọn lính canh coi cho rõ."

"Tôi còn phải đi lên nhà phát điện, máy móc không biết chạy ra sao mà cứ lập loà lập loè."

"Ừ phải, tao cũng phải xin một ngọn điện của trại cho nhà tao, hôm rồi tao có xin nó biểu tao phải làm đơn, thiệt là mệt, nhưng được thôi, khi nào tao làm thì mày kêu lính kéo dây cho tao nhé."

"Xong ngay mà anh Út."

Đi bên cạnh út Chung, anh ta nói chuyện oang oang. Lính canh trên vọng gác nhận ra ngay.



Bọn tù mới bị lừa ra trước trạm xá để khám sức khoẻ. Tôi nghe tiếng la hét trong trạm xá vọng ra. Cô y tá cũng là tù vượt biên mặt đỏ bừng chạy ra, gặp tôi, cô ta nói:

"Kỳ quá thầy ơi, tôi không khám đâu."

"Cái gì vậy Hồng Các?"

Cô ta không trả lời mà chạy thẳng về đội mình.

Sao thế hở, tôi chạy thẳng vào trong trạm xá. Có hai thằng tù bị lột trần truồng còng dang hai tay lên tường. Thằng pê đê già gái có khuôn ngực no tròn như ngực con gái dậy thì, đây là cái trò bơm sê li côn của mấy anh lang băm thẩm mỹ viện rẻ tiền. Nhưng phần hạ bộ của nó lại là đàn ông trưởng thành bình thường, thật chẳng ra làm sao. Thằng điếm đực thì bị kẹp vào đầu dương vật đến năm cái kéo kẹp bông y tế thường dùng để rửa vết thương, những cái kéo này lại kẹp thẳng vào thịt, bầu thịt ra. Thằng đó đang la hét vì đau đớn, năm cái kéo bỏ lòng thòng xuống háng coi mà khiếp. Một thằng quỷ sứ bóp vú thằng pê đê, nhồi như nhồi bột, hấn nham nhổ ra mặt. Tôi la lên:

"Thằng kia, mày làm gì người ta thế?"

"Em trừng phạt nó cho chừa thói lưu manh, nó chuyên lừa gạt những tay chơi lương thiện."

"Mày tội gì?"

"Em cũng là lưu manh, nhưng em đã học tập tốt nên chừa rồi, em dạy lại tính lương thiện cho thằng này thôi mà."

Trời ơi là trời, một bọn quỷ sứ trên địa ngục trần gian. Tôi thầm kêu lên như vậy. Tôi quay sang thằng bị kẹp dương vật:

"Còn thằng này nữa, sao tụi bay làm vậy, thả nó ra."

Một thằng quỷ lên tiếng:

"Dạ không dám đâu, cán bộ Tư AK làm đó, cán bộ muốn xem nó lặn bi cách nào, cán bộ đi lên căng tin rồi, anh muốn xin cho nó thì đi gặp cán bộ."

Tôi gặp cán bộ trên căng tin, nói với ông ta điều đó. Anh cán bộ Tư AK cười hề hề:

"Được thôi, tôi sẽ lặn mấy hòn bi của nó ra xem rồi thả, tôi nghe nó khai học được phương pháp lưu manh này của mấy thằng tù lưu manh người Thái Lan, làm tăng khoái cảm cho phụ nữ. Trừng trị lưu manh mà, anh đừng xía vô lại mang tội dung dưỡng lưu manh đó."

Tôi thua như nhiều lần thua khác trong đời.

Buổi tối về phòng, cảnh tượng còn man rợ hơn với thủ tục "chào phòng" áp dụng cho bọn tù mới. Do bọn quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa thi hành, cũng như lần đầu chúng tôi bị đưa lên trại này. Ngày đó cơ khổ với bọn quỷ hèn hạ này, chúng bóc lột từ cái đồng hồ, cái kính đeo mắt đến khâu vàng, tí tiền còn lặn túi. Roi vọt đấm đá trên thân thể chúng tôi. Mà phải chịu đày, dù nhà tù làm bằng tre rất mỏng manh, xem ra đồng tâm mà trốn đi cũng chẳng mấy khó khăn.

Ban giám thị trại cố tình duy trì tình trạng đó, làm thành truyền thống để tù trị tù, chính nó là bức tường vữa? chắc nhất, ở đây chỉ có bạo lực, không có một chút lòng nhân ái hay tình người. Những tên tù không thể thoát ra được, đành cam tâm làm số phận nô lệ rồi tìm cách vượt lên. Những giỏ thăm nuôi hậu hĩnh, những đồng tiền gia đình gửi cho biến đổi dần số phận những tên tù vượt biên. Tôi tuy không có gì nhưng có một chút ít chữ nghĩa, rất hiếm hoi trong trại tù khổng lồ này, gọi là trường giáo dục công nông nghiệp cải tạo. Tôi đi dạy học, và dạy luôn cả con cái cán bộ, nơi chưa có một trường tiểu học cho ra hồn. Trong khi nhà nước có chủ trương giáo dục người làm lờ. Tôi lại có tài đánh máy chữ nhanh như gió, làm được đủ thứ đơn từ nên được hậu đãi thôi. Tôi chán đời ra mặt chẳng nghĩ đến ngày được tha, nên ban giám hiệu không sợ tôi trốn trại, tôi muốn đi đâu thì đi, chẳng ai phải canh chừng.

Bọn tù mới được xếp nằm trên sạp tre, không nhúc nhích, xếp như xếp cá hộp. Để dễ kiểm soát chúng phải tự đếm số từ số đầu tiên đến số cuối cùng. Thằng ngọm nằm cuối cùng, cách xa hẳn tập thể vì nó đáng ghê tởm và hôi thối quá. Đánh đập nó bản cả tay, bản luôn cả gậy gộc roi vọt. Người ta còn miễn luôn cho nó đếm số, vì nó nằm sát với cầu tiêu hôi thối không thua gì nó. Người ta đặt tên cho nó là thằng Ngọm Quái Vật

Một lát trong tiếng đếm số đều đều, tôi nghe tiếng la của thằng đại bàng trật tự:

"Ê thằng số 15 kia, mày ngồi dậy chi vậy, trốn trại hả?"

Thằng số 15 giải thích:

"Không có đâu, em đau bụng muốn đi cầu."

"Đi cầu cũng phải giơ tay báo cáo xin phép, các sĩ quan cho phép được đi mới đi, còn sĩ quan nói "cai" thì rán mà chịu, ở đây chúng tao bắt mạch đúng bệnh còn hơn bác sĩ kia. Cho phép mày xuống đây, móc hai giò lên sạp nằm, thằng Tí Cò đầu đá vô mang nó cho tao, nếu nó vọt cứt ra thì bắt nó dùng tay hót vô cầu tiêu, thi hành bản án."

Khỏi có xin xỏ khóc lóc chi hết, quân lệnh như thái sơn, Tôi cũng phải làm ngơ, không nên giẫm chân lên nhau ở nơi "thượng tôn pháp luật" này, dù luật pháp đó là thứ luật gì, những cái đá hự hự và tiếng la hét, tiếng van lạy của kẻ bị đòn. Tiếng thằng quỷ sứ dữ dằn, cay nghiệt:

"Móc giò lên, tao đá lại, chừng nào vọt cứt ra thì tha. Chết bỏ mày biết không, chỉ cần một tờ báo cáo."

Đêm trôi trong những hình phạt rùng rợn của con người với con người, cũng là cuộc giải trí thú vị với các loài quỷ dữ. Thằng Ngợm Quái Vật nằm thu lu một đống cuối lán trại, hình như nó ngủ say, không cần biết chuyện gì đang xảy ra. Tôi thì thắc mắc về nó, không nhớ ra tôi đã gặp thằng này ở đâu. Tôi lục tìm dĩ vãng, bối tung lên mà vẫn không thấy. Đến sáng tôi cũng không thể nào nhớ ra.



Thằng Ngợm Quái Vật mỗi ngày thêm dơ bẩn, dù rằng bây giờ nó đã được phát bộ quần áo tù để đi lao động. Nhưng mùi xú ối ở con người nó toả ra đến là khiếp, khiến chẳng ai dám đến gần. Mùi ở người nó toát ra như mùi chồn hôi. Bọn tù nói rằng đến đi cầu nó cũng không lau chùi như con người. Chỉ có con vật mới không làm chuyện đó. Sự ăn uống của nó cũng như cách ăn của con vật, bốc bả nhai nuốt., vũng nước nào nó cũng vục miệng xuống uống được. Hình như các loại vi trùng đều miễn nhiễm với nó. Người ta thấy kệ nó, nó như con vật bị bỏ quên trong tập thể.

Rồi một đêm thì nó biến mất. Buổi sáng bọn trực phòng la lên :

"Thằng Ngợm Quái Vật trốn trại rồi."

"Nó trốn ngoài bãi hay ngay trong lán trại?"

"Ngay trong lán trại mới thần tình chứ."

Thằng Tí Cò trả lời. Cửa khoá bên ngoài, sau khi đội 10 về đủ, sự canh gác cẩn mật như vậy thì nó trốn đi bằng đường nào. Nhưng rồi người ta cũng điều tra ra. Chỉ có cái lỗ cầu tiêu, bên dưới là cái thùng phân đổ nghiêng, phân đổ tung toé. Một cây thang ngang trên cầu tiêu bị long đinh. Một con người có thể chui lọt, nhưng dơ bẩn quá, từ lỗ đó thoát ra ngoài lán trại, ra hàng rào tre có thể vệt một lỗ chui ra, thoát khỏi trại.

Bọn quỷ sứ coi lán trại đêm hôm đó phải chịu trách nhiệm vì đã đánh mất một con người. Ban giám hiệu nhà trường căn cứ vào danh sách thì thằng Ngợm Quái Vật là một con người lao động quý giá. Đánh mất một con người thì phải đền. Vị cán bộ phụ trách ban văn thư nói :

"Mặc kệ các anh, tên Nguyễn Văn Tèo là người, cách mạng tôn trọng con người, các anh đánh mất nó, các anh phải đền, phải bị chong án lao động thay cho nó, chỉ có thế thôi."

Bọn quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa này có cái đít khô mà đền à, cuối cùng giải quyết bằng cách ban giám hiệu phải cho một toán đi lùng tìm, có cán bộ võ trang đi theo kèm cặp.

Đến buổi trưa thì ban săn tìm bắt lại được thằng Ngợm Quái Vật. Nó bị lừa đi trước, bọn đầu trâu mặt ngựa đi sau phang đập thằng Ngợm Quái Vật chí tử. Cán bộ võ trang đi sau rất kèm súng coi chừng.

Cán bộ giám hiệu đứng trên thềm nhà " khung " quát tháo hỏi:

"Mày tên gì?"

Ông ta bịt mũi, xoa tay, hình như cũng chẳng buồn nghe câu trả lời, nhưng thằng tù trốn trại vẫn phải sợ sệt trả lời:

"Tôi tên Ca... si... mo... đô..."

Một thằng la lên:

"Láo, mày tên Tây à, vào đây còn nói láo."

Ông cán bộ giám hiệu xoa tay:

"Tao đã nói, mang nó ra suối dim nước tắm rửa cho nó, rồi cùm lại, có sạch sẽ mới ngồi trước cán bộ hỏi cung được chứ."

Thằng Ngợm quái vật không nói láo, nó nói thật tên của nó, hèn chi bấy lâu nay tôi thấy nó quen quen mà không nhớ ra. Nó là thằng Quasimodo, ở sân cỏ trường đại học Văn Khoa thuở nào, Khám Lớn Sài Gòn xưa thời ông tổng thống Diệm được đập phá đi, để mị dân, rằng chế độ của ngài không có nhà tù, đất đó để xây Thư Viện Quốc Gia, trường đại học Văn Khoa, hội Hoạ Sĩ Trẻ, tất cả đều dính dáng đến văn hoá, ngay giữa lòng thành phố. Thư Viện Quốc Gia ngày ấy chưa xây dựng, còn để một khoảng đất trống, cỏ mọc nhìn ra đường Gia Long. Thằng bé vừa gù vừa xấu xí xuất hiện tại bãi cỏ này, nó nguyên không có tên, sinh viên Văn Khoa thấy hình thể nó dị hợm nên đặt tên cho nó là Quasimodo, nhân vật thằng gù trong tiểu thuyết Notre dame de Paris của văn hào Pháp Victor Hugo. Trên bãi cỏ rộng ấy, sinh viên mở quán cà phê, cũng là nơi trình diễn văn nghệ.

Tôi là một nhà báo trẻ thường đến đó chơi mỗi chiều, cùng mấy người bạn nghệ sĩ chưa thành danh. Nhạc sĩ họ Trịnh, ca sĩ Ly Ly từ Đà Lạt xuống. Thằng Quasimodo coi cổ quái như vậy mà hiền khô, trung thành với mọi người chủ trên bãi cỏ, ai sai gì làm nấy, ai cho gì ăn nấy.. Sai đi mua gói thuốc lá, tiền thối lại người ta cho nó, nó ra mua cái bắp nướng phết hành mỡ ngồi gặm ngon lành. Ngày đó nó không đến đổi bắp ghê tởm như bây giờ. Quần áo cũ người ta cho nó mặc tuốt, đêm ngủ ở bậc thềm trường đại học Văn Khoa, hay hàng hiên hội Hoạ Sĩ Trẻ.

Sau năm 1975, sây đàn tan ghé, tôi không còn gặp thằng Quasimodo nữa, tôi nghĩ nó đã chết rồi, cái thân tôi còn lo không xong nữa mà nghĩ đến ai. Hôm nay nghe nó nói tên Quasimodo. Tôi lại nhớ ra, một cái tên huyền thoại ai tin cho được. Nhưng cái tên đó lại bật sáng trong đầu tôi. Tôi nhớ lại tất cả, thì ra nó cũng là một con người. Một con người khao khát tự do. làm nên một cuộc trốn trại vô tiền khoáng hậu. Cuộc trốn trại không rùng rợn mà rùng mình vì ghê tởm?#46; dù không làm đổ máu ai cả. Chưa một con người nào dám làm điều đó, nơi nó về hưởng tự do của nó ở đâu, ai biết, và nó về với ai, cũng chẳng ai biết được.

Thằng Quasimodo bị giam ở căn nhà vách đất kia, ngay cạnh lán trại tôi đang ở. Căn nhà đó nguyên là nơi khâm liệm những tên tù chẳng may mạng vong. Thường thì bỏ hoang...

Tôi bới giờ đồ thăm nuôi lấy ra một gói mì, một tán đường và một bọc ni lông cà phê. Tôi cầm những thứ đó xuống nhà giam thằng Quasimodo. Cửa không đóng, mở toang hoang.

Thằng Quasimodo bị cùm bằng ống tre chẻ dọc, khoét hai lỗ bỏ vừa hai cổ chân rồi đóng chốt ở hai đầu cây tre.

Quasimodo bị trói ngời dựa tường, nhưng hai bàn tay hấn được tự do, nhưng vẫn không thể với tới dây trói.

Người y cũng đỡ hôi thối sau cú tắm suối, quần áo hấn thì ướt mềm đang khô. Tôi đưa hấn gói mì, tán đường và bọc cà phê :

"Ăn uống đi Quasimodo."

Đôi mắt như hai cái lỗ thao láo nhìn tôi, hấn chưa ăn mà nhìn, tôi thấy hai tròng mắt của hấn đảo lên đảo xuống trong hố. Tôi hỏi:

"Mày có phải là Quasimodo không?"

Gã gật đầu:

"Phải, tên trước kia."

"Chắc mày nhớ bãi cỏ trường đại học Văn Khoa?"

"Nhớ, cũng lâu rồi.."

Trong đầu hấn chắc chắn còn ý niệm dĩ vãng. Tôi nói:

"Thôi ăn đi."

Dù tôi nói thế, nó vẫn chưa ăn, nó nhìn tôi chăm chú. Tự nó nói ra:

"Tôi trốn đi, tôi muốn về nơi đó.."

Quasimodo nói nơi đó là nơi nào, không xác định. Trong đầu óc sâu thẳm của nó đang nghĩ gì, chỉ mình hấn biết. Tôi chẳng hỏi thêm. Khi tôi quay trở ra, hấn nói với theo:

"Thầy có nhờ tôi mua thuốc lá không?"

Tôi không trả lời, nhưng tôi biết nó đã nhớ lại tất cả. Sân trường đại học Văn Khoa, bãi cỏ và có thể cả tôi nữa. Giấc mơ tự do của nó không hoang tưởng. Hiện giờ thì hấn đang thụ án, trả nợ cho giấc mơ tự do của gã.



Đã 15 năm qua rồi, tôi không gặp lại Quasimodo lần nào. Không biết y còn tồn tại trên thế gian này không? Giấc mơ tự do của hấn không hoang tưởng thì đi đến đâu rồi. Sân trường đại học Văn Khoa, bãi cỏ Thư viện Quốc Gia nay không phải nơi dễ ra vào.

*Áp Đông Ba Gia Định xưa tháng Tư năm 2001*

## Hồn bút

Buổi sáng tôi thức giấc cùng tiếng chim hót. Nhưng không phải là những buổi sớm mai êm đềm trước kia, khoảng năm tháng trước.

Thú thật hồi nửa năm về trước, tôi cũng chẳng có thì giờ nghe chim hót. Tôi ra đi lúc còn tối trời, ngồi tòa soạn nghe tin tức đài phát thanh, làm những bản tin thế giới xảy ra trong đêm. Công việc tòa báo tắt bật đến chín giờ sáng tôi mới có thì giờ ăn điểm tâm, rồi lại viết vài trang tiểu



thuyết cho nhật báo. Công việc bận rộn suốt ngày, về đến nhà cũng phải bảy tám giờ tối. Coi truyền hình, chơi đùa với vợ con một lúc rồi đi ngủ. Thời gian để nghe chim hót hoàn toàn không có, cũng bởi tại nhà tôi ở trong thành phố. Ngay bên kia sông Cầu Bông. Nay tôi về ở với mẹ, bên này sông, một vùng nửa thành thị, nửa thôn quê. Nhà cửa tôi đã mất, gia đình tôi thành ra ly tán từ sau ngày thành phố giải phóng. Tôi bị đuổi ra khỏi nhà, chỉ mình tôi, vì tôi thuộc thành phần nguy phản động. Những tác phẩm của tôi bị đốt ngay trước cửa nhà, vì bị kết tội là tác phẩm đồi trụy, phản động, bản thân tôi cũng chẳng còn chút an ninh nào. Tôi về với mẹ, nơi căn nhà xưa. Căn nhà trống huếch trống hoác chỉ còn hai mẹ con. Em trai tôi đã lên đường trình diện đi học tập cải tạo bởi nó là sĩ quan quân đội chế độ cũ. Gia đình tôi đương nhiên phải có tên trong sổ đen. Hàng xóm nói, ban đêm, công an và những tay "cách mạng ba mươi" thường rình nghe ngóng trước cửa nhà. Giấc ngủ của tôi, của mẹ tôi thường không yên, khi nghe tiếng chó sủa, khi nghe tiếng bước chân đi rộn rịp ngoài hẻm. Tôi nằm cứng cả hai bàn chân như bị tê dại khi nghe có tiếng xe gắn máy ngừng lại một nhà nào đó trong xóm. Tiếng đập cửa, kiểm tra hộ khẩu. Mẹ tôi ngồi dưới nhà tụng kinh cầu Phật Bà Quan âm cứu khổ cứu nạn. Một đêm qua, tôi biết mình an toàn thêm được một ngày. Sáng ra, nghe chim hót ở khu vườn chùa sau nhà, mẹ tôi và tôi tạm thời an tâm.

Đồ đạc trong nhà bán dần dần để ăn. Cái đồng hồ treo tường, radio, bộ sa lông, chổi cùn rể rách gì cũng bán được ráo. Tôi chẳng có gì bán ngoài bộ quần áo mặc trên người khi ra khỏi nhà. Tôi là một tên văn sĩ nguy, vợ tôi là con nhà liệt sĩ, gia đình cách mạng đương nhiên không thể thích hợp với nhau. Hai đứa con tôi, theo "luật" phải theo mẹ. Cuộc chia tay thảm hại. Tôi ra khỏi nhà tay trắng, vật vờ trên đường phố như cô hồn các đảng với niềm đau mãi khôn nguôi. Tôi nằm nướng trên sàn gác, ngoài tiếng chim hót bên vườn chùa, tôi còn nghe đủ thứ âm thanh của những thành phần mua bán. Có người rao mua tôn, gạch bông, thế có nghĩa là rõ nhà ra mà bán đồ lạc son và cả vỏ bút nguyên tử hết mực, bút máy hư hỏng. Tại ngôi nhà này tôi còn để lại cả ngăn kéo vỏ bút bi, lưu trữ từ bao nhiêu năm nay. Từ khi tôi mới vào đời làm nghề cầm bút. Cho đến ngày người ta gọi tôi là nhà văn. Bây giờ thì là nhà văn chế độ cũ hết thời. Tôi có thể bán số tàn dư đó cũng được vài ba bữa cơm, điều thuốc, ly cà phê đỡ vã. Nhưng khoan nào, tôi có thể sửa chữa lại những cây bút. Tôi đã học được nghề sửa chữa và bơm mực bút bi của một anh bạn như tôi sớm ra nghề. Đồ nghề để thực hiện ý đồ kiếm ăn đó thật đơn giản. Một cây cặm xe đạp mài nhọn để thọc viên bi ra khỏi ngòi, lau chùi hết sét rỉ. Một chút acétone rửa ruột bút, cái ống tiêm bơm mực hoặc không thì mấy cái lọ kín, lọ peniciline, đựng mực làm theo nguyên tắc bình thông nhau cũng được. Mực tự chế bằng mực in pha với dầu nhớt loãng là xong. Nếu không làm được, bạn bè tôi sẽ giúp đỡ lúc ban đầu. Tôi chỉ cần tìm địa điểm ngồi hành nghề. Tôi miên man với suy nghĩ đó. Mẹ tôi lên lầu:

- Con chưa dậy sao?
- Con dậy lâu rồi.
- Mẹ muốn hỏi ý kiến con, mình có nên rẽ mái tôn bán không, nhà mình cũng được vài chục tấm.

Tôi lắc đầu:

- Không mẹ à, mình rẽ mái tôn bán rồi sẽ cạy gạch bông bán nốt. Đừng mẹ...
- Không lẽ mình chịu chết đói sao, mẹ muốn có chút vốn liếng bán bún riêu. Mẹ nấu, bán, con rửa chén bưng tô...

Tôi vẫn lắc đầu:

- Không cần đâu mẹ à, có cách sống rồi. Hôm nay con ở nhà sửa soạn đồ nghề, mai con ra đường kiếm ăn được. Chiều mai con có thể mang gạo về nhà, chút mắm muối.

Mẹ tôi xuống nhà, còn nói với lại:

- Ôi dào, cậu chỉ nói cái mồm, đi rong chợ trời mãi có đến đâu.

Từ xưa tới nay tôi vẫn nổi tiếng là thằng con ba hoa, chẳng thực tế chút nào. Nói một tắc tới trời. Thằng láo khoét, phét lác, ưa tưởng tượng rồi cứ tưởng thật và phát ngôn bừa bãi. Có lần thì chết vì cái mồm! Mẹ tôi gọi là vạ miệng.

\*\*\*

Kiểm để có ăn chẳng mấy khó. Tôi ngồi bên hông tường một trường học nữ nay đã đổi tên. Học trò mặc áo bà ba đủ thứ màu chứ không còn mặc áo dài tha thướt như hồi trước. Trường học không thuần nữ mà lẫn lộn cả nam sinh. Thời trang hiện tại là áo bỏ ngoài quần, có cậu còn diện cả dép râu. Học trò bỏ học nhiều, trường lớp xơ xác. Nhưng điều đó chẳng liên quan gì đến tôi và những bạn đồng nghiệp ngồi dọc theo tường bươm bút bi kiểm tiền lẻ. Tôi đã sửa được vài ba cây bút hoàn chỉnh, mực chảy tốt. Tôi có thể bán được hoặc cho khách hàng mượn vào lớp viết bài trong khi chờ đợi tôi sửa bút. Mới ra nghề vài ngày, tôi đã thành thợ sửa bút có tay nghề cao, sửa được đủ loại bút viết. Thời gian này toàn miền Nam chưa sản xuất được bút bi và cũng chẳng có bút nhập cảng. Những cây bút Bi được coi là hàng quý giá, đắt tiền. Cái khó ló cái khôn, tôi tạm thời sống được.

Tôi thú vị với cái nghề mới của mình. Tôi bươm mực, thử bút qua những đường gạch xem mực chảy đều chưa, rồi tôi viết nguyên chữ, mực chảy nhuần nhuyễn tôi mới trao cho khách hàng, lấy tiền. Cuốn tập cũ dùng để thử bút lem nhem mực và những chữ ký tên của tôi do quen tay. Thói quen sẵn có từ xưa khi đang viết, bút bi trở ngại, tôi thử lại bút bằng cách ký tên mình.

\*\*\*

Tôi gặp nhỏ khách hàng vào một buổi sáng sớm trước giờ vào học. Cô bé kháu khỉnh đôi mắt tròn to, luôn có vẻ ngạc nhiên khi nhìn, thêm chiếc răng khểnh coi thật duyên. Cô bé chừng mười sáu mười bảy tuổi. Nhìn dáng dấp và quan sát cách xử sự, tôi đoán cô bé là con em của người thuộc chế độ cũ. Cô bé còn học hành được là điều may. Tôi biết nhiều con em phải bỏ học gia nhập nghề buôn bán chợ trời. Nếu có thân thể do liên quan với người làm cách mạng, xin được chân công nhân viên, quét, hốt rác cho sở vệ sinh là nhất rồi. Chính mắt tôi đã được đọc những tờ giấy chứng nhận có công lao, giúp đỡ cách mạng của một vài người quen. Viết lem nhem trên một tờ vở học trò. Có người mang bọc plát tích cẩn thận. Tôi cũng đã thấy tại nhà một anh bạn viết báo trước kia, có treo một tấm bằng, chứng nhận "Gia Đình Vê Vàng". Tấm bằng có đóng mộc ký tên, lộng kiếng treo ngay tường giữa nhà, ai vào cũng nhìn thấy. Như người xưa treo hoành phi câu đối. Anh khoe hai đứa con trai của anh sắp sửa đi làm công nhân viên, chân bảo vệ gì đó. Riêng tôi ngạc nhiên về anh, vì tôi biết anh là người đóng bè vượt biển vào Nam sau đợt di cư 1954. Sau đó anh là người viết nhiều bài báo chống Cộng kịch liệt. Tôi không biết gia đình anh về vang nổi gì, ở cái khổ nào. Thầy kệ họ?

Cô bé ngồi xem tôi bươm mực, thử bút, chăm chú nhìn chữ ký của tôi. Mắt hơi nhú lại, bắt ngờ hỏi tôi:

- Thưa chú, nếu cháu không lầm, cháu đã thấy chữ ký này trên một cuốn tiểu thuyết ký tặng ba cháu.

Tôi ngẩng nhìn cô bé:

- Ba cháu là ai, tên gì?

- Ba cháu là thiếu tá Phùng Đại Hải, bây giờ đã đi học tập cải tạo rồi.

Tôi nhìn sững cô bé:

- A, thiếu tá Hải, chú có quen.

- Chính chú ký tên tặng sách ba cháu?

Tôi gạt đầu thú nhận:

- Chính chú !

- Trời ơi, chú là nhà văn... bạn của ba cháu.

- Đúng thế, đừng nhắc lại nữa, thời gian đổi thay rồi. Cám ơn cháu còn nhắc đến chú.

- Cháu cũng từng là độc giả của chú, bây giờ gặp được chú, ai dè chú lại làm nghề này...

Tôi không muốn cô bé thương thân phận tôi. Vì chính thân phận cô bé cũng đáng thương. Bố bé đi học tập cải tạo mẹ bé bán hàng rong, anh chị của bé chạy chợ trời. Bé sửa soạn bỏ học,

thành phần gia đình Ngụy rất khó sống. Người ta truy tìm lý lịch đến ba đời! Bé cười nói thế. Tôi an ủi cô bé, muốn bé vui, đừng quá sớm chán đời:

- Tất cả đều vậy thôi, chú phải làm công việc này vì "sứ mạng".
- Chú nói gì?

Máu bố lảo lình như lúc nào cũng có sẵn trong người tôi, ít khi tôi nghiêm chỉnh được. Tôi bịa ngay ra được một câu chuyện để chống chế cho cái nghề mình đang làm:

- Chú làm nghề này vì phải đền mạng cho hàng bao nhiêu ngàn cây bút do chú đã tàn sát chúng cả chục năm trời nay. Đây là lệnh của Diêm Vương.

Cô bé cười giòn:

- Chú xạo ?
- Ừ thì xạo giấc mơ hoặc cơn ác mộng nào chẳng xạo. Một đêm chú ngủ gặp một cơn ác mộng rồi sau đó chú quyết định phải làm nghề này.
- Chú kể cho cháu nghe với.
- Xong ngay.

\*\*\*

Tủ sách của tôi bị xô đổ, cơ man là sách vở. Trong số đó có những tác phẩm của tôi viết hai chục năm qua, những cuốn sách quý hiếm của các bậc tiền bối, bậc thầy, đàn anh cổ kim mà tôi đã mất công sưu tầm cả đời. Những chồng sách quý giá ấy bị đám thanh niên nam nữ đeo băng đỏ, độ tuổi choai choai khiêng từ nhà tôi ra, chất đống tưới xăng thiêu hủy. Khói lên cuộn cuộn ngút từng mây, vướng mắc cả vào cây thánh giá mỏng manh trên nóc tháp chuông nhà thờ Tân Định. Trong khu phố có nhiều đám cháy thiêu hủy sách vở báo chí bị kết tội là đòi truy phản động. Tôi nhìn sách vở của mình bị thiêu đốt mà nhột nhột cả người. Tôi nhìn theo những tàn tro bốc lên cao, những mảnh giấy cháy thành than như vẫn còn linh hồn, còn vương vấn trong lưới lửa bạo tàn. Tôi thấy những trang sách cháy đen bay nhập nhoạng như những bóng dơi trong hoàng hôn. Tôi nhìn lũ trẻ tay đeo băng đỏ tượng trưng cho quyền lực vừa vỗ tay vừa ca hát những bài ca mới học thuộc. Chúng nhảy múa quanh lửa hồng, vô tư và vô tội, vì chúng không biết mình đang làm gì. Chúng biết gì đâu mà cãi cọ với chúng, chúng giống như một đoàn âm binh bị phù thủy ếm bùa, phù phép sai khiến.

Tôi bước đi trong thống khổ, trong bóng dơi ma tro tàn khói bay và từ đó ném tôi vào cơn ác mộng. Tôi bị xô ngã xuống vực sâu. Hình như có đám khói đen nào đó đỡ lấy tôi, êm như đệm bông, đưa tôi xuống tận đáy vực, không đau, không xây xát. Nhưng ở nơi đó tối đen, lạnh lẽo. Tôi đang ở đâu? Tôi ngơ ngác trong bóng tối mung lung. Mắt tôi còn tốt mà như mù tịt. Hay là tôi bị chôn sống? Không, tôi vẫn còn thở được mà, và còn có thể kêu được, nếu tôi dám kêu. Nhưng sao tôi hãi sợ nơi thâm u này quá.

Tiếng rì rào xa rồi gần, tới sát bên tôi. Hai mắt không nhìn thấy, nhưng tai lại nghe rõ hơn. Các hồn ma rên rỉ, khóc lóc than thân trách phận cùng oán hờn ai đó. Sao lại là tôi? Có lời than nhắc tên tôi, lời lẽ xúc phạm, nhục mạ hạ cấp. Chỉ ma quỷ mới nhìn rõ được trong bóng tối, tôi còn là người nên tôi không thấy gì. Lửa bùng sáng làm tôi giật mình, lóa cả mắt. Tôi định thần, đúng là cảnh âm ti địa ngục. Tấm màn đỏ kéo lên, như sân khấu tuồng hát bội nơi đình miếu. Trên một án thư rộng, một vị coi dáng đường bệ hách dịch, mặt đen như nhọ chảo, mắt trắng dã, trông trắng nhiều hơn trông đen, râu dài thậm thượt bạc trắng như cước coi quái gỡ làm sao, đầu đội mũo hoàng đế, mình bận áo bào thêu đồ tía, thay vì thêu rồng phượng lại thêu toàn hình xương đầu lâu có hai giống bắt chéo như cờ cướp biển. Hai bên án thư hai tên quỷ dữ cầm đinh ba, bô cào. Đưa đầu trâu, đưa mặt ngựa. Sau lưng ngài, một thị tì xoa tóc, mặt dơi tai chuột, cầm quạt lông lợn lòi đứng hầu. Xung quanh tôi, đứng chật cả hàng động không biết cơ man nào là các dạng bút hư hỏng. Cả những máy chữ bể càng gãy gọng. Quỷ sứ mặt thú cầm vũ khí ngăn đám đông, tôi đứng giữa hàng, trước mặt là một vạc dầu nấu sôi sùng sục cùng đủ thứ cưa xẻ, kim kẹp, kéo xiên, móc ngoéo. Tất cả dụng cụ đều được nung đỏ, bốc khói. Chỉ có loài quỷ mới xử dụng được. Tôi sợ hãi, hoang mang.

Vị tai to mặt lớn yên vị, vỗ án thư đến rầm một cái ra uy. Tiếng vỗ làm rung chuyển cả hàng động, kinh hồn bạt vía thẳng tới nhỏ bé. Tiếng ngài vang như tiếng sấm rền:

- Tên Nguyễn Văn Tèo kia, trước đây trên dương gian người làm nghề văn sĩ phải không? Tôi run sợ, lắp bắp thưa:

- Dạ thưa, chính phải.

Tôi bị quỷ sứ mặt chim bồ nông có cái bùi cổ thật to đập một cái vào nhượng chân, ngã thành thế quì gục.

- Hồn, quì xuống tâu bày!

Vị tai to mặt lớn đưa bàn tay ngón chuối mẩn lên vuốt râu, cười ha hả:

- Cho người biết ta chính là Diêm Vương tằng địa ngục thứ mười tám, hôm nay được lệnh Ngọc Hoàng thượng đế xét xử tội ác người đã gây ra trên dương gian. Nguyên cáo là hàng vạn cây bút để viết lách kiện người phải được đem ra xét xử, vì trong đời người đã tàn sát chúng quá nhiều, một tội ác thô bạo không thể tha thứ, làm ngơ được... Bị cáo chính là người. Tôi vỡ nhẽ hoảng hồn. Nguyên cáo quá đông mà bị cáo chỉ có mình tôi. Bản cáo trạng ngắn gọn buộc tội tôi nặng nề.

Diêm Vương hỏi tôi:

- Trên dương gian, nhà người hành nghề viết văn làm báo được bao nhiêu năm?

- Thưa ngài Diêm Vương, con không nhớ chính xác được ngày tháng hành nghề. Nhưng tính tới nay cũng cỡ hai chục năm trời.

- Người dùng gì để hành nghề ấy?

- Thưa ngài, tôi dùng đầu óc tôi và bút, mực, giấy, máy chữ.

- Đầu óc người không cần nói đến, vì đó là rác rưởi. Ta muốn nói đến những cây bút kia.

- Thưa vâng, phải có giấy bút mới diễn đạt được đầu óc tư tưởng mình.

- Nhà người coi những cây bút là thứ gì?

- Thưa là những dụng cụ để diễn đạt tư tưởng.

Diêm Vương nổi giận, tóc tai dựng đứng, mặt đỏ như cục than hồng, hai mắt như hai đèn pha:

- Láo, loài người nhà người ngu dốt lại còn giỡn khinh thị. Người dám nói bút mực không có linh hồn sao? Chúng không phải dụng cụ vô tri. Nhờ có chúng, mi mới diễn tả được tư tưởng của mi, dù rằng thứ tư tưởng cỡ rác thắp hèn, chuyện đó loài người các người xử lý với nhau, và người đã được xử lý rồi. Ngày hôm nay người là bị cáo, người bị đòi từ dương gian xuống tòa án Diêm Vương mười tám tằng địa ngục để trả lời tội ác người đã gây ra trên trần thế. Nếu đúng người có tội, pháp luật Diêm Vương sẽ xử phạt người. Người được phép bào chữa, được phép ăn năn tội lỗi để hưởng lượng khoan hồng của địa ngục do ta là Diêm Vương đang thống trị. Luật pháp là ta và ta là luật pháp hiểu không. Người có biện hộ viên, không lo luật pháp chốn địa ngục này không công bằng, không quang minh chính đại. Biện hộ viên, tức thầy kiện, luật sư bào chữa cho người là quỷ chim Chèo Bẻo. Chốn âm ti địa ngục ngày nay đã tiến bộ lắm rồi. Quyền quỉ quyền người đều được bảo vệ, tôn trọng. Nghe ta hỏi này, trong đời xử dụng bút của người, người đã tàn sát bao nhiêu cây bút, máy chữ?

Tôi run lập cập:

- Thưa ngài chánh án Diêm Vương, tôi làm hư hỏng bút cũng nhiều, nếu chúng không gây trở ngại khi nguồn văn tôi đang lênh láng, bút Bic, hàng ngoại nhập mực chảy tốt, tôi xài đến hết mực mới liệng đi.

- Khá, người đã thành thật khai báo và nhận tội, vừa tàn sát bút vừa khai thác bóc lột sức lao động của bút đến cạn kiệt rồi liệng đi.

- Thưa đúng vậy, con thưa với Diêm Vương, con không nhớ là bao nhiêu cây bút đã hư hỏng hết mực trong tay con, vì thời gian hành nghề của con quá dài...

- Tòa Diêm Vương nhắc lại cho bị cáo rõ, tàn sát chứ không phải hư hỏng. Những cây bút có linh hồn của nó, không còn là vật vô tri, chúng đã kéo nhau đến đây kiện người, hàng hàng lớp lớp. Coi kìa, xung quanh người, tất cả đều là nạn nhân của người.

Phen này chắc chết, sao mà chúng đông đến vậy. Bút Bic, bút máy Parker, máy chữ Remington, cả bút lông, bút chấm mực. Tất cả họ hàng nội ngoại loài bút đều khắp khiêng, thân tàn ma dại, sứt cẳng gãy gọng. Chúng nhao nhao đòi mạng, đòi tôi phải trả nợ máu. Diêm vương và quỷ sứ phải vặn hỏi trật tự rồi mới cho những tên đại diện ra tâu bày buộc tội.

Chàng máy chữ Remington khắp khiêng ra trước tòa:

- Thưa ngài chánh án Diêm Vương, chính tên này một lần đã liệng con từ trên lầu ba ở tòa soạn báo xuống đường vì hấn bực tức. Hấn vô cùng tàn nhẫn, thế là con du địa phủ. Linh hồn con đến nay vẫn chưa siêu thoát.

Mụ nạ dòng bút Bic bước ra:

- Thưa ngài chánh án Diêm Vương, bậc đàn anh khả ái máy chữ Remington nói rất đúng. Tên văn sĩ này rất độc ác, cộc cằn, nó xử dụng chúng con vô cùng tàn nhẫn. Nó viết nhiều và viết rất lâu, bất kể giờ hành chánh theo qui định, bất kể đêm ngày. Con, chị em con mệt hụt hơi. Chưa kịp chảy mực là nó đâm ngay ngòi xuống bàn, hết mực nó đập bút luôn. Giận dữ nó cũng bẻ đôi thân thể con ra ngay. Ngài thấy con mảnh dẻ, liễu yếu đào tơ chịu gì nổi tên cầm bút thô bạo vũ phu như vậy.

Người đẹp Parker ôn ền bước ra:

- Chính nó, có kẻ đến nói với nó chịu uốn cong ngòi bút một chút nó sẽ sung sướng cái thân, lại có tiền bạc. Nó không chịu nghe lời người ta còn dùng ngay con đâm vào mặt người ta đến đổ máu. Thân con bị tiêu diệt ngay tức thì.

Ả hức lên khóc thảm thiết, đòi tôi phải đền mạng, trả nợ máu. Tôi nghe buộc tội mà muốn tự sát chết luôn, toát mồ hôi hột, mặc dầu ở chốn âm ti vô cùng lạnh lẽo. Tôi không ngờ mình gây tội ác với tộc họ nhà bút kinh khủng đến vậy. Bây giờ chúng đòi mạng tôi, hỏi không kịp, tôi chỉ chết một lần, làm cách nào tôi đền mạng nổi cả chục ngàn cây bút. Phần buộc tội đã xong. Biện hộ viên mặt quỷ Chèo Bẻo nhẩy ra bào chữa cho tôi ác liệt không kém:

- Thưa ngài chánh án Diêm Vương, thưa quý tòa. Tôi là biện hộ viên của tên nhà văn thối tha bị lôi cổ ra tòa do đơn tố cáo của nhân dân loài bút. Qua lời buộc tội gắt gao của nhân dân thì tên nhà văn này đã gây ra không biết bao nhiêu tội ác, nước giải của Thiên Hà ngoài vũ trụ cũng không thể rửa sạch. Một triệu lần chết hấn cũng không đền nổi tội ác của một đời làm lối. Người biện hộ viên chân chính như tôi phải bênh vực bào chữa cho hấn cũng lấy làm xấu hổ và nhục nhã. Nhưng vì lòng quỷ đạo, tôi cũng tình nguyện đứng ra bênh vực và bào chữa cho hấn. Tội ác đã rõ ràng, không thể chối cãi được. Nay thân chủ tôi đã cúi đầu nhận tội. Vậy xin Diêm Vương mà chính Người là luật pháp mở lượng đèn trời soi xét tìm giúp cho thân chủ tôi một hình phạt xứng hợp với tội ác mà hấn đã phạm phải để chứng tỏ tính ưu việt của luật pháp tại tầng địa ngục thứ mười tám này trong cõi âm ti.

Tòa ngưng để nghị án. Tôi khát khô cổ nên được phép giải khát bằng một lít nước đá nghiền.

Tôi không thể tả nổi mùi vị ra đây được. Quỷ mặt thú hỏi:

- Có đói không ta cho bị can ăn?

Tôi thất kinh trả lời không còn đói khát gì nữa.

Sau mấy khắc nghị án, Diêm vương tuyên án, giọng ngài oai nghi vang như sấm:

- Xét rằng bị cáo, tên văn sĩ Nguyễn Văn Tèo là người ở dương gian đã gây nhiều tội ác nghiêm trọng. Xét rằng bên nguyên là những hồn bút kiện đòi mạng và có lời buộc tội chính đáng. Xét rằng qua lời bào chữa của biện hộ viên xin xỏ cho bị cáo là cao thượng, có tình có lý, có tính quỷ đạo, Tòa án tối cao chốn âm ti, tầng địa ngục thứ mười tám ra quyết định số I/ĐN 18:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Tèo, mọi hình phạt nơi chốn âm ti này như cắt cổ, mổ họng, lột thịt, lột da, nấu trong vạc dầu đều không xứng với tội ác mà hấn đã phạm phải. Nên sau khi nghiêm túc luận tội, tòa nhất trí xử phạt lưu đầy ngay hấn lên trần thế cho lao động cải tạo để đền tội ác. Hấn sẽ phải hành nghề bơm sửa bút bi. Các hồn bút sẽ được tái sinh trong những cây bút hư hỏng do tên Tèo sửa chữa.

Bản án được thi hành ngay.

\*\*\*

Tôi choàng tỉnh cơn ác mộng và thấy mình là gã sửa bút bi ngồi dựa tường. Bấy giờ quanh tôi là các em học sinh há miệng ngồi nghe. Rồi đưa bút hồng cho tôi bõm mực, sửa chữa, trả tiền sòng phẳng hậu hĩnh. Tôi vui dần tội ác.

Nhưng sau đó tôi lại hoảng sợ ngay, tôi thú thật với các em:

- Ta nói láo đấy, ta có máu lấu cá, đừng tin lời ta nói, hãy xem việc ta làm.

Một hôm không xa ngày tôi phịa chuyện nói cho vui với các em nhỏ, những người mang băng đồ tới tuyên phán:

- Riêng anh, chỉ có anh thôi, lên đường đi nơi khác. Anh không được phép ngồi đây để bôi bác chế độ. Anh nhớ tai mắt nhân dân ở đâu cũng có.

Lời nói nghiêm trọng của người cách mạng choai choai khiến tôi phải tuân thủ liền.

Tôi khiêng đồ đi nơi khác.

Hồn bút ám quẻ tôi mãi tới ngày hôm nay. Tôi giống như một kẻ bị quỷ ám, cứ lẩn thẩn mãi với mấy cây bút, tôi vẫn chưa trả hết nợ máu với chúng. Mà tôi thì không thể quít nợ chúng. Tôi cặm cụi với cây bút trên tay và nâng niu nó.

*(trích trong Thân Phận Ma Troi, tập truyện.)*

## Quán ốc

Tại sao lại là một quán ăn mang tên là Ốc Trở Lại?

Điều đó cũng thắc mắc. Vì chính trên con đường này, trước đây rất lâu rồi, trước ngày 30 tháng Tư năm 1975, có một quán ăn mang tên là quán Ốc. Quán nằm trên đường Thái Lập Thành, nay mang tên là Phan Xích Long. Chủ nhân của quán là anh tài tử Văn Giai, một nghệ sĩ điện ảnh, người Hà Nội, gia đình chuyên làm những món ăn Hà Nội, tôi thường quen ăn cùng với bạn bè, gia đình ở nơi đó.

Sau 10 giờ 30 ngày 30 tháng Tư, 1975, tôi đứng ở trên khu nhà tan nát của anh Văn Giai cùng với anh, nơi đó cũng là quán Ốc, mà đêm qua, lực lượng Bắc Việt đã pháo kích như mưa vào vùng này, quanh phi trường Tân Sơn Nhất, Tổng Tham Mưu. Bấy giờ ông Dương Văn Minh thay quyền tổng thống đã đầu hàng vô điều kiện, xác người còn rải rác khắp thành phố, xác dân và xác lính Cộng Hoà còn nằm lẫn lộn trên nhiều ngã đường, đường Chi Lăng, Võ Di Nguy Tổng Tham Mưu kéo dài lên tận Tân Sơn Nhất. Anh Văn Giai đứng cạnh tôi chỉ những xác chết của người thân như kẻ mê sảng: "Chết hết cả rồi, chẳng còn gì nữa, không còn phục hồi (Anh về nhà anh đi, coi lại người thân trong gia đình, cầu mong không khổ nạn như gia đình tôi) Anh không giúp gì được cho tôi đâu."

Thân hình to lớn của anh gục xuống trên căn nhà đổ nát cũng chính là quán Ốc mà ngày nào chúng tôi từng đến ăn, quán được xây dựng đơn sơ trong một khu vườn có những ngôi mộ cổ. Lần đó là lần cuối cùng tôi gặp anh Văn Giai. Những hương vị món ăn do quán anh làm, còn mãi trong tôi suốt mấy chục năm qua.

Cháu My, cháu nội của anh Văn Giai cho biết quán Ốc của Văn Giai đã trở lại, vì trước đây mấy năm ở bên Úc ông đã nhắc nhở gia đình cháu phải mở lại quán Ốc. Bấy giờ linh hồn anh đã mãn nguyện, có lẽ quanh quần đây đây như thuở nào, hình ảnh anh ghé bàn người khách quen này một tí, người khách quen khác, cũng là chỗ bạn bè nói dăm ba câu chuyện, về điện ảnh, một vai nào đó mà anh sẽ diễn xuất, thưởng thức chút món ngon Hà Nội.

Những hình bóng quen thuộc xưa còn loáng thoáng ở những người bạn và khách quen xưa, nay còn sống thì tuổi cũng đang về già. Vẫn là thực đơn xưa, những món ăn tuyển của đất Hà Thành: chả giò Tế Mỹ, ốc hấp lá gừng, bánh tôm Hồ Tây, giả cầy, cơm hấp lá sen, cơm chiên Dương Châu, cháo nghêu... Còn nhiều nữa mà tôi nhớ không hết.

Tôi cần nhờ với cháu My:

"Ông vào đây ăn là thích nhất món cơm hấp lá sen, tại sao lại không có, ông không thích ăn cơm chiên Dương Châu. Ngày xưa có đủ mà..."

"Dạ ông thông cảm cho cháu, nếu ông muốn ăn cơm hấp lá sen thì ông đặt trước cho cháu biết, sẽ có ngay cho ông."

"Còn ốc hấp lá gừng này sao lại là lá chuối?"

"Dạ lá gừng lúc này cũng không có nhiều, cháu cũng cho lá gừng băm nhuyễn trộn trong thịt ốc nhồi rồi, cái lá chuối bên ngoài để kéo nhân thịt cho dễ."

Cơm hấp lá sen, gọi tắt ra là cơm lá sen, thuở đó ở Saigon này rất là hiếm hoi, có lẽ chỉ mình quán Ốc mới có món đó, những hạt gạo thơm vo kỹ, để trên những tấm lá sen thơm cho vào nồi hấp chín thành cơm. Mùi thơm của lá sen thấm vào những hạt cơm rời thơm ngon bù ngậy, nhất là được loại gạo ngon như là Nàng Hương Chợ Đào, có hương thơm nổi tiếng ở Long An. Anh Văn Giai từng nói với tôi, khi tôi đến quán Ốc ăn:

"Nếu ở ngoài Bắc mình thì hấp bằng gạo Tám Thơm, món ăn cầu kỳ này người ta không nấu bằng gạo thường, loại cơm dành cho vua chúa từ thế kỷ trước, như người ta dùng lá sen gói cơm Vòng để tăng thêm độ thơm của cơm vốn dĩ đã nổi tiếng ngon nhất xứ Bắc Kỳ."

Tôi nhớ mùa thu Hà Nội, những cô gái làng Vòng gánh từng gánh cơm, quang gánh là hai giỏ đan bằng mây lên nước bóng, cái đòn gánh cong vòng, gốc tre uốn cong như đầu rồng, các cô thôn nữ làng Vòng xinh đẹp, nón quai thao, áo tứ thân thắt lưng bao màu hoa thiên lý, đeo xà tích bên hông, kêu rùng rùng theo nhịp bước chân gánh cơm ra Hà Nội bán, những dùm cơm gói trong lá sen thơm ngon ăn với những quả hồng chín đỏ, quả chuối tiêu xanh.

Tôi nhớ được hình ảnh như thế thời thơ ấu của tôi ở Hà Nội xưa.

Chả giò mà người Bắc gọi là nem Saigon, vì món ăn này phát xuất từ xứ Saigon, mà ngày xưa còn ngăn sông cách trở, dân Hà Nội coi món ăn này là món ăn ngon, nên Hà Nội có nhiều quán ăn nổi tiếng, nổi tiếng vì món nem Saigon. Những bảng quảng cáo thật to ở trước ga tàu điệ<sup>n</sup> ở Hồ Gươm quảng cáo cho món ăn này. Nem Saigon nổi tiếng thời đó có hiệu ăn Tế Mỹ, cuốn nem nhân cua biển, hơi bệt một tí rán phồng vừa đủ vàng chấm nước mắm pha dấm ớt, kèm vài miếng đu đủ còn xanh, lõi của đầu bắp cải dòn dòn, và màu xanh của những trái dưa leo chỉ nhỏ bằng đầu ngón tay út có vị chua chua, ngọt ngọt thật là tuyệt diệu, nếu dùng để đưa cay với ly rượu Mơ, ngon thật không còn gì bằng.

Quán Ốc của anh Văn Giai có món ăn này, nhưng không gọi là nem như thời còn ở miền Bắc mà trả lại cho món ăn tên chả giò cho nó Nam Kỳ, vẫn là món ăn ngon của người miền Nam mà do quán của người Bắc làm. Khi có khách vào ăn uống tôi để ý thấy, thực khách thường gọi món đầu tiên là ốc hấp lá gừng kể đến là chả giò Tế Mỹ, món thứ ba là bánh tôm, và kèm theo món giả cầy...

Bánh tôm Hồ Tây. Dân Hà Nội nào khi xa xứ cũng nhớ món ăn ấy. Một quày nho nhỏ những chiếc bánh tôm rán vàng đỏ khuôn trong một chảo mỡ sôi, những miếng bánh vàng ươm, bên

trên có ba con tôm cùng với những sợi khoai xắt mỏng, xếp lên cái đĩa cắt thành từng miếng vừa đủ miếng ăn, chấm nước mắm pha ngon có những miếng lõi bắp cải thái dòn tan.

Món ăn này là món ăn bình dân, bán ở bên bờ Hồ Tây, nhưng lại thu hút đám sinh viên học sinh, rồi đến người lớn. Buổi trưa mùa hè, ve sầu kêu ran ran, hoa phượng nở đỏ thắm, đứng ở bờ Hồ Tây mà ăn một đĩa bánh tôm thì tuyệt vời làm sao, nước mắm ngon húp cạn, không chừa lại một giọt.

Thời gian trước ngày Saigon mất, tôi đọc quảng cáo thấy ở xa lộ có bán bánh tôm, tôi rủ anh bạn là anh luật sư Phạm Thụy Hùng cùng đi ăn, anh này cũng là người Hà Nội, cũng một tay sành ăn, ở đâu có món Bắc ngon chúng tôi đều kéo nhau đi ăn cho bằng được. Tôi nhớ có lần Hùng kéo tôi đi ăn ở một tiệm phở không lấy gì làm nổi tiếng lắm. Hùng nói với tôi:

"Cậu đừng coi thường, bánh phở của nhà này tráng lấy theo kiểu bánh phở làng Đình Bảng chứ không phải thường đâu, bánh phở bây giờ tiệm nào cũng mua ở lò sản xuất hàng loạt. Bát phở mát cả nghệ thuật đi Cậu còn nhớ phở ở dốc hàng Than, anh tráng bán phở đứng thái bánh phở nhoay nhoáy không, ăn một bát phở mình phải chờ đợi mới thấy ngon."

Tôi và Phạm Thụy Hùng ra xa lộ ăn bánh tôm Hà Nội, và thất vọng vô cùng, miếng bánh tôm cứng còng, chẳng có tí mềm dòn nào hết, những chiếc bánh chiên lâu và để nguội, những miếng bánh cắt nhỏ chỉ trơ ra bột nghệ và những miếng khoai xắt chỉ, tuy đầy đủ nguyên liệu của bánh tôm Hà Nội, nhưng chẳng ngon lành gì, không phải miếng bánh tôm dòn tan, miếng bánh cắt nào cũng có tôm như thời niên thiếu tôi ăn ở Hồ Tây.

Sự thất vọng ấy nhiều năm sau tôi không còn muốn ăn bánh tôm nữa, không tin vào những lời quảng cáo. Nhưng đến khi tôi ăn bánh tôm ở quán Ốc mới lấy lại hương vị của ngày xưa ấy. Tuy không là bánh tôm chính hiệu của Hồ Tây nhưng cũng tạm ngon miệng và thấy lại không khí Hà Nội, anh Văn Giai cười nói với tôi:

"Anh thấy thế nào?"

"Cũng ngon, đủ cho khách ăn thấy lại không khí Hà Nội."

Rồi món giả cầy và một số món ăn khác nữa, đủ để khách ăn đỡ nhớ Hà Nội. Vì đám người di cư chúng tôi đã xa Hà Nội lâu quá rồi. Rồi bằng đi một thời gian dài, nay tôi đến quán Ốc Trở Lại Bây giờ cháu My, cháu nội của anh Văn Giai đứng bán, quán khang trang hơn hồi trước nhiều, có máy lạnh để khách ngồi ăn đỡ nóng nực trong không khí nhiệt đới ở miền Nam. Những vỏ ốc dính trên tường xếp thành chữ Ốc Trở Lại, căn nhà khang trang, không phải căn nhà gỗ bình thường và những ngôi mả cổ ngoài vườn và bóng dáng của anh Văn Giai qua lại chuyện trò rôm rả giữa đám thực khách. Cháu My nói với tôi:

"Ông nội cháu mất ở bên Úc từ mấy năm trước kia, trước khi ông nội cháu mất có nhắn nhủ con cháu còn lại về mở lại quán Ốc trở lại, và cháu lấy câu ấy để làm tên quán."

"Quán Ốc Trở Lại có buôn bán được không cháu?"

"Dạ được, Việt Kiều về đây ăn cũng nhiều, nhưng cháu vẫn bán với giá bình dân nên thu hút được cả người mới lẫn người cũ."

Tôi hỏi tiếp:



"Thường thường những người xa xứ họ thường kêu món gì?"

Cô bé cười: "Dạ họ gọi món rau muống xào tỏi ạ!"

Thật là một điều bất ngờ, rau muống xào tỏi cũng là một món ăn mang đượm hương vị của quê hương của người Việt. Nhưng tôi vẫn nghĩ đến những món ăn cũ, cơm hấp lá sen, bánh tôm Hồ Tây và chả giò Tể Mỹ. Bao nhiêu người bạn của tôi đã ăn uống ở đây, có người đi xa và có người đã thành người thiên cổ.

Một thời niên thiếu sống ở Hà Nội và gần trọn một đời sống ở Saigon, tôi có những kỷ niệm sâu đậm ở cả hai miền đất nước.

## Cái quần

Trời chiều nhọ mặt người. Khi đôi mắt già nua không còn nhìn rõ lỗ mọt ở cái ruột xe đạp khách đưa vá nữa.

Chúng tôi dẹp hàng. Nói là cửa hàng xe đạp thì hơi quá, một trạm hay một điểm sửa xe thô sơ dọc đường thì đúng hơn. Chúng tôi, tôi và người bạn già, ngang nhiên chiếm một khoảng lòng lề đường để hành nghề sửa xe đạp kiếm chác qua ngày.

Tôi cũng như anh bạn đều không phải thợ chuyên nghiệp. Chúng tôi là những tay ngang, dói đầu gối phải bò, bỗng nhiên một ngày nào đó thấy mình trở thành thợ, kiếm ra đồng tiền nuôi sống bản thân bằng chính mồ hôi, sức lao động chân chính của mình. Điều đó đủ mãn nguyện rồi.

Tôi không phải người đầu tiên hành nghề ở chỗ này, chính anh bạn già của tôi, cũng là bạn cải tạo ngày nào.

Anh đã ngồi một mình ở lề đường một thời gian dài rồi tôi mới vô tình ngang qua. Chúng tôi tay bắt mặt mừng, ngồi với nhau, uống với nhau ly nước, hút điếu thuốc Lào, hàn huyên kỷ niệm tù cải tạo. Khi biết tôi vẫn thất nghiệp, không nhà cửa, không gia đình, không hộ khẩu, nghèo kiệt xác anh đề nghị tôi hợp tác với anh.

Đúng khi đó có người đến bơm xe đạp, tôi ra bơm thay bạn, nhận tiền khách đưa anh.

Anh đề nghị:

- Bây giờ cậu ở đây sửa xe với tôi, đừng ngại, rồi nghề dạy nghề thôi, chúng ta cùng chia nhau mà sống. Chịu không nào? Chịu quá đi thôi. Từ ngày ấy, tôi trở thành anh thợ phụ, có thể thay anh trong những lúc anh phải vắng mặt. Buổi trưa tôi có cơm ăn, dù đạm bạc và không no lắm, đủ cho thể lực cầm được cái kim vặn con bù loong. Buổi sáng là ly cà phê đen hạng bét, bánh thì thêm điếu thuốc lá làm thơm râu, nếu không, điếu thuốc Lào cũng xong thôi. Tôi được cái nét chịu thương chịu khó, thật thà như đếm nên bạn thương quý. Chập tối như bây giờ, bạn già gom những đồng tiền kiếm được suốt ngày, đếm chia cho tôi một phần ba số tiền đó.

Rất sòng phẳng, nhưng tôi vẫn thấy nét áy náy trong mắt anh:

- Đáng nhẽ tớ phải chia đôi với cậu, nhưng vì tớ còn phải nuôi mẹ tớ và thằng cu, cậu chỉ có một thân một mình, thông cảm nhé!

Tôi cười, nghĩ thật nhanh, thời buổi này trên đời dễ gì đã có người tốt với mình. Tôi có máu quân tử Tàu, bạn bè cần phải gìn vàng giữ ngọc cho nhau, bèn làm mặt giận, nói dối:

- Biết rồi, khổ lắm nói mãi! Mai mà cụ còn phát ngôn cái kiểu ấy là tôi bỏ cụ cô đơn, tôi lại đi bụi...

Nụ cười của người bạn hiền lành, anh dẹp đồ chất lên xe đạp, dặn với tôi:

- Mai nhớ đến sớm, mình kiếm tiền uống cà phê.

Tôi khoác túi lên vai, lững thững quay đi. Tất cả cơ nghiệp tôi trong cái túi này. Một bộ quần áo cải tạo tương đối lành lặn, hai chiếc quần đùi, một đang mặc, một để "sơ cua", khăn mặt rách

ngang ngửa cái giẻ lau nhà, kem và bàn chải cùn đánh răng mang nhãn hiệu Cà Là Mèng, một cái ca nhựa mẻ miệng, một cái ve đựng đúng một xị rượu, một miếng ni lông nham nhở thay chiếu, một cái mền rách bươm mà ấm áp vì đụp vá lia chia.

Tôi có thể nằm ngủ ở bất cứ lề đường, hàng hiên nào, đứng cảnh màn trời chiếu đất mà chẳng sợ trộm cắp.

Còn có gì đáng giá đâu mà sợ mất. Tôi, một người vô sản chân chính sống trong "thành phố mang tên Bác". Tôi mở to mắt nhìn thành phố ban đêm, ánh sáng chan hòa khắp nơi. Những công viên, những cửa hàng ăn uống, những xe cộ đời cũ được tân trang để nổi đuôi nhau, những lời ca tiếng hát rộn lên từ những quán cà phê, quán bia ôm. Thành phố thời gian này đang ở cuối thời điểm đỉnh cao của bao cấp, sửa soạn đổi mới, rập rình mở cửa bước sang kinh tế thị trường.

Tôi giống như một hạt bụi lãng đãng bay trong cảnh thanh bình. Tôi bay theo một anh bạn bán kẹo kéo, quần áo xanh đỏ "mô đen" chợ trời, nơi bán toàn những tàn dư Mỹ Ngụy, chiếc xe đạp chở quây kẹo kéo có máy cát sét phát luồng âm nhạc chói tai. Hình như điệu nhạc Lambada thì phải, đèn âm thanh chớp chớp nháy nháy xanh đỏ. Tôi bay theo cặp nhân ảnh vào công viên lên nghe những lời tỏ tình lãng nhách nhạt phèo. Tôi bay theo những vị giám đốc đầy quyền uy khắc ra lửa mưa ra tiền vào nhà hàng uống bia lon, nhậu đặc sản rắn chuột, có người đẹp sơn phấn phục vụ hầu hạ đến nơi dện chốn. Hạt bụi tôi vật vờ lãng đãng dạo chơi khắp chốn khắp nơi như hồn ma quên siêu thoát.

Cuối cùng thì hạt bụi tôi đậu lại một quán cóc quen thuộc của bà già trầu mắt toét ngời sau cái bàn bày lổn nhổn nghêu sò ốc hến và những con khô đủ loại. Cái lò than nhỏ xíu bốc mùi thơm con khô đang nướng. Cái bàn nhỏ gần đó có mấy anh em vô sản ngồi nhậu la hét chẳng văn hóa tí nào: "Dô! Dô! Trăm phần trăm", chén tình chén nghĩa. Tôi đưa cái ve không cho bà chủ quán, khi bà ta đang đập chí chất con khô cá thiêu trên cục đá:

- Để nếp Gò Đen nhé! Trăm bạc đậu phong đưa cay.

- Một xị thôi hả chú?

Bà già hỏi tôi câu thường lệ, tôi chẳng buồn trả lời Cái ve của tôi cũng chẳng thể đựng được hai xị. Có một cơn gió mát nào đó vừa thổi đến, cơn gió lành lạnh hơi nước. Ồ, thì ra trời sắp mưa. Một tia chớp nháy lên ở cuối trời.

Cầm xị rượu và gói đậu phong mà tôi thấy sáng khoái. Tôi sẽ đỡ chán đời, rồi ngày mai ra sao thì hãy hay. Tôi giống như một đứa trẻ ăn tham, phải tìm một xó xinh kín đáo, riêng biệt để chẳng ai làm phiền mình. Rượu dứt khoát tôi phải uống một mình. Cha mẹ ơi? Những lúc ấy tôi lại thích làm thơ, nếu nhớ không lầm tôi cũng có tí ti tâm hồn thơ, nhưng nhiều năm rồi tôi vẫn không rã được một câu nào ra hồn, đành phải đọc thơ người khác vậy, mà chỉ nhớ lồm bồm. Rồi thời gian cũng qua đi.

Tôi trở về nơi quen thuộc, nơi đó một mình tôi một cõ, không một tên ăn mày, đui què mẻ sứt, một tay bụi đời chán đời hành nghề nhặt bao ny lông. Tôi dừng bước giang hồ dưới hàng hiên một cửa hàng thương nghiệp lớn nào đó, tôi chẳng cần biết, chẳng thèm để ý đến bằng hiệu nó mang tên gì. Tôi trải tấm ny lông, vậy là thành cái chiếu. Cái túi xách để lên đầu làm gối, cái mền vá chẳng vá đụp chống được muỗi mòng.

Phía bên kia đường lại đông đảo rộn rịp. Ở đó là một mái hiên rộng, dài nếu tôi nhớ không lầm thì nơi đó là cửa hàng ăn uống La Pagode xưa kia, nơi các anh nhà báo thường ngồi trao đổi tin tức cho nhau, mà họ dịch nôm ra là quán Cái Chùa. Nay tên La Pagode không còn nữa. Những khách hàng xưa đã biến, như biến khỏi thế gian. Có một sự liên kết bất thành văn, hay hẹn ước bằng mồm, người về trước hay sau đều giữ "nhà" cho nhau, không cho bất cứ kẻ "lạ mặt" nào chiếm "nhà" của hàng xóm mình. Cái đó gọi là tình làng nghĩa xóm cửa tầng lớp người ở đáy tận cùng xã hội.

Cho dù tôi ở bên này đường, chưa bao giờ liên hệ với họ. Từ khi tôi đến ngủ, cho tới nay, chưa có ai xí chỗ của tôi, dù ban đêm nhiều khi tôi về muộn. Một luật hà phổ cho những khách

bụi đời, trong đó có tôi. Tôi có tính xấu ít ai chịu nổi, khi uống rượu là rống lên đọc thơ. Tôi nói là đọc thơ, chứ không phải ngâm thơ, có rống lên thì cũng tiếng được tiếng không, tiếng còn tiếng mất.

Ba bài thơ tôi thường rống lên là bài Hồ Trường, Tây Tiến, Hành Phương Nam, đôi khi bài Tống Biệt Hành mà tôi quên tiệt tên tác giả. Tôi cảm khái lổ lảng đến độ tưởng mình là hiệp sĩ, kiếm sĩ, hay cái con khỉ khờ gì của thuở xa xưa.

" Vỗ gươm mà hát... nghiêng bầu mà hỏi... Trời đất mệnh mang ai người tri kỷ lại đây cùng ta cạn một hồ trường... ý... a... "

Thối không chê được, khi tỉnh rượu, lúc tàn canh tôi mới nhận ra điều ấy. Khốn nạn thân tôi, một thằng già keo bần, rượu chỉ uống một mình mà chỉ có một xí, lấy đâu ra vò ra hồ trường để mời khách thập phương. Chẳng ai thèm để ý đến làm gì.

Biên giới của sự sống là cái chết. một bậc hiền nhân chán đời nào đã nói như thế. Tôi thấy có lý. cái thân khốn khổ của tôi sống muốn không nổi nữa thì chết có nhằm nhờ gì. Như ng còn ở lại thế gian ngày nào tôi vẫn phải sống cho ra trò. Tuy cái miệng tôi có láo lếu như ng tôi tự biết mình là người hiền, nên sẽ được hưởng phúc.

Tôi vẫn nghĩ đến một đêm nào, một làn gió độc vô anh dạo chơi, trúng ngay tôi, thế là ngủ luôn giấc ngàn thu, hồn phiêu diêu miền cực lạc, hoặc Chúa đứng ở cửa Thiên Đàng vẫy gọi, thế là tôi bèn trút bỏ cái thân xác thối tha cho cát bụi lại trở về với cát bụi...

Tôi tợp một miếng để cười khà khà, ném hạt đậu phong vào miệng đưa cay. Bữa cơm chiều của tôi có thể Trời bây giờ mới lát phát mưa. Tôi nhìn sang bên kia đường, nghiêng người hàng xóm của tôi lác đác tụ về.

Qua màn mưa, tôi vẫn quan sát được họ: ông già cô đơn nằm cuối hàng hiên, gia đình mẹ mìn nằm ké, có anh chồng đui què mẹ sứt. Tôi nghĩ gia đình ấy hành nghề mẹ mìn vì có cả "cô lếch xông" con nít san sát tuổi nhau, mỗi sáng tôi thấy có người tới lãnh đi suốt ngày, tối trả về cho chị ta, tiền thuê mướn sòng phẳng, đôi khi còn kèm theo quà cáp. Tối, chị điếm danh con, đếm như đếm vịt. Tối nay tôi nghe chị la lên:

- Còn đưa vắt chân lên cổ nữa, sao giờ này nó chưa trả tao? Trời ơi, muộn chút nữa là nó phải trả thêm tôi hai ngàn, không thì tôi...

Anh chồng chột mắt, cụt giò đang gầy bép lửa nấu nướng chiodó, gắt lên:

- Làm chi mà ồn vậy, con nhỏ mới ra nghề nhưng coi bộ cũng đàng "giàng", mày thiệt... Chị vợ lồng lên với cơn ghen, chửi chồng không thiếu một câu tục tĩu nào. Đổ thừa cho thằng chồng mẹ con ăn mày mới. Anh chồng cho con vợ lấm mòm một cái bặt tai, xàng luôn một cây nạng gỗ, rồi mọi chuyện êm ru. Anh chồng uống rượu, cuối cùng chui vào chiếu làm gì lục đục trong đó (tôi không biết). Dăm phút sau anh ta chui ra chửi thề một câu:

- Lần này mà mày không đẻ thêm đứa nữa thì chết mẹ với tao ghen. Nhớ lúc nào cũng phải khai là mới sanh lần đầu, đừng quờ quạng khai đã sanh nhiều lần, nó đẻ ra đoạn sản là mất giống. Tao sẽ bỏ mày, tao lấy con khác liền một khi. Đ.M coi đứa nào hận đứa nào.

Mụ mẹ mìn nằm trong chiếu, thò đầu ra quát lên:

- Giỏi thì vô đây thằng đui què kia, đừng đổ thừa tao, tưởng bảnh hả?

Cùng lúc đó chị ăn mày bé thằng bé vắt chân lên cổ về. Chị ta moi tiền ra trả, nhưng mụ mẹ mìn không chịu:

- Đâu được mày, giờ này mày mới đưa con tao về để gì... Đưa thêm tao, chớ không mai mày đi mướn chỗ khác ghen...

- Thì em đưa thêm chị một ngàn roi.

Anh chồng tậ nguyên đình đặc ra về một đàn anh đầu nậu chủ gia đình:

- Đâu được tao không binh vợ, nhưng bà ấy nói có lý. Vì thương mày mới ra nghề, vợ chồng tao giao "cục vàng" cho mày. Mày phải biết làm cái chân nó vắt lên cổ nghệ thuật được như thế không phải dễ. Tao mất bao nhiêu công phu uốn nắn còn hơn mấy cha nghệ nhân uốn

cây kiếng. Khai đi, khai thiệt đi, mày trúng mánh ở "tác phẩm" này phải không? Biết điều mai tao lại cho bé cây vàng của tao đi nữa, còn không thì biến đi nghe mày.

Con ăn mày mới lưỡng lự:

- Em có trúng mánh, nhưng không nhiều nhận gì, thằng nhỏ và em có được đĩa thịt bò lúc lắc thừa, chút xíu tiền bố thí mà. Thằng què la lên:

- ở đâu? Ai?

- Dạ nhà hàng nổi ngoài bờ sông!

- Việt kiều hay du khách nước ngoài?

- Hồng biết nữa, họ đều là người...

- Thôi mày ơi, đúng là Việt kiều rồi, mày trúng mánh rồi, đưa đây, đưa thêm cho tao vài đô thôi.

- Anh chị xử ép em quá, nhưng thôi cũng được, anh chị lên giá "goài" thì em cũng chết. Bộ để gì, em cũng phải "ca" chớ bộ...

Thằng què cười hô hô, nhét tiền vào cặp quần, hỏi tiếp:

- Mày ca sao, có thảm không, nói nghe coi!

- Dạ, em ca thằng bé bị "chất độc màu da cam" nên chân nó vắt lên cổ.

Bên này đường, tôi cười bỏ lẩn bỏ càng. Đến bây giờ nhớ lại, tôi còn cười. Tôi nghĩ ngay đến bài hát gì đó có câu chất độc màu da cam mà tôi không nhớ hết nội dung. Quá thật con nhỏ ăn mày là thiên tài, có đầu óc sáng tạo.

Cuối hàng hiên bên kia đường, chỗ khuất nhất, bóng đèn đường chỉ rọi tới lò mờ là "nhà" của em. Nhưng tới giờ này em chưa về.

Tôi vốn là kẻ nòi tình nên thương người đồng điệu Em bận bon chen kiếm khứa ở công viên nào đó, hoặc một khúc đường vắng nào chẳng?

Đêm mưa buồn lê thê như vậy có mấy ai ra đường, vui chơi, gái đứng đường ế độ, cho dù đóng vai con nhà lành, ngây thơ khờ dại lỡ độ đường hay gì đi nữa khứa vẫn ngoảnh mặt làm ngơ. Nhiều đêm tôi thấy thương cô ta. Chờ mãi chẳng thấy nàng về, tôi tưởng tượng ra đủ thứ, dù tôi chưa một lần nhìn rõ mặt nàng, không biết tên nàng. Tôi thấy mình là một tay chơi. Một tay chơi gặp khó khăn ở giữa thành phố sa hoa, nhưng lại gặp nàng ở một nơi khuất tất nhất, đèn đường bị lưu manh đập bể, tối đến độ không nhìn rõ mặt người con gái đối diện với mình, như trong một bài thơ của Jacques Prévert, mà tôi được đọc qua bản dịch, dùng làm giấy gói đậu phong: Ba que diêm trong đêm đánh từng que một:

Que thứ nhất nhìn trọn một em

Que thứ hai nhìn đôi mắt

Que cuối nhìn miệng em

Rồi tôi hẳn cho anh nhớ lại

Tất cả nét yêu khi xiết chặt em vào lòng.

Một con diêm đứng đường được thắp hoa do một tay chơi có máu thi sĩ. Nhưng điều đó quan trọng gì, tôi thấy hồn tôi bay bổng nghĩ đến nàng, khi tôi cô đơn, tàn xỉ rượu mỗi đêm thay cơm chiều. Tôi ngả người nằm xuống, giấc ngủ chập chờn và hình như nghe thấy cả tiếng bước chân em về.

Lãng mạn ra phết. Tưởng tượng ra cái lưng ong thon thả của em ngả xuống vỉa hè.

Mưa rả rích, những hạt mưa loang loáng qua ánh đèn đường. Tôi kéo cái mền phủ lên đầu. Tôi thiếp đi trong giấc ngủ bốc hơi men.

Tôi thức giấc không biết lúc ấy là mấy giờ đêm, mưa vẫn còn rả rích. Trong giấc ngủ vừa rồi tôi mơ thấy nàng, giấc mơ đẹp. Tôi và nàng cùng dạo chơi trong công viên và nói lời yêu đương chân thật, nhưng lời lẽ thế nào tôi đã quên ráo.

Bây giờ thì tôi tỉnh ngủ hẳn, tôi lại nghĩ đến nàng. Thế nằm của tôi xoay mặt vào tường, tôi muốn quay mặt trở ra. Nhưng hãy g ượng nào, yêu mà, đi đâu mà vội. Con người như tôi chẳng nên làm chuyện gì hấp tấp, cứ từ từ rồi cũng có đêm tôi bỏ được qua bên kia đường.

Cũng một đêm mưa gió như đêm nay... Nghĩ đến mà tôi thấy nóng bừng cả mặt. Xây mộng đẹp mà nghĩ đến toàn chuyện ma bùa ma tị thì thật chẳng còn ra làm sao nữa, nghiêm chỉnh chút coi. "Nhưng không, nàng phải bỏ ngay cái nghề đứng đường, phải sống trong sạch và lương thiện kia". Khi tôi xoay được nửa người, tôi cũng đã xây được nửa giấc mộng. Nàng là bà chủ một hàng. bán nước trà nóng ở ga xe lửa. Một cái điều cày hút thuốc Lào kêu thật giòn, trên một cái chiếu nàng ngồi giữa róc nước trà cho khách giang hồ. ở một góc gần đó, tôi đun nước cho nàng. Tiếng điều thuốc Lào rít lên xoe xoe, chuyện giang hồ nam bắc nổ như pháo rạn. quanh chúng tôi. Tiếng còi tàu khởi hành rúc trong đêm. "Ồi chào, đời sống tuyệt vời và đơn giản biết bao".

Tiếng gió thổi vù vù, hình như có một vài giọt mưa hắt vào chỗ tôi nằm. Không biết giờ này nàng về chưa?

Tôi xót xa và quay hẳn người hướng mặt sang bên kia đường. Tim tôi muốn đứng lại đập thình thình. Rồi tôi thờ, rồi vã mồ hôi.

Tôi chớp chớp mắt, banh to mắt ra mà nhìn. Giấc mơ đẹp được thành hình bây giờ như một làn khói thuốc Lào tan loãng vào không khí. Tụ lại phía bên kia đường, ngay tại chỗ "con điểm" nằm. Nó nằm chính lình thông suốt. Đáng điều mời gọi cho hai bàn tay nhớp nhúa của gã cõn trai ngồi cạnh lân mò. Con nhỏ ngủ say quá chãng, đến độ để cho trung lưu manh quờ quạng làm chuyện đòi bại? Hay nàng làm "ca đêm" bắt khứa về ổ kiếm chác ngoài giờ?

Những lời dự đoán xoay vòng vòng trong đầu tôi như dự đoán thời tiết.

Bên kia đường mọi chuyện cứ diễn ra nhịp nhàng. Một pha gay cấn sẽ xảy ra trong ít phút nữa thôi. Tôi là người chứng kiến trọn vẹn.

Hai bàn tay nhớp nhúa của thằng khốn nạn "xoạng" loạn cào cào, thế mà con đười vẫn ngủ say như chết.

Hay là mỗi tối khi nàng hành nghề xong nàng nốc vài viên "xì chọc xì kéo" hay "nốc tan nốc tiếc" gì đó, em "xỉn" nên không biết con mẹ gì nữa. Nếu quả vậy thì nàng đáng thương làm sao, ôi người tình một đời hư đốn.

Mắt tôi càng mở to hơn để nhìn rõ, quân khốn nạn kia bây giờ lăn mò phần dưới thân thể nàng. Và rồi rất từ từ, rất thận trọng, hai bàn tay ma mãnh đụng vào dây lưng quần nàng. Cái quần được rút ra từ từ. Tôi quét nước bọt, tôi thấy hết. Đến đoạn nào đây, chắc sẽ tới ngay bây giờ. Ở kia, gã tuổi trẻ ấy thật từ tốn nắn vuốt cái quần vừa lột được gấp lại, lịch sự như Tây. Rồi, thoát một cái và nhanh như con sóc, gã co giò phóng. Nhanh hơn cả tiếng la của cô gái vừa nhòm dậy.

Gã đã biến dạng sau màn mưa bụi cuối đường. Cả khu xóm bên kia đường thức giấc, lao nhao. Chỉ riêng tôi còn nằm lặng người vì cảnh tượng vừa xảy ra. Cô gái bu lu ba loa chơi bời thằng khốn nạn. Rồi tiếng cười hô hố, khăng khắc của thmg chột què:

- Mẹ kiếp, ớ thúì, ngủ đến bị lột quần mà cũng không biết.

Con vợ mẹ mình dài cái mỏ, luận điệu "giậu đồ bìm leo, cây cứt chó cũng leo theo":

- Đĩ gặp điểm rồi, con ơi? ủa mà sao nó không biết gì vậy. Còn thằng đui què kia không nhìn nó nữa, tao thì móc luôn tròng mắt kia của mày bây giờ.

Thằng chột què vẫn cười ngặt nghẹo. Cô gái tức tưởi khóc phân bua:

- Tôi biết chớ sao không, biết ngay từ lúc đầu lận, nhưng...

- Nhưng mục nội mày, vậy mà để...

- Tôi đâu có dè nó đều như vậy.

Mụ mẹ mình chửi toáng, ra về hiểu đời:

- A thôi, tao hiểu rồi, mày là đồ "núng" bậy.

Con nhỏ la lên vì bị xỉ vả chạm tự ái:

- Nói cho các người hay, con này kinh nghiệm đầy mình không có núng bậy đâu, hôm nay trời mưa nên ế độ, về đây đang nằm thì thằng khốn nạn kia nhảy a thần phù vô, tưởng nó biết thông cảm sau khi xong chuyện, ai dè... Trời đất ơi, cái quần của tôi.

Cô gái lại khóc nức lên. Lão già cô đơn cũng bò dậy, chép miệng chán cho tình đời đen bạc:

- Thời buổi làm ăn khó khăn, nói chuyện giá cả đàng hoàng chớ con, ủa mà quần gì vậy nhỏ?  
Cô gái càng trở nên uất ức, tức tưởi:

- Cha mẹ ơi, cái quần của tôi là quần "mô đen" mới, có nhiều "li", nhiều túi, ống túm, dây nẹp  
tùm lum chớ đâu phải quần thường.

Gã chột què thôi cười:

- A, tao thấy thứ quần đó, bây giờ ở thành phố này mặc thiếu gì, nội hay "ngoại", mà sao mày  
có được?

Cô gái gào lên:

- "Ngoại", quần "ngoại" đàng hoàng, mà tôi có đâu, tôi theo chị em đi mượn của người ta mới  
chết chứ. Làm sao mai tôi đền cho người ta đây, cả trăm ngàn...

Cô gái ở trường ngồi bó gối khóc hu hu. Đám con mẹ mìn cũng thức giấc bò lồm ngồm  
như cua. Thằng bé vắt chân lên cổ, lết đến cạnh cô gái, thao láo mắt nhìn, thò tay gãi đít xanh  
xạch. Nó cũng đang ở trường, chỉ khác một điều là nó vắt chân lên cổ. Những ngón chân dị  
dạng quặp lấy một bên vành tai vít nghiêng cái đầu.

Vợ chồng mẹ mìn, lão già cô đơn không còn để ý gì đến cô gái bị cời trường nữa.

Họ quay ra tranh cãi nhau về giá cả cái quần "mô đen". Ai cũng tự cho mình là người nắm vững  
giá thị trường. Giá trị cái quần, chỉ giá trị cái quần thôi mới là đáng kể.

Cô gái giẫy đành đạch khi thằng bé vắt chân lên cổ mất thăng bằng ngã lăn kènh ra ngay dưới  
chân cô ta.

Mẹ mìn chồm lên xoe xoe chửi:

- A con đĩ thối không đáng một xu kia, mày kẹp đầu con tao hả, tao thì xé xác mày ra.

Thằng vắt chân lên cổ được mẹ nó xách lên như xách một gốc củi khô, liệng lại vào chỗ nlm  
cùng đám con nít bò lồm nhồm.

Một thằng bé trong đám con mẹ mìn, vỗ tay nhảy tưng tưng hát:

- á li ba ba... cái quần rách làm ba... á li ba ba...

Cô gái bị trấn lột quần khóc vang cả một góc phố đêm. Đã đến lúc tôi trở dậy ra đi, vì muốn ngủ  
tiếp cũng chẳng được.

Trời vẫn còn tối, cô gái vẫn ngồi đó, rúc vào một xó tối nhất Nhưng đêm sẽ không dài  
mãi để che chở cho thân xác trần trường của nàng.

Còn một chút xíu nhân tính sót lại trong người, tôi không đành lòng khi thấy một người gặp  
chuyện khó khăn. Tôi hy sinh chiếc mền rách quàng lại cho nàng. Tôi ra đi, không nghĩ ngợi gì  
nữa và quên luôn chuyện ấy.

Thời gian sau, tôi nghe có người nói. Thấy một cô gái nhem nhuốc, cời trường đi rong vỗ tay  
hát như điên:

- A li ba ba... cái quần Hara mất đêm qua...

Tôi thầm nghĩ, chẳng biết có phải nàng không?

Tự nhiên tôi thấy xót xa. Lại thêm một dạng điên, một hình thức điên nữa. Điên phải bị một cú  
"sốc" nặng, và quan trọng nhất là phải có thì giờ hành nghề điên, không thì người ta nói là điên  
giả vờ. Khó kẻo muốn điên mà không được.

## Cái giường

Tôi không thể không có quyết định dứt khoát khi chấp nhận thuê cái chuồng heo bốn thước  
vuông làm nhà ở, che mưa đụt nắng cho hai vợ chồng và cái bào thai vợ đang mang. Dầu gì tôi  
cũng không thể lòi nàng léch thếch, lang thang đi khắp đầu đường xó chợ, gằm cầu, công viên.  
Tuy trời đất mệnh mỏng tha hồ màn trời chiếu đất, đâu cũng có thể là nhà. Nhưng căn bản vẫn  
là một mái nhà, an cư mới lạc nghiệp. Nói chuyện ấy mà buồn cười. Tôi còn nghiệp đâu mà lập.

Tôi vốn là nhà văn nhà báo hành nghề thời chế độ cũ, nay đã hết thời, chẳng còn ai dùng đến nữa. Tôi tạm thời gác bút, không nghĩ đến chuyện viết lách làm văn nghệ nữa. Tôi tìm một nghề khác, đang trên đường tìm kiếm.

Tôi trả tiền cò (hoa hồng) cho mụ dất mỗi nhà. Đúng ra bây giờ là một cái phòng, nguyên là một cái chuồng heo đủ chỗ cho một con nái xè với một bầy con. Cái chuồng heo trong một dãy chuồng heo, nay đã được ngăn phòng ra cho thuê. Tiền thuê tính theo gạo, 15 kí gạo một tháng. Thôi cũng được. Nhà không có điện, tất cả phải thắp đèn dầu, nước thì có giếng chung, ỉa đái có ao cá tra gần đó, thoải mái đổ chất thải nuôi bầy cá đoi. Vợ chồng tôi tự giấu thân phận mình, tôi khai tên tuổi, trình độ văn hóa với chủ nhà, tôi chỉ biết đọc biết viết, vợ tôi thì mù chữ. Có vậy mới mong hoà nhập được với đám cư dân ở đây, nếu muốn kiếm miếng ăn. Chốn này là vương quốc Ve Chai, buôn bán đồ phế liệu. Tân Phú, nơi mà trước đây linh mục Đinh Xuân Hải trị vì như một lãnh chúa, chính quyền hồi đó cũng phải nể vì. Tôi nhìn thấy tại nơi đây có hướng làm ăn tốt cho mình.

Căn nhà tôi thuê, nay gọi là nhà, không gọi là chuồng nữa. ở hương lộ 14, nhà ở sâu trong ruộng. Trên cánh đồng hoang, trên nghĩa địa phơi đầy bao ni lông phế liệu, được giặt phơi. Hầu hết cư dân nơi đây là bọn khổ rách áo ôm sống bằng nghề nhặt bao ni lông, sắt thép, vỏ đạn phế thải. Thu gom, phân loại ra bán lại cho vựa ve chai. Vì cơm gạo, tôi gia nhập làng ve chai học nghề. Tôi đường cùng rồi, không làm thì lấy gì mà ăn, trả tiền nhà linh tinh đủ thứ, còn phải lo cho cái bào thai của vợ tôi đang mang, mỗi ngày một lớn. Đến khi nào đó vợ chồng tôi có một hài nhi chào đời. Thương con như con chó con mèo biết thương con. Dù đời sống nghiệt ngã thế nào, tôi cũng phải giữ lấy huyết thống của mình. Tôi nghĩ thế. Như một thách thức. Tôi trở nên hung dữ và dễ nổi giận, đã có lần nổi giận vì có người nhân danh đạo đức loài người dám ra lời bắt vợ tôi phải phá cái bào thai đi vì họ cho rằng đứa bé này ra đời là nghiệp chướng. Tôi thấy kệ cuộc đời này lâu rồi, nhưng không thấy kệ giọt máu của tôi. Người ta cho tôi là kẻ nghèo khổ hết thời, vô tích sự, lại ngang chướng. Thấy kệ họ, bố mẹ vẫn mong mỗi ngày con ra đời, dù trong bão táp mưa sa, trong nghèo đói khổ khổ. Tôi thầm hứa vậy.

Bà chủ nhà đưa vợ chồng tôi vào phòng xem nhà. Bà đứng tuổi, vợ của một ông đại tá đã về hưu. Năm 1954, ông tập kết ra miền Bắc, rồi vượt Trường Sơn trở về Nam chiến đấu "chống Mỹ cứu nước". Bà vẫn ở lại miền Nam bí mật hỗ trợ cuộc chiến đấu của chồng. Nay thì ông đã trở về, ông ở căn nhà ngoài chợ với bà nhỏ. Bà lớn được quyền thừa hưởng trọn vẹn căn nhà xưa, vườn và ao cá. Quyền lực ông to rộng nhưng đối với vợ lớn rất có tình có nghĩa. Bà chủ nhà tôi lấy làm hài lòng về chồng. Chúng tôi xem căn phòng bé tẻo teo, đại tá phu nhân nói:

- Hai vợ chồng bay ở đây là vừa gọn vừa xinh. Nay tao nói nhé, vợ mày bầu bì đi thuê nhà rất khó, mày biết chủ nhà nào cũng kiêng kị người thuê nhà có bầu. Nhưng nhà tao có truyền thống cách mạng nên không kiêng kị gì hết, tiền nhà rẻ mạt, chỉ mười lăm kí gạo một tháng, tính bằng tiền như thuế má của nhà nước vẫn tính, chẳng ai thiệt thòi. Đúng đó, trước kia nhà này là dãy chuồng heo, nhưng tao thấy nuôi heo không có lợi, tao bèn thôi nuôi để cho thuê lấy phước. Nay đừng cười tao, tao cho chúng mày thuê là làm phước, tao còn lạ gì tụi bay, toàn là thứ trôi sông lạc chợ, lính nguy, lưu manh, không một mảnh giấy tùy thân, không hộ khẩu, mất quyền công dân, đâu phải người chân chính lương thiện. Vậy mà tao dám chừa chấp, công an phường mó đến tụi bay là không được với tao rồi. Ông ấy nhắc "má" lên một cái, lính công an "teo bu ri", xin được thả ngay tụi bay về "nguyên quán". Ông là người có uy ở vùng này.

Nói đến chú Bảy ưng ai mà không biết, trưởng công an phường, trưởng phường đội, ủy ban đều là hàng con cháu ông hết. Bay cứ nói ở nhà Bảy ưng chẳng ai dám đụng đến bay. Tụi bay do tao quản lý.

Bà đại tá Bảy ưng nói một hơi. Trong hoàn cảnh này tôi thấy bà nói có lý và đúng quá. Quả thật vợ chồng tôi đang kẹt trong hoàn cảnh đúng như vậy. Bà là một bà tiên, ông Bảy ưng là một ông Bụt ban cho thế nhân những điều ước. Điều ước nào cũng được đáp ứng, hài lòng. Căn phòng tuy hơi nhỏ một chút, nhưng cũng đủ chỗ cho vợ chồng tôi, ở góc nhà có kê một cái giường hai người nằm. Bà chủ nhà mau mắn:

- Ấy cái giường này của con mẹ thực nhà trước, nó trốn đi không trả tao một tháng tiền nhà nên bỏ lại đấy. Nếu vợ chồng bay có tiền trả tao được hai ngàn rưỡi thì lấy xài luôn. Còn không mẹ kia nó chuộc lại tao chịu thôi. Hoặc tụi bay có giường thì cứ khiêng tới mà xài.

Tôi lắc đầu:

- Dạ không, tất cả đồ đạc chúng tôi chỉ có trong hai cái giỏ xách với mấy cái nồi niêu xoong chảo chõ trên chiếc xe đạp kia.

Bà chủ nhà chặc lưỡi:

- Vợ chồng bay quá là nghèo, đến cái giường cũng không có, vợ mày bụng mang dạ chửa, bỏ nằm đất sao?

- Dạ, cũng có manh chiếu rách lót miếng ni lông bên dưới nằm đỡ, dạ cũng có cái mùng...

- à thôi vậy cũng được, mà thôi tạm thời tao cho vợ chồng bay mượn đỡ cái giường này, vay mượn được ai tiền thì trả tao sau. Tao kỳ hạn cho bay một tuần. Chớ hôm nay tao biết bay cũng không có đủ tiền trả tao cái giường. Thấy người nghèo khổ tao cứ rót nước mắt, tao không đành lòng đặng, tao có đạo đức cách mạng.

Vợ chồng tôi cảm ơn bà Bảy, thiệt tình tôi cũng không biết làm sao...

- Được được đừng nói nhiều, chuyện làm phước mà, này, mà tao cũng nói trước, mày trả tiền được sớm là cái giường của mày, còn mẹ kia đến chuộc sớm thì ráng mà chịu nghe.

- Dạ, bà Bảy cứ yên tâm.

Bà chủ nhà trở ra, vợ chồng tôi chuyển đồ từ xe đạp vào nhà giải chiếc chiếu rách lên giường.

Việc đầu tiên, vợ tôi ngả lưng lên cái giường mượn tạm ấy:

- Góm ê cả người, anh chở em trên xe đạp ấy đường xóc ỏi là xóc.

Tôi nhìn vợ hài lòng:

- Thấy sao, cái giường được không?

- Sao không được, mình nằm đất bao lâu rồi, bây giờ nằm giường mà không được nữa sao?

Tôi mỉm cười tự tin:

- Mình sẽ có cái giường này, anh có thể mượn được tiền để mua. Cái giường gỗ chắc chắn như thế này chỉ có hai ngàn rưỡi thì cũng không mắc mỏ gì.

- Anh chỉ được cái lúc nào cũng lạc quan.

- Không lạc quan sống sao được, em nhớ mình sẽ còn có con.

Suốt một buổi chiều tôi sắp đặt nhà cửa, một cái bếp nhỏ, chén đĩa nồi niêu xoong chảo tôi nhặt ván vụn ở quanh nhà kê gạch lên cũng xếp được gọn ghẽ. Nhà cũng có chỗ lui ra lui vào.

Tôi càng trở nên lạc quan về căn nhà mới của mình, như thuở nào cách đây hai mươi năm, tôi có một căn nhà do tôi làm chủ. Buổi chiều đầu tiên tôi nằm lăn lộn trên sàn gạch bông mát mẻ.

Nổi vui mừng ấy không chỉ có trong đầu mà còn thấm cả vào da thịt. Căn nhà đó nay vẫn còn, nhưng tôi không được ở nữa, vì nếu tôi ở là phạm pháp, tôi cư ngụ bất hợp pháp trên căn nhà tôi làm chủ. Đơn giản là tôi không được cấp hộ khẩu trên căn nhà ấy. Tôi vẫn chưa có quyền công dân, mà chẳng biết bao giờ mới có. Tôi kéo theo người vợ trẻ sống bơ vợ giữa chợ đời.

Hai vợ chồng tôi sống như con sâu cái kiến. Phần thua thiệt nhiều nhất vẫn nghiêng về phía vợ tôi. Nếu nàng không theo tôi, một kẻ hết thời, trở nên bần cùng khổ rách áo ôm thì đâu đến nỗi này.

Với độ tuổi trung niên mà sức lực đang trên đà tàn tạ sau những năm dài học tập cải tạo, lao động kiếm ăn, liệu tôi có bảo vệ được nàng không. Nàng mang trong bụng cái bào thai, huyết thống của tôi. Tôi sẽ phải làm việc, lao động cật lực, bỏ ngoài tai ngoài mắt mọi lời đàm tiếu, tiếng thị phi. Tôi có thêm sức mạnh. Ngày mai tôi gia nhập nghề ve chai, lượm lật bao ni lông, tôi lang thang trên những bãi rác, để đổ phế thải được tái sinh, dù chất lượng có kém đi nhưng vẫn còn xài được.

Tôi loay quanh trong căn nhà nhỏ và nghĩ đến đứa con sẽ chào đời, nơi ăn nằm của nó, giấc ngủ yên trong tiếng ru hời của mẹ. Tôi phải lo cho bầu sữa được căng, con tôi không bị khát sữa mẹ nó. Tôi lãng mạn rồi, lãng mạn này đưa đến lãng mạn khác. Tôi nhìn lên trần nhà chuồng heo có cái xà ngang khá vững chãi. Tôi nói với vợ:



- Anh sẽ treo lên cái xà ngang này một cái thúng, lót vải rách và che miếng vải mùng để làm cái võng cho con, vừa tầm tay em đưa, ru con ngủ.

Vợ tôi cười lộ chiếc răng khểnh:

- Ông này chỉ lãng mạn, sao không tính đến một cái nôi hay cái võng mà lại là cái thúng.

- Đây không phải sáng kiến của anh, anh vay mượn của đồng bào thổ mán ở miền thượng du Bắc Việt hồi anh còn nhỏ tản cư lên đó. Em công nhận không, sáng kiến ấy hay đáo để, đưa bé nằm trong cái thúng, đi đâu, làm gì cũng mang theo được, cứ treo lên cây vừa làm việc vừa trông chừng nó, lớn hơn nữa thì thả nó lê la, chạy chơi quanh quanh. Anh đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

Vợ tôi cười rữ:

- Thôi ông ơi, ông đừng mơ mộng nữa, tôi nghe lắm quá rồi.

Tôi cho vợ tôi trẻ người non dạ nên không nghĩ xa chứ tôi có mơ mộng bao giờ, tôi hơn nàng ở chỗ biết nhìn xa hơn lỗ mũi mình. Tôi trở nên kiêu ngạo một mình, cho mình là người chồng vững tay chèo, biết lèo lái con thuyền gia đình con con. Việc người ta liệu cơm gạo mắm. Tôi sẽ có tất cả, sẽ...

Vợ tôi đưa tôi về thực tế.

- Nay anh, nhà mình sắp hết gạo rồi đó, chỉ ăn được bữa chiều nay, sáng mai nữa thôi, còn tiền mua mắm muối....

Tôi đang hưng phấn, nói với vợ:

- Thôi chiều nay mình không ăn cơm nhà, mình ra chợ ăn hủ tíu, em gầy lắm, nên bồi dưỡng tí nước xương thịt để lấy chất bổ nuôi con. Mọi chuyện để mai tính.

Chúng tôi ra khỏi nhà, không cần khóa cửa, thời buổi thanh bình chẳng còn sợ trộm cắp. Và lại, tôi còn cái đéch gì mà mất nữa.

Ra khỏi cửa, tôi gặp vợ chồng con cái người hàng xóm, cũng thuê chuồng heo ở như vợ chồng tôi. Anh chồng, chị vợ đang thui một con gì đó nhỏ trên bếp lửa. Anh chồng cười mời tôi:

- ở lại nhậu với tôi, thịt con linh miêu này ngon đáo để. Minh trước lạ sau quen, lại là hàng xóm...

Tôi đành xin lỗi vì phải đi có công chuyện. Anh chồng vui vẻ:

- Thôi vậy sáng mai đi quán bà "Ba Đít Láng" uống cà phê với tôi. ở đây thiếu gì công chuyện mần ăn. Nơi đất lành chim đậu mà.

Tôi đạp xe chở vợ tôi ra chợ Tân Phú, vợ tôi nói:

- Buổi trưa ra ngoài giếng, em thấy anh này mới đập chết một con mèo của nhà ai đó. Có lẽ anh ta nói linh miêu là con đang bị nướng đó.

Sau này thì tôi biết từ chó, mèo, chuột chù, chuột cống, gà vịt, cá tra dưới ao thấy bóng anh ta đều lặn sâu lánh xa. Một tay săn lùng miếng ăn nguy hiểm. Cả vợ lẫn chồng đều là loại lưu manh chuyên nghiệp. Cái gì cũng có thể làm được, miễn là có tiền có ăn. Anh ta nói đó là bản năng sinh tồn. Buồn cười thật, tôi chót giấu thân phận mình là một kẻ dốt nát nên chẳng có lời nào phản bác.

Tôi chán cho đời, nhấp chén rượu khan, mặc kệ mẹ đời. Tôi hùng hục đi làm như con trâu. Đời sống lưu manh của những kẻ phạm pháp đường cùng vây chặt lấy đời sống nhỏ bé của tôi. Tôi có bị ảnh hưởng hay không thì hạ hồi phân giải. Tôi đang sững trong vũng bùn, nơi gió tanh mưa máu. Đồng tiền kiếm lương thiện quả có khó khăn. Cái bao tử đương nhiên thiếu thứ để bóp nặn, xay nghiền. Cái bụng vợ tôi không to được, có lẽ bào thai cũng èo một lăm. Có được chất bổ béo nào đâu để nuôi lớn. Những cái đập nghịch ngợm của bé cũng yếu ớt, không như con người ta. Tôi lo lắng không biết là chính đáng hay vẫn vợ do đời sống thường xuyên thiếu thốn xúc tác vào đầu.

Những tiếng chửi thề, văng tục nổ giòn rôm rộp về miếng ăn miếng uống của vợ chồng hàng xóm và những người quanh vùng, quả tôi khó mà hoà đồng hòa nhập được với họ. Nhưng vẫn cứ phải sống chung, và cố giữ hòa khí. Tôi vẫn coi đời sống này là tạm mà.

Ngày hôm sau tôi lên Sài Gòn, tìm đến người bạn xưa. Anh Nhã. Tôi với anh là bạn từ lứa tuổi choai choai kéo dài cả mấy chục năm trời. Tôi tin anh là người thân duy nhất, vì tôi không đối xử xấu với bạn bao giờ.

Chẳng những chúng tôi thân nhau mà hai bên gia đình cũng thân nhau. Sau này khi tôi khổ, tôi không mặc cảm vẫn lui tới anh và gia đình anh bên ấy. Ngược lại, anh cũng lui tới với tôi. Đời sống gia đình anh Nhã khá hơn tôi nhiều. Không có những ngày đói rã họng như tôi. Đời sống anh bình bình, không sóng gió khi có cuộc đổi đời. Tuy không làm gì, nhưng anh có "ngoại viện", những thùng đồ từ ngoại quốc của người thân gửi về anh tương đối đều đặn. Vợ anh cũng buôn bán nhì nhằng. Nhưng chị ở bên nhà mẹ đẻ nên anh rảnh rang chỉ phải lo săn sóc đứa con gái, để cháu tiện đi học. Khi buồn anh tới bạn bè, trong đó có tôi, uống chén trà, ly rượu cho đỡ sầu đời. Thường thì anh là người chủ chi.

Tôi đến anh Nhã khi anh vừa ngủ dậy. Tôi nói vợ chồng tôi mới dọn nhà. Anh nói "thế à" rồi tiếp: "Tôi đi với bạn, xem vợ chồng bạn sống ra sao."

Anh Nhã chắt ra từ trong hũ một chai rượu thuốc ngâm mang theo. Anh mua thêm ít đồ mời. Anh vẫn giữ phong độ của một tay chơi thuở nào. Anh có vẻ ngậm ngùi khi thấy đời sống quá cực khổ của vợ chồng tôi.

- Cùng ly với tôi, anh nói một câu chữ:

- Gặp thời thế thế thời phải thế... Ráng chịu đựng đi.

Tôi vào thực tế, nói đến cái giường:

- Vợ chồng tôi cần một cái giường, nhà tôi còn sinh nở, có cháu bé...

- Thì cái giường này cũng được rồi, cần gì mới me.

- Giường này của người ta cho mượn, có hạn định chỉ trong bảy ngày, nếu không mua kê như không có, lại nằm đất. Nằm đất thì tội vợ tôi quá. Tôi mượn bạn hai ngàn rưỡi thôi để mua lại cái giường này.

Anh Nhã cười:

- Ồ được thôi nhưng hiện giờ tôi không mang theo tiền, để lúc khác vậy. Thôi ăn nhậu đi.

Tôi cố với vát:

- Bạn giúp tôi, cố có trước hạn định.

- Chuyện nhỏ.

Tôi tin tưởng bạn. Tôi có một buổi chiều thoải mái. Anh bạn hàng xóm cũng sang góp vui, anh ta ăn nhậu một cách tục tằn, ba hoa và chửi thề luôn miệng. Anh ta nói đến thời vàng son đã qua của anh. Những ngày học tập cải tạo. Những tên trại anh đã đi qua, anh thuộc hàng "sĩ quan chế độ cũ, về những tên trại cải tạo anh ta nói sai bét, toàn là trại giam cưỡng bức lao động cho loại tội phạm hình sự, lưu manh. Rồi đây anh và gia đình anh phải được hưởng qui chế đặc biệt, vì anh là "lính đánh thuê cho Mỹ". Tôi muốn nổi nóng, nhưng dằn lại được và cả anh bạn tôi cũng dằn nóng. Vì tôi đã dặn bạn giấu thân phận mình ở chốn này. Một thằng lưu manh láo khoét, hoàn toàn láo lếu lại đa ngôn. Một loại người càng nói càng sai, nhưng cứ nói, vì với hắn "mục hạ vô nhân".

Đến sẩm tối, anh bạn tôi đẩy nút chai rượu lại, coi như ngưng bữa nhậu. Anh hàng xóm vẫn chưa đã:

- Này, đi đâu thế, mình chưa hết chuyện mà, thời của mình.

- Xin lỗi, thời của anh chứ không phải thời của chúng tôi.

- Vậy thì để lại rượu đi

- Không được, giọt rượu là giọt máu, đương nhiên là tôi phải mang đi, tôi và bạn tôi có chuyện riêng cần nói.

Anh hàng xóm nát rượu tro trên:

- Tôi bị gạt ra ngoài?

Đúng thế, tôi nói là chúng tôi có chuyện riêng mà.

Ra khỏi nhà, anh Nhã nói với tôi:

- Tôi muốn nổi nóng rồi, vì bạn mà tôi nhịn.

- Đúng vậy tôi đã phải và đang sống chung chạ với những loại người ấy, đó là điều khổ tâm cho tôi. Tôi thông cảm bạn.

Hàng ngày tôi đi làm. Công việc tôi không phải nhặt bao ni lông mà xé bao thuê, đem giặt sạch rồi phơi khô, phân loại. Mùi hôi thối đưng trong bao ni lông khiến người xé bọc muốn nôn oẹ tại chỗ nhưng vẫn phải chịu đưng. Vợ tôi, không giúp gì đưng trong cái thứ nghề quái gở này. Nàng có thể ói ra mặt xanh, mặt vàng, nàng đang có thai. Không thể để nàng kéo dài tình trạng ốm nghén bất đắc dĩ.

Bà chủ vừa ve chai của tôi còn rất trẻ, son phấn loè loẹt vàng đeo đồ người. Bà mới giàu và cũng mới cưới chồng, một tay chơi nửa đời nửa đoạn nào đó nói giọng Bắc kỳ cố sửa giọng nhưng vẫn ngọng, khi nổi giận đến mắt khôn. Anh ta đủ cái hách dịch để điều khiển bọn người làm thuê như tôi, mà anh gọi là "công nhân viên". Vợ anh là "giám đốc", anh là "phó giám đốc điều hành". Cái xe Honda đời cũ của anh mua lại tân trang sáng loáng một cách hợm hĩnh chạy vòng vòng trên bãi phơi bao, sân ngồi xé bao và nhà giặt bao, mùi át xít trong xà bông bột của các hãng xà bông tổ hợp xông lên chóng mặt. Chị vợ ngồi thu gom mua phế liệu rành rọt đến độ không một bạn hàng nào qua mặt đưng. Tiếng chị ta choe choé suốt ngày:

- Này, mang đi vừa khác mà bán nghe, vừa này không mua đưng.

- Sao vậy, bao ni lông mà, cân lên rồi trả tiền như mọi khi...

- Mọi khi thì mua đưng, nhưng lần này thì không mua. Tôi mua của người khác chớ không mua của chú. Tại sao?

- Muốn biết hả, thông Tư đưng, mày xỏ tung bao ni lông đó ra, nếu không có độn đá thì tao cùi...

Quả nhiên trong bao ni lông ấy có tới bốn hòn đá xanh, cân nặng đến hơn ba kí lô. Miệng bà giám đốc vừa ve chai Thành Công quang quác:

- Rõ chưa nào, thôi mang đi vừa khác, nhớ nhặt lại mấy hòn đá bỏ vào bao, nhà anh đưng hòng qua mặt con này. Con này có thừa kinh nghiệm.

Anh bán bao ni lông đành năn nỉ bán giá hạ để lấy tiền mua gạo sống qua ngày. Một bạn đồng nghiệp xé bao ni lông cạnh tôi nói:

- Đưng hòng qua mặt con Ngọc Tũn này, nó chuyên nghề nhặt bao ni lông từ hồi sáu tuổi. Bây giờ thì nó giàu lên làm chủ. Sang rồi nó đổi tên từ Ngọc Tũn thành Ngọc Tuyết..

- Tôi muốn hỏi về cái tên trong hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân kia.

- Đúng, tên trong hộ khẩu và chứng minh thư nhân dân bây giờ là Nguyễn Thanh Ngọc Tuyết.

Có tiền là xong hết.

- à, thì ra chị muốn bỏ luôn chữ Thị quê mùa, thay vào đó chữ Thanh cho sang, xứng đưng với cuộc đưng đời, với địa vị sang cả của chị.

Tôi vẫn còn thắc mắc tại sao từ một con bé nghèo đói bần thiêu lại trở thành bà chủ giàu có như vậy. Sự thắc mắc ấy đưng giải tỏa ngay. Cô bé gặp may, một lần ngồi xé bọc ni lông thuê cho người ta, chị thấy một bao ni lông đầy những khoeo vàng. Chị thủ chị giấu và trở nên giàu có, nhất nghề tinh nhất thân vinh, chị theo nghề truyền thống. A ra vậy, hèn chi khâu xé bọc ni lông, người ta xé rất kỹ. Ai cũng mang một hoài vọng, hy vọng mà người ta không chê là hão huyền. Biết đưng lại không có một bà già lẩm cẩm nào đó gúi vàng vào bọc ni lông giấu con cháu rồi quên, liệng đi. Mùi hôi thối từ những bao phế liệu xông lên nồng nặc, những con chó đưng vây quanh đưng muốn chồm vào một cái bao nào đó tha chạy.

Một con cún đưng vồ đưng một bao, cong đuôi té chạy. Tiếng người la lối:

- Bắt nó, bao ni lông lượ...

Lượ là tên gọi thứ bao ni lông có màu trắng tinh mềm nhuyễn, loại Một. Anh phó giám đốc điều hành gầm lên:

- Bắt nó đập chết ngôn, à thằng lảo đập đưng tao cho nuôn xác ló, nhớ để cho tao miếng chả chia...ờ thằng Lam hả, tao cho mày nằm nính bảo vệ, chiến đưng với mấy con chó.

Tiếng con chó kêu đến "đấng" một cái, nhả cái bao ni lông đưng phân, dấy lên tề tề...

Kẻ đập đưng con chó chính là thằng Nam, người lũng sẵn trộm, hàng xóm nhà tôi. Phân vãi tung toé, thối hoăng, còn cái bao ni lông đưng lấy lại.

Anh phó giám đốc điều hành cố về hài lòng:

- Nằm thế nà đúng, không để thất thoát nguyên vật liệu của cơ sở. Phải giết chết, phải ăn thịt những con chó tham nhũng.

Những cục phân té đổ vung vãi được đám chó ăn cướp dọn đến loáng là xong. Một anh ngựa miệng nói không ngãi trước nghisau với đám chó đang tranh ăn:

- Ô lệ lên tui bay, ông phó giám đốc biết lại một bây giờ.

Anh phó giám đốc ngồi ghéch chân lên chiếc xe Honda tân trang. Nhậ cảm, ra họng liền:

- Ê thằng kia, nói gì vậy? Tao mà đi ăn tranh cướp với chó à?

- Tôi có nói gì đâu, tại anh nghĩ như thế.

- Tao cho mày nghỉ việc.

- Làm thì làm, mà nghỉ thì nghỉ, trả tiền thuê cho tôi đi

- Mày muốn vậy hả, để thôi. Mày đừng tưởng mày nà công nhân viên, mày nà cu ni, tất cả đều nà cu ni, thứ không có biên chế. Đừng lói chuyện luật pháp với tao, tao nà luật mà luật nà tao. Truyền đời cho chúng bay biết, ông đi từ bắc chí lam đã từng nằm ông nớn. Thằng lao, con lao không muốn nằm lừa thì nghỉ. Không có luật nao động bồi thường cho bất cứ đũa lao. Có nằm thì có ăn. Không kỹ luật thép với chúng mày thì không xong.

Tôi biết tôi đang sống ở đâu, đang làm gì, tôi cầm họng suốt một con giáp, mười hai năm trời.

Tôi vầy vò những chiếc bọc ni lông thuộc loại hàng "hắc quấy. Tôi thuộc tên hàng như cháo, như những tay chuyên nghiệp. Những bao ni lông phế liệu được tái sinh và tôi cũng được xào nấu tái sinh nhiều lần.

Tôi về đến nhà người một nhòai, buổi chợ chiều muộn mằn, đòan mua được đều là thứ ế ẩm, mà cũng chẳng có gì giá trị vì số tiền tôi kiếm được trong suốt một ngày làm việc cật lực chẳng đáng là bao, gạo cho hai người ăn, đồ ăn thì khiêm nhượng miễn là mận miệng để nuốt trôi cơm. Tôi muốn làm thêm "ca" đêm, là đi giặt bao ni lông thuê, nhưng vợ tôi cản:

- Thôi anh, hồi này anh yếu lắm rồi, anh lại húng háng ho, coi chừng anh nhiễm ho lao, đám phế liệu bẩn thỉu như thế anh hít người cả ngày... Có được hai bữa cơm là quý rồi, buổi sáng anh cũng có được ly cà phê, nắm xôi, điếu thuốc. Minh sống qua ngày chớ có làm giàu làm có gì đâu.

- Minh còn phải lo cái giường, em cũng cần tí thịt cá bồi dưỡng cho cái thai.

- Biết rồi, không can gì đâu, hồi này em ăn được, đồ ăn chẳng có gì mà em ăn tới gần ba chén cơm đầy. Còn tiền mua cái giường anh Nhã đã hứa cho mượn.

- mượn thì cũng phải trả, dù là bạn bè...

Đang nói đến bạn thì anh Nhã đến. Tôi cười nói:

- Bạn linh thế, tôi biết bạn đến đúng hẹn mà.

Anh Nhã cười, ngồi ghé xuống một góc đầu giường, đặt xì rượu xuống, rượu trắng và một cái ly con con, chúng tôi thường uống "xây tua", nghĩa là người này uống cạn giao ly cho người kia xoay vòng.

Cuộc uống "xây tua" đều đặn thì phần mỗi người là tám ly con đũ sừng sừng, không hẳn say mà cũng không đủ tỉnh táo. Nhưng cũng dễ quên buồn. Nhã rót rượu anh mời tôi uống trước:

- Rượu đế nếp Bà Bồng Gò Đen đấy, nước nhất nhé. Uống say êm lắm, không nhưc đầu, tôi đặt nó từ Gò Đen Long An đó, hôm nay nó mới mang lên. Một can hai mươi lít, quý lắm nên tôi phải lấy luôn để dành uống. Xì này tôi mang tới cho bạn uống, tôi chỉ nhâm nhi chút chút với bạn cho vui thôi, ồ quên mất rồi, tôi không mang theo tí đồ mỗi nào.

- Có đấy, tôi còn mấy miếng thịt Tam Tạng.

- Thịt Tam Tạng?

Tôi mang ra món tàu hủ kho tương, hai đôi đũa, giải thích:

- Tôi gọi món tàu hủ kho này là thịt Tam Tạng cho sang. Vì thịt cá dị ứng với khẩu vị vợ chồng tôi từ lâu rồi.

Hai vợ chồng tôi lại có bệnh viêm màng túi, nên phải kiêng kỵ kỹ lưỡng, nhiều hôm chúng tôi hạt muối cắn đôi, phòng bệnh hơn chữa bệnh. Thầy thuốc dặn thế.

Tôi uống rượu và lòng cảm thấy hưng phấn, vợ chồng tôi sẽ có một cái giường. Có thể sau xì rượu này tôi sẽ hùng dũng lên đập cửa má Bảy đang ở nhà trên trả tiền. Cái giường thuộc về tôi, tôi thuộc về cái giường, cái giường sẽ là thành viên thân thiết của gia đình tôi. Nó sẽ là một đồ vật yêu quý như con chó, con mèo trong một gia đình. Ngược lại, tôi phải săn sóc nó, khi nó long đĩnh tôi đứng lại, nước véc ni tróc nham nhờ tôi sẽ mua hộp sơn sơn lại cho sáng sủa. Lúc tôi đang hứng khởi như vậy, đang mơ mộng như bản chất tôi thì anh bạn bèn "pạc xơ cờ..." Lý do anh chưa cho tôi mượn được số tiền tôi yêu cầu để mua lại cái giường. Một thoáng sưng sờ, nhưng rồi tôi giữ được bình tĩnh ngay nghe anh nói:

- Đến hẹn rồi mà đồ ngoại quốc của tôi chưa về tới. Thế có kẹt không chứ, hôm nay còn mấy ngàn, cái thằng bán rượu Gò Đen lại mang lên, tôi trả hết cho nó rồi. Đúng cái rượu bạn vừa uống đó, ngon như thế mà mình không mua thì uống. Tôi hứa với bạn tôi nhớ chứ, hay là bạn xoay tạm ở đâu, rồi tôi sẽ đưa bạn sau vậy. Tôi hỏi bà già thì không tiện, vì mẹ con tôi mới có chuyện xích mích, mà hỏi bà xã tôi lại không tiện nữa vì vốn buôn bán của bà. Bạn biết bản thân tôi có làm gì ra tiền đâu. Này, bạn có thể nói với bà chủ nhà thuê được không?

Tôi đặt ly rượu xuống:

- Chắc chắn là không rồi, tôi cũng chẳng xoay được ở đâu hết. Tôi chỉ biết xoay đằng trước ra đằng sau thôi. Nhưng thôi, bạn đừng quan tâm đến chuyện đó nữa. Đối với tôi là chuyện lớn nhưng đã là chuyện nhỏ rồi. Trước đây chúng tôi từng nằm đất, đừng vì chuyện ấy mà sứt mẻ tình bạn.

Tôi vốn là kẻ nông nổi, không ngờ tôi lại ăn nói bình tĩnh như thế. Nhìn vợ, tôi thấy nàng cũng rất bình tĩnh. Nàng đã rửa xong mớ bát đĩa, đang xếp vào rổ trên cái kệ đã chiến do tôi đóng. Xì rượu ngon tôi không uống hết, đẩy nút lại đưa bạn tôi mang về. Tôi tự đo lường được thân phận mình.

Tôi tiễn bạn ra về, hình như trời đang về khuya. Chỗ ngoại thành này vắng vẻ. Hương lộ 14 ai đóng lên ở ngã ba đường cái tên mới đường Âu Cơ, tổ tiên dân tộc tôi, tôi nhìn mờ mờ thấy dưới ánh điện vàng. Tôi trở về ngôi nhà chuồng heo. Vợ tôi đã lên giường nằm, mừng đã buông, cái mừng vá chằng vá đụp màu cháo lòng. Tôi cài cửa tắt đèn, chui vào mừng. Bóng tối âm u, ngoài mừng muỗi reo vo vo, ngoài trời gió nổi. Có một con cá tra nào đó quậy trong ao. Mái tôn hở, tôi nhìn thấy một ngôi sao đơn độc trong trời đêm. Thốt nhiên thở dài.

Vợ tôi nắm tay tôi:

- Đừng buồn anh, em chịu đựng được mà. Người ta nắm kẻ có tóc chứ ai nắm kẻ trọc đầu.

- Đừng nói thế thêm mích lòng.

Tôi đặt tay lên cái bụng lúp xúp của vợ. Bé đang cựa quậy, nhưng sao yếu quá. Tôi im lặng trong đêm. Ngôi sao ở khe hở mái tôn hồi nãy đã di chuyển theo vòng quay trái đất. Tôi không nhìn thấy nữa. Con đé mèn ngoài đầu hè cất tiếng gáy hoà nhập với nhiều âm thanh côn trùng khác. Cái giường ngày mai hết hạn cho mượn. Lòng ngực tôi nặng nề, tôi bật lên tiếng ho. Sáng sớm tinh mơ tôi đã mò ra quán cà phê bà Ba Đít Láng ở chợ Tân Phú. Quán cà phê bình dân không trưng bảng hiệu mà lại mang cái tên tục tĩu như thế Nhất định là cái tên của bọn giang hồ, quân khó rách áo ôm đặt cho, nhưng nguyên do tôi vẫn chẳng rõ vì sao. Quán đông khách như được quỷ thần phù hộ trong khi cà phê bắp rang, pha túi dở òm. Tôi mua một cái dầu cháo quẩy vừa uống cà phê vừa nhai. Đúng ra chẳng ngon lành no nê gì mà chỉ đỡ buồn miệng, có cảm tưởng mình có lương thực, đang nhai nuốt nó. Như kẻ sắp chết đói nhai cỏ, rễ cây, đánh lừa cái dạ dày khốn khổ của mình.

Tôi thắc mắc về tên quán cà phê, nhưng rồi cũng biết. Chẳng phải hỏi ai, cứ nghe khách giang hồ nói chuyện với nhau rồi khắc biết thôi.

Bà chủ quán góa chồng, sống với hai cô con gái đã đỡ đàn được mẹ. Bà tuy hơi đứng tuổi nhưng vẫn còn nét mặn mà, là niềm mơ ước của nhiều tay chơi tinh lẻ, những mong làm nên chuyện "rỏ rá cạp lại". Nhưng lâu rồi, niềm mơ ước ấy vẫn chưa được đáp ứng dù lời ông bươm đập dinh quanh người thiếu phụ tuổi đời đang ở độ "ngon lành". Thế hình tròn trịa, nụ cười tươi

hết cỡ như đóa hoa mấn khai lán lướt cả hai đóa hoa hàm tiếu của hai đứa con gái. Bà Ba không xe xua trưng diện, tứ thời cái áo bà ba cổ tròn màu xanh, màu tím, màu mỡ gà hoặc màu trắng thất eo hông ôm lấy cái quần đen vải Mỹ A láng bóng, tròn vo, mượt mà khiến nhiều tay hảo ngọt vùng Tân Phú phải hít hà thèm muốn. Một tay chơi hết thời, nửa đời lỡ, giờ làm nghề nhặt bọc ni lông thấy chịu không đặng, nhân buổi uống cà phê sáng, do bạn bè thách thức và cũng muốn bày tỏ tình cảm bằng thái độ bạo dạn, anh ta xoạng bậy "cái chào" láng mượt của bà. Bà chửi, suyđánh. Công an bèn túm lên phường bắt làm kiểm điểm rồi đưa đi giáo dục qua lao động hết ba tháng trời. Tên quán cà phê bà BaĐít Láng có từ đó.

Quán ngày một phát triển, đông khách, bà Ba Đít Láng không có tình thì cũng có nghĩa. Bà có một dịp lên thăm người khách hàng bị đi học tập vì bà, đồ tiếp tế hậu hĩnh, không quên một bình cà phê biếu bạn. Như một lời hứa hẹn, nhờ anh ấy mới có tên quán mà ai cũng biết, đông khách. Cuộc tình, nếu có thể gọi như thế, dừng lại ở đó hay đi đến đâu tôi không biết. Nhưng người khách hàng "tội lỗi" xưa cũng có trở lại và được uống cà phê miễn phí. Lại được bà Ba Đít Láng sai vật, còn hai cô con gái thì lờm nguýt, dầu mỡ ra chửi:

- Chú tưởng đã làm được dựng tôi mà lên mặt. Uống cà phê thí mà còn đòi cà phê sữa, coi có được không?

Bà Ba Đít Láng khóa cửa động đào hay mở có Trời biết. Tất cả đều bù trật trong cái ồn ào của buổi sáng quán cà phê bình dân đông khách.

Tôi cặm cụi lao động xé bọc ni lông cho tổ hợp phế liệu Thành Công của Thị Ngọc Tuyền hy vọng vay mượn được tiền, trừ lương mỗi ngày có tính lời để mua lại cái giường. ầu đó cũng là niềm vui, tặng phẩm sinh nhật cho vợ. Tôi chưa vô tích sự. Hai ngày nữa thôi, tôi sẽ cầm được số tiền "lớn" ấy, khi bà chủ đã đủ tin cậy ở tôi. Cái giường sẽ thuộc về gia đình tôi. Tôi hưng phấn, tay nghề mỗi lúc một cao, xé đến loáng đã được cả kí bọc ni lông, bất kể dơ bẩn. Thấy kệ những cơn ho rũ rượi làm mềm cả thận xác.

Phiên chợ chiều muộn màng, chợ chẳng còn gì, không lẽ bắt vợ ăn hoài cái món thịt Tam Tạng, nàng sẽ là người đi mất, và cái bào thai, con tôi sẽ yếu không giẫy đạp nữa thì khốn, nó bị suy dinh dưỡng khi còn nằm trong bụng mẹ.

Tôi vào quán cơm bình dân mua ít thịt kho, cái trứng vịt kho và chén canh khổ qua nhồi thịt. Tất cả được đựng vào bao ni lông mà nhà hàng cho là bao sạch. Tôi chấp nhận, lom khom xách đồ dẫn về cho vợ trong niềm hạnh phúc tràn trề. Canh khổ qua mát, miếng thịt, rùng kho nước dừa khiến gia đình tôi ngon miệng, con tôi tha hồ giẫy đạp trong bụng mẹ nó.

Không biết phải gọi là hồi sinh hay tái sinh cho đúng. Thấy kệ sao cũng được ăn mừng cái giường, cũ người mà mới ta.

Tôi bước chân vào nhà trong niềm hưng phấn, nhưng buồn ngay khi thấy nàng, vợ tôi ngồi bệt dưới đất.

Nàng ngồi trên tấm chiếu rách. Tôi kêu lên:

- Sao lại thế này?

- Người thuê nhà cũ đã đến chuộc lại cái giường mất rồi.

- Kỳ vậy, anh đã khát với bà Bảy...

Vợ tôi thờ dài đến thượt một cái:

- Ai biết được, đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn.

- Để anh lên nói chuyện với bà Bảy.

- Kệ anh, nhưng em biết chẳng ăn thua gì đâu.

Anh nói gì thì cứ nói, coi chừng bị bưng ra khỏi nhà, mình sẽ mất an toàn. Có người đến đòi thuê căn nhà này giá cao hơn đấy. Lại có đặt cọc, mình ganh nổi với họ không? Anh liệu lời mà nói.

Mẹ kiếp, lại còn thế nữa. Nhưng tôi vẫn nói để vợ an lòng:

- Anh biết, anh tin ở cách ăn nói của mình. Đợi tá Bảy ưng chẳng từng khen anh là người ăn nói có văn hóa đó sao. Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Vợ tôi đang buồn cũng phải bật phì cười, cái răng khểnh mới duyên làm sao, hớp hồn tôi:  
- Anh chỉ được cái vậy, ai bơm vào cho cứ tưởng thật. Thôi em sửa soạn cơm, a hôm nay cơm có thịt, có canh, có trứng. Sao mà sang quá vậy? Lẹ lên rồi về ăn nghe.

Tôi lên gặp bà Bảy. Bà đang ngồi rửa trâu thuốc dưới ánh đèn điện từ cái bóng máng trên bình "ác quy. Thấy tôi, bà hỏi ngay:

- Mà lên tao về vụ cái giường, phải không?

- Dạ đúng vậy, má Bảy đã hứa...

Bà Bảy nhỏ một miếng cát trâu vào cái lon sữa bò:

- Tao đã gia hạn cho mày, người ta đến chuộc, tao làm sao được.

- Hai ngày nữa tôi đủ tiền mà.

Bà Bảy nhìn nhanh tôi:

- Tao biết, nhưng không làm sao được, người thuê nhà cũ cũng nghèo như mày vậy. Tao không đành, giúp đưa này bỏ đưa kia. Cứ công bình mà làm. Tao là người có đạo đức cách mạng.

Bà Bảy nhìn lên bức chân dung vẽ truyền thần của chồng là đại tá Bảy ưng, đủ cả cân đai mũ mấn. Bà vững lòng tin truyền sang cả tôi phải nghĩ là nền đạo đức của bà đúng, rất đúng.

- Tao nói vậy, phải không mày?

Tôi mềm lòng gật đầu:

- Dạ phải, chỉ mong má Bảy giúp cho vợ chồng tôi một việc khác.

- Khát tiền nhà phải không?

- Dạ không, một chuyện khác.

- Cứ "trình bày" hợp lý tao chấp nhận.

- Vợ tôi có thai, nằm đất thì hại sức khỏe quá...

- Ờ ờ, cũng đúng, vậy thì mày mang một cái giường khác về mà nằm.

- Cái giường tre cũng mắc, tôi không đủ tiền mua, đồ cũ họ cũng nói trời thần lắm.

- Vậy hả, mày tính sao?

Thấy tôi liếc nhìn cái giường nhỏ ở góc nhà, bà Bảy giẫy lên:

- Không được đâu, cái giường ấy tao không bỏ không, của con tao đấy. Nó đi bộ đội chiến đấu ở phía Tây Nam tổ quốc, chống Khờ Me đỏ, lâu lâu nó về nó phải có giường nằm nghỉ ngơi.

Mày biết nó cũng là sĩ quan ở binh đoàn Cửu Long, con dòng cháu giống.

Tôi cười:

- Dạ không phải, tôi không mượn giường, mà cũng không mua lại nữa.

Đến lượt má Bảy ngạc nhiên:

- Vậy là cái gì? Nói rõ ra nào!

- Muốn xin má Bảy cho đóng xuống sàn bốn cái cọc, tôi đi tìm ván cốt pha về làm mặt, kê làm giường cách mặt đất cho đỡ ẩm thấp.

Bà Bảy rơ miếng thuốc xỉa trên hàm răng có dính quết trâu màu đỏ, móc miếng thuốc lên môi thành một cục to bằng trái tắc. Suy nghĩ một lát rồi lắc:

- Cũng không ổn, mày biết sàn chuồng heo tao đổ bê tông, mày đào bới tầy quày ra, hư nền nhà tao. Mai mốt tao nuôi heo, heo phải nằm sàn, ỉa đái tùm lum. Chớ heo có nằm giường bao giờ. Cái giường của mày cố định ở đó coi sao được. Tao bác ý kiến "ngông cuồng" của mày. Tao thiệt hại quá, ông chồng đại tá nhà tao rầy la tao. Thấy cũng thương, mà tao biết làm sao được.

Tôi thua, năn nỉ vô ích với một người có đạo đức cách mạng như bà Bảy, được huấn luyện cứng như thép.

Tôi lui về chón chuồng heo. Tôi nghĩ đến câu chuyện đại tá Bảy ưng nói với tôi, ngày ông và đồng đội "xẻ dọc Trường Sơn", nằm bờ nằm bụi để có ngày hôm nay. Giải phóng cho nửa phần đất nước, thống nhất đất nước. Các vị ấy gian khổ biết bao nhiêu. Sự đau khổ của vợ chồng tôi có nhằm nhỏ gì. Ba cái lẻ tẻ. Cần phải lấy đó mà làm gương.

Đêm hôm ấy ngủ đất, nằm lạnh lựng nên tôi ho hơi nhiều, vợ tôi cũng ho và trăn trở không ngủ được, cái cống thoát nước trên đầu nằm chảy róc rách, muỗi bay vo vo góp sức phá thêm giấc ngủ chập chờn... Tôi biết rằng miếng ni lông mỏng rách trải dưới cái chiếu rách không ngăn nổi khí lạnh dưới nền sàn, nếu có miếng dày hơn? Nhưng làm sao được. Tôi nằm tính toán thâu đêm. Tôi không kêu trời mà chỉ hiểu thấu thêm câu nằm gai nếm mật, hiểu giá trị anh hùng của những người xé dọc Trường Sơn. Đẹp để biết bao, hào hùng biết bao! Con ngựa chượng trong người tôi muốn lồng lên phi nước đại. Buổi sáng hôm sau tôi đi làm sớm, uống vôi ly cà phê đen nhỏ ở quán cà phê bà Ba Đít Láng. Tôi đến cơ sở gặp bà chủ:

- Tôi xin rút lại lời xin mượn tiền bà.

- Vậy hả? Có món khác rồi chẳng?

- Không, thứ tôi định mượn tiền bà để mua, người ta bán mất rồi.

- Chú mua món gì vậy?

Tôi không thể giấu được bà chủ, tình thật kể lể câu chuyện cái giường cũng là câu chuyện giải tỏa ản ức. Bà chủ vạ ve chai của tôi tỏ ra thông cảm và nhân hậu. Luôn miệng nói "thế à" và câu "tội nhỉ".

Cuối cùng bà nói:

- Tiếc rằng nhà tôi không có dư cái giường nào, chớ không, tôi cho chú mượn. Minh cùng cảnh nghèo với nhau để thông cảm. Được thôi, nếu thấy, tôi sẽ mua giùm chú, một cái cũ cũ cũng được chớ gì. Hồi trước thiếu gì, tôi phải chẻ làm củi, nay lại không thấy nữa.

Tôi nghĩ bụng tôi cần ngay hôm nay, chứ chuyện mai sau thì nói làm gì. Tôi hùng hục làm việc, đến chiều trời bới nắng, tôi được cắt ra thu gom bao ni lông phơi ngoài ruộng mang về cất trong kho. Bao ni lông khô ran vì hôm nay trời nắng và nóng đến 39 độ, tôi loáng thoáng nghe đài phát thanh nói thế khi đang ngồi xé bọc ni lông, mồ hôi chảy ròng ròng. Thế mà vẫn có cả trăm người lui cui trên bãi rác đổ nắng lửa, phơi lựng với trời, gục mặt trên đất, bãi rác lúc nào cũng như chực bốc cháy. Những con người như đám thiêu thân.

Những đôi mắt trẻ thơ nguyên xanh trong, dưới cái nắng gay gắt đó biến màu đỏ, màu vàng như mắt khỉ, mớ tóc rối chuyển sang màu rơm rạ. Bao nhiêu con người lang thang kiếm ăn như bầy chó hoang. Tôi thương cho họ, chính là thương tôi, tôi cũng đang ở hoàn cảnh đó. Tôi mơ ước một ngày nào đó được nói lên cảnh này, nhưng không vì vậy mà hận thù ai cả. Một tinh thần rất Việt Nam, thụ động mà không thụ động: Ngồi buồn mà trách ông xanh, khi vui muốn khóc buồn tênh lại cười.

Trời tắt nắng, tôi thu gom được hết bao ni lông phơi đóng bao, thò lên xe đạp chở về kho. Có thể ngay tối nay có người sẽ phân loại, một bộ phận khác phân loại rồi chở đi nhà máy tái sinh qui tụ ở quận 5 tức vùng Chợ Lớn. Những đồng bào người Hoa cần cù chịu khó làm ông chủ lớn, đón gió. Có tổ chức nhíp nhàng như trong cỗ máy hay một tổ kiến. Tôi nhìn thấy cái vĩ đại trong hoạt cảnh xã hội, tôi ghi nhận như người quay phim ghi nhận những thước phim tư liệu. Tôi xỏ tung mớ ni lông, đặt lên bàn cân tạ có trừ bì. Tôi khám phá ra những bao ni lông thật to rộng, mỗi cái phải to bằng cái chiếu con, dài cỡ hai thước, ngang cũng tám mươi phân, ni lông khá dày. Có thể người ta dùng để bọc một cỗ máy gì chẳng, nay là dạng phế liệu, đã được giặt sạch, phơi khô. Tôi nở nụ cười.

Thực tế tôi đang nghĩ đến một cái giường vừa hẫng hụt khỏi niềm mơ ước. Bây giờ tôi phải lót ổ để nằm, tấm ni lông mỏng rách lót dưới một cái chiếu rách không thể ngăn khỏi chượng khí ẩm thấp chốn chuồng heo.

Tôi cần một cái ổ lạnh lặn, dầu cho là tạm thời thay cho cái giường. Sáng kiến loé trong đầu tôi nhưng tôi phải thực thà, tôi tới chị chủ vạ:

- Tôi cần hai miếng ni lông lớn kia, bà có thể để lại cho tôi giá đặc biệt được không?

Chị chủ vạ ve chai nhíu mắt nhìn hai tấm ni lông tôi đã nhặt ra. Sau một phút suy nghĩ cắn môi thoa son đỏ loét hình trái tim, chị gật gật:

- Cần dùng có công chuyện hả, được thôi.

- Bà chủ cho biết bao nhiêu tiền, tôi cân cả hai tấm được hai kí tư, dạng ni lông lụa dày.



Tất cả đều có giá của nó và đã phân loại, tôi nói theo đúng kinh nghiệm của kẻ trong nghề. Bà chủ lại nhíu mắt, ghéch một chân lên ghế. Tôi nhìn thấy những móng chân sơn màu tím xẫm. Nhưng gót chân thì vẫn nứt nẻ dài, đen xỉ, chứng tỏ bà có một thời cực nhọc từng lang thang trên những bãi rác. Sự lao động của bà được đền đáp mang đến vinh quang. Bà cần mỗi rồi nở nụ cười, kiểu nụ cười của một ngôi sao, trong làng cải lương hay tài tử nữ phim ảnh Hồng Kông:

- Được thôi, nhưng chú thì tôi không bán mà tôi biếu chú đấy. Chú đang hoàng, lương thiện, lại biết chữ, chồng tôi nói thế. Vì hoàn cảnh chú phải làm nghề này.

Tôi ngạc nhiên, nhưng cũng phải cảm ơn một người có lòng tốt, có con mắt tinh đời. Họ biết gì về mình, khi tôi đã ngụy trang, đã ẩn mình, giấu tung tích như một kẻ tội phạm đang bị truy nã. Khi tôi không có một tội gì, tôi chỉ muốn không ai biết đến tôi, không ai nhớ ra tôi thôi.

- Tôi chỉ biết đọc biết viết!

- Không đâu, chồng tôi biết rõ chú mà, thôi được ngày mai chú làm lại sổ sách giùm tôi thật rõ ràng. Cái thằng thư ký của tôi nó mới học đến lớp ba, sổ sách làm teng beng, nhằm lẫn thất thoát bao nhiêu tiền bạc.

- Còn công việc xé bọc?

- Sẽ có người khác làm thay chú. Cháu nâng đỡ chú lên địa vị cao hơn, người tài mà, chồng cháu nói quyết không bỏ sót nhân tài.

Tôi để ý thấy cô chủ xưng cháu với tôi. Tôi có được bơm lên không. Cô ta như một nữ hoàng tự hạ mình xuống đám tiện dân, hết một tên nâng lên hàng kẻ sĩ. Cuộc đời có lắm chuyện bất ngờ. Như trước đây ba mươi năm, tôi đang làm cu li bên kho 5 Khánh Hội được chủ thầu bốc lên làm cai cu li rồi lên địa vị cao hơn nữa. Rồi tôi trở thành nhà văn nhà báo trong những sự bất ngờ. Lại là chuyện hạ hời phân giải.

Tôi cảm ơn cô chủ, ôm hai tấm ni lông về nhà, không quên hứa sáng mai sẽ trở lại cùng anh thư ký coi việc sổ sách cũ. Tôi chỉ muốn giúp anh ta thôi chứ không có ý tranh việc.

Tôi về nhà, vứt đi tấm ni lông rách ở dưới, trái lên hai tấm ni lông mới, lạnh lặn, cái bao có hai lớp. Tôi giải tấm chiếu rách lên là có một cái ổ khá xinh xắn. Tôi nói với vợ:

- Thôi cũng được, anh sẽ mua một cái chiếu mới lạnh lặn, trước khi mua cái giường.

Từ nãy vợ tôi không nói gì, nàng quan sát tôi như con chim mái quan sát con chim trống làm tổ. Lòng tôi thấy vui vui. Vợ tôi nói:

- Sao hôm nay anh vui thế?

- Anh sẽ kể cho em nghe tối nay, khi ngủ giường mới.

- Cái ổ mới mới đúng.

- Cái tổ chim bồ câu được không?

- Khỉ ơi là khỉ!

Căn nhà nhỏ của tôi vang tiếng cười. Có phải hạnh phúc đó không? Chỉ vợ chồng tôi biết với nhau.

Ngoài sân tôi nghe tiếng bà Bảy ửng xoe xoe chửi vợ chồng thằng Nam ở chuồng heo cùng dầy:

- Mà thiệt tệt, ăn cắp ăn trộm quanh hàng xóm láng giềng, giờ có con gà mái đẻ nhà tao mà cũng câu luôn, lông gà còn đây mà chối cãi cái gì. Bao nhiêu lần mà ăn cắp trứng, lưới trộm cá tra của tao, tao thương hại không nói đến, chớ tao không đi. Nhà tao không chứa quân ăn trộm ăn cắp. Tao muốn bay ra khỏi nhà tao, càng sớm càng tốt, tao thì luôn cho số tiền nhà vợ chồng bay còn thiếu tao...

Tiếng con vợ thằng Nam năn nỉ:

- Má tội nghiệp cho vợ chồng con, vì hoàn cảnh mà phải vậy thôi, chớ trước đây chúng con cũng sống trong nhà cao cửa rộng vậy. Anh ấy đi học tập cải tạo về...

- Câm ngay, chúng mày nói láo, chẳng phải ông nọ bà kia gì ở chế độ cũ được đi học tập cải tạo mà là đôi vợ chồng lưu manh chuyên nghiệp trộm cắp vặt bị tù nên mới có tư cách ấy. Tao không đi, vợ chồng mày đâu phải như vợ chồng nhà người ta.

Con vợ thằng Nam óe lên, tôi nghe giọng điệu nó chĩa sang vợ chồng tôi nói xiên nói xỏ. Tiếng thằng Nam ồm ồm:

- Thôi bà ơi, bà đừng nói đùng chạm đến danh dự tôi. Bà khendừa này chê đũa kia. Tôi lưu manh nhưng cũng không lưu manh bằng kẻ khác sống ở đây. Tôi chỉ bàn cùng sinh đạo tặc. Có saođâu, đời mà... Cái nhà bà cho thuê là cái chuồng heo chứ là gì mà báu giá thế.

Bà Bẩy ưng tức cảnh hồng, giọng bà gay gắt:

- Ngay sáng mai tụi bay đi khỏi đây, nếu không tao cho công an xúc bay đi đở ngoài bãi phế liệu.

- Xong ngay, bà đuổi hết chứ? Hay chỉ một gia đình tôi?

- Vợ chồng con cái mày thôi, người khác có tội tình gì.

Thằng Nam cười lên khăng khắc, có lẽ nó đang tu xị rượu để "nung chí anh hùng".

- Tôi đi, nhưng kẻ khác đừng hòng ở đây để bà làm giàu. Tôi kiếm chuyện đó.

Tôi liếc nhìn vợ tôi như thăm hỏi. Vợ tôi nói:

- Kê họ, mình chẳng dính gì đến họ.

- Dzăng miếng!

- Mình có làm gì đâu, ăn cắp ăn trộm của ai cái gì đâu.

- Ấy vậy mới dzăng miếng, bởi mình không là đồng bọn.

Tôi muốn nói đến cái ngược ngạo của cuộc đời. Nhưng thầy kệ, tôi mệt mỏi quá rồi. Tôi thèm một giấc ngủ hơn tất cả. Làm việc ban ngày ở nơi hôi thối không được nghỉ ngơi, đêm thường xuyên bị mất ngủ thì chết mất.

Tám ni lông giải dưới chiếu quả nhiên đỡ ấm thấp. Tiếng gió thổi qua vách liếp nghe êm như lời ru.

Tôi thiếp đi không biết bao lâu.

- Thằng giặc kia, bước khỏi nhà tao ngay, mày hiểu rằng đàn ông đàn bà không quen biết nhau không thể ở chung một nhà, đừng nói chi nằm chung một giường. Cút xéo, biết điều thì cút xéo ngay...

Đúng là một người đàn bà trọng tuổi mà lạ hoắc đối với tôi. Mụ có son phấn mà mặt xanh nhợt nhạt như ma, đôi mắt quắc lên đở lửa, lạnh lùng. ừ, tôi đang ở trong một căn nhà lạ, nằm trên giường với người đàn bà lạ.

Kỳ vậy, không biết tại sao nữa. Tôi chưa kịp giải thích thì mụđàn bà hung dữ giương những móng tay nhọn hoắt lên cào mặt tôi. Tôi né tránh, mụ vồ hụt nhưng mười móng nhọn cứ múa vè vè trước mặt tôi. Tôi hét lên...

- Anh! Anh! Tỉnh dậy, anh!

Tôi thở hào hển, đêm tối mò mò, một cơn ác mộng, chỉ là một cơn ác mộng. Vợ tôi đang ngồi bên cạnh lay gọi.

- Anh tỉnh rồi, thấp đèn lên.

Vợ tôi chui ra khỏi mùng thấp ngọn đèn dầu. Tôi hoang mang về cơn ác mộng, mồ hôi vã như tắm. Tôi hỏn hển nói:

- Ghê quá, một cơn ác mộng ghê quá.

Vợ tôi sờ trán tôi:

- Anh bình rồi, tại anh làm việc nhiều quá đấy mà, anh cầnđược nghỉ ngơi. Đừng nghĩ ngợi lung tung. Anh la hét mà em bắt sợ.

Vợ tôi rót cho một hớp nước lạnh, thoa dầu rồi ép tôi ngủ. Nhưng không ngủ được, tôi cứ hoảng sợ. Cái đèn dầu để ngoài mùng rọi ánh sáng vàng vọt, mờ mờ. Tôi thao thức nghĩ hoài đến cơn ác mộng vừa rồi. Bây giờ đến lượt vợ tôi, có lẽ đã quá mệt nên ngủ say. Tôi nghe tiếng ngáy của nàng, rồi tiếng ú ớ. Nàng lại nói mê chẳng? Tôi cầm tay nàng bỏ xuống khỏi ngực, nàng xoay người nằm nghiêng. Rồi nàng giẫy đạp, nàng hét.

Tôi ôm lấy nàng, nàng đánh vào mặt tôi bôm bốp. Rồi nàng hỏi tỉnh, nhìn tôi kinh hãi:

- Ma, ma, anh ơi!

- Em ngủ mê, làm gì có ma.

- Thật đấy thật đấy, đúng là một con ma. Em không ngủ nữađâu, cứ nhắm mắt lại là thấy nó.

Nàng kể cho tôi nghe cơn ác mộng. Một gã đàn ông lạ hoắc, kéo nàng, ép nàng nằm chung giường với hắn.

Hắn than hắn cô đơn, đang cô đơn thì có người đến chung sống. Nàng phản kháng mãnh liệt. Khi nhìn kỹ thì thấy hắn là một con ma. Đúng là một con ma kinh khủng, hắn cứ nhất định đòi bắt nàng, nàng chống trả đánh đấm hắn túi bụi...

Tôi phi cười:

- Có thể con ma đó là anh!

- Nỡm, thế mà cũng đùa được, nhà này có ma.

Tôi suy nghĩ một lát:

- Nếu có ma thật thì đâu cũng có ma chứ riêng gì nhà này. Chúng ta đang sống trên mảnh đất lắm người mà cũng nhiều ma, mà thôi, không nói nữa, em lại sợ không ngủ được.

- Em không ngủ đâu, nằm canh cho anh ngủ.

- Anh cũng không ngủ được.

- Vậy thì mình nằm chờ sáng, anh chờ em đi uống cà phê.

- Mình sẽ uống cà phê sữa, đã lâu lắm mình không uống cà phê sữa. Anh phải hút một điếu thuốc thơm. Em ăn tô hủ tiếu, chịu không?

- Ừ nhưng anh ăn gì?

- Gỏi xôi hay cái dầu cháo quẩy như mọi khi.

- Không chịu đâu, anh có ăn hủ tiếu thì em mới ăn, anh làm việc cực nhọc...

Tôi đặt tay lên bụng vợ:

- Tất cả dành cho con, nghĩ đến nó bất kỳ là trai hay gái, anh đều thương, đều muốn hy sinh cho nó. Em nhớ chỉ chúng ta là bố mẹ mới thương yêu nó thôi. Ngoài ra, xin lỗi anh không còn dám tin tưởng ai.

Không ai thương chúng ta cả, nói chi thương nó, hài nhi vô tội này bị coi là nghiệt chướng.

Anh thù hẳn đời sống đến thế sao?

- Không thù hẳn mà chỉ cảnh giác, chính đời sống này đã dạy anh như thế...

Chúng tôi chung sống với nhau, nhưng vì chuyện cơm áo ít có dịp tâm tình. Đêm nay nhân chuyện sợ ma, chúng tôi nói chuyện thâu đêm. Sáng sớm tinh mơ, vợ chồng tôi trở dậy đã thấy bà Bảyung quét sân quèn quẹt. Bà nhìn vợ chồng tôi, hỏi:

- Sao chúng bay dậy sớm vậy?

Vợ tôi mau mắn:

- Chúng cháu ra chợ uống cà phê.

- Đêm qua tụi bay làm chi mà um xùm vậy, đánh lộn hả?

- Không có đâu...

Tao tối qua cũng không nói gì vợ chồng bay, chỉ vợ chồng thằng lưu manh kia phải bước khỏi nhà tao ngay ngày hôm nay. Vợ chồng bay đừng hiểu lầm, tao thương vợ chồng bay ít học mà hiền lành, không xạo sự. Giúp đỡ được tụi bay tao giúp liền, vợ chồng có điều gì không phải thì bảo nhau, đừng đánh lộn, nghe không...

- Dạ, tụi cháu không đánh lộn, tại đêm qua thấy ma nên cháu mới la.

- Ma hả, ứa tao sẽ cúng kiếng, oan hồn uống tử ở đây thiếu gì. Xưa kia nơi đây là bãi chiến trường mà. Ông Bảy nhà tao có đánh trận này, tao là giao liên.

Buổi chiều tôi trở về, vợ chồng thằng Nam hàng xóm đã dọn nhà đi. Vợ thằng Nam trút giận ngọt sang gây lộn với vợ tôi. Nhưng chuyện cũng đã qua. Cái giống ti tiện hạ cấp ấy vẫn thế, chấp nhất làm chi. Tôi thấy thuộc lối vào nhà có treo một nhánh xương rồng, cửa lại dán một lá bùa nào đó viết vẽ lằng quăng. Vợ tôi hiểu thắc mắc của tôi, nàng giải thích:

- Má Bảy "ém xi bùa" con ma đó. Bùa má lấy của thầy nào đó em không biết, anh đừng có bóc đi mà bả giận.

Tôi ừ ào cho qua chuyện. Cuộc sống yên ổn hơn khi bên cạnh tôi không còn gia đình hàng xóm ồn ào toàn những chuyện trộm cắp lừa đảo. Nhưng bùa chú cũng vô ích, những con ma vẫn lộng hành. Tôi mất ngủ, người gầy đóc, tuy rằng công việc không đến nỗi nặng nhọc

như lúc đầu. Tôi đi làm không cần phải mặc những quần áo xấu, rách. Tôi được cầm lại cây bút, không phải để viết văn, làm thơ mà để viết những con số trong sổ hàng. Nhưng cũng là cầm bút vậy. Địa vị tôi được nể vì, có người ve chai còn gọi bằng thầy. Tôi huấn luyện cho cậu thư ký trình độ học vấn lớp ba đỡ nhằm lẫn hơn trong sổ sách. Thuở đó người có học vấn làm việc trong một cơ sở hiếm hoi như lá mùa thu.

Chuyện tôi được trọng dụng không có chi lạ. Giám đốc của tôi ký tên bằng cái gạch chéo chữ thập. Tôi làm giùm cho họ những đơn từ gửi nơi này nơi kia, lại "có tài điều khiển nổi cái máy chữ cũ rích hiệu Remington, những đơn từ trở nên trang trọng hơn, có mộc xanh mộc đỏ mang tên cơ sở, tên giám đốc Ngọc Tũn. Như vậy làm gì mà tôi không được trọng dụng, ở xứ mù thẳng chột làm vua. Đúng là trường hợp của tôi.

Những con ma vẫn quấy phá gia đình nhỏ bé của tôi. Tôi không tin chuyện ma quỷ mà buộc phải tin, thầy kệ bà Bảy ửng cứng kiềng cho vợ tôi, vì nàng ngã bệnh mà bà già trầu Bảy ửng nói là bị ma làm. Nhưng tôi vẫn phải cho nàng uống thuốc hàng ngày. Tiền bạc kiếm được đổ vào thuốc và những bữa ăn có thêm chất lượng, nên vẫn chưa mua được cái giường cho ra hồn. Cái giường bây giờ là những tấm ván kê lên mấy viên gạch cách mặt sàn xi măng mười phân, hai tấm ni lông dày ngăn cách hơi ẩm thấp, cái chiếu mới. Như vậy cũng tạm ổn rồi.

Ông bà chủ tỏ ra biết điều và trọng dụng tôi, giao tôi điều hành hầu hết công việc trong cơ sở, trừ công việc mua bán và xử dụng người. Tôi không thể hiểu được cái lắt léo mảnh mung trong công việc, kể cả việc đi mua bán đồ phế liệu có tôi được đi theo. Ông bà chủ dự tính thành lập hẳn một nhà máy tái sinh đồ phế liệu.

Cho đến một ngày, vợ chồng ông bà chủ đề nghị tôi mở một lớp bổ túc văn hóa cho riêng hai vợ chồng... Tôi cũng đành chấp nhận, vì tôi có thêm thu nhập. Nhưng sao tôi vẫn chán công việc ấy, chán những tiếp xúc hàng ngày đầy những mảnh mung. Đôi khi những quyết định của tôi làm méch lòng chủ.

Mướn thêm một người, hoặc sa thải một người... ông phó giám đốc điều hành gay gắt:

- Chú nên hiểu rằng đây là cơ sở làm ăn, không phải viện tế bần, mình không nên giúp ai hết vì lòng nhân đạo. Thực tế là thế tôi phải nhận sự sai trái.

Vợ tôi bị ma làm nên ốm đau quặt quẹo hoài, ốm đau như giả vờ... Tôi buộc phải tin rằng trên đời có ma hiện hình hay ở trong những cơn ác mộng để dọa người. Nạn nhân của ma toàn là những con người hiền lành, yếu đuối hay hết thời như... tôi chẳng hạn. Những con ma đều có tư cách hèn hạ như nhau, nhưng nguy hiểm vô cùng. Nguy hiểm ở điểm đó.

Sửa soạn cho một đời sống văn minh, một cuộc đổi mới nào đó sau ngày chiến thắng. Thành phố được giải phóng phải giàu đẹp gấp mười ngày xưa. Con người ở đó phải sống văn minh hơn để theo kịp đà tiến bộ của thế giới, của nhân loại. Tôi đứng lại tức là tôi tụt lùi. Con người tiến bộ là con người biết bỏ thuốc lào hút sang thuốc lá, thuốc có cán (đầu lọc) mang mác ngoại quốc càng tốt. Biết bỏ dép râu, mũ cối để đi dép sa bô da, tiến tới đi giày, đội mũ giô kê hoặc mũ phớt. Phụ nữ phải biết bỏ áo bà ba để mặc đầm, bỏ khăn rằn đội đầu để làm tóc kiểu cọ, biết trang điểm son phấn. Tất cả những thứ cũ kỹ xưa kia đều nên chui vào tủ kính ở viện bảo tàng lịch sử, nhà truyền thống.

Một ngày nào đó ai muốn biết phải gỡ tư liệu lịch sử ra tham khảo hoặc nghe hướng dẫn viên thuyết minh.

Tôi vẫn tin như thế và có những suy nghĩ lẩn cảm. Vì nhìn đà tiến bộ quay đến chóng mặt. Đối với thế giới chẳng nhằm nhò gì, nhưng với đất nước này thì đã ghê gớm lắm. Dập dình chuyện đổi mới, có thể đổi mới luôn tư duy. Nhưng tôi thấy vẫn còn nhiều khó khăn lắm, vì ở các cơ quan, các công sở vẫn còn những người dân thấp cổ bé miệng khi muốn xin xỏ một điều gì trên mặt giấy tờ, tay vẫn lo le điếu thuốc có cán hiển dâng lên vị cán bộ để cán bộ thông cảm. Kể tự coi là nhỏ bé làm việc nhỏ, các ông lớn thì làm việc lớn, muốn làm ăn phải biết chi đẹp, nơi bàn chuyện là cửa hàng bia có ôm để nói chuyện phải quấy. Tôi nghe ông bà chủ tôi nói vậy.

Tôi an phận thủ thường, tuyệt chẳng nghĩ đến chuyện bon chen. Hiền như chưa bao giờ hiển thế, như một lão bộc ở nhà quê có cơ may được vào nhà chủ giàu có.

Dân số thành phố bùng nổ, vì những lý do gì đó, người ta dồn vào thành phố để làm ăn, để kiếm sống. Nhà nước phải nói rộng vùng ven đô để trở thành đô thị. Các nghĩa địa chôn người chết nên đi chỗ khác chơi, di dời đi nơi xa hơn nữa, nhẩy cứ như cóc nhẩy. Xương cốt người chết cũng điều linh. Người còn thân nhân thì đỡ, người không còn thân nhân cũng được nhà nước liệu bề lo toan hợp tình hợp lý. Tôi được biết chừng đó thôi.

Buổi trưa, vợ chồng cô Ngọc Tũn rộn lên về việc đi thầu mua bao ni lông. Dĩ nhiên tôi là người được đi theo để lo chuyện sổ sách. Anh thư ký lo chuyện cân đo Hấn phải là một đám bán đồ phế liệu to nên Ngọc Tũn lo một số tiền lớn mà nàng vẫn chưa an tâm, nói với chồng:

- Anh đi theo tôi, nếu thiếu tiền bạc anh chạy về lấy liền. Mình tiền trao cháo múc nó không ép giá được. Có phải sang tay ngay mình cũng có lời.

Anh chồng mà số tử vi có sao thân cư thế chiếu mệnh, hỉ hả:

- Cần gì phải sang tay ai, mình dư sức xử lý nó, làm thành phẩm khi đó bán còn lời gấp mấy...

Anh ta còn tỏ ra nắm bắt được nền kinh tế thị trường trên đà phát triển mà vợ chồng anh đang gặp thời cơ:

- Ta có thể không cần bán, chờ cho nhà máy tái sinh của mình hoạt động, ta sẵn vật liệu, có giải tỏa cả mười nghĩa địa ta cũng chẳng lo.

Thế là sao? Thế nào? Tại sao lại liên quan đến việc giải tỏa nghĩa địa? Tôi không hỏi ai cả, lặng lẽ đi theo họ.

Anh chồng, phó giám đốc điều hành, hôm nay không nói ngọng vì anh đang hồ hởi chứ không tức giận. Anh chỉ tức giận mới nói ngọng. Điều đó ai cũng biết.

Nghĩa địa bị đào bới đông nghịt người. Người công tác lao động có, thân nhân những bộ xương khô vừa gào khóc vừa la lối:

- Khi chôn má tôi, ngoài những vòng vàng bà mang theo, tôi nhớ còn bỏ vào miệng bà một chỉ vàng mà, bây giờ sao không có...

Bà ta gào khóc, trong khi mấy người làm công việc đào mồ mòm năm miệng mười:

- Có thì lẫn đâu đó chớ ai ăn cắp của người chết, mang tội...

Chị đàn bà đốt nhang khấn vái lia lịa:

- Má ơi, má có khôn thiêng thì phù hộ cho con tìm lại được chỉ vàng, tưởng má được mồ yên mả đẹp, ai dè. Má có khôn thiêng thì vặn cổ chúng nó. Mùi hôi hám của những xác chết được đào bới lên thật khó ngửi, hòa lẫn không khí nóng hầm hập càng dậy hơi. Bây giờ thì như một khu chợ trời, người ta ngã giá đủ thứ được xử dụng lại, từ cái nắp ván thiên gỗ còn tốt, đến một cái vòng ngọc thạch, chẳng may bị vỡ. Tất cả đều là đồ ve chai được đánh giá. Quần áo của xác chết nếu không mục nát cũng được đánh giá. Những mộ bia, những phiến đá, những chồng gạch được đập ra từ các ngôi mồ, có thể dùng lại để xây cất. Tiền, tất cả đều là tiền, ngoại trừ những bộ xương, mảnh xương được rửa sạch trước khi bỏ vào cái tiểu sành do thân nhân mang tới.

Nhiều bộ xương chưa tiêu còn dính thịt da bầy hầy dậy mùi hôi đến phát khiếp. Những xác chết khó tiêu được khâm liệm trong bao ni lông dày buộc chặt ngăn không khí. Nhưng khi bao được mở hơi xì ra, xác chết đột nhiên phồng lên rồi xẹp xuống, chảy nước màu gì đó coi kinh khủng, không hẳn màu bùn xám, màu máu mủ, xương thịt thối rữa. Những xương thịt đó bị dốc ra khỏi túi ni lông, được rửa sơ trong một vũng nước lớn, ném sang một bên. Ruồi nhặng bay như trấu, va đập vô tội vạ người đứng xung quanh. Những chiếc khăn bịt mũi trở nên vô ích. Những khăn tắm dầu gió, dầu cù là càng trở nên vô ích hơn nữa, dậy mùi hơn. Có những người nôn ọe. Nhưng họ vẫn lẫn xả vào tranh nhau thu mua.

Bà chủ Ngọc Tũn là người có tiền và dày dặn kinh nghiệm trong những việc mua bán như thế này. Chờ cho các bạn hàng nhỏ tranh cướp, thầu mua hết. Bà ra một giá cao nhất, mua mả toàn thể những bao ni lông vĩ đại của những bạn hàng nhỏ. Tôi nhìn những bao ni lông và nhận thấy quen quen. Rồi tá hỏa, thì ra thế, toàn là bao ni lông khâm liệm người chết, như những chiếc áo quan tráng chì kẽm mà tôi từng thấy thuở còn chiến tranh. Thuở tôi còn làm phóng

viên chiến tranh chạy rong trên những mặt trận. Quá giang những chuyến máy bay C.130 chở xác tử sĩ từ Quảng Trị về Sài Gòn, sao bây giờ tôi mới nhận ra những bao ni lông ấy. Những kẻ khác vẫn làm việc vô tư nhiều bao còn nhầy nhựa thịt da. Có cả đội người đứng xua đuổi, đánh đập bầy chó sói chỉ toan đánh cắp xương. Tiếng bà chủ bên tai tôi:

- Chú vô sổ giùm tôi, tôi thuê mua được sáu trăm bầy mười ba bọc ni lông. Cho nó chuyển lên xe lam của cơ sở mình. Tối nay chú cho điều động người giặt sạch, đừng tiếc xà bông, sáng mai cho phơi khô rồi nhập kho.

Tôi xây xẩm mặt mày, những tia nắng chiếu trên nghĩa địa loé lên thành hàng vạn ngôi sao. Tôi muốn ói. Bà chủ nhìn tôi:

- Mặt chú xanh quá, sao vậy?

Tôi dốc bi đông nước, uống ừng ực, nhưng tôi vẫn thấy chóng mặt, bây giờ hình như nhưc đầu.

Tôi nói với bà chủ:

- Tôi bị trúng gió rồi.

Bà chủ đưa tôi chai dầu gió:

- Chú thoa đi, ờ thôi, chú cứ về, giao lại công việc cho thằng nhỏ.

Tôi loạng choạng leo lên xe đạp ra khỏi nghĩa địa đang bị đào bới trong cảnh hỗn loạn của phiên chợ trời về chiều. Cái oi bức, nồng nực của nắng tháng hai vùng nhiệt đới làm tôi muốn ngất xỉu. Trời ơi, cái giường của tôi, tám ni lông khâm liệt người chết. Tôi đã nằm chung với ma quỷ bấy lâu nay. Vợ tôi đau ốm, cái bào thai cũng đau ốm lây. Bố đã làm lẫn! Cả nhà tôi bị ma làm bấy lâu nay. Tôi phải đốt nó không phải trả thù mà trả lại những gì của người cõi âm, tôi khấn khứa. Tôi cuồng lên đạp xe, mà sao hai chân tôi cứ rú lại Tôi ngã lăn trên đường.

## Con chó Lu Bu

*LTS-Truyện viết về một con chó, người ta quen gọi là Cún, đi lạc được người trong tù gọi là “cải tạo”, thương yêu, vuốt ve, triu mến, trái hẳn những cán bộ hề thấy chó là lo giết thịt. Con chó có nhân cách, không còn cấu cách, cán bộ không bằng nó. Thể tính của nó thể hiện ngay nơi hành động, chủ nó khi bị thương, nghiêng về trại, máu đỏ xuống đất, nó cúi xuống liếm máu cho chủ và khi chủ nó qua đời, nó tìm cách trốn ra bên mộ, tru tréo kêu gào. Con người không nhân cách trong cuộc sống thiết nghĩ còn thua con vật vậy. (NT)*

Tiếng đào bới sùng sục dưới gầm xạp nằm của lán trại. Giờ giới nghiêm. Mọi người nằm im thìn thít, thỉnh mới có tiếng ho khan, tiếng thở dài của người khó ngủ, hoặc tiếng nói mê ú ớ, tiếng “bum” của một ai bị xấu bụng nào đó.

Ba ngọn đèn bão treo lủng lẳng trên chóp nhà mái tranh thòng xuống soi mờ ảo trên lối đi giữa. Người bị tù gọi là phi đạo. Hai bên là xạp nằm, chứa hai đội đến 120 người. Trại gọi là cải tạo lập trên đồi, có tới mười hai lán trại. Ở trạm xá vang lên tiếng đóng đinh chí chát. Họ biết đội mộc đang đóng áo quan cho một ai mới lìa đời hồi chập tối. Xung quanh trại là hàng rào thép gai gà chui không lọt. Phía trong trại một sân đất rộng, tập hợp họ đi lao động mỗi sáng mỗi trưa. Cạnh đó là hầm đá, biệt giam những ai cứng đầu. Hầm đá - một cái lô-cốt xây chìm xuống nửa lòng đất, nguyên là hầm truyền tin cũ. Một căn cứ quân sự trên đồi, mọc giữa rừng núi ngăn chặn đường xâm nhập của cộng quân Bắc Việt. Đúng nghĩa là “tiền đồn heo hút”. Sau biến cố 1975, trại được dùng làm chỗ giam giữ các sĩ quan, công chức miền Nam. Không có một bản án nào dành cho họ, chỉ hứa hẹn mơ hồ chừng nào học tập tốt, lao động tốt sẽ được trả về sum họp gia đình. Ngoài cổng trại có hàng chữ chạy dài “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Ngoài trại trên ngọn đồi chạy dài một dãy nhà của quản lý trại và các cán bộ. Kho lương thực cạnh bếp xa một chút là khu nhà vệ sinh lộ thiên, chia thành ngăn cho từng người ngồi, nối dài như toa xe lửa. Phân người nhầy nhựa, đổ lòm máu tươi. Họ mắc bệnh đường ruột kinh

niên chẳng qua khâu cấp phát lương thực của trại đã thiếu bảo quản vệ sinh. Xung quanh trại, diện tích canh tác ngày một mở rộng, rừng lùi về núi, máu của họ đã đổ nhiều, do rủi ro dẫm phải mìn gài quanh căn cứ còn sót lại phát nổ, cuộc nhảm. Họ mạng vong do đói rét, lao động quá sức, bệnh tật không thuốc men. Khu nghĩa địa bên kia đòi mỗi tuần mọc thêm những nấm mồ do cả trăm lý do khác nhau. Trên một mộ bia ghi tên vận động viên Trần Văn Lý, nhà vô địch chạy bộ miền Nam thập niên 1950. Anh được gửi sang tham dự Thế vận hội Helsinki ở Phần Lan năm 1952, tuy không chiếm được giải nhưng có danh. Bây giờ, anh nằm trên sườn đồi hiu hắt dưới chân núi Chứa Chan. Hôm nay Nguyễn Văn Danh bị mạng vong do cuộc trúng mìn. Những ai trúng mìn thương tích nhẹ được nghỉ lao động, người bị nặng đem đi bệnh xá điều trị và người chết được đội mộc dùng gỗ cây rừng đóng thành những chiếc quan tài thô sơ, mộc mạc. Họ không đành bó chiếu chôn cất theo chỉ thị của các cán bộ. Tiếng búa chát chát từ trạm xá vọng tới lán cùng tiếng cào rột rột dưới gầm xạp nằm làm nhiều người mất ngủ. Có tiếng một người nói, giọng bực bội đủ nghe trong đêm khuya tĩnh mịch:

-Đưa nào đào dưới gầm giường thế, muốn trốn trại để bị ăn đạn hả?

Tiếng khác trả lời:

- Chẳng có đưa nào hết, con chó Lu Bu đào lỗ chui ra đó.
- Hình như nó có lỗ rồi mà?
- Anh không thấy nó lớn quá rồi không. Lỗ nhỏ của nó hồi bé chui không lọt nữa.
- Nó ra ngoài chi vậy?
- Anh hỏi nó đi. Mà khỏi hỏi nó ra ngoài để đại diện chúng ta đưa đám thằng Danh.

Tiếng ư hừ giọng nói vừa đủ nghe. Họ nói với nhau về con chó có tên Lu Bu như nói về một con người. Tất cả họ đều là chủ của nó. Mỗi người đều nhổ vào mồm nó một bãi nước bọt làm quen. Thằng Danh nhổ cho nó đầu tiên khi nó còn là con chó con. Danh nhặt nó ở bìa rừng từ những ngày trại mới lập nên được hơn một năm. Họ cõng Danh từ bãi lao động về, Lu Bu chạy theo liếm từng giọt máu của chủ rơi rớt. Nó tru lên khóc than cả buổi chiều. Nó bị lừa vào nhà trại. Họ sợ nó đi lang thang ngoài sân bị chết oan vì súng đạn của vệ binh ngứa ngáy tay chân muốn có bữa chén, nên nhốt cùm nó. Bây giờ nó đang tìm cách chui ra. Có người tỏ vẻ lo lắng cho nó lên tiếng:

- Ngăn nó lại, cho nó ra sân là khốn đó.
- Đừng lo, nó đủ khôn ngoan, nếu không nó đã biến thành nòi dựa mận lâu rồi.

Ngoài sân trại có tiếng lên đạn súng CKC. Tiếng hô của cán bộ võ trang:

-Ai. Đứng lại không tôi bắn!

Tiếng hô bỗng im bật. Trong nhà trại có người bụm miệng cười:

-Tao đã nói nó thoát rồi mà. Con Lu Bu nhanh lắm. Nó rúc vào ngõ ngách nào đó có trời tìm ra được...

Bên ngoài tiếng vệ binh lầu nhàu chửi:

-Tổ cha chúng bay chó với chả má. Không có cái đồ vào miệng còn bày đặt nuôi chó, rõ thật mấy thằng rơm. Thế nào cũng có lần ông vô được mày cắt cổ đánh tiết canh, thui vàng cong đuôi cho sáng mắt chúng mày ra.

Con chó Lu Bu là niềm vui của họ và cũng gây bực bội không ít cho các cán bộ quản giáo. Miếng lòng chó chấm mắm tôm chanh, ớt, kèm miếng giềng, rau húng và lá mơ tam thể ngon tuyệt vời, hấp khẩu của các vị nghiền mộc tòn “*nhất mực, nhì vàng, tam khoang, tứ đóm*”. Nó được xếp loại thịt ngon có tiếng, lông đen thui, như câu tục ngữ mà dân ăn thịt chó coi là mẩu mực. Nó từng thoát hiểm trong đường tơ kẽ tóc, vậy mà vẫn trung thành quấn quít với hơn một ngàn chủ nhân.

-Khỏi thằng thèm.

-Khộm già kia, nói gì vậy?

-Tao nói là giết hụt con chó khỏi thằng thèm.

-Câm ngay, ăng ten nó báo cáo thì chết đó lão.

-Ông đeo sọ, có chết đói ông cũng không đớp thịt con chó Lu Bu có nghĩa này, nhưng ông sẵn sàng ăn gan thằng ăng ten nào đó.

-Thôi im đi khộm ơi. Ông hết thời rồi, không như hồi xưa thời ông làm thượng sĩ thường vụ khạc ra lửa, mửa ra khối nữa đâu, đừng hớch hách xằng.

Khộm già làu nhàu gì đó rồi giờ mình nằm im, không thèm mở miệng nói một tiếng nào nữa.

Lão lắng nghe mọi tiếng động phát ra từ trên trạm xá vọng về.

Không còn nghe tiếng búa đóng áo quan, có lẽ họ đã bỏ xác thằng Danh vào hòm? Có tiếng nói chuyện, tiếng chân người di chuyển, áo quan người chết đã ra khỏi trạm xá rồi chẳng? Họ mang đi chôn. Lu Bu ở đâu, nó quanh quẩn đó chứ chẳng đâu xa. Tiếng ai đó bên ngoài nói:

-Hai thằng khiêng đòn cúi thấp xuống cho thằng Danh chào anh em.

Tiếng người khác, có lẽ người khiêng đòn:

-Chà sao nặng quá vậy, trong người mày còn mang theo mảnh mìn nào không Danh?

Tiếng người khác:

-Không có đâu, nó còn lưu luyến anh em nên hồn chưa xuất, nhẹ ngay bấy giờ ấy mà, tao có kinh nghiệm.

-Ừ có lý thật.

Khộm già nghe rõ từng lời đối đáp, lão tưởng tượng ra cảnh đưa xác người đi chôn trong đêm tối: Hai người làm nhiệm vụ đạo tì, xô đòn khiêng áo quan. Phía trước một cán bộ cầm đèn bão soi đường đất đá gập ghềnh, đằng sau một hay hai cán bộ võ trang súng lăm lăm cầm tay. Huyệt chôn đã đào sẵn ở đồi nghĩa địa, gió lạnh dứt từng cơn qua cỏ xước. Xa xa trong bóng đêm con chó Lu Bu theo bèn gót người đi chôn xác chết.

Chỉ tượng ra thế thôi, khộm già cũng mũi lòng ứa nước mắt. Lão để nước mắt chảy tự do trên gối được gói lại bằng bộ đồ nhà binh cũ rách. Lão là loại lính già đụng trần nhà mới bò lên cấp sĩ quan. Đương nhiên lão phải đi học tập gọi là cải tạo vì có “*nợ máu*” với “*nhân dân*”.

Không khí lán trại yên lặng đến nghẹt thở. Khộm già nghe thấy cả tiếng giọt nước mắt của mình nhỏ lên gối. Ba ngọn đèn bão vàng vọt đung đưa buồn bã. Có tiếng ai đó sụt xùi khóc:

-Mới chiều hôm qua, nó còn ngồi đánh cờ với tao. Tao nợ nó ba ván, thằng đó có nước chiếu bí làm điên cái đầu.



-Im đi nỡm. Mai mày theo nó xuống âm phủ mà trả nợ. Mẹ kiếp, tao còn xuýt nữa bị bỏ xuống hầm đá vì tội viết mộ bia cho nó đấy.

-Láo toét, viết mộ bia mà bị bỏ xuống hầm đá, cương bậy.

Hắn bị chạm nọc, học lên xỉ vả:

-Đồ ngu, mày không biết thằng nào trong trại này chết, anh em đều khắc mộ bia cho hết. Nhưng ngoài tấm mộ bia bằng gỗ ra, ghi tên tuổi, ngày chết còn một mảnh giấy bí mật được bỏ vào hủ chao thủy tinh chôn theo bia gỗ, phòng khi gỗ bị mục, thân nhân người chết lên thăm tìm bới được, biết rõ ràng ngày chết, lý do chết. Tao bị bắt khi đang viết, mập mờ đánh lộn con đen, họ bắt tao phải viết lại cho hợp với mục đích của họ. Nghĩa là bỗng dưng tên Danh bị chết vì bạo bệnh mặc dầu ban lãnh đạo đã tận tình cứu chữa.

-Ông có sửa không?

-Sức mấy, tao mặc kệ họ muốn làm gì thì làm, tao chờ dịp khác. Cả đời tao không ăn gian nói dối. Tao chấp nhận hầm đá hay cái quái gì cũng được, miễn tao thanh thản, nghĩa tử là nghĩa tận.

-Sao ông không bị nhốt?

-Không biết. Cuối cùng thì họ cho tao về. Có lẽ mảnh giấy đã được ai đó sửa lại. Tao chắc chắn phải có câu: *Cải tạo viên Nguyễn Văn Danh đã được cách mạng tận tình cứu chữa vì lòng nhân đạo, nhưng vì căn bệnh ngặt nghèo nên không qua khỏi ...Thành thật chia buồn cùng tang quyến.*

Họ đang sầm sì thì có người suyt khế:

-Im lặng nghe coi.

Ngoài trời có tiếng chó tru. Tiếng tru mỗi lúc một ảo não thê lương. Ai đó nói:

-Con Lu Bu khóc chủ, bạn chúng ta đấy.

Khộm già mắt mờ mà nhòe nhoẹt nước. Lão tưởng tượng ra ngay được hình ảnh con chó Lu Bu ngồi trên nắm mồ mới, ngửa mặt khóc than với trời. Hình ảnh này đậm nét ngay chính trong đêm tối có vành trăng lưỡi liềm mỏng như móng tay cắt bén. Một nhánh cây gai xương rồng vươn nghều ngào trong đêm cạnh nắm mồ như những ngón tay khô cào rách màn đêm đen cho linh hồn bạn lão về chốn hư vô. Lệ khộm già chứa chan, nhỏ trên gối áo lính bạc màu của một đời binh nghiệp lữ.

Nỗi buồn chẳng ở riêng ai, mà trong đầu mọi người, bạn bè, những người cùng khổ còn thức trong khu trại tù này.

Ở một lán trại khác, linh mục tuyên úy lần chuỗi hạt mân côi cầu nguyện đêm thời gian mãi không thôi. Một kẻ khổ cùng nữa được Chúa gọi về nước Thiên Đàng. Người tù tuyên úy thầm đọc bài kinh "*Mười bốn đàng Thánh Giá*" và kinh "*Cầu Hồn*".

Lời kinh buồn như những giọt đắng rơi vào khoảng không đục đen. Tiếng cầu kinh dứt bằng câu: "*A Men!*"